

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ**  
**HUYỆN PHÚ BÌNH**  
**(1930 - 2005)**

**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:  
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ BÌNH**

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO**

- 1. NGÔ QUANG KHẢI** - Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Hội đồng
- 2. TRẦN DƯƠNG THỊNH** - Phó Bí thư TT - Phó Chủ tịch Hội đồng
- 3. NGUYỄN VĂN MÙI** - Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện- ủy viên
- 4. VŨ ĐỨC ĐÀI** - Ủy viên BTV Huyện ủy - Trưởng ban Tuyên giáo - ủy viên
- 5. NGUYỄN VĂN TUẤN** - Ủy viên BTV Huyện ủy - Phó Chủ tịch UBND huyện - ủy viên
- 6. HOÀNG THANH GIAO** - Ủy viên BCH Huyện ủy - Chánh văn phòng Huyện ủy - ủy viên.

**BAN BIÊN SOẠN**

**NGUYỄN XUÂN MINH** - Chủ biên

**PHẠM TẤT QUYNH**

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

**VŨ THANH KHÔI**

**HÀ HUY HOÀNG**

**Ảnh:**

- Ban Tuyên giáo Huyện ủy Phú Bình
- Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên

**SỬA BẢN IN:**

- **VŨ THANH KHÔI**
- **NGUYỄN VĂN THẮNG**



## LỜI GIỚI THIỆU

**K**ể từ khi có tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên (ra đời tháng 7/1943) đến nay (2005), Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta làm cuộc Cách mạng tháng 8/1945 thành công, lập lên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á ; đã tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trên địa bàn.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ về công tác nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ các cấp trong tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XXIII đã quyết định tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình giai đoạn từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930) đến nay (2005), nhằm dựng lại quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ, ghi lại những thành tựu to lớn mà Đảng bộ đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân

trong huyện giành được trong 75 năm qua để làm tài liệu giáo dục lịch sử, truyền thống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn, đặc biệt là cho các thế hệ thanh niên, thiếu niên hôm nay và mai sau.

Nội dung cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930 - 2005" đã kế thừa và phát triển nội dung cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930 - 1954," do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVIII xuất bản năm 1980. Để đảm bảo nội dung cuốn sách phản ánh chính xác các sự kiện lịch sử Đảng bộ, đúng đối tượng lịch sử Đảng, Tổ nghiên cứu, biên soạn đã khẩn trương tiến hành khai thác hàng nghìn trang tư liệu ở các kho lưu trữ từ huyện, tỉnh đến Trung ương, các tư liệu thành văn, các hồi kí của các lão thành cách mạng, trực tiếp đi điền dã ghi chép, phỏng vấn các nhân chứng lịch sử; Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học xem xét, đánh giá các sự kiện lịch sử đã nêu trong bản thảo với sự tham gia của các đồng chí lão thành cách mạng, nhân chứng lịch sử, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ và Ban biên soạn.

Tuy nội dung chưa thật đầy đủ, nhưng cuốn sách đã ghi lại một cách có hệ thống quá trình xây dựng, trưởng thành và kết quả của Đảng bộ trong việc lãnh đạo tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng trong 75 năm qua.

Cuốn sách là tài liệu tuyên truyền, giáo dục lịch sử,



**Bản đồ huyện Phú Bình**





truyền thống cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và các lực lượng vũ trang, đặc biệt là cho thế hệ trẻ trong huyện hiểu rõ và tự hào với lịch sử truyền thống vẻ vang của Đảng bộ, tự hào với quê hương mình, từ đó nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng về đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trên địa bàn huyện, xây dựng Phú Bình trở thành một huyện giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, có xã hội công bằng, dân chủ, đoàn kết và văn minh.

Tuy Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, Tổ nghiên cứu biên soạn đã làm việc khẩn trương, nghiêm túc, công phu, nhưng do nguồn tư liệu có nhiều hạn chế, đặc biệt là nguồn tư liệu lịch sử thời kỳ từ năm 1975 trở về trước, nên nội dung cuốn sách chưa được đầy đủ và chắc chắn còn có những thiếu sót. Ban Thường vụ Huyện uỷ mong các đồng chí, đồng bào trong huyện và đông đảo bạn đọc góp ý, bổ sung.

Nhân dịp Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV và tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Ban Thường vụ Huyện uỷ xuất bản và phát hành cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930 - 2005". Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng và các nhân chứng lịch sử đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, cảm ơn Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ

cùng các cơ quan, ban, ngành chức năng của tỉnh, của huyện đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi để cuốn sách được biên soạn và phát hành đúng kế hoạch. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930 - 2005" với toàn thể đồng chí, đồng bào trong huyện cùng đông đảo bạn đọc.

**T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ  
HUYỆN PHÚ BÌNH**

**BÍ THU**

**Ngô Quang Khải**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG DANH HIỆU

**ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**

*Thân Dân xã LLVND huyện Mù Cang Chải*

*trên Chiến trường*

*Đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*

*Pha vào ngày 25 tháng 8 năm 1954*

CHỦ TỊCH

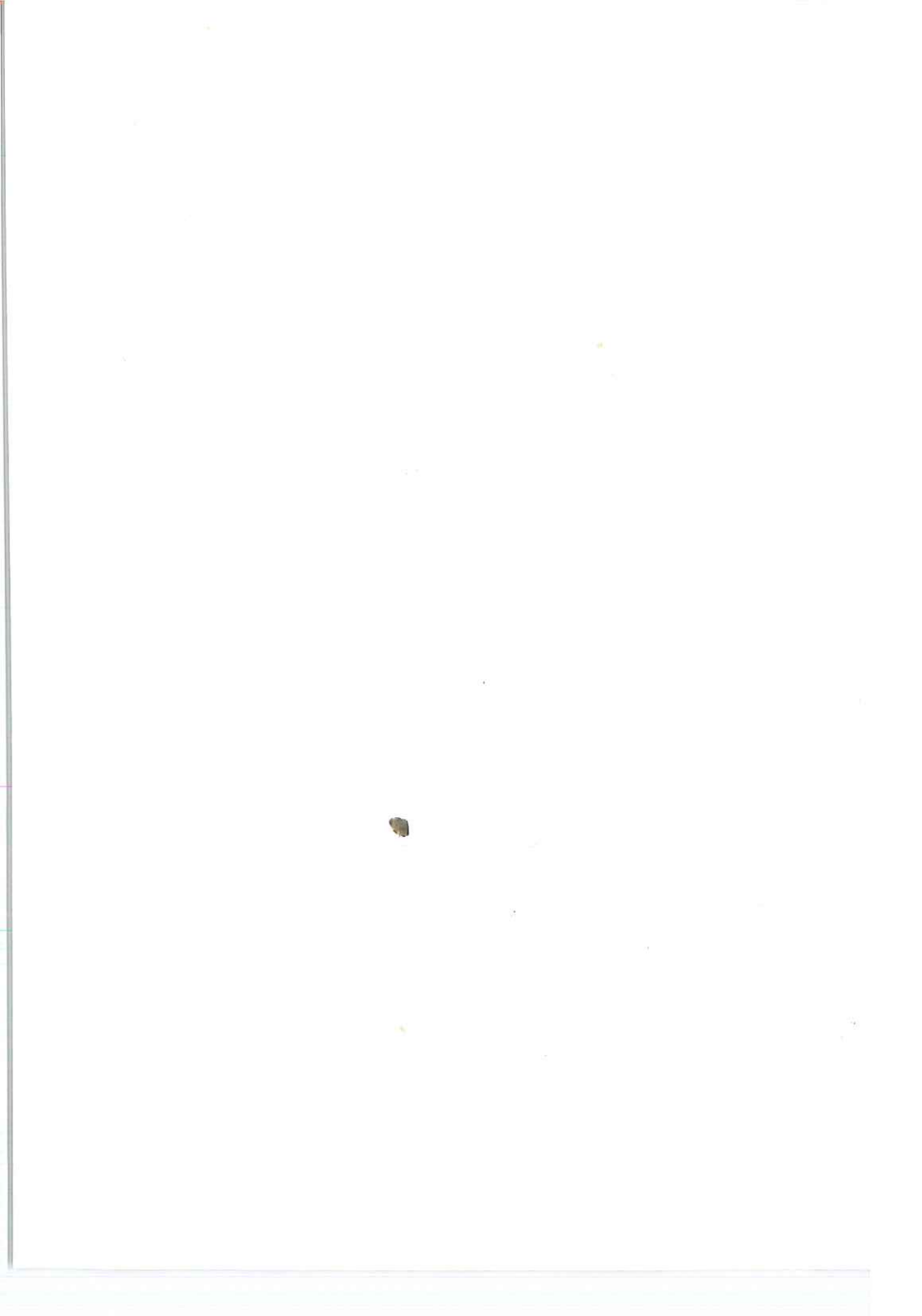
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Quảng Đông, ngày 22 tháng 8 năm 1954  
LƯU QUẢN Ở: Bộ Công



*Trần Quốc Lương*





## CHƯƠNG I

# QUÊ HƯƠNG VÀ CON NGƯỜI PHÚ BÌNH TRONG LỊCH SỬ DUNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC

### I- KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN PHÚ BÌNH

Phú Bình là huyện trung du miền núi, địa đầu phía đông nam tỉnh Thái Nguyên. Thời Lý vùng đất huyện Phú Bình ngày nay có tên gọi là huyện Tư Nông, thuộc châu Thái Nguyên; thời Minh thuộc phủ Thái Nguyên; thời Lê thuộc Thái Nguyên thừa tuyên; Ninh Sóc thừa tuyên. Đầu thế kỷ XX Toàn quyền Đông Dương đổi tên huyện Tư Nông thành phủ Phú Bình.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, phủ Phú Bình là 1 trong 7 phủ, huyện, châu của tỉnh Thái Nguyên gồm 9 tổng, 46 xã, 7 thôn và 1 phường <sup>(1)</sup>.

Ngày 25/3/1948, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra Sắc lệnh số 148/SL quy định bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận; cấp trên xã và dưới cấp tỉnh thống nhất gọi là cấp huyện. Từ đó, phủ Phú Bình được gọi là huyện Phú Bình.

(1) Gồm các tổng: Nhâ Lộng (5 xã, 2 thôn), Thượng Đình (7 xã, 2 thôn), Nghĩa Hương (2 xã, 2 thôn), La Đình (9 xã, 2 thôn), Phao Thanh (6 xã), Đức Lân (1 xã, 2 thôn), Tiên La (4 xã), Lý Nhân (6 xã) và Bảo Vang (3 xã, 1 phường).

Hơn 5 thế kỷ tồn tại và phát triển, cương vực huyện Phú Bình ngày nay căn bản như đất Tư Nông xưa, không có biến đổi lớn, ngoại trừ việc ngày 19-10-1962, Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra Quyết định số 114/CP chuyển một số xóm của hai xã Thượng Đình và Lương Sơn về thành phố Thái Nguyên; ngày 8/4/1985, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ra Quyết định số 109/HĐBT, tách xã Lương Sơn sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên <sup>(1)</sup>.

Huyện Phú Bình có toạ độ địa lý từ  $21^{\circ} 23'$  đến  $21^{\circ} 35'$  vĩ bắc,  $105^{\circ} 51'$  đến  $106^{\circ} 02'$  kinh đông. Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Đồng Hỷ, phía Tây và Tây Nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía Đông giáp huyện Yên Thế, phía Nam giáp huyện Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang). Tháng 12/2004, diện tích huyện Phú Bình là 249,36 km<sup>2</sup>, có 21 đơn vị hành chính, gồm 20 xã và 1 thị trấn, với 315 xóm và 4 tổ dân phố <sup>(2)</sup>.

---

(1) Ngày 1/7/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 268 SL thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, huyện phú Bình được tách khỏi tỉnh Thái Nguyên sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang, sau gần một năm, ngày 15/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định trả huyện Phú Bình về tỉnh Thái Nguyên.

(2) Các xã trong huyện: Tân Khánh, Hà Châu, Tân Hoà, Đồng Liên, Lương Phú, Dương Thành, Tân Thành, Bảo Lý, Nhà Lộng, Tân Kim, Đào Xá, Tân Đức, Xuân Phương, Thanh Ninh, Kha Sơn, Úc Kỳ, Bàn Đạt, Diềm Thụy, Nga My, Thượng Đình và thị trấn Hương Sơn.

Dân số toàn huyện có 138.760 người, gồm 14 thành phần dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm số đông nhất <sup>(1)</sup>. Phú Bình là huyện thuần nông, nên dân số nông thôn chiếm trên 98%, dân số thị trấn chỉ có trên 1,2% tổng dân số của huyện. Mật độ dân số trung bình là 556 người/km<sup>2</sup> <sup>(2)</sup>, đứng hàng thứ hai trong tỉnh, sau thành phố Thái Nguyên.

Với hai dải đất nằm dọc sông Cầu, nhiều làng ven sông trên bến dưới thuyền, Phú Bình là một trong những huyện có thắng cảnh đẹp từ ngàn xưa của xứ Thái Nguyên, là cái nôi của nền văn hoá lâu đời trên đất Việt. đình Phương Độ, đình Xuân La, chùa Úc Kỳ, chùa Mai Sơn... được xây dựng từ thời Lý - Trần với kiến trúc nghệ thuật độc đáo, tạo nên vẻ đẹp thanh bình của vùng quê lúa gieo trồng lúa nước làm cơ sở sinh tồn và phát triển. Từ ngày Căn cứ địa cách mạng Bắc Sơn - Võ Nhai ra đời, vùng quê này đã đi vào lịch sử như những "địa chỉ đỏ" - nơi nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở cho nhiều cán bộ cấp cao của Đảng trong những năm còn trong bóng tối đầy gian nan, thách thức. Qua hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, nhiều tên đất, tên làng đã trở thành di tích cách mạng, được Nhà nước công nhận: chùa Mai Sơn, đình Kha Sơn... Huyện Phú Bình cùng với 8 xã, thị trấn: Kha Sơn, Lương Phú, Hà Châu,

---

(1), (2) Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2004. NXB Thống kê, 2005, tr. 8



Tân Hòa, Tân Đức, Thanh Ninh, Dương Thành, Hương Sơn được tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Địa hình Phú Bình có độ dốc giảm dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Độ cao so với mặt nước biển trung bình 14m, thấp nhất 10m (xã Dương Thành). Đỉnh đèo Bóp, xã Tân Kim là nơi cao nhất: 250m so với mặt biển.

Nhìn chung, địa hình Phú Bình tương đối bằng phẳng, vùng đồi núi hình bát úp, có độ cao dưới 100m. Diện tích có độ dốc nhỏ hơn 8độ chiếm 67,56% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Đây là điều kiện thuận lợi để Phú Bình phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây lương thực.

Huyện Phú Bình có 2 con sông và 3 dòng suối chảy qua. Đoạn sông Cầu chảy từ đập Thác Hướng (xã Đồng Liên) qua 9 xã, rồi đổ về Châ (huyện Phổ Yên) có chiều dài 29 km. Lòng sông rộng trung bình khoảng 120 m, có lưu lượng nước trung bình vào mùa mưa từ 280 đến 610 m<sup>3</sup>/giây, vào mùa khô từ 6,3 đến 6,5m<sup>3</sup>/giây. Sông Đào (còn gọi là sông Máng) bắt nguồn từ đập Thác Hướng (xã Đồng Liên) chảy qua địa phận 9 xã và đổ về sông Thương (Bắc Giang), với chiều dài 31 km. Đây là con sông nằm trong hệ thống đại thủy nông được khởi công xây dựng từ năm 1922, hoàn thành năm 1929, hằng năm cung cấp nước tưới cho 1.800 ha ruộng của Phú Bình và hàng ngàn ha ruộng của các huyện Hiệp Hoà, Tân Yên, Yên Thế thuộc tỉnh Bắc Giang. Bên cạnh đó là hệ thống



đại thủy nông hồ Núi Cốc và 119 hồ trữ nước cung cấp nước tưới cho hơn 1.000 ha đất canh tác thuộc các xã Tây Nam, Tây Bắc của huyện.

Hệ thống giao thông trên địa bàn Phú Bình tương đối dày đặc. Quốc lộ 37 từ thành phố Thái Nguyên chạy qua suốt chiều dài của huyện đến thị xã Bắc Giang. Quốc lộ 38 từ Diềm Thụy qua Hà Châu, Kha Sơn đi Nhà Nam (tỉnh Bắc Giang). Ngoài hai tuyến quốc lộ nói trên, Phú Bình còn có 120 km đường liên xã, 198 km đường liên thôn, đảm bảo cho xe ô tô đi lại thuận tiện đến tận các thôn, xã trong huyện.

Nhân dân Phú Bình sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp là 13.845,93 ha; trong đó, có 10.085,14 ha đất trồng cây hằng năm, 2.296,55 ha đất vườn tạp, 1.060,43 ha đất trồng cây lâu năm<sup>(1)</sup>. Với tiềm năng đất đai như vậy, nhân dân cần cù lao động, giàu kinh nghiệm sản xuất, Phú Bình có điều kiện phát triển nông nghiệp. Ngoài việc cấy trồng cây lương thực, rau màu, Phú Bình còn có 400,8 ha mặt nước<sup>(2)</sup> nuôi trồng thủy sản.

Sản xuất nông nghiệp tuy còn khó khăn, phụ thuộc vào thiên nhiên, nhưng từ xưa đến nay, Phú Bình vẫn được coi là vựa lúa, kho người, kho của ở Thái Nguyên.

---

(1), (2) Tài liệu Ban Tuyên giáo HU Phú Bình: Toàn cảnh kinh tế huyện Phú Bình, tr. 1, 2.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, Phú Bình cũng có nhiều nghề thủ công. Đáng chú ý là nghề làm đồ gốm ở Lang Ta, nghề đan lát đồ mây tre đều có rải rác ở các thôn, xã...

Do vị trí địa lý, giao thông thuận tiện cho việc giao lưu hàng hoá, đặc biệt thuận tiện trong cung cấp lương thực, thực phẩm cho thị trường Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hà Nội, nên buôn bán ở Phú Bình có vị trí đáng kể. Huyện Phú Bình có một số chợ lớn nằm sát đường giao thông, đó chính là những cầu giao lưu hàng hoá đối với các vùng xung quanh, như Chợ Đồn, Chợ Cầu, Chợ Tân Đức, Chợ Hanh. Thị trấn Hương Sơn ngày càng mở rộng, dân cư tụ hội về đây làm ăn buôn bán ngày một sầm uất.

Tiềm năng về kinh tế, nhất là tiềm năng về đất đai và sức lao động là đặc điểm đáng chú ý của Phú Bình.

Trong gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng đề xướng, Phú Bình đã khai thác các tiềm năng, nguồn lực, phát huy truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân, đảm bảo nền kinh tế phát triển nhanh và ổn định, chuyển dịch cơ cấu rõ nét. Những năm 90 trở về trước, cơ cấu kinh tế của huyện chủ yếu là nông nghiệp (tỷ trọng trên 91%); đến năm 2004 nông lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 70,54%, công nghiệp, xây dựng 11,38% và dịch vụ 18,07%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm (2000-2005) toàn huyện đạt 6,8%, đời sống nhân dân được cải thiện, góp phần ổn

định chính trị và xã hội.

Về quân sự, nếu Thái Nguyên là vành đai, áo giáp bảo vệ cho phía bắc thành phố Hà Nội, thì Phú Bình là một trong những địa bàn có vị trí trọng yếu trong vành đai đó. Phú Bình là vùng đất rộng lớn án ngữ địa đầu phía nam của tỉnh. Các xã ở tả ngạn sông Cầu của huyện là vùng đất bán sơn địa nối liền một dải với rừng núi Vô Nhai, Đồng Hỷ (Thái Nguyên) và Yên Thế (Bắc Giang). Lợi dụng điều kiện tự nhiên đó, dựa vào nhân dân, nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đã lấy vùng đất này làm căn cứ đứng chân, từ đó mở rộng địa bàn hoạt động lên các huyện phía bắc tỉnh Thái Nguyên, sang các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang... Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), Trung ương Đảng, Xứ uỷ Bắc Kỳ đã lấy Phú Bình làm An toàn khu (ATK), nơi đào tạo, huấn luyện cán bộ quân sự, chính trị, nơi in ấn, phát hành báo Cờ Giải Phóng và các tài liệu chỉ đạo phong trào cách mạng toàn quốc của Đảng. Đó cũng là điểm nổi quan trọng có vị trí huyết mạch giữa Căn cứ địa Việt Bắc với phong trào cách mạng ở Hà Nội và toàn quốc. Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), Phú Bình vừa là cửa ngõ phía nam Căn cứ địa Việt Bắc, vừa là nơi đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực trước khi xuống trung du, đồng bằng đi các chiến dịch, đồng thời là cửa ngõ cung cấp các nhu cầu thiết yếu từ vùng địch hậu ra căn cứ kháng chiến.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Phú



Bình vừa là địa bàn cơ động của bộ đội tên lửa, pháo cao xạ bảo vệ vòng ngoài thủ đô Hà Nội và các yếu địa ở thành phố Thái Nguyên, vừa là nơi huấn luyện tân binh bổ sung cho chiến trường, đồng thời cũng là tuyến vận chuyển quân sự khi các quốc lộ số 1 và số 3 bị không quân Mỹ đánh phá, cắt đứt.

Tiềm năng về kinh tế cùng với vị trí quan trọng về quân sự làm cho vị trí chính trị của Phú Bình càng trở nên quan trọng. Phú Bình có dân số đông, lại là vựa thóc của tỉnh; trong các tầng lớp dân cư ngày nay, nhiều người thành đạt ở nhiều lĩnh vực, dù sống ở thành thị nhưng vẫn gắn bó với làng quê. Một số trở thành tướng lĩnh, cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, có tâm huyết sâu sắc với quê hương. Phú Bình không xa thành phố Thái Nguyên, Khu Công nghiệp Gang thép, thủ đô Hà Nội, lại liền đường giao thông, nên việc tiếp cận kinh tế thị trường, giao lưu kinh tế, xã hội giữa Phú Bình với Thái Nguyên, Hà Nội khá nhanh nhạy. Đó là cơ sở, là thế mạnh để Phú Bình tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thế kỷ XXI.

Tháng 3 năm 1884, thực dân Pháp đánh chiếm Thái Nguyên. Ngay sau đó, chúng đã tung lực lượng quân đội mở những cuộc hành quân càn quét, đánh phá quyết liệt địa bàn Phú Bình cũng như các huyện khác trong tỉnh nhằm dập tắt phong trào kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta. Đồng thời, chúng đóng đồn lính khố đỏ ở Hà Châu (1884), đồn lính khố xanh ở Chợ Hanh



(1894), Kha Sơn Hạ (1895) và Phương Độ (1898) là những vị trí hiểm yếu; khống chế con đường di chuyển của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám từ Yên Thế sang Phố Yên, Đồng Hỷ, lên Võ Nhai.

Sau thời kỳ đánh chiếm, bình định, thực dân Pháp xây dựng một hệ thống bộ máy cai trị mạnh ở Phú Bình nhằm thực hiện các chính sách, thủ đoạn cai trị thâm độc. Nhiều tên tay sai trung thành, tận tụy của chúng lần lượt đưa về làm tri phủ Phú Bình. Những viên chánh tổng, lý trưởng phần nhiều là những địa chủ, cường hào được thực dân Pháp trọng dụng, dung dưỡng.

Như vậy, trước Cách mạng tháng Tám (1945), nhân dân Phú Bình sống dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Thực dân Pháp vừa áp dụng chính sách thực dân chuyên chế, vừa duy trì bộ máy phong kiến với những luật lệ phản động, lỗi thời để thống trị nhân dân.

Từ năm 1945 về trước, số lượng địa chủ ở Phú Bình so với các huyện khác tuy ít hơn, nhưng phần lớn trong họ là chủ đồn điền người Pháp và quan lại, hưu quan. Chỉ tính 5 chủ đồn điền đã chiếm hữu tới hơn 50% ruộng đất của Phú Bình <sup>(1)</sup>.

Hành động cướp đất của thực dân Pháp hết sức trắng trợn. Ngay từ năm 1887, ba năm sau ngày đánh chiếm

---

(1) Đồn điền Boadâm 298ha, Sécnay 222ha, Rây nô và Ghiôm hơn 12.000ha và Han Lân 300ha. Tổng cộng khoảng 12.800ha so với 24.936ha diện tích tự nhiên toàn huyện ngày nay (tài liệu lưu tại LSD Thái Nguyên).

thành Thái Nguyên, mặc dù bộ máy thống trị từ tỉnh xuống làng, xã chưa được thiết lập, tên thực dân Boadam đã dựa vào họng súng, lưỡi lê cướp không của nông dân Phú Bình 300 ha để lập đồn điền. Để bù đắp sự thiệt hại trong Chiến tranh thế giới lần thứ I (1914 - 1918), thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa Đông Dương lần thứ hai. Do đó, từ năm 1919 trở đi, việc cướp đất lập đồn điền của bọn thực dân diễn ra ở Phú Bình rất quyết liệt và tàn bạo. Hàng ngàn nông dân Phú Bình bị cướp hết ruộng đất, chỉ còn hai bàn tay trắng. Đa số nông dân biến thành tá điền, bị bọn thực dân thả sức bóc lột, rơi vào cảnh đói nghèo; một số khác rời bỏ làng mạc vào các hầm mỏ bán sức lao động cho bọn chủ tư bản.

Nói về nạn cướp đất lập đồn điền, Echinard, Công sứ tỉnh Thái Nguyên thừa nhận huyện Phú Bình có 52 ấp trại thì chỉ có 3 ấp là dân sứ. Dân sứ ở đây có nghĩa là dân ngoài đồn điền, còn lại 49 ấp là thuộc đất đồn điền và nông dân tá điền.

Hình thức và thủ đoạn bóc lột của bọn điền chủ rất đa dạng, vừa tinh vi, vừa trắng trợn. Hình thức bóc lột chủ yếu và phổ biến nhất là phát canh thu tô, cho vay nặng lãi. Thông thường, mức tô từ 50 đến 70% sản lượng, bất kể tốt xấu, được mùa hay mất mùa. Có chủ đồn điền còn tính chắc ăn bằng cách ép buộc tá điền muốn lĩnh canh phải vay nợ để nộp tô trước (ứng tô, vay thì lại phải chịu lãi cao). Ngoài tô chính, còn nhiều khoản tô phụ như lễ lạt, biếu xén trong các ngày giỗ, tết... Ngoài các thủ đoạn

bóc lột chủ yếu bằng tô, tức, một hình thức bóc lột khác khá phổ biến là thuê mướn nhân công với giá rẻ mạt, nhất là lúc tháng ba ngày tám. Có khi một ngày làm thuê chỉ được trả một bát gạo.

Nằm trong âm mưu kim hãm nền kinh tế thuộc địa, trong các đồn điền ở Phú Bình, bọn địa chủ thực dân đã duy trì điều kiện lao động và lối bóc lột nông dân tá điền rất dã man. Người nông dân phải tay lấm chân bùn, làm lụng quần quật, một nắng hai sương để nộp cho bọn chủ đồn điền mức địa tô cắt cổ.

Được chính quyền thực dân nâng đỡ, bọn chủ đồn điền lập bộ máy cai trị khép kín, sinh hoạt chính trị, kinh tế riêng, tự đặt ra luật lệ, nhà giam riêng. Chúng thẳng tay đàn áp, bóc lột tá điền; đồng thời khuyến khích, xúi giục tá điền chen ép "dân sứ". Người dân ngoài đồn điền vì thế không sống nổi, phải bỏ ruộng vườn mà phiêu bạt hoặc trở thành tá điền. Trong cả hai trường hợp, đất đai của đồn điền được mở rộng.

Thuế khoá là chính sách bóc lột chủ yếu, nặng nề của nhà nước thực dân phong kiến, là tai hoạ thường trực hằng năm đối với nhân dân. Thuế đinh (còn gọi là thuế thân) là thứ thuế dã man nhất, có từ thời phong kiến, được bọn thực dân duy trì và tăng mức ngày càng cao. Năm 1930, mỗi suất đinh phải nộp 2,5 đồng, tương đương với một tạ thóc; năm 1939, tăng lên 3,79 đồng, gấp hơn 7 lần so với thời gian đầu Pháp mới xâm lược. Thuế điền thổ năm 1932 mỗi mẫu ruộng đất của Phú



Bình một năm phải nộp 1,87 đồng, năm 1935 tăng lên 2,7 đồng. Đó mới là thuế chính tang, trên thực tế mỗi suất sưu, thuế còn cao hơn nhiều vì mỗi vụ sưu, thuế là dịp để bọn chánh tổng, lý trưởng đục khoét, móc túi nhân dân bằng phụ thu lạm bổ. Hầu như vụ sưu, thuế nào, ở các làng xóm trong huyện cũng đều diễn ra cảnh nông dân thiếu sưu bị bắt bớ, đánh đập, phải cầm đồ, bán lúa non, bán ruộng đất, vay nợ lãi lấy tiền nộp sưu. Ngoài sưu, thuế, nhân dân lao động còn phải đi phu, đi lính; không ít người phải bỏ gia đình, quê hương ra đi rồi mất xác nơi đất lạ.

Nhằm dè bẹp ý chí phản kháng của nhân dân ta, ngoài việc đàn áp, khủng bố tàn bạo, thực dân Pháp áp dụng hai thủ đoạn độc ác: Một là ra sức bần cùng hoá, hai là thi hành chính sách ngu dân, hạn chế học hành, kìm hãm nhân dân trong tối tăm, lạc hậu. Suốt những năm đô hộ (từ 1884 đến 8/1945), tại phủ Phú Bình, chúng chỉ mở hai trường học: Một trường sơ học toàn cấp (từ lớp 1 đến lớp 3) ở Phương Độ và một trường sơ học bán cấp (từ lớp 1 đến lớp 2) ở Hà Châu, chủ yếu để đào tạo thông ngôn, tùy phái, viên chức nhỏ phục vụ bộ máy cai trị thực dân, phong kiến. Chỉ có con em địa chủ, hào lý, gia đình khá giả mới có điều kiện học hành, do đó trên 95% số dân Phú Bình mù chữ.

Trong khi đó, thực dân Pháp ra sức đầu độc nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện, mê tín dị đoan, khuyến khích các tệ nạn xã hội như cờ bạc, cô đầu, đi điếm... Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cưỡng bức nhân



dân phải mua rượu phong ten của công ti Đông - Pháp, một công ti tư bản nắm độc quyền về nấu rượu và bán rượu ở Đông Dương. Hầu hết các làng, xã trong huyện đều có đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Chúng đặt ti rượu ở phủ lỵ. Một bộ phận "Sở Đoan" đóng tại Phương Độ để kiểm soát giữ độc quyền nấu và bán rượu của nhà nước thực dân. Ai vi phạm, dù chỉ là một nắm men, một li rượu lậu trong nhà, góc vườn..., là bị tù đầy, khuyến gia bại sản. Bàn đèn hút thuốc phiện và sòng bạc gần như làng nào, ấp nào cũng có công khai; không ít người vì đam mê cờ bạc, nghiện ngập thuốc phiện, rượu chè mà gia tài khánh kiệt, gia đình tan nát.

Bọn thống trị còn duy trì, khuyến khích tệ mê tín dị đoan, các tập tục lạc hậu, ăn uống tốn kém trong ma chay, cưới xin, đóng góp nặng nề trong phe giáp, khao vọng, mua ngôi bán thứ. Những hủ tục đó trở thành lệ làng rất chặt chẽ ở các làng xã thuộc vùng phía nam huyện. Lợi dụng tôn giáo để mê hoặc, đầu độc và chia rẽ nhân dân cũng là một thủ đoạn thâm độc của bọn thống trị; đáng chú ý là chúng lợi dụng đạo Thiên chúa để mê hoặc giáo dân, chia rẽ lương và giáo. Trên thực tế, tuy số giáo dân chỉ chiếm khoảng 2,5% số dân toàn huyện, nhưng vì có một số người lạc hậu, cuồng tín, nên dễ bị kẻ xấu lợi dụng <sup>(1)</sup>.

(1) Đạo Thiên chúa thâm nhập vào Thái Nguyên năm 1800, đầu tiên ở xóm Thác Dao và Nhà Lộng thuộc Toà Giám mục Bắc Ninh. Năm 1870, Xứ đạo Nhà Lộng được thành lập.

Với những chính sách thâm độc trên tất cả các lĩnh vực của bọn thực dân, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình bị đẩy vào thảm cảnh đói rét; đốt nát, bệnh tật. Tính đến trước năm 1945, xã Tân Khánh có 129 hộ thì 100 hộ thiếu ăn quanh năm; xã Lương Phú có 287 hộ thì 248 hộ thiếu ăn; xã Thanh Ninh có tới 307 hộ nông dân nghèo khổ phải đi ở đợ cho nhà giàu, có gia đình ba đời đi ở cho địa chủ vẫn không trả hết nợ.

Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Phú Bình trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 phản ánh đặc trưng của một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, chứa chất đầy mâu thuẫn, sâu sắc nhất là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn thực dân cướp nước.

Cùng chung nguyện vọng của toàn dân tộc, nhân dân Phú Bình luôn luôn tha thiết được thoát khỏi gông xiềng nô lệ, mong muốn có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Song, do thiếu một đường lối cứu nước đúng đắn, nên đã bao nhiêu lần nhân dân ta nổi dậy đấu tranh với đế quốc, phong kiến nhưng vẫn chưa đi đến thắng lợi. Chỉ từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và lãnh đạo cách mạng, nhân dân ta mới giành được độc lập, tự do, phong trào cách mạng của Phú Bình mới từng bước tiến lên.

## **II- TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN PHÚ BÌNH TRONG LỊCH SỬ**

Trải qua nhiều thế hệ, nhân dân Phú Bình tuy nghèo khổ về vật chất nhưng rất dũng cảm, có nghị lực, có lòng

tự tin cao, không bao giờ chịu khuất phục trước cường quyền, luôn căm thù bọn áp bức, bóc lột và kiên quyết đấu tranh cho chính nghĩa, cho độc lập tự do. Họ cũng là những con người hào hiệp, chân thành, trọng nhân ái, ghét kẻ bất nhân, trọng nghĩa, khinh tài, đầy lòng nghĩa hiệp. Những phẩm chất tốt đẹp mang tính truyền thống này được kế thừa và phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chính vì lẽ đó, người dân Phú Bình từ trước đến nay không những cần cù, kiên nhẫn, sáng tạo trong lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, biến mảnh đất hoang vu xưa kia thành vùng đất màu mỡ, nhiều làng xóm trù phú, mà còn dũng cảm, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống ngoại xâm.

Vào thế kỷ thứ XI, nhà Tống cho 30 vạn quân vào xâm chiếm nước ta, nhân dân các dân tộc Phú Bình đã sát cánh cùng đồng bào cả nước dưới sự chỉ huy tài giỏi của Thái úy quốc công Lý Thường Kiệt chặn đứng quân Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu ngày nay), sau đó quét sạch bọn cướp nước ra khỏi bờ cõi.

Sang thế kỷ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam ngày càng lún sâu vào giai đoạn khủng hoảng, suy vong trầm trọng. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra trên phạm vi cả nước. Vùng Việt Bắc, trong đó có Phú Bình, nông dân chống phong kiến diễn ra rất gay gắt, quyết liệt. Năm 1806, Dương Đình Cúc phát cờ khởi nghĩa, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, duy trì cuộc chiến



đấu trong gần hai mươi năm. Năm 1833, nhân dân Phú Bình cùng với đồng bào trong tỉnh lại hưởng ứng cuộc khởi nghĩa rộng lớn do Nông Văn Vân, một tù trưởng vùng Bảo Lạc (Cao Bằng) chỉ huy. Nghĩa quân làm chủ cả vùng Việt Bắc, chiếm thành Thái Nguyên, bắt quan lại nhà Nguyễn, thịch vào mặt dòng chữ "quan tỉnh hay ăn hối lộ" rồi đuổi ra khỏi thành. Nhà Nguyễn tuy phải dốc nhiều binh lực, chặt vật trong nhiều năm mới đàn áp được cuộc khởi nghĩa, nhưng cũng không hề bẹp được tinh thần phản kháng của nhân dân. Năm 1833, nhân dân Phú Bình lại tích cực hưởng ứng cuộc khởi nghĩa do Cai Vàng chỉ huy.

Phong kiến nhà Nguyễn đàn áp dã man các cuộc đấu tranh đòi cơm áo, tự do, nhưng bất lực trong việc bảo vệ Tổ quốc. Biên giới phía bắc gần như bỏ ngỏ. Vì thế, năm 1870, tàn quân của phong trào nông dân "Thái bình thiên quốc" (Vân Nam, Trung Quốc) tràn vào tỉnh ta, đánh chiếm thành Thái Nguyên, vây hãm, cướp phá phủ Phú Bình. Nhân dân các dân tộc trong phủ hưởng ứng lời kêu gọi của tri phủ Đoàn Công Trịnh, tự vũ trang đứng lên đánh trả quyết liệt kẻ thù, bảo vệ quê hương (trong cuộc chiến đấu cùng nhân dân chống lại quân giặc, Đoàn Công Trịnh đã anh dũng hi sinh. Để tưởng nhớ ông, nhân dân Phú Bình đã lập đền thờ ông ở Triều Dương).

Đầu năm 1884, quân Cờ Đen do Lý A Sinh cầm đầu lại kéo đến đánh chiếm thành lỵ Phương Độ và cướp bóc hầu khắp các tổng trong phủ Phú Bình. Một lần nữa,



nhân dân Phú Bình lại cầm vũ khí sát cánh với quân của Triều đình nhà Nguyễn do Phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết chỉ huy đánh đuổi bọn cướp lên phía Bắc.

Ngày 17/3/1884, thực dân Pháp đưa hai đại đội thuộc tiểu đoàn xung kích Angiêri và một trung đội pháo binh từ Bắc Ninh tấn công đánh chiếm phủ Phú Bình, cửa ngõ phía đông nam thành Thái Nguyên. Đây là đạo quân châu Âu đầu tiên đặt gót chân xâm lược lên đất Phú Bình. Nhân dân Phú Bình đã cùng quân đội của Triều đình với vũ khí thô sơ, anh dũng chặn đánh đạo quân xâm lược thiện chiến, có vũ khí hiện đại, ngay tới xã Đức Lân - cửa ngõ đông nam phủ Phú Bình. Cuộc chiến đấu diễn ra rất quyết liệt và kéo dài từ sáng sớm đến khoảng 16 giờ 20 phút, quân địch mới chiếm được phủ lỵ (Phương Độ) và chịu tổn thất nặng, buộc chúng phải bỏ dở cuộc tấn công lên tỉnh lỵ Thái Nguyên, dừng lại ở Phú Bình chệch bỏ sung lực lượng, củng cố đội ngũ.

Ngày 19-3, sau khi thiết lập được vị trí chiếm đóng ở Phương Độ, đạo quân xâm lược để lại binh lính chết trận và bị thương, tiếp tục hành quân tấn công thành Thái Nguyên.

Cũng như quân và dân Phú Bình, quân và dân thành Thái Nguyên đã đánh trả bọn thực dân Pháp xâm lược quyết liệt, buộc chúng sau khi chiếm được thành Thái Nguyên lại phải lui quân về Bắc Ninh.

Phải đánh đi đánh lại nhiều lần, ngày 10/5/1884, thực dân Pháp mới dám cho quân đóng lại trong thành Thái

Nguyễn. Bám lấy quyền lợi ích kỷ, giai cấp phong kiến Việt Nam chọn con đường đầu hàng đế quốc, phản bội dân tộc, không dám cùng nhân dân đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ngày 6 tháng 6 năm 1884, triều đình nhà Nguyễn ký hoà ước đầu hàng, đất nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Trái ngược với thái độ uơ hèn, phản động của triều đình nhà Nguyễn, mặc dù bị đàn áp, khủng bố rất khốc liệt, nhân dân ta với truyền thống kiên cường, bất khuất đã đẩy lên phong trào chống Pháp rất sôi nổi.

Năm 1884, Hoàng Hoa Thám dựng cờ khởi nghĩa, lập căn cứ chống Pháp ở Yên Thế (Bắc Giang). Phú Bình cùng dải đất bán sơn địa với Yên Thế, nhân dân hai huyện vốn gắn bó với nhau về tình cảm, xã hội; cùng nhau chung sức chống thiên tai, thú dữ, giặc giã, xây dựng đời sống chung từ ngàn xưa, hun đúc nên truyền thống đoàn kết, bất khuất. Do đó, khi cuộc nổi dậy của nông dân Yên Thế bùng khởi, nông dân Phú Bình đã hưởng ứng mạnh mẽ, ủng hộ nghĩa quân Yên Thế lương thực, quà bánh, lợn gà. Nhiều thanh niên nông dân Phú Bình đã tham gia vào hàng ngũ nghĩa quân. Những xã thuộc phía đông của huyện Phú Bình là đất đứng chân, nơi nương tựa của nghĩa quân Yên Thế.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân Yên Thế có sự tham gia tích cực của nhân dân Phú Bình kéo dài tới 30 năm (1884 - 1913), cuối cùng không đi đến



**Dinh Phương Độ, di tích kiến trúc - Nghệ thuật.**





thành công, nhưng biểu thị tinh thần chiến đấu bất khuất của nhân dân, gây khó khăn cho cuộc "bình định" của thực dân Pháp ngay trên mảnh đất Phú Bình anh hùng.

Dập tắt cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế chưa được bao lâu, thực dân Pháp đã phải đối phó với cuộc nổi dậy của binh lính và các tầng lớp nhân dân ngay tại tỉnh lỵ Thái Nguyên. Đêm 30 rạng 31/8/1917, anh em binh lính người Việt trong trại lính khố xanh cùng với tù chính trị và nhân dân quanh vùng, dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến, đã nổi dậy diệt bọn thực dân Pháp cai trị để giành chính quyền. Tham gia cuộc khởi nghĩa có 23 lính khố xanh quê ở Phú Bình; trong số đó có Dương Văn Giá (Đội Giá) người làng Úc Sơn là cánh tay đắc lực, một phó tướng tin cậy của Đại đô đốc đứng đầu "Quang phục Quân" Trịnh Văn Cấn.

Cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân phong kiến thoắt nát để giành quyền sống diễn ra liên tục, song vì chưa có đường lối cứu nước đúng đắn nên không đi đến thắng lợi.

Tuy vậy, phong trào yêu nước chống thực dân, phong kiến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là tiền đề trực tiếp để nhân dân Phú Bình nhanh chóng tiếp thu ánh sáng cách mạng theo ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### III- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CƠ SỞ CÁCH MẠNG VÀ CƠ SỞ ĐẢNG. ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH RA ĐỜI

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm

dứt thời kỳ khủng hoảng về lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

Tháng 10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời thông qua Luận cương Cách mạng tư sản dân quyền (Luận cương chính trị).

Dưới lá cờ cứu nước của Đảng, phong trào công - nông phản đế bùng lên sôi nổi, lan rộng nhanh chóng ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam, đỉnh cao là phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Các sự kiện trọng đại nói trên đã cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc Phú Bình. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, tình hình ở tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Bình nói riêng có nhiều khó khăn. Từ sau cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên đêm 30/8/1917 làm chấn động dư luận nước Pháp, lại diễn ra cuộc nổi dậy của binh lính Chợ Chu (Định Hoá) ngày 22/8/1922... Hơn nữa, Thái Nguyên là cửa ngõ then chốt giữa trung châu Bắc Bộ và vùng thượng du, lại là nơi có nhiều hầm mỏ, đồn điền của bọn tài phiệt thực dân. Vì vậy, bọn thống trị từ Toàn quyền Đông Dương đến Chánh sứ tỉnh Thái Nguyên đặc biệt chú ý, tăng cường lực lượng, áp dụng nhiều chính sách, thủ đoạn cai trị. Chúng kiểm soát chặt chẽ mọi diễn biến tình hình chính trị - xã hội trong tỉnh, mọi sự biến động của từng người



lạ mặt đến địa phương. Mạng lưới mật thám, chỉ điểm được cài cắm xuống từng làng, từng ấp, rình mò trong các hầm mỏ, đồn điền, nơi tập trung đông công nhân và tá điền.

Huyện Phú Bình nơi giáp ranh với tỉnh Bắc Giang, là cửa ngõ phía đông nam của tỉnh Thái Nguyên, tập trung nhiều tá điền. Vì vậy, thực dân Pháp tăng cường bộ máy hương lý, dựng đồn canh ở đầu làng để kiểm soát người ra vào, cấm nhân dân không được tụ tập đông người, nhằm phong tỏa, ngăn chặn làn sóng cách mạng tràn vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Bình nói riêng.

Via vậy từ năm 1929, tuy các cơ sở cách mạng ở các tỉnh lân cận đã chú ý hướng hoạt động vào tỉnh Thái Nguyên, nhưng nhìn chung đều gặp trở ngại. Tháng 11/1929, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng 10 Nga, cơ sở Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tỉnh Bắc Giang tổ chức rải truyền đơn ở bến đò Hà Châu, nhưng bị kẻ địch phát hiện, nên không có ảnh hưởng gì đáng kể đối với phong trào trong huyện. Từ sau đó, sự kiểm soát của bọn thống trị ngày càng chặt chẽ hơn. ở các huyện khác trong tỉnh, tình hình diễn ra cũng tương tự. Những năm 1928, 1929, đồng chí Hoàng Quốc Việt nhiều lần lên Mỏ than Phấn Mễ (Phú Lương), làng Cẩm (Đại Từ) đều bị mật thám bám sát, theo dõi chặt chẽ, buộc phải về xuôi. Năm 1933, cơ sở Đảng ở đồn điền Tú Tảo (Đa Phúc, Phúc Yên) giác ngộ một tá điền người làng Phù Lôi (xã

Thuận Thành, Phổ Yên). Khi người này mang truyền đơn về làng thì bị địch phát hiện và bị khủng bố... Trong phạm vi cả nước, đế quốc Pháp đã huy động cả bộ máy bạo lực để đàn áp, khủng bố hết sức dã man nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản, chúng bắt giam 246.532 người, giết hại hàng ngàn người. Đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư Đảng và các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng lần lượt bị sa vào tay giặc. Từ năm 1931 đến giữa năm 1935, các xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và nhiều Tỉnh uỷ bị chúng đánh tan... Đó là nguyên nhân chủ quan và khách quan khiến cho tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Bình nói riêng đến lúc này chưa xây dựng được cơ sở cách mạng.

Sau một thời gian tạm lắng (1932 - 1933) phong trào cách mạng toàn quốc dần dần hồi phục. Đầu năm 1934, với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, Ban Lãnh đạo hải ngoại của Đảng được thành lập, do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Lãnh đạo hải ngoại, nhiều lớp huấn luyện cán bộ được tổ chức để đào tạo cán bộ thay thế những đồng chí bị địch giết hại, bị tù đày; giáo dục đảng viên, đấu tranh thực hiện sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong Đảng; vạch phương hướng sửa chữa những thiếu sót của cán bộ trong công tác tổ chức và lãnh đạo, tổ chức, chấn chỉnh lại các Xứ uỷ, Tỉnh uỷ... Ban Lãnh đạo hải ngoại đã làm chức năng của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng. Trên cơ sở này,

ngày 27/3/1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng khai mạc tại Ma Cao (Trung Quốc) đã nêu ra 3 nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian trước mắt là: củng cố và phát triển Đảng, tranh thủ quần chúng rộng rãi, chống chiến tranh đế quốc.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ I của Đảng, chỉ trong vòng 2 năm (1935 - 1936), hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương được khôi phục; phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác được thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo thành sức mạnh tổng hợp chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội toàn quốc lần thứ I của Đảng, Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) đã cử cán bộ về vùng Thái Nguyên hoạt động, gây dựng cơ sở. Một số cán bộ, đảng viên quê ở Hà Nam, Thái Bình những năm trước đây bị khủng bố, chạy lên Đại Từ, Định Hoá, Đồng Hỷ bị đứt liên lạc với Đảng, nay được nối lại và tiếp tục hoạt động.

Lúc này, phong trào cách mạng ở một số tỉnh lân cận Thái Nguyên, (Phúc Yên, Bắc Giang) diễn ra khá sôi động. Huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang) là một trong những huyện có tổ chức Đảng sớm, có phong trào đấu tranh của tá điền ở đồn điền Táctaranh (Tartarin) sôi nổi, liên tục trong những năm đầu của thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939). Hiệp Hoà (Bắc Giang), Phú Bình (Thái Nguyên) dựa lưng vào nhau trên cùng dải đất bán sơn



địa. Cả hai huyện đều có những cánh đồng màu mỡ xen giữa những đồi núi đất chạy dài ven bờ sông Cầu, cùng lấy chung nước sông máng tưới cho những cánh đồng bốn mùa xanh tốt. Những xã kề nhau có mối quan hệ khá phổ biến là xâm canh, xâm cư. Quan hệ hôn nhân giữa trai bên này, gái bên kia ngày càng nhiều, thế hệ nọ nối tiếp thế hệ kia, bà con Kha Sơn, Mai Sơn, Hà Châu... có họ hàng ở nhiều xã bên Hiệp Hoà và cũng ngược lại. Hàng năm, mỗi dịp xuân về, thanh niên nam nữ hai huyện cùng dự hội vui xuân.

Trong lịch sử xa xưa, nhân dân hai huyện Phú Bình và Hiệp Hoà đã đoàn kết, nương tựa vào nhau chống thiên tai, thú dữ, giặc ngoại xâm; cùng là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám mà nhân dân hai huyện hết lòng ủng hộ, che chở; cùng đứng lên đấu tranh chống bọn địa chủ thực dân cướp đất lập đồn điền... Vì vậy, nhân dân hai huyện càng gắn bó với nhau hơn.

Những cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình của tá điền trong các đồn điền ở Hiệp Hoà dưới sự lãnh đạo của Đảng đã có tiếng vang và ảnh hưởng trực tiếp tới những thanh niên có tinh thần yêu nước ở Phú Bình. Trước hết, tư tưởng và hoạt động của nhóm thanh niên yêu nước ở Vân Xuyên (Hiệp Hoà) tác động đến Nguyễn Văn Nội (Cao Nhật), người làng Kha Sơn Hạ, làm tá điền ở đồn điền Táctarangh trên đất xã Vân Xuyên (nay là xã Thanh Vân), huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang).

Cuối năm 1938, Nguyễn Văn Nội cùng với Lê Sĩ Ký

được tham gia tổ chức Thanh niên phản đế xã Vân Xuyên. Thực hiện nhiệm vụ đoàn thể giao cho, Nguyễn Văn Nội đã vận động nhóm thanh niên tâm huyết cùng chung chí hướng muốn tìm đường cứu nước ở Kha Sơn Hạ sang Vân Xuyên gia nhập Hội thanh niên phản đế.

Từ năm 1939 trở đi, nhiều cán bộ của Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ được cử về Bắc Giang hoạt động. Huyện Hiệp Hoà được coi là vùng đất có phong trào cách mạng sôi động, vững chắc; một số cán bộ của Xứ uỷ Bắc Kỳ, như đồng chí Hải (Nguyễn Văn Lôc), Hoàng Văn Thái... thường xuyên qua lại chỉ đạo phong trào. Khi biết ở Kha Sơn Hạ có nhóm thanh niên phản đế trong Hội Thanh niên phản đế Vân Xuyên (Hiệp Hoà), các đồng chí Hải, Hoàng Văn Thái, Ngô Thế Sơn, Nguyễn Trọng Tĩnh... quan tâm giáo dục bồi dưỡng lớp thanh niên này và chỉ đạo mở rộng cơ sở cách mạng trong thanh niên Phú Bình.

Khoảng giữa năm 1939, một nhóm thanh niên khác của Kha Sơn Hạ cũng được tổ chức Đảng ở Vân Xuyên tuyên truyền, giáo dục và kết nạp vào Hội Thanh niên phản đế, cùng sinh hoạt trong tổ chức Hội Thanh niên phản đế Vân Xuyên, gồm các đồng chí Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Xứ, Lê Phương, Nguyễn Hữu Tài, Nguyễn Thế Đạt... Nhóm thanh niên này đã tham gia các hoạt động đấu tranh cùng với tá điền chống áp bức, bóc lột, chống bất công xã hội của chế độ thực dân - phong kiến, đồng thời bí mật tuyên

truyền, giác ngộ quần chúng.

Hoạt động của nhóm Thanh niên phản đế đã đem lại cho phong trào quần chúng ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Bằng Cầu một không khí chính trị sôi động, với lực lượng, nội dung và phương pháp đấu tranh mới. Trên thực tế, nhóm Thanh niên phản đế ở Kha Sơn là tổ chức tiền thân của Đảng bộ Phú Bình ngày nay.

Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp tham chiến. Thực dân Pháp ở Đông Dương điên cuồng tấn công vào Đảng Cộng sản và phong trào cách mạng. Mọi quyền tự do dân chủ mà quần chúng đã giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 - 1939) đều bị thủ tiêu. Không khí khủng bố bao trùm khắp nơi. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên Cộng sản và những người yêu nước bị bắt giam...

Những hoạt động của nhóm Thanh niên trung kiên ở Kha Sơn có tính công khai, như nhóm đọc báo, nhóm truyền bá Quốc ngữ... đã bị bọn hào lý theo dõi. Nhân kỷ niệm 22 năm Cách mạng tháng Mười Nga (7/11/1939), ngày 2/11, ta tổ chức rải truyền đơn kêu gọi chống chiến tranh đế quốc và treo cờ búa liềm ở Chợ Đồn (xã Kha Sơn), lập tức chúng huy động lính ở đồn Hà Châu, tráng đông trong huyện tổ chức vây ráp, khủng bố tinh thần nhân dân ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng. Thuế thân từ 1,97 đồng một suất tăng lên 3 đồng. Hàng trăm thanh niên trai tráng trong huyện bị chúng bắt đi lính, hàng ngàn người phải đi phu sửa chữa con đường Hà Châu -



Nhà Nam...

Nông dân tá điền trong huyện một lần nữa lại rơi vào thảm cảnh tô cao, thuế nặng, bị bắt đi lính, bắt đi phu. Nông dân tự do, địa chủ nhỏ bị cưỡng bức nhổ lúa trồng đay, thầu dầu, phải bán thóc tạ...

Xuất phát từ tình hình mới trong nước và trên thế giới, từ ngày 6 đến ngày 8/11/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6 tại Gia Định đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận phản đế) thay cho Mặt trận dân chủ, nhằm tập hợp các lực lượng yêu nước "để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập" <sup>(1)</sup>.

Sau đợt khủng bố tháng 11 năm 1939 ở Kha Sơn, kẻ địch không phát hiện được bằng chứng "nổi loạn", hơn nữa tình hình ở các huyện phía bắc tỉnh Thái Nguyên có những diễn biến phức tạp, địch phải tập trung lực lượng để khủng bố, nên Phú Bình tạm thời yên tĩnh. Lúc này,

---

(1) Văn kiện Đảng từ 24/1/1939 đến 2/9/1945, Nxb Sự thật, 1963, trang 58.

thực hiện chủ trương chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, nhiều cán bộ của Xứ uỷ Bắc Kỳ, của Trung ương được cử về các xã ở Hiệp Hoà (Bắc Giang), Kha Sơn (Phú Bình) hoạt động. Các đồng chí Lê Thanh Nghị, Lê Hoàng, Ngô Thế Sơn, Lương Văn Đài, Nguyễn Trọng Tỉnh thường xuyên qua lại Kha Sơn kiểm tra, chỉ đạo mở rộng phong trào.

Có sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ cấp trên, nhóm Thanh niên phản đế Kha Sơn Hạ tích cực, chủ động tìm cách tuyên truyền gây ảnh hưởng cách mạng vào tầng lớp thanh niên ở các làng Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Kha Nhi và Bằng Cầu.

Giữa năm 1940, bảy thanh niên ở Kha Sơn Thượng gồm Nguyễn Văn Đa, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Đình Thắng, Nguyễn Tâm, Ngô Văn Thông, Nguyễn Văn Trác (Nguyễn Văn Thổ) và Nguyễn Đình Phúc được kết nạp vào Hội Thanh niên phản đế. Năm 1941, cơ sở của Hội được gây dựng ở Mai Sơn, lớp đầu tiên gồm các đồng chí Nguyễn Đức Khánh, Nguyễn Thị Xúng, Nguyễn Tiến Cúc, Nguyễn Thị Phong, Ngô Văn Xuyên, Nguyễn Công Vít và Ngô Công Chức.

Được cán bộ của Đảng trực tiếp hướng dẫn, nhờ sự hoạt động tích cực của nhóm Thanh niên phản đế Kha Sơn Hạ, cơ sở cách mạng ở các làng phía nam Huyện phát triển nhanh. Từ Nguyễn Văn Nội và Lê Sĩ Ký được giác ngộ đi theo cách mạng vào cuối năm 1938, đến đầu năm 1941, ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn đã

có Hội Thanh niên phản đế, Hội Nông dân phản đế với gần 30 hội viên. Gia đình cụ Nguyễn Văn Bệp, Nguyễn Văn Khanh, Nguyễn Công Vít, Nguyễn Thị Tron... cả cha, mẹ, anh, em, chồng, vợ đều tham gia cách mạng. Nhiều gia đình trở thành cơ sở nuôi dưỡng, che giấu, bảo vệ cán bộ <sup>(1)</sup>.

Hội Thanh niên phản đế và Hội Nông dân phản đế ở Phú Bình hoạt động theo sự chỉ đạo của tổ chức Đảng ở Hiệp Hoà (Bắc Giang) và cán bộ của Xứ uỷ Bắc Kỳ, mà người trực tiếp thường xuyên là các đồng chí Ngô Thế Sơn, Nguyễn Trọng Tĩnh, Lương Văn Đài. Sau khi thành lập, Hội phản đế đã đẩy mạnh hoạt động theo hai hướng: Một mặt, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền ý thức giác ngộ cách mạng cho quần chúng, củng cố và phát triển phong trào ngày một rộng lớn, trong đó có cả những thanh niên tiểu trí thức nông thôn xuất thân từ gia đình khá giả, các chức sắc trong làng xã, phụ lão tham gia. Mặt khác, các hội viên đã tích cực thông qua mối quan hệ quen biết, thân thuộc đó chấp mối liên lạc và phát triển cơ sở đến các xóm làng khác trong huyện.

Tháng 6/1940, nước Pháp bại trận, Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức. Tháng 9/1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng Nhật, nhân dân ta lâm vào cảnh một cổ hai tròng nô lệ.

---

(1) Lịch sử Đảng bộ xã Kha Sơn - Đảng ủy xã Kha Sơn xuất bản năm 1999, trang 18.



Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng ở sơ sở, ngày 27/9/1940, nhân dân huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn) vùng lên khởi nghĩa, đập tan bộ máy chính quyền tay sai của đế quốc, phong kiến. Phát xít Nhật và thực dân Pháp cấu kết đàn áp cuộc khởi nghĩa rất dã man, tàn bạo. Đảng ta phát động phong trào ủng hộ các chiến sĩ Bắc Sơn, phản đối Pháp - Nhật khủng bố trắng.

Tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng cả nước, nhất là phong trào cách mạng huyện Phú Bình. Nhân dân trong huyện căm thù cao độ hai kẻ thù xâm lược Pháp - Nhật. Nhưng phong trào cách mạng ở Phú Bình lúc này chưa có điều kiện phát triển mạnh. Khó khăn chủ yếu và lớn nhất chính là chưa có một tổ chức. Vì vậy, từ cuối năm 1940 trở đi, các đồng chí cán bộ Xứ uỷ và Ban cán sự Đảng Bắc Giang (Ngô Thế Sơn, Lê Hoàng, Nguyễn Trọng Tĩnh...) thường xuyên đi lại, có lúc ở lại Kha Sơn Hạ trực tiếp chỉ đạo phong trào. Nhờ thế, các tổ chức cách mạng ở khu vực phía Nam huyện Phú Bình phát triển rất nhanh và vững chắc. Đến giữa năm 1940, các tổ chức Thanh niên phản đế, Nông dân phản đế, Phụ nữ phản đế... đã được mở rộng sang các xã Dương Thành, Hà Châu, Phương Độ... và tách ra hoạt động độc lập, không còn phụ thuộc vào Hội Thanh niên phản đế xã Vân Xuyên (Hiệp Hoà), nhưng vẫn đặt dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Bắc Giang mà người đại diện là các đồng chí Ngô Thế Sơn, Nguyễn Trọng Tĩnh.

Trong khi đó, phong trào cách mạng cả nước ngày càng lan rộng. Thời cơ cho nhân dân ta nổi dậy khởi nghĩa sẽ chín muồi nhanh chóng. Nhận rõ tình hình này, đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng). Hội nghị đã phát triển và hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược do Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đề ra, giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất Phản đế Đông Dương. Các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh đều mang tên Cứu quốc.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 là luồng gió mới tác động mạnh vào phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

Thực hiện chỉ thị của Xứ uỷ Bắc Kỳ, cuối năm 1941, đồng chí Ngô Thế Sơn đã triệu tập cán bộ cốt cán của ba huyện Hiệp Hoà, Phú Bình và Phổ Yên về họp tại nhà đồng chí Cao Nhật, xã Kha Sơn, để phổ biến Nghị quyết 8 và chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh.

Tại Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn..., nơi có phong trào mạnh, các tổ chức phản đế nhanh chóng chuyển sang Mặt trận Việt Minh. Các Hội Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc được thành lập, thu hút nhiều người tham gia. Công tác tuyên

truyền vận động cách mạng theo chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh được mở rộng ra các xã Xuân Phương, Hương Sơn, Úc Kỳ, Thanh Ninh..<sup>(1)</sup>. Ngoài các tầng lớp nhân dân lao động, còn có cả một số phú nông, tiểu địa chủ, hào lý lớp trên cùng tham gia các đoàn thể Cứu quốc.

Tháng 1/1942, Xứ uỷ Bắc Kỳ kiện toàn Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, do đồng chí Ngô Thế Sơn làm Trưởng ban, đồng thời cùng được Xứ uỷ giao nhiệm vụ gấp rút xây dựng, phát triển mở rộng cơ sở quần chúng ở Hiệp Hoà, Phú Bình, tạo một khu vực vững chắc, có thể đảm bảo an toàn cho các cơ quan của Xứ uỷ và các lớp huấn luyện quân sự tiếp theo do Trung ương tổ chức.

Cơ sở Mặt trận Việt Minh ở Phú Bình được đồng chí Trưởng Ban cán sự giao cho 3 nhiệm vụ: Một là, đẩy mạnh tuyên truyền chương trình cứu nước và Điều lệ của Mặt trận Việt Minh; hai là, tích cực làm công tác phát triển hội viên các Hội Cứu quốc, phát triển đến đâu củng cố đến đó; ba là, vận động nông dân tá điền đấu tranh chống tăng tô, tăng thuế, chống cường hào bóc lột.

---

(1) Tháng 10/1943, các đồng chí Nguyễn Trọng Tinh và Lê Phương đến làng Nguyễn, xã Úc Sơn (nay là thị trấn Hương Sơn) công nhận và giao nhiệm vụ cho nhóm Thanh niên Cứu quốc ở đây. Đầu năm 1944, các đồng chí Trần Độ và Hà Thị Quế đến mở lớp huấn luyện quân sự cho tự vệ chiến đấu ở làng Nguyễn.



Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, phong trào cách mạng ở Phú Bình từ giữa năm 1942 có bước phát triển mạnh mẽ trên nhiều mặt. Công tác phát triển cơ sở, tập hợp quần chúng được đẩy mạnh với nhiều hình thức khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân, vạch mặt kẻ thù Pháp - Nhật và tay sai. Các tờ báo "Cứu quốc", "Cờ giải phóng", bài ca cách mạng "Việt Minh ngũ tự kinh" <sup>(1)</sup>, được lưu truyền rộng rãi trong các hội viên Cứu quốc và những người có cảm tình với cách mạng. Lúc này, chính sách bóc lột, đàn áp của bọn thống trị Pháp - Nhật đè nặng lên cuộc sống của đông đảo các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là chính sách thu thóc tạ <sup>(2)</sup>, nhổ lúa, hoa màu để trồng đay, thầu dầu của giặc Nhật càng đẩy nông dân tá điền lâm vào cảnh cùng khốn, một số địa chủ vừa và nhỏ cũng lao đao. Thêm vào đó, do ảnh hưởng của chiến tranh, hàng hoá khan hiếm, đắt đỏ, một số mặt hàng thiết yếu, như muối, diêm, dầu hoả... phải bán theo đầu người với mức hạn chế. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân ta với kẻ xâm lược Pháp - Nhật ngày thêm gay gắt. Trong điều kiện đó, công tác tuyên truyền được tăng cường, đưa chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh vào quần chúng đã có sức tập hợp mạnh mẽ nhân dân tham gia vào các Hội Cứu quốc.

(1) Bài văn vần do đồng chí Võ Nguyên Giáp sáng tác nhằm cổ vũ nhân dân tham gia.

(2) Thóc thu theo đầu đến sào, đầu mẫu (ngoài thuế).

Trong một thời gian ngắn, cơ sở và lực lượng cách mạng ở Phú Bình đã phát triển nhanh chóng. Những nơi đã có cơ sở, thu hút thêm nhiều quần chúng vào các đoàn thể Cứu quốc. Ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Kha Nhi..., ngoài các Hội Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ Cứu quốc đã phát triển thêm Phụ lão Cứu quốc, Nhi đồng cứu vong. Từ một đội Tự vệ Cứu quốc đầu tiên được thành lập cuối năm 1941 ở Kha Sơn Hạ <sup>(1)</sup>, đến đầu năm 1943, tất cả các làng nói trên đều có đội Tự vệ Cứu quốc, số đội viên tự vệ chiến đấu lên tới 50 người. Đáng chú ý là phong trào các xã phía nam và đông nam huyện Kha Sơn, Thanh Ninh, Dương Thành, Xuân Phương, Hương Sơn, Hà Châu - phát triển một cách nhanh chóng. Các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh ở những xã này lên đến vài trăm người, trong đó Kha Sơn có số hội viên đông nhất, gần 100 người. Các xã Hà Châu, Xuân Phương... mỗi xã có trên 20 hội viên Cứu quốc. Đặc biệt, ở Kha Sơn Hạ, hầu như nhà nào cũng có người tham gia đoàn thể Cứu quốc; có gia đình cả nhà đều là hội viên Cứu quốc. Mặt trận Việt Minh ở đây đã lôi cuốn được một số người thuộc tầng lớp trên, một vài lý dịch, tạo thêm thuận lợi cho cán bộ hoạt động.

---

(1) Các đồng chí Thìn, Tài, Chén là những đội viên tự vệ Cứu quốc đầu tiên của huyện Phú Bình.

Trước sự phát triển rộng lớn của phong trào, để từng bước tiến tới thống nhất lực lượng cách mạng trong toàn huyện, đầu năm 1943, đồng chí Lương Văn Đài<sup>(1)</sup> - cán bộ của Xứ uỷ phụ trách Phú Bình, triệu tập Hội nghị cán bộ các xã khu vực phía nam huyện tại chùa Mai Sơn, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn, bao gồm các làng từ Phương Độ đến Kha Sơn Hạ. Ban Chấp hành Việt Minh tổng gồm 5 đồng chí: Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Tâm, Nguyễn Thị Lung, Quý, Tuyết, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Chủ nhiệm.

Việc thành lập Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn có ý nghĩa rất lớn đối với phong trào cách mạng trong huyện: Từ đây, phong trào các xã khu vực phía nam huyện hoạt động thống nhất trong một đầu mối do Mặt trận Việt minh tổng Phương Sơn chỉ đạo, sát hợp với tình hình, nhiệm vụ mới; đồng thời mở ra triển vọng cho phong trào cách mạng toàn huyện phát triển.

Vừa mở rộng Mặt trận Cứu quốc, vừa tích cực động viên, tổ chức lực lượng quần chúng vào những cuộc đấu tranh từ bảo vệ dân sinh, tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc là một quá trình tập dượt quần chúng.

---

(1) Đồng chí Lương Văn Đài, quê ở Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, chỉ đạo phong trào ở tỉnh Hà Nam; giữa năm 1942, được Xứ uỷ Bắc Kỳ điều lên phụ trách phong trào ở huyện Phú Bình.



Năm 1942, với cái gọi là "Hưng chấn nông thôn", Vi Văn Kỳ - tri phủ Phú Bình - đứng ra kêu gọi nhân dân trong huyện đóng góp tiền của và nhân lực xây trường tiểu học ở Nhà Lộng, làm sân vận động ở huyện lỵ. Thực ra, đây là thủ đoạn của bọn thống trị vừa mị dân, vừa móc tiền của dân, nên hào lý địa phương rất tích cực thực hiện chủ trương của Vi Văn Kỳ. Các đoàn thể Cứu quốc đã phát động nhân dân đấu tranh. Đông đảo nhân dân phần nộ kéo đến nhà hào lý phản đối một cách quyết liệt, kiên quyết không đóng tiền, không đi phu làm sân vận động, làm trường tiểu học Nhà Lộng. Trước sức đấu tranh của nhân dân, Vi Văn Kỳ phải từ bỏ ý đồ của mình.

Cũng trong năm 1942, viên quản lý đồn điền Táctaranh định tăng tô ruộng từ 7 phuong <sup>(1)</sup>, lên 9 phuong một mẫu và thu tô trâu bình quân từ 10 đồng lên 15 đồng mỗi con một năm. Các chủ đồn điền ở Hiệp Hoà, Phổ Yên cũng tăng tô tương tự, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của hàng ngàn tá điền trong 3 huyện. Trước tình hình này, Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang phát động tá điền 3 huyện đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình. Cuộc đấu tranh nổ ra trong phạm vi rộng.

Riêng ở Phú Bình, tá điền ở 48 ấp (trong tổng số 52 ấp) đã đưa đơn buộc chủ đồn điền phải chấp nhận giữ nguyên mức tô ruộng, tô trâu như cũ.

(1) Một phuong bằng 20 kg.

Cuối năm 1942, nhân dân các xã phía nam huyện đấu tranh không nộp tre để rào xung quanh Căng Bá Vân (thuộc xã Bình Sơn, thị xã Sông Công ngày nay) theo lệnh của tri phủ Phú Bình. Cùng thời gian này, nhân dân các xã còn đấu tranh chống tri phủ Phú Bình tăng thuế thân lên gấp đôi để lấy tiền xây huyện đường. Cả hai cuộc đấu tranh đều do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo và tranh thủ được sự ủng hộ của một số lý dịch.

Cùng với những cuộc đấu tranh trực diện mang tính chất bảo vệ lợi ích cuộc sống hàng ngày, nhân dịp kỷ niệm các ngày Quốc tế lao động (1/5), Xô Viết Nghệ - Tĩnh (12/9), Cách mạng tháng 10 Nga (7/11), Hội Thanh niên Cứu quốc các xã tổ chức rải truyền đơn, treo cờ búa liềm ở Chợ Đồn, đình Phương Độ, bến đò Hà Châu. Điển hình là đêm 12/8/1942, lợi dụng tri phủ Phú Bình tổ chức biểu diễn văn nghệ khánh thành trường tiểu học Nhã Lộng và sân vận động, Hội Thanh niên Cứu quốc đã rải truyền đơn đả đảo Pháp - Nhật, vạch mặt bọn cầm quyền tham nhũng và kêu gọi mọi người tham gia Mặt trận Việt Minh.

Sự phát triển mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân trong huyện cùng với phong trào cách mạng ở các huyện phía bắc tỉnh Thái Nguyên, nhất là cuộc đấu tranh vũ trang của Cứu quốc quân và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai, đã làm cho bọn thống trị lo sợ và tìm cách đối phó. Huyện Phú Bình lại nối với trung tâm Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai bằng những con đường mòn trong

dải rừng già núi non trùng điệp đi qua các xã Hợp Tiến, Cây Thị, Khe Mo (Đồng Hỷ). Thông qua những con đường này, đầu năm 1941, từ Phú Bình, các đồng chí Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Cao Bằng. Sau Hội nghị, cũng trên những con đường này, các đồng chí trở về ATK Trung ương an toàn.

Những tháng cuối năm 1942, nhất là sau thất bại lễ khánh thành sân vận động ở trung tâm phủ lý (đặt tại Nhã Lộng), bọn thống trị phái mật thám, binh lính ngày đêm tuần tra, kiểm soát chặt chẽ; bắt những người chứng tình nghi cầm đầu, "gây rối" đêm 12/8 lên huyện để cảnh cáo, ra lệnh cấm lưu hành sách báo tiến bộ, lập thêm trạm canh gác ở Hà Châu, Chợ Hanh, Cổ Dạ. Tại Kha Sơn, nơi có phong trào mạnh, chúng kiểm soát gắt gao hơn.

Trong những năm 1938 - 1942, phong trào cách mạng ở Phú Bình tuy chưa lan rộng khắp toàn huyện và chưa có cơ sở Đảng, mới chỉ có các tổ chức yêu nước trong các đoàn thể Cứu quốc, nhưng nó là bước khởi đầu quan trọng của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và là bước tập dượt đầu tiên cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Bước sang năm 1943, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến tích cực, thuận lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân ta phát triển, đặc biệt là phong



trào cách mạng ở các Căn cứ địa. Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, phong trào Việt Minh ngày càng lan rộng. Con đường quần chúng nổi lên hai trung tâm Căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai được xây dựng, Căn cứ Núi Hồng (bao gồm vùng đất Định Hoá, Đại Từ và Sơn Dương - Tuyên Quang) từng bước hình thành. Thời cơ cho nhân dân nổi dậy tự giải phóng ngày càng tới gần.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 ở Vòng La (Đông Anh, Phúc Yên) quyết định mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất và xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Cùng thời gian trên, Trung ương quyết định lấy các xã giáp ranh, chủ yếu là ba xã: Hoàng Văn (Hiệp Hòa - Bắc Giang), Kha Sơn (Phú Bình), Tiên Phong (Phổ Yên) thuộc tỉnh Thái Nguyên làm Khu an toàn thứ 2 (gọi tắt là ATK2). Đây là nơi hoạt động của các cơ quan Trung ương và của Xứ uỷ Bắc Kỳ. Trên thực tế, trong suốt thời gian từ năm 1943 đến Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, các cơ quan của Trung ương và Xứ uỷ thường xuyên hoạt động tại ATK2.

Từ khi trở thành ATK2 của Trung ương và Xứ uỷ, phong trào cách mạng ở Phú Bình phát triển rất nhanh chóng. Nét nổi bật của phong trào là tập hợp được đông đảo nhân dân lao động, tranh thủ được một số người thuộc tầng lớp trên, kể cả hào lý. Tuy nhiên, phong trào chủ yếu mới phát triển ở phía nam Huyện.

Từ giữa năm 1943, phong trào cách mạng nước ta tiếp tục có những dấu hiệu đột biến, nhất là ở vùng trung du và Việt Bắc. Phong trào chuẩn bị khởi nghĩa sức sôi ở Cao Bằng. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa cũng dấy lên mạnh mẽ ở nhiều tỉnh, trong đó có Thái Nguyên.

Trước tình hình đó, Trung ương chỉ đạo khẩn trương tiến hành củng cố và phát triển rộng cơ sở cách mạng trong ATK2, mà Phú Bình là địa bàn được coi trọng. Đồng chí Ngô Thế Sơn - Trưởng Ban cán sự Đảng ATK2 - về ở hẳn Phú Bình để trực tiếp chỉ đạo việc củng cố, mở rộng cơ sở. Chỉ sau một thời gian ngắn, cơ sở Mặt trận Việt Minh đã lan ra Phao Thanh, Thanh Lang, Bàn Đạt và Đồng Liên.

Tháng 4/1943, Ban cán sự Đảng ATK2 đã lựa chọn trong tổ chức Thanh niên Cứu quốc ở Phú Bình một số hội viên hăng hái, mưu trí, dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc để thành lập tổ trung kiên, bồi dưỡng cốt cán cho phong trào cách mạng ở địa phương. Tổ trung kiên lúc đầu có 3 đồng chí: Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Nội (tức Cao) và Nguyễn Văn Thiện (tức Sứ).

Tháng 7/1943, tại một địa điểm bí mật trong rừng Giác (Kha Sơn Hạ), thay mặt Ban cán sự Đảng ATK2, đồng chí Ngô Thế Sơn đã tổ chức kết nạp 3 đồng chí trên vào Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời tuyên bố thành lập Chi bộ Đảng Kha Sơn Hạ, gồm các đồng chí Ngô Thế Sơn, Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Nội, Nguyễn

Văn Thiên, do đồng chí Ngô Thế Sơn làm Bí thư.

Chi bộ Kha Sơn Hạ hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban cán sự ATK2 và của tổ chức Đảng ở Bắc Giang. Các đảng viên trong Chi bộ được giao nhiệm vụ vừa tích cực tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, lôi kéo họ tham gia các hội, đoàn Cứu quốc không chỉ ở phạm vi tổng Phương Sơn, mà ở tất cả các làng, xã trong toàn huyện.

Tháng 2/1944, Chi bộ Kha Sơn Hạ tổ chức kết nạp các đồng chí Nguyễn Tâm (tức Mạc), Nguyễn Thị Lung người làng Kha Sơn Thượng vào Đảng. Ngay trong lễ kết nạp, Ban cán sự ATK2 đã điều đồng chí Nguyễn Bình Sơn, đảng viên chính thức của Chi bộ Kha Sơn Hạ cùng với hai đồng chí vừa được kết nạp vào Đảng, lập thành Chi bộ Kha Sơn Thượng, do đồng chí Trần Độ, cán bộ của Xứ uỷ trực tiếp làm Bí thư. Từ tháng 2 đến tháng 12/1944, Các chi bộ Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng kết nạp thêm được 8 hội viên ưu tú trong Hội Thanh niên Cứu quốc vào Đảng.

Như vậy, chỉ trong vòng 2 năm (1943 - 1944), qua phong trào cách mạng của quần chúng, Ban cán sự Đảng ATK2 đã lựa chọn và kết nạp 12 quần chúng ưu tú vào Đảng, thành lập được 2 chi bộ Đảng ở Phú Bình.

Cũng trong khoảng thời gian nói trên, Phú Bình là phần đất quan trọng trong ATK2 của Trung ương và Xứ uỷ, cùng với Phổ Yên, Hiệp Hoà tạo thế đứng chân an toàn để Trung ương từ đây chuẩn bị mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 thắng lợi. Nhân dân các dân tộc



nơi đây đã nuôi dưỡng và bảo vệ an toàn cơ quan in ấn và phát hành sách báo, tài liệu công cụ tuyên truyền, tiếng nói của Đảng đối với quần chúng, hướng dẫn toàn dân tộc tiến bước trên con đường giải phóng. Cơ quan ấn loát ở Kha Sơn Hạ, ở Mai Sơn... đã in và phổ biến hàng vạn trang tài liệu quan trọng, như Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, báo "Cờ Giải phóng", các cuốn sách về chiến tranh du kích..., nhằm hướng dẫn cho cán bộ, đảng viên, quần chúng đường lối đấu tranh giành chính quyền. Các chủ trương, đường lối, chiến lược và sách lược của Đảng đã đi vào quần chúng, giác ngộ, tổ chức quần chúng đứng lên làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Những cơ sở cách mạng ở Phú Bình đã đùm bọc, bảo vệ nhiều cán bộ của Đảng hoạt động trên địa bàn; bảo vệ cán bộ các nơi đến dự các lớp đào tạo, huấn luyện quân sự, chính trị, trong đó có nhiều lớp bồi dưỡng Nghị quyết Trung ương 8 cho cán bộ chủ chốt phong trào các tỉnh. Các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt... đã chủ trì hoặc trực tiếp giảng bài tại các lớp học này. Cuối năm 1943, tại rừng làng Mấn, Trung ương đã mở lớp đào tạo 13 cán bộ quân sự cho các tỉnh Bắc Bộ (trong đó có các đồng chí Lôi Viết Diu, Nguyễn Chấn, Trần Độ...), sau này là những cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội.

Từ năm 1943 đến Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, tại Kha Sơn đã diễn ra nhiều hội nghị quan trọng do

Trung ương và Xứ uỷ tổ chức, nhằm tổng kết thực tiễn phong trào; chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, bàn các biện pháp thúc đẩy công cuộc chuẩn bị đón thời cơ...

Trong những năm 1943 - 1944, hoạt động của các cơ quan Trung ương và Xứ uỷ trên đất Phú Bình tuy hết sức bí mật, nhưng thật sự sôi động, thúc đẩy phong trào cách mạng của cả nước phát triển thành cao trào, nhất là tại Cơ quan số 1 (bí danh là CQ1) ở rừng làng Mẩn, Trại liên lạc của Trung ương, nơi đưa đón cán bộ từ căn cứ địa về xuôi và ngược lại, Cơ quan số 2 (CQ2) ở Đồng Đền (nhà ông Nguyễn Văn Hồng - tức Hồng Loan) và cơ quan ẩn lốt tại chùa Mai Sơn. Cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đây đã bảo vệ, giữ vững đầu mối giao thông quan trọng này của Trung ương, đã cùng với giao liên Trung ương bảo vệ an toàn hàng trăm lượt cán bộ lên căn cứ và về đồng bằng, trong đó có các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, như Tổng Bí thư Trường Chinh, Ủy viên Thường vụ Trung ương Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ. Từ Trại giao thông đặc biệt này, đầu năm 1943, một đường dây liên lạc từ Xứ uỷ Bắc Kỳ đã nối với Chi bộ Cánh Bá Vân (thuộc thị xã Sông Công ngày nay). Nhờ đó, các đảng viên bị giam giữ trong nhà tù thường xuyên nhận được ý kiến chỉ đạo của Xứ uỷ, hoạt động khôn khéo để mở rộng cơ sở cách mạng ra ngoài Cánh. Cũng do có đường dây liên lạc này, ngày 22/8/1944, Chi bộ Cánh cùng với Ban cán sự Đảng ATK2 đã tổ chức

vượt ngục thắng lợi cho 8 đồng chí (Hà Kế Tấn, Hoàng Bắc Dũng, Nguyễn Văn Mô, Phan Bá Thoan, Bùi Văn Hách, Trần Kiên, Nguyễn Danh Đình, Nông Văn Độ) trở về chỉ đạo phong trào các địa phương, theo chỉ thị của Xứ uỷ. Các đồng chí vượt ngục đã được đưa về Kha Sơn an toàn trong sự truy lùng gắt gao của kẻ thù.

Trên danh nghĩa từ năm 1943, Phú Bình là ATK2, nhưng thực tế từ năm 1940 đã trở thành địa bàn hoạt động an toàn của nhiều cán bộ Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ. Phong trào cách mạng ở Phú Bình phát triển nhanh chóng và vững chắc. Tuy nhiên, cuối năm 1944, Phú Bình bị địch khủng bố dữ dội, gây tổn thất cho phong trào địa phương. Nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng bố này là do địch bất ngờ bắt được cán bộ của ta, kế đó là sự phản ứng thiếu linh hoạt của Ban Công tác Đội (tên gọi thay cho Ban cán sự Đảng ATK2).

Ngày 16/9/1944, tốp lính địch ở đồn Hà Châu đi tuần tiểu đã bắt được đồng chí Trương Công Lệnh (tức Linh), Thường trực Uỷ ban Quân - Chính Bắc Kỳ, gần bến đò Hà Châu. Được tin này, đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh, Trưởng ban Công tác Đội đã lấy lực lượng tự vệ chiến đấu của Kha Sơn truy đuổi để giải cứu đồng chí Trương Công Lệnh, nhưng khi ta vận động đến nơi thì chúng đã đưa đồng chí Trương Công Lệnh về thị xã Thái Nguyên.

Mười bảy ngày sau, trong hai ngày 3 và 4/10, quân địch mở cuộc càn quét có quy mô lớn vào các làng Kha Sơn Hạ và Mai Sơn. Đây là những làng có nhiều cơ sở



cách mạng, nơi đặt các cơ quan trọng yếu của Trung ương và Xứ uỷ. Có thể gọi đó là trung tâm của ATK vào thời kỳ này. Chúng đã khám phá ra nhà in đặc biệt, khu ở và nơi ta cất giấu tài liệu ở Kha Sơn Hạ, bắt được một số cán bộ trong cơ quan ẩn nấp của Trung ương, thu phá dụng cụ in ấn và một số tài liệu ta chưa kịp chuyển đi.

Tiếp đến, ngày 19/10, địch bắt tiếp 9 cán bộ cơ sở của ta ở Mai Sơn, Kha Sơn Hạ; ngày 23 chúng bắt thêm 5 người ở Kha Sơn Thượng và Mai Sơn.

Cuộc khủng bố này đã gây tổn thất lớn cho ATK2 nói chung và Phú Bình nói riêng. Một số cán bộ, đảng viên và một bộ phận quần chúng hoang mang, dao động.

Trước tình hình nghiêm trọng trên, Xứ uỷ và Ban Công tác Đội đã tập trung chỉ đạo Chi bộ Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ vượt qua sóng gió. Việc đầu tiên là ổn định tình hình tư tưởng trong Đảng, chống dao động, từng chi bộ phân công đảng viên móc nối liên lạc với số quần chúng trung kiên trong các Hội Cứu quốc để giữ vững phong trào.

Sau khi bắt được đồng chí Trương Công Lệnh, tên đội Vinh, (đồn trưởng Đồn Hà Châu được Công sứ Thái Nguyên trọng thưởng) càng tỏ ra hung hăng trong việc đánh phá phong trào cách mạng không chỉ ở Phú Bình, mà còn cả Hiệp Hoà, Phổ Yên, gây cho ta nhiều khó khăn. Được sự đồng ý của trên, Ban Công tác Đội quyết định diệt đội Vinh.

Ngày 11/10/1944, đội Vinh chỉ huy một toán lính đi

khủng bố nhân dân, các đồng chí của ta cải trang làm người đi chợ, lựa thời cơ giết đội Vinh. Do sơ suất về phía tự vệ, đội Vinh chỉ bị thương nặng. Nhưng cũng từ lần chết hụt này, y không còn là tay sai đắc lực cho Pháp; nhiều tên tay sai, mật thám cho Pháp càng hoảng sợ, không dám hung hăng như trước. Anh em binh lính khố xanh ở các đồn Hà Châu và Chã (Phổ Yên) tỏ thái độ lùng chùng.

Giữa tháng 11/1944, mũi nhọn khủng bố của kẻ thù hướng lên Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Tình hình Phú Bình dần trở lại ổn định. Các cơ quan của Trung ương và Xứ uỷ trở lại tiếp tục hoạt động với không khí khẩn trương hơn trong ATK2.

Cuộc khủng bố tháng 10/1944 của địch vào ATK2 có gây thiệt hại nhưng không kéo dài. Tuy nhiên, nếu ngay sau khi đồng chí Trương Công Lệnh bị bắt, Ban Công tác Đội báo cáo cấp trên cho di chuyển ngay các cơ quan, tài liệu và cán bộ đến nơi khác an toàn hơn, thì chắc chắn sẽ không có thiệt hại hoặc thiệt hại không đáng kể <sup>(1)</sup>.

---

(1) Ban công tác đội cho rằng đồng chí Trương Công Lệnh là người kiên định, từng trải, sẽ không có sự khai báo với kẻ thù để chúng đánh phá phong trào cách mạng, nên hoàn toàn yên tâm mà án binh bất động, không đề phòng tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Phía đồng chí Trương Công Lệnh cho rằng, từ ngày bị bắt đến lúc không chịu nổi đòn thù đã gần 20 ngày, chắc chắn ở ATK2 đã có sự đối phó với kẻ thù về nhiều mặt, các cơ quan hẳn đã chuyển đi nơi khác, lời khai với kẻ thù vào thời điểm này là vô hại. Nhưng tình hình đã diễn ra ngược lại. Đây là một bài học không chỉ có giá trị lịch sử mà còn có ý nghĩa thời sự lâu dài về sự nhạy bén thời cuộc và linh hoạt trong lãnh đạo của tổ chức Đảng.

Bước sang năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp bước vào giai đoạn kết thúc, ngày diệt vong của phe phát xít đã gần kề. Trong khi đó, phong trào cách mạng của nhân dân ta ngày càng lên cao và rộng khắp. Tình hình này làm cho mâu thuẫn vốn có giữa Nhật và Pháp trở nên sâu sắc, dẫn đến cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp trong đêm 9/3/1945.

Rất nhạy bén với tình hình, được tin phát xít Nhật nổ súng đánh Pháp, Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung Đảng đang họp ở làng Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh), do đồng chí Trường Chinh chủ trì đã phân tích chính xác tình hình, chỉ rõ kẻ thù chủ yếu, trước mắt của nhân dân ta là phát xít Nhật, quyết định thay khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật - Pháp" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật"; đồng thời phát động cao trào chống Nhật cứu nước mạnh mẽ, rộng khắp để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn. Những chủ trương của Hội nghị được trình bày trong Chỉ thị lịch sử: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12/3/1945).

Là chi bộ trong ATK2, được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương và Ban Công tác Đội, nên ngay ngày 13/3, Chi bộ Kha Sơn đã nhận được Chỉ thị ngày 12/3/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng do đồng chí Lê Thanh Nghị, thay mặt Xứ uỷ trực tiếp truyền đạt. Tổng số đảng viên của hai chi bộ (Kha Sơn Hạ và Kha Sơn Thượng) đến lúc này có 12 đồng chí, nhưng một số đồng chí bị địch bắt trong đợt khủng bố hồi tháng 10/1944,



một số đồng chí đi công tác không kịp về, nên chỉ còn 8 đồng chí nghe truyền đạt. Buổi chiều cùng ngày, đảng viên hai chi bộ họp và quyết định tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở các làng thuộc tổng La Đình và chọn làng Kha Sơn Hạ làm điểm nổ súng vào ngày 14/3/1945, rồi từ đó phát triển ra những nơi có điều kiện. Hội nghị quyết định:

- Diệt bọn Việt gian đầu sỏ có nhiều nợ máu với nhân dân để đẩy mạnh khí thế cách mạng của quần chúng, thu bằng triện, hồ sơ giấy tờ của chính quyền tay sai thiêu huỷ trước đông đảo nhân dân, tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng; thu vũ khí của lính đông trang bị cho tự vệ; vận động nhân dân ủng hộ gang, sắt vụn, diêm sinh để chế tạo vũ khí cho tự vệ.

- Mở rộng phạm vi hoạt động của Mặt trận Việt Minh, đưa các đoàn thể Cứu quốc đến các xã chưa có phong trào, hoặc phong trào còn yếu.

- Thành lập thêm nhiều tiểu đội tự vệ. Các đội viên tự vệ tự trang bị giáo, mác, súng kíp... làm hậu thuẫn cho nhân dân phá kho thóc của Nhật, cứu đói.

- Mở ngay lớp huấn luyện quân sự, chính trị để có cán bộ đi giúp các xã bạn trong huyện.

- Phân công đảng viên về các làng Kha Sơn Thượng, Mai Sơn vận động các tổ chức Cứu quốc thống nhất hành động <sup>(1)</sup>.

---

(1) Xem Lịch sử Đảng bộ xã Kha Sơn (1938-1995) - Xuất bản 1999. Trang 45-46.

Đêm 13/3, các đảng viên hai chi bộ họp lần cuối cùng trước khi hành động để đánh giá tình hình, phân tích thuận lợi, khó khăn, bàn các giải pháp và hạ quyết tâm.

Đúng 8 giờ sáng ngày 14/3/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đã nổ ra tại làng Kha Sơn Hạ. Khí thế nổi dậy của nhân dân trong làng áp đảo hào lý, tráng đông, khiến chúng hoảng sợ, không dám chống cự. Tự vệ chiến đấu của Kha Sơn Hạ tìm diệt các tên tay sai đắc lực của đế quốc Pháp, tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ cuộc nổi dậy của quần chúng. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tổ chức ngay một cuộc mít tinh tại đình Kha Sơn Hạ mừng chiến thắng, có hàng trăm người dự. Đại diện Việt Minh xã lên tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai đế quốc, thành lập chính quyền cách mạng.

Trong lúc khởi nghĩa nổ ra ở Kha Sơn Hạ, các lực lượng cách mạng ở Kha Sơn Thượng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Ngô Thế Sơn, cũng kịp thời phát động nhân dân vùng dậy giành chính quyền. Ngày 15/3, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Mai Sơn thắng lợi.

Tin khởi nghĩa giành chính quyền ở 3 làng lan đi nhanh chóng, cổ vũ quần chúng khắp nơi nổi dậy. Ngày 16/3, xã Dương Thành, tiếp đến là các xã Thanh Ninh, Hương Sơn, Bảo Lý, Hà Châu, Bàn Đạt..., chính quyền về tay nhân dân.

Tính từ 14/3 đến 14/4/1945, chỉ trong vòng 30 ngày, nhân dân ở 30 làng, xã trong tổng số 54 làng, xã toàn huyện đã giành được quyền làm chủ; chính quyền địch ở

các làng, xã còn lại trên thực tế đã bị tê liệt. Thanh thế Việt Minh trong huyện lên mạnh, khiến bọn Nhật và binh lính ở đồn Hà Châu không dám kéo quân về đàn áp.

Tuy nhiên, phong trào cách mạng trong huyện lúc này cũng còn gặp trở ngại lớn. Một là bộ máy tay sai cấp huyện chưa bị xoá bỏ, đồn binh Hà Châu chưa bị tiêu diệt, bọn tay sai ở một số làng xã tạm nằm im trước thanh thế của cách mạng, chưa chịu từ bỏ âm mưu ngóc đầu dậy. Hai là, nạn đói trầm trọng đang đe dọa đời sống của hàng ngàn tá điền. Ba là, lợi dụng trong lúc tranh sáng, tranh tối, bọn lưu manh giả danh Việt Minh gây rối và cướp bóc ở một số địa phương, nhất là ở vùng tây nam huyện, làm quần chúng hoang mang... Trong khi đó, lực lượng cách mạng chỉ mới tạo được thế mạnh ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, mà chưa thống nhất được phong trào trong toàn huyện.

Trước tình hình ấy, Tỉnh uỷ Bắc Giang, trực tiếp là đồng chí Lương Văn Đài cùng với Ban Công tác Đội xác định nhiệm vụ trọng tâm của Phú Bình lúc này là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, vạch mặt bọn tay sai Nhật và phổ biến đường lối của Mặt trận Việt Minh, nhanh chóng phát triển các đoàn thể Cứu quốc, tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, trước hết là thành lập đơn vị tự vệ bán thoát ly của 2 huyện Hiệp Hoà và Phú Bình, đặt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Giang, xây dựng lực lượng tự vệ chiến đấu ở tất cả các làng xã. Mặt khác, phải thực hiện ngay việc phá kho thóc



của Nhật để cứu đói, đồng thời kêu gọi nhân dân quyên góp giúp các gia đình tá điền hết lương ăn.

Thực hiện chủ trương trên, tối ngày 28/3/1945, tại xóm Soi (Kha Sơn Hạ), trung đội vũ trang tập trung đầu tiên của Phú Bình, Hiệp Hoà làm lễ ra mắt. Đồng chí Lương Văn Đài, thay mặt Tỉnh uỷ Bắc Giang, công nhận và trao nhiệm vụ cho đơn vị.

Ngay sau ngày được thành lập, trung đội vũ trang tập trung đã hỗ trợ nhân dân phá kho thóc của Nhật ở đồn điền Đào Ký (Phú Bình) và đồn điền Trị Cự (Hiệp Hoà), thu gần 500 tấn thóc chia cho dân nghèo ở hai huyện. Tiếp đến, ngày 25/6, ta đánh đồn điền Chà (Phổ Yên), thu hơn 200 tấn thóc; ngày 26/6, ta phá kho thóc Cầu Mây, thu 300 tấn thóc. Như vậy, chỉ riêng phá 4 kho thóc của Nhật ta đã thu 1.000 tấn thóc, trong đó một phần lớn để cứu đói và dành một phần cấp dưỡng cho đơn vị vũ trang sau này phát triển lên đến một đại đội.

Cùng với nhiệm vụ làm lực lượng xung kích cho phong trào nông dân nổi dậy phá kho thóc của Nhật, trấn áp những tên tay sai ngoan cố, cán bộ, chiến sĩ trong đội vũ trang ngày đêm luyện tập quân sự, rèn sắm vũ khí, tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng.

Được sự giúp đỡ của đơn vị vũ trang bán thoát li, các tổ Tự vệ Cứu quốc được thành lập ở nhiều làng, xã trong huyện. Các đội viên tự vệ đều được huấn luyện một chương trình quân sự tối thiểu về cách sử dụng súng

trường, giáo, mác, động tác cá nhân chiến đấu, tiểu tổ chiến đấu... Đến đầu tháng 8, hầu hết các làng đều có từ 15 đến 20 đội viên tự vệ chiến đấu.

Các cuộc đấu tranh mạnh mẽ trong cao trào kháng Nhật của nhân dân, nhất là hoạt động của đơn vị vũ trang tập trung đã làm tê liệt ý chí của chính quyền tay sai từ huyện xuống các làng xã, đã phân hoá sâu sắc kẻ thù. Ngay cả tên huyện trưởng Phú Bình cũng hoang mang lo sợ, không dám chống phá cách mạng như trước. Đồn lính Hà Châu phải rút về huyện lỵ. Việt Minh hoạt động công khai mà quân Nhật đóng ở huyện lỵ cũng không dám chống cự.

Thực ra, trong những ngày đầu, khi khởi nghĩa mới bùng nổ ở các xã phía nam Huyện, kẻ địch đã phản ứng dữ dội, chống phá quyết liệt. Buổi sáng ngày 14/3, ta giành chính quyền ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng thì ngay tối hôm đó, quân lính ở đồn Hà Châu đã bí mật tập kích vào Kha Sơn Hạ, bắt đi một số đội viên tự vệ cứu quốc. Lực lượng tự vệ và nhân dân trong xã đã truy đuổi, chúng tháo chạy, ta giải thoát tất cả những người bị bắt. Ngày 21/3, chúng bất ngờ càn vào làng Úc Kỳ, bắt một số người đưa về huyện tra tấn ở những nơi nhiều người qua lại, nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân. Trước hành động tàn bạo này, lực lượng tự vệ các làng xung quanh huyện lỵ phối hợp với đơn vị vũ trang tập trung tiến hành bao vây, khống chế không cho chúng ra khỏi đồn.

Ngày 15/4/1945, tại Kha Sơn Hạ, đại biểu nhân dân 3

huyện Hiệp Hoà, Phú Bình, Phổ Yên dự cuộc mít tinh truy điệu 13 liệt sĩ hi sinh trong trận đánh địch ở cánh đồng Hoàng Lại (Hiệp Hoà) ngày 12/3/1945<sup>(1)</sup>. Ngay sau lễ truy điệu, đơn vị tự vệ tập trung của huyện được lệnh hành quân lên hoạt động ở các xã tây bắc và tây nam huyện. Tại các xã Tân Khánh, Tân Kim, Tân Hoà, đơn vị đã truy quét toàn thổ phỉ chạy từ Yên Bái qua Tuyên Quang về đây. Nhiều trận chiến đấu diễn ra rất ác liệt. Kết quả, ta đã diệt một số tên, bắt 13 tên, thu một số vũ khí, trong đó có 4 súng ngắn và nhiều của cải chúng cướp được của dân để trả lại cho dân.

Ngày 3/6, đơn vị phối hợp với lực lượng tự vệ của Hiệp Hoà, Phổ Yên đánh đồn Chã, diệt tên đồn trưởng, bắt toàn bộ binh lính trong đồn hơn 40 tên, thu 40 khẩu súng. Ngày 25/6, ta chặn đánh, bắt 4 xà lan của Nhật ở kè Đức Lân, thu toàn bộ hàng hoá gồm thuốc tây và các nhu yếu phẩm khác phục vụ cho quân lính của chúng đóng ở Thái Nguyên. Trong 2 ngày 24 và 25/6/1945, đơn vị phối hợp với tự vệ Đồng Liên chặn đánh địch nhiều trận ở kè Đá Gân, bẻ gãy cuộc hành quân của chúng từ thị xã Thái Nguyên theo đường sông Máng đi Phú Bình. Ngày 2/8, quân Nhật cho một tiểu đội đánh thăm dò vào làng Đình Cả (Hương Sơn), bị lực lượng tự vệ ta chặn đánh, diệt 1 tên Nhật, bọn còn lại tháo chạy.

(1) Được tin tên đồn trưởng đồn Trị Cự (Hiệp Hoà) cùng với 20 lính khổ xanh bỏ đồn tháo chạy về đồn Hà Châu (Phú Bình), lực lượng tự vệ của Hiệp Hoà và Phú Bình tổ chức chặn đánh ở cánh đồng Hoàng Lại. Do thiếu kinh nghiệm tổ chức chiến đấu, tự vệ của ta bị thiệt hại nặng. Địch chạy thoát về đồn Hà Châu.



Song song với việc xây dựng lực lượng vũ trang và các tổ chức chính trị, đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước trong toàn huyện, Tỉnh uỷ Bắc Giang rất chú trọng đến nhiệm vụ xây dựng Đảng ở Hiệp Hoà và Phú Bình nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ sôi động này.

Sau một thời gian tích cực chuẩn bị, được sự đồng ý của Xứ uỷ Bắc Kỳ, tháng 7/1945, Tỉnh uỷ Bắc Giang triệu tập Hội nghị toàn thể đảng viên huyện Phú Bình để truyền đạt Nghị quyết của Tỉnh uỷ về thành lập Ban cán sự Đảng bộ huyện Phú Bình. Hội nghị này được coi như là Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I.

Đồng chí Lương Văn Đài (Hiền Cửu) và đồng chí Nguyễn Trọng Tỉnh chủ trì Hội nghị và thay mặt cấp trên tuyên bố thành lập Ban cán sự Đảng bộ Phú Bình, gồm 9 đồng chí do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Trưởng ban. Ban cán sự Đảng bộ huyện có chức năng như một Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời. Đảng bộ lúc đầu có 2 chi bộ với gần 20 đảng viên.

Đảng bộ Phú Bình được thành lập là sự kiện đánh dấu bước tiến mới của phong trào cách mạng trong huyện, đồng thời đây cũng là nhân tố quyết định đảm bảo cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Phú Bình thắng lợi.

Sau khi thành lập, đầu tháng 8/1945, Ban cán sự Đảng bộ huyện đã họp, đề ra những nhiệm vụ trước mắt, trong đó trọng tâm là chuẩn bị lực lượng đánh chiếm huyện lỵ, giải phóng toàn huyện.

Được sự cổ vũ bởi thắng lợi trong những tháng vừa qua, lực lượng vũ trang trong huyện rất phấn khởi, tin tưởng, sẵn sàng bước vào trận đánh. Trong thời gian từ ngày 5 đến ngày 15/8, lực lượng vũ trang Phú Bình, có quần chúng làm hậu thuẫn, đã 3 lần tấn công vào huyện lỵ nhưng không thành công. Nguyên nhân chủ yếu là ở huyện lỵ, số quân lính địch có gần 100 tay súng (40 lính đồn Hà Châu, 20 lính đồn Trại Cù, 10 lính lệ và một tiểu đội lính Nhật), đặt dưới sự chỉ huy của Nhật. Mặt khác, từ tháng 5 đến tháng 8/1945, quân lính trong các đồn đã xây dựng hệ thống phòng thủ khá kiên cố. Trong khi đó, lực lượng cách mạng chỉ có các loại vũ khí thô sơ, không đủ sức công phá đồn, chưa có kinh nghiệm tổ chức, chỉ huy chiến đấu...

Ban cán sự Đảng bộ đã có quyết định sáng suốt: Tạm dừng cuộc tấn công vào huyện lỵ, chỉ để lại một lực lượng nhỏ tự vệ chiến đấu bao vây, không cho chúng ra khỏi đồn, còn đại bộ phận toả xuống các làng, xã, nhất là những nơi yếu, giúp đỡ vực dậy phong trào, giữ gìn trật tự trị an. Kế hoạch đang được triển khai tích cực thì ngày 18/8/1945, Ban cán sự Đảng bộ huyện nhận được lệnh đưa lực lượng tự vệ Phú Bình lên tham gia giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, Phú Bình để một bộ phận nhỏ thuộc đại đội tự vệ tập trung ở lại tiếp tục bao vây huyện lỵ, còn đại bộ phận vượt nước lũ, cấp tốc hành quân lên thị xã Thái Nguyên. Chiều 19/8, đơn vị đến Gia Sàng, đánh chiếm đồn điền Lưu

Bảo Ngọc, trùng trị tên tay sai Nhật ở đây, bắt gọn tiểu đội bảo an binh. Sáng 20/8, đơn vị được giao nhiệm vụ cùng với Trung đội Quân giải phóng xây dựng trận địa, sẵn sàng đánh quân Nhật ở Hà Nội lên cứu viện cho đồng bọn trong Thị xã. Cùng ngày, đơn vị được giao nhiệm vụ vận chuyển 600 khẩu súng thu được của bảo an binh trong thị xã Thái Nguyên về Bắc Giang, trang bị cho tự vệ đánh chiếm tỉnh lỵ Bắc Giang. Lúc này, quân Nhật ở huyện lỵ Phú Bình vẫn đang bị tã bao vây. Sau chiến thắng ở thị xã Thái Nguyên, đại đội tự vệ Phú Bình<sup>(1)</sup>, do đồng chí Thanh Cao làm Đại đội trưởng, được trang bị thêm 54 khẩu súng và ngay đêm 20/8, quay trở lại Phú Bình, chuẩn bị đánh đồn huyện lỵ lần thứ 4, theo kế hoạch dự kiến vào ngày 23/8.

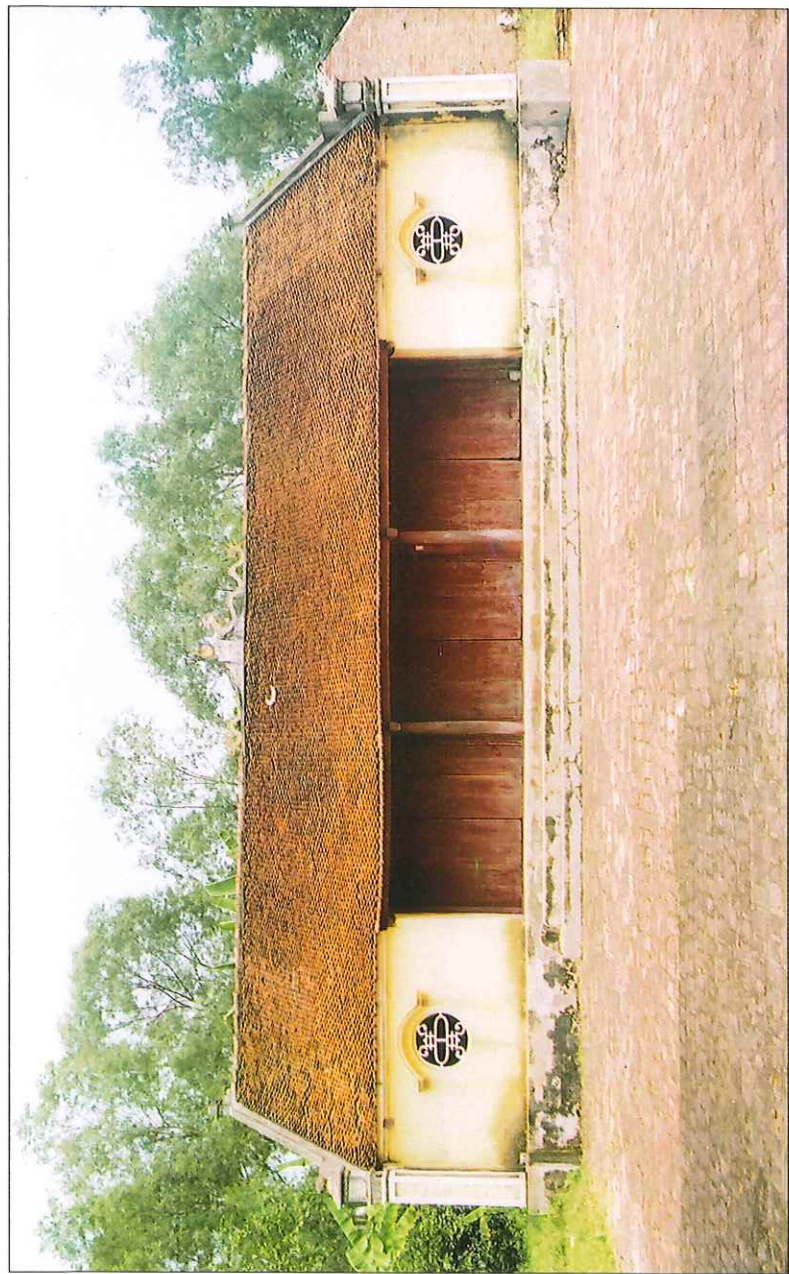
Kế hoạch đang được triển khai khẩn trương thì sáng ngày 23/8/1945, đồng chí Lê Trung Đình cùng phái bộ Nhật xuống Phú Bình đưa quân Nhật về tỉnh theo thỏa thuận giữa Bộ chỉ huy Quân giải phóng và Tư lệnh quân Nhật ở Bắc Kỳ.

Bị quan thầy bỏ rơi, huyện trưởng Nguyễn Đăng Tám đưa toàn bộ lính khố xanh, lính cơ cùng vũ khí, hồ sơ, sổ sách ra hàng quân cách mạng. Đêm đó, Nguyễn Đăng Tám bị một thuộc cấp đánh chết với mục đích vụ lợi, rồi phao tin là tự tử. Một nửa số binh lính khố xanh xin gia nhập lực lượng cách mạng, một nửa xin về quê làm ăn, sinh sống.

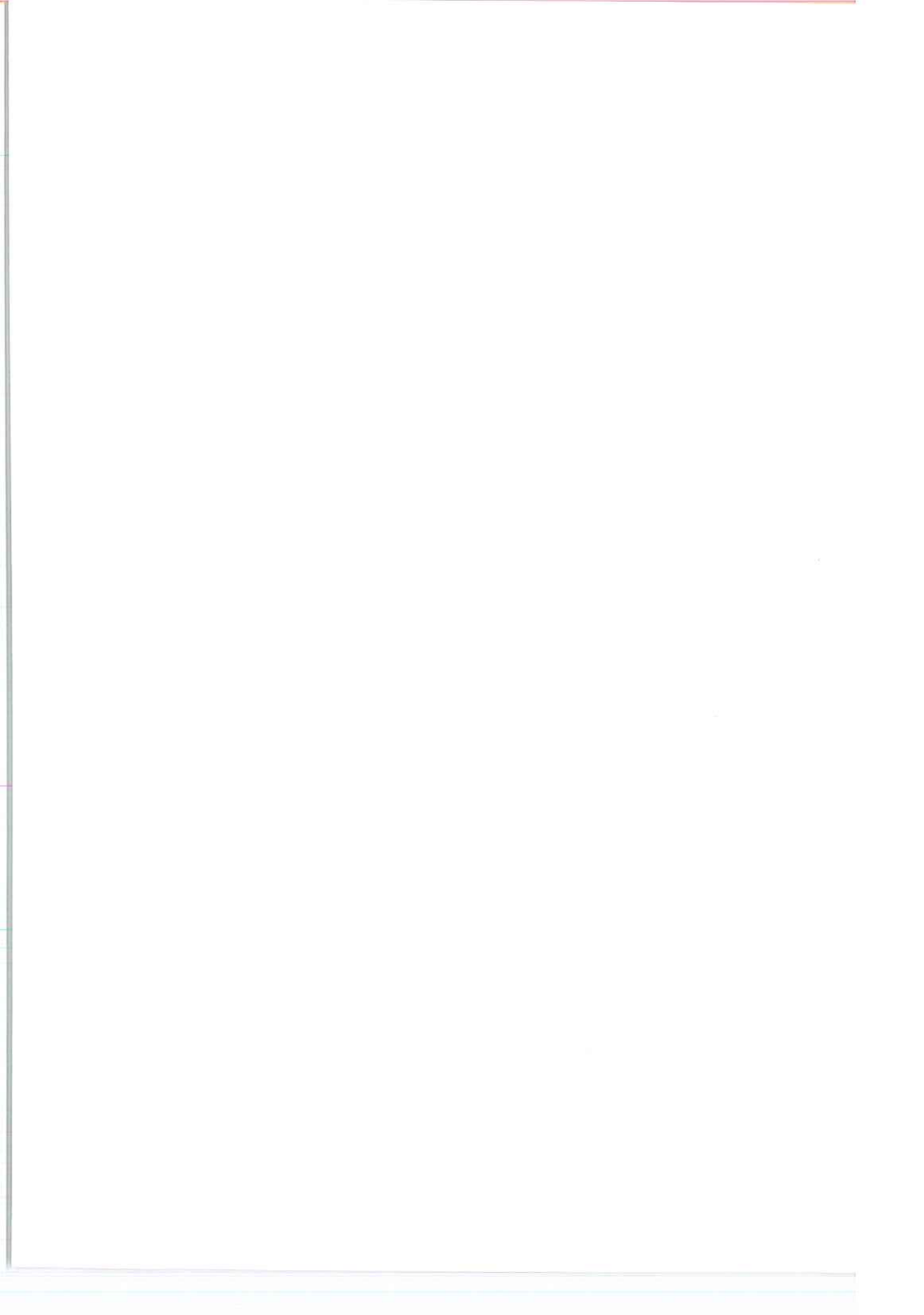
---

(1) - Đến tháng 7/1945, Đại đội tự vệ chuyển hẳn cho huyện Phú Bình, đặt dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự huyện.





**Dinh Kha Son Ha - địa điểm thành lập chính quyền đầu tiên huyện Phú Bình.**



Tin giành chính quyền ở huyện lỵ nhanh chóng toả đi các xã. Hàng ngàn quần chúng kéo về sân vận động huyện (khu vực chợ Cầu, Nhả Lộng ngày nay) dự cuộc mít tinh ra mắt Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện do ông Nguyễn Đức Xương làm Chủ tịch.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Phú Bình đã góp phần cùng với nhân dân cả nước làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, đưa tới sự ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - Kỷ nguyên độc lập, tự do.



## **CHƯƠNG II**

# **ĐẢNG BỘ PHÚ BÌNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG HUYỆN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (9/1945 - 7/1954)**

## **I- LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH BẢO VỆ, XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (9/1945 - 9/1950)**

Vừa mới ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã phải đứng trước những thử thách cực kỳ nghiêm trọng: Giặc ngoại, thù trong, cùng với biết bao nhiêu khó khăn về các mặt, trực tiếp đe dọa đến sự tồn tại của Nhà nước Cộng hoà non trẻ. Nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta là phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bài trừ nội phản, nhanh chóng xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, giải quyết khó khăn về các mặt, từng bước ổn định đời sống nhân dân.

Cùng với nhân dân cả nước, sau khi giành được chính quyền, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình phải lo giải quyết những khó khăn về kinh tế - xã hội. Nền kinh tế của huyện vốn là nền kinh tế nông nghiệp

nghèo nàn, lạc hậu, lại bị kiệt quệ nặng nề do chính sách vơ vét, bóc lột của thực dân Pháp - phát xít Nhật thống trị. Thêm vào đó, trận lụt lớn xảy ra trong tháng 8/1945 và tiếp theo là hạn hán kéo dài đã làm cho phần lớn diện tích ruộng đất bị bỏ hoang. Thương nghiệp ngừng trệ, hàng hoá trên thị trường khan hiếm. Tài chính cạn kiệt, ngân khố cả tỉnh Thái Nguyên mới chỉ có 20.000 đồng Đông Dương. Hậu quả nạn đói khủng khiếp do Nhật - Pháp gây nên hồi cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa khắc phục được thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện. Đời sống nhân dân trong huyện bị đe dọa hết sức nghiêm trọng.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, các cấp uỷ Đảng cùng với chính quyền và đoàn thể trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực hưởng ứng cuộc vận động diệt "giặc đói". Nhiều sáng kiến cứu đói được thực hiện, như tổ chức "Ngày đồng tâm", theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi bữa một bơ để dành gạo cứu đói; lập "Hũ gạo tiết kiệm", dành dụm từng nắm gạo để giúp đỡ những gia đình đang bị nạn đói đe dọa. Truyền thống đồng cam, cộng khổ, đùm bọc lẫn nhau của nhân dân trong huyện được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ. Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân khắc phục những hậu quả do thiên tai gây ra, tích cực khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích trồng cây lương thực và hoa màu ngắn ngày.

Nhờ có những biện pháp tích cực của các cấp ủy Đảng và chính quyền, sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên và quần chúng, nạn đói trên địa bàn huyện về cơ bản được đẩy lùi. Đời sống nhân dân trong huyện bước đầu được ổn định.

Trong năm đầu tiên khi mới ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đứng trước tình trạng trống rỗng về tài chính. Ngân sách Quốc gia lúc đó chỉ có 1.230.000 đồng, quá nửa tiền rách; Nhà nước cách mạng lại chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương... Nhằm khắc phục tình trạng trên, Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn dân tham gia quyền góp xây dựng "Quỹ Độc lập" và phát động "Tuần lễ vàng".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Phú Bình, chính quyền và các đoàn thể đã đứng ra vận động, tổ chức nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực hưởng ứng "Tuần lễ vàng". Những đôi hoa tai, nhẫn cưới bằng vàng, những bộ xà tích bằng bạc... là những kỷ vật trong đời tư đã được bà con các dân tộc, nhất là chị em phụ nữ tự nguyện ủng hộ vào ngân sách Nhà nước. Nhiều gia đình còn đóng góp cho Nhà nước các loại nồi, mâm, chậu thau đồng. Những tài sản đóng góp này thể hiện tấm lòng vàng của nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đối với cách mạng, góp phần tạo thêm điều kiện thuận lợi cho Nhà nước dân chủ cộng hòa vượt qua khó khăn ban đầu về kinh tế, tài chính.

Cùng với việc đẩy lùi "giặc đói" và khắc phục khó



khẩn về tài chính, Đảng bộ huyện Phú Bình đã coi việc tổ chức bình dân học vụ, tích cực bài trừ "giặc dốt" là một trong nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ này. Một số cán bộ được phái xuống tận các thôn, xóm để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ. Hàng trăm lớp học bình dân học vụ được mở tại các xã, lồi cuốn đông đảo nhân dân tham gia... Trong các làng, xã đều dấy lên phong trào thi đua "thắp đèn dầu để học chữ quốc ngữ".

Chỉ sau hơn một năm, từ tháng 9/1945 đến cuối năm 1946, hàng nghìn người dân Phú Bình đã thoát khỏi nạn mù chữ, hàng trăm cán bộ cơ sở từ chỗ chưa biết đọc, biết viết, đã đọc thông viết thạo, tích cực tham gia công tác kháng chiến, kiến quốc. Các tệ nạn xã hội do chế độ thực dân, phong kiến để lại cũng từng bước bị loại trừ. Đời sống mới trong nhân dân các dân tộc Phú Bình bước đầu được xây dựng.

Những kết quả bước đầu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội không những có tác dụng cải thiện một bước đời sống của nhân dân, mà còn làm tăng thêm lòng tin yêu của nhân dân đối với chế độ mới; uy tín của Đảng ngày càng được ăn sâu bén rễ trong nhân dân; khối đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc. Đó là những nhân tố rất thuận lợi giúp cho Đảng bộ Phú Bình tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực phản cách mạng.

Dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng Minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, khoảng 5.000 quân Tưởng trong Quân đoàn 93 thuộc Phương diện quân thứ nhất, sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, đã kéo vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chúng chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và dọc Đường số 3, từ Thị xã đến cầu Đa Phúc. Đi đến đâu, chúng đều cướp bóc, tàn phá, chiếm nhà dân, quán chợ, bắt nhân ta tiêu tiền Quan kim, Quốc tệ đã mất giá trị. Chúng tập hợp bọn tay sai, thành lập "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" ở nhiều nơi, nhất là những nơi có đồng bào người Hoa sinh sống. Chúng xúi giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Lợi dụng danh nghĩa quân Đồng Minh, quân Tưởng đòi ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải, đi lại cho chúng.

Tại Phú Bình, lợi dụng tâm lý nhẹ dạ của một số đồng bào người Hoa sinh sống ở các xã Tân Hoà, Tân Kim, bọn phản động trong người Hoa đã lôi kéo họ vào "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội"... Một số phần tử phản động lợi dụng đạo Thiên chúa ở xứ Nhã Lộng đứng ra tổ chức "Liên đoàn thanh niên chống cộng". Ở các xã Tân Hoà, Tân Khánh, bọn lưu manh, trộm cắp, thổ phỉ xuất hiện, đe dọa cuộc sống của người dân.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương và sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo

chính quyền cơ sở và nhân dân trong huyện thẳng tay trừng trị những tên cầm đầu các tổ chức phản động, cảnh cáo những kẻ theo đuôi và giải thích cho quần chúng trong người Hoa thấy rõ âm mưu thâm độc của bọn cầm đầu "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội".

Thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống bọn phản động, giữ vững trật tự trị an trên địa bàn cùng với những kết quả bước đầu thu được trong việc giải quyết các khó khăn về kinh tế, văn hóa, xã hội có ý nghĩa quyết định đối với nhiệm vụ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân. Thông qua những thắng lợi đã giành được, nhân dân các dân tộc trong huyện càng thêm tin tưởng, gắn bó với chính quyền, đoàn kết chặt chẽ, quyết tâm xây dựng, bảo vệ vùng chắc quê hương. Trong hoàn cảnh đó, nhiệm vụ xây dựng Đảng và bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân trong huyện trở thành một yêu cầu bức thiết.

Bản Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" ngày 25/11/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhấn mạnh: "Phải duy trì tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng; tuyển thêm đảng viên. Đặc biệt gây dựng cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm sao cho sự phát triển của Đảng ăn nhịp với sự phát triển của công nhân Cứu quốc. Phải tổ chức các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác bao gồm tất cả những phần tử có khuynh hướng cộng sản hay có tình cảm với cộng sản do người cộng sản điều khiển. Các tổ chức của Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rạc, loạn choạc..."<sup>(1)</sup>.

(1) Văn kiện Đảng, tập 1. Ban NCLSDTW, Hà Nội, 1978, tr. 30, 31.



So với các huyện khác trong tỉnh Thái Nguyên, Phú Bình là huyện sớm hình thành tổ chức cơ sở Đảng (7/1943). Sau ngày giành được chính quyền, tổng số đảng viên của Đảng bộ huyện Phú Bình có gần 20 đồng chí, trong đó phần lớn đã được rèn luyện thử thách, trưởng thành qua phong trào đấu tranh cách mạng ở cơ sở. Tuy nhiên, trình độ, năng lực của đảng viên còn nhiều hạn chế, nhất là về trình độ văn hoá và lý luận chính trị. Trong khi đó, yêu cầu nhiệm vụ cách mạng đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Bình hết sức nặng nề.

Để khắc phục tình trạng trên, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên <sup>(1)</sup> mở hội nghị và quyết định: Kiện toàn các cơ quan giúp việc Tỉnh uỷ, ra sức xây dựng Huyện uỷ, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập các chi bộ cơ sở.

Quán triệt nghị quyết của Tỉnh uỷ, Hội nghị Ban cán sự Đảng huyện Phú Bình (họp vào mùa đông năm 1945) đã khẳng định: Trên mặt trận chiến đấu mới bảo vệ chính

---

(1) Giữa tháng 9/1945, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Thái Nguyên được tổ chức tại xóm Trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương) đã công bố Nghị quyết của Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng bộ Thái Nguyên. Đây là mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn toàn tỉnh. Cùng từ lúc này trở đi, Đảng bộ Phú Bình đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

quyền, bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, giữ vững an ninh chính trị ở địa phương và cải cách đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong huyện... muốn giành được thắng lợi, điều có ý nghĩa quyết định là phải xây dựng Đảng bộ trưởng thành cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó việc mở rộng đội ngũ đảng viên có một tầm quan trọng lớn.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, từ cuối năm 1945, Đảng bộ huyện Phú Bình chuyển vào hoạt động bí mật. Được sự giúp đỡ của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở tỉnh, Đảng bộ đã tích cực vận động, hướng dẫn cán bộ cơ sở, nhất là thanh niên tham gia sinh hoạt, học tập trong Hội văn hoá Mác xít. Thông qua hoạt động của tổ chức này, một số tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin và tờ báo Sự Thật (cơ quan ngôn luận của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương) được phổ biến trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Mặc dù còn có những hạn chế do chưa có kinh nghiệm và phương tiện tuyên truyền, sự hoạt động của tổ chức trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng Đảng không những về chính trị, tư tưởng, mà cả về tổ chức.

Tháng 8/1946, Ban cán sự Đảng huyện Phú Bình triệu tập Hội nghị đảng viên toàn huyện họp tại ấp Vân Đình, xã Đức Liên (nay là xã Thanh Ninh).

Trên cơ sở phân tích tình hình cụ thể ở địa phương, Hội nghị nhất trí thông qua nhiệm vụ của Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ kháng chiến,

kiến quốc ở địa phương, trong đó việc có ý nghĩa quan trọng quyết định là củng cố tổ chức Đảng, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, tăng cường sức chiến đấu của Đảng bộ. Hội nghị đã quyết định thành lập Huyện uỷ thay cho Ban cán sự Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá mới gồm 9 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Bí thư Huyện uỷ<sup>(1)</sup>. Hội nghị đảng viên toàn huyện Phú Bình (tháng 8/1946) được coi như là Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II. Đây là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ huyện Phú Bình, trước hết là về mặt tổ chức, nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện tại còn khoảng cách khá lớn. Để làm tròn vai trò lãnh đạo đối với mọi mặt công tác ở địa phương, Đảng bộ huyện Phú Bình cần phải xây dựng và củng cố vững chắc, gây uy tín, ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân.

Từ cuối năm 1945 đến tháng 8/1946, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh. Những cán bộ và quần chúng trung kiên đã từng tham gia hoạt động trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập lần lượt đều được đứng trong đội ngũ của Đảng. Từ chỗ toàn Đảng bộ chỉ có gần 20 đảng viên, tập trung ở 3 xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn và một chi bộ công sở các cơ quan huyện, đến năm 1946, toàn Đảng bộ đã có hơn 100 đảng

---

(1) Đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Bí thư đến hết năm 1947. Từ năm 1948, đồng chí Lê Phương làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện.



viên ở hầu hết các xã trong huyện; nhiều chi bộ liên xã được thành lập.

Cùng với việc phát triển đảng viên, Đảng bộ huyện còn chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, về quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên. Trong thời kỳ này, dù còn thiếu cán bộ nghiêm trọng, Đảng bộ vẫn quyết tâm cử những đảng viên đang đảm nhiệm trọng trách tham dự các lớp bồi dưỡng dài hạn do Đảng bộ tỉnh tổ chức. Chương trình huấn luyện, bồi dưỡng bao gồm lý luận sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, lịch sử Đảng, lý luận về cách mạng dân chủ mới và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Hàng chục cán bộ, đảng viên, thông qua các lớp huấn luyện, được trang bị thêm những nhận thức mới, thực sự phát huy được vai trò lãnh đạo trong mọi hoạt động ở địa phương.

Công tác xây dựng Đảng tuy được đẩy mạnh, nhưng kết quả vẫn còn nhiều hạn chế. Tổ chức cơ sở Đảng chưa được xây dựng đều khắp. Nhiều nơi chưa có chi bộ, tổ đảng. Trình độ lý luận cũng như trình độ giác ngộ giai cấp trong cán bộ, đảng viên còn thấp. Tuy nhiên, với những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng, sức chiến đấu của Đảng bộ huyện Phú Bình được nâng lên. Điều này đã giúp cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Ngày 23/12/1945, với niềm phấn khởi, tự hào vì được

sống trong độc lập tự do, nhân dân các dân tộc Phú Bình hăng hái đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà <sup>(1)</sup>.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng, nhân dân trong huyện Phú Bình nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã đã đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại và lật đổ của các thế lực phản cách mạng ở địa phương; đồng thời có tác dụng nâng cao lòng yêu nước, phát huy ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân. Ủy ban hành chính các cấp được thành lập thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Các ban chuyên môn của chính quyền dần dần hình thành và đi vào hoạt động tích cực. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từ xã đến huyện từng bước được củng cố và kiện toàn.

Trong khoảng thời gian ngắn, từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, nhưng Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Bình đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trên

---

(1) Theo chủ trương của Trung ương, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào ngày 23/12/1945. Để có thêm thời gian chuẩn bị, Trung ương quyết định lùi cuộc Tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946. Song một số địa phương, trong đó có tỉnh Thái Nguyên không nhận được lệnh hoãn, nên vẫn tổ chức bầu cử theo thời gian trước.

mọi lĩnh vực: xây dựng Đảng, củng cố chính quyền cách mạng, chống thù trong, giặc ngoài, cải thiện đời sống nhân dân. Đây là những thắng lợi bước đầu nhưng có ý nghĩa quyết định cho những bước đi tiếp theo của Đảng bộ trong vai trò lãnh đạo thực hiện công cuộc kháng chiến, kiến quốc ở địa phương.

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, sau nhiều lần khiêu khích trắng trợn, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp được sự giúp đỡ của quân Anh đã nổ súng đánh chiếm một số cơ quan chính quyền nhân dân ở Sài Gòn, Chợ Lớn. Từ sau ngày Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước Việt-Pháp (14/9/1946) được ký kết, thực dân Pháp thi hành chính sách lấn dần, đem quân ra Bắc, sau đó chúng liên tục khiêu khích, đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Trong hai ngày (18, 19/12/1946), chúng liên tiếp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta đòi tước vũ khí của tự vệ và trao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng.

Trước nguy cơ nền độc lập của dân tộc và chủ quyền của đất nước trực tiếp bị đe dọa, hai ngày 18 và 19/12/1946 tại Vạn Phúc, Hà Đông, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng đã quyết định chủ trương phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước và đề ra đường lối, chủ trương kháng chiến.

Trên địa bàn huyện Phú Bình, từ ngày Toàn quốc kháng chiến bùng nổ đến thượng tuần tháng 9/1950, chiến sự vẫn chưa lan tới. Tranh thủ thời gian hoà bình,



dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Phú Bình khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác chuẩn bị kháng chiến là tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Bình đã lãnh đạo tổ chức quán triệt những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ rộng rãi, tự vệ chiến đấu. Các lực lượng vũ trang này đã từng là công cụ sắc bén ở địa phương trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Tuy nhiên, sau Cách mạng tháng Tám, nhất là sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945), do yêu cầu mới của tình hình đất nước, một số cán bộ, chiến sỹ ưu tú đã được bổ sung vào các đơn vị chủ lực của tỉnh và của Bộ Quốc phòng, một số chuyển sang làm nhiệm vụ khác; mặt khác do tâm lý chủ quan, tự mãn sau khi giành được độc lập, một số cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề xây dựng lực lượng tự vệ.

Quán triệt chủ trương kháng chiến của Trung ương Đảng là động viên nhân, tài, vật lực để kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, Đảng bộ Phú Bình, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã vượt qua khó khăn, phát động phong trào toàn dân luyện tập quân sự; đồng thời tích cực củng cố các lực lượng vũ trang cả về tổ chức, biên chế, luyện tập và xây dựng thêm các đơn vị mới. Phong trào luyện tập quân sự trong

huyện dần dần được phục hồi và phát triển.

Từ cuối năm 1946, lực lượng tự vệ địa phương được đặc biệt chú ý phát triển. Các đội tự vệ được trang bị tương đối tốt, có chỉ huy chặt chẽ. Cán bộ, chiến sỹ tự vệ được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông, sử dụng vũ khí thông thường.

Thực tiễn trong công tác xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang thời kỳ này gặp không ít khó khăn về mặt cung cấp lương thực, thực phẩm, quân nhu. Để trợ giúp về hậu cần cho tự vệ hoạt động thường xuyên, có chất lượng, quán triệt phương châm "toàn dân kháng chiến", "toàn diện kháng chiến" của Đảng, Đảng bộ Phú Bình đã coi trọng công tác võ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vừa chiến đấu vừa tham gia giao thông liên lạc, vận tải. Nhờ đó, Phú Bình đã có lực lượng tự vệ đông đảo, đủ sức làm tốt nhiệm vụ bảo vệ trật tự an ninh trong huyện và sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, hành động chống phá của kẻ thù.

Thực hiện Thông tư (19/2/1947) của Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, sau khi Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân tỉnh Thái Nguyên được thành lập (4/1947), đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính tỉnh, đến cuối năm 1947, tại Phú Bình Huyện đội bộ dân quân và các Xã đội bộ dân quân cũng được tổ chức và chính thức đi vào hoạt động.

Như vậy, chỉ trong vòng nửa năm, Phú Bình đã hoàn

thành căn bản nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương, chuẩn bị sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ quê hương khi chiến sự xảy ra.

Trong những năm đầu Toàn quốc kháng chiến, Phú Bình được coi là hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng đông. Việc tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống, tạo việc làm cho đồng bào là trách nhiệm rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Phú Bình.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ Thái Nguyên, đầu năm 1947, Uỷ ban tản cư, tiếp cư của Phú Bình và các xã trong huyện được thành lập, có sự tham gia của các ngành, các giới, đặt dưới sự chỉ đạo của Uỷ ban hành chính các cấp.

Chấp hành chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Vô luận thế nào, các Uỷ ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Mặt trận khẩn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống. Đến tháng 2/1947, Phú Bình đã tiếp đón hàng nghìn đồng bào từ các tỉnh tản cư đến.<sup>(1)</sup>

---

(1) Giữa năm 1947, thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng và trung du; đồng bào ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc tiếp tục tản cư lên huyện Phú Bình đông hơn. Đến cuối năm 1949, huyện đã tiếp đón thêm gần 1 vạn đồng bào tản cư từ các tỉnh đến.



Với truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã chia sẻ cho đồng bào tản cư từ bát gạo, củ sắn, bắp ngô, đến dụng cụ, tư liệu sản xuất (cày, cuốc, ruộng đồng, soi bãi); chăm lo thăm hỏi đồng bào, giúp đồng bào sớm ổn định đời sống và sản xuất. Sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Bình đã làm cho đồng bào tản cư an tâm, phấn khởi, gắn bó với quê hương mới. Do đó, ngay sau khi ổn định nơi ăn, chốn ở, đồng bào tản cư tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc ở địa phương, hăng hái vận động con em gia nhập bộ đội, dân quân, du kích.

Song song với việc tổ chức tản cư, tiếp cư, Đảng bộ và nhân dân Phú Bình đã quán triệt và thực hiện tốt chỉ thị của Trung ương về công tác "phá hoại kháng chiến", coi đây là nhiệm vụ quan trọng trước khi bước vào kháng chiến cũng như trong kháng chiến, bởi vì: phá hoại là một bộ phận quan trọng của chiến tranh du kích. Đánh thì phải phá. Quân du kích ít súng đạn nên phải phá nhiều hơn đánh nhằm làm cho địch què, mù, câm, điếc, đói, khát.

Huyện Phú Bình là địa bàn ở xa các quốc lộ, các công trình xây dựng nhà ở, các hệ thống đồn bốt của địch nằm rải rác ở một số xã trong huyện. Cả huyện Phú Bình có khoảng năm, bảy ngôi nhà gác, trong đó có Nhà thờ Nhâ Lộng và Công đường huyện. Theo sự hướng dẫn của Ban phá hoại kháng chiến của tỉnh, một Tiểu ban phá hoại ở huyện được thành lập. Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo

Tiểu ban này mở đợt vận động tuyên truyền để quần chúng nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa của công tác phá hoại. Nhờ có chủ trương và biện pháp tích cực, nhân dân trong huyện đã sôi nổi tham gia công tác phá hoại kháng chiến và chuẩn bị các công việc kháng chiến.

Với niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến, quân và dân Phú Bình đã tự tay mình phá Công đường huyện, Quốc lộ 119 - đi Hà Châu, tham gia ngăn chặn ca nô, tàu chiến địch trên kênh sông Máng. Do làm tốt việc tuyên truyền, nên đồng bào giáo dân vùng Nhà thờ Nhà Lộng cũng tự nguyện đập tường, phá huỷ những nơi quân địch có thể lợi dụng. Đảng bộ huyện còn lãnh đạo tốt công tác tản cư, cất giấu của cải, sơ tán người già, trẻ em đến những nơi an toàn.

Chỉ trong vòng 6 tháng, công tác phá hoại căn bản hoàn thành. Ở nhiều vùng nông thôn trên địa bàn huyện, toàn dân triệt để làm vườn không nhà trống. Công tác đào hầm, hào, công sự, xây dựng trận địa chiến đấu, đặt bãi chông, mìn được thực hiện khẩn trương. Quân và dân huyện Phú Bình trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Về phía thực dân Pháp, theo kế hoạch đã sắp đặt từ trước, ngày 7/10/1947, chúng tập trung 12.000 quân tinh nhuệ được trang bị đầy đủ vũ khí, phương tiện hiện đại (máy bay, tàu chiến, xe cơ giới, đại bác) mở cuộc tấn công lớn vào Căn cứ địa Việt Bắc.

Ngày 7/10, một binh đoàn đổ bộ đường không do Xôanhắc chỉ huy nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, thị

trấn Chợ Mới, hòng "bắt gọn chính phủ kháng chiến".

Cùng thời gian trên, thực dân Pháp cho hai binh đoàn tiến theo hai đường thủy, bộ, tạo thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc ở phía Đông và phía Tây. Theo kế hoạch, hai gọng kìm sẽ hội quân tại Đài Thị vào ngày 13/10/1947, sau đó sẽ toả ra càn quét tiêu diệt chủ lực ta, lùng bắt cán bộ, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, phá huỷ kho tàng, kết thúc chiến tranh và đặt lại ách thống trị thực dân lên đất nước ta một lần nữa. Đánh lên Việt Bắc, quân Pháp còn nhằm khoá chặt biên giới Việt - Trung, cô lập cách mạng Việt Nam với quốc tế. Trước cuộc tiến công của thực dân Pháp lên Căn cứ địa Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước và lực lượng vũ trang hãy ra sức chiến đấu tiêu diệt địch. Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp".

Để đối phó với chiến dịch tấn công quy mô lớn của địch lên Việt Bắc và bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Bình chiến đấu bảo vệ quê hương, Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã cử đồng chí Lê Nguyên (tức Lê Phương) - Tỉnh uỷ viên - xuống trực tiếp làm Bí thư Huyện uỷ Phú Bình <sup>(1)</sup> thay cho đồng chí Bình Sơn

(1) Báo cáo tình hình sự thi hành những nghị quyết "Hội nghị đại biểu toàn tỉnh ngày 10/8/1947" Phòng 43, hồ sơ 217, Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.



chuyển công tác khác. Ngoài ra, Tỉnh uỷ còn đưa một số cán bộ các ngành Nông dân, Thanh niên xuống các xã trực tiếp hoạt động.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Bình vừa khẩn trương xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu, vừa phải kịp thời ngăn chặn âm mưu, hành động chống phá của các phần tử phản động.

Vào những tháng đầu năm 1947, tổ chức "Việt Dũng" của bọn phản động đội lốt tôn giáo do linh mục Quảng và linh mục Phạm Ngọc Đốc cầm đầu gây rối ở một số nơi thuộc xã Quyết Tiến, thôn Na Dao (xã Tân Kim), làng Tú (xã Tân Khánh). Chúng dùng bọn tay chân móc nối với cha cố ở Nhà thờ Phúc Xuân, Nhà thờ Chã, lừa bịp giáo dân, đưa ra nhiều luận điệu nói xấu cách mạng, chia rẽ quần chúng nhân dân. Ngoài ra, bọn chúng còn cố tình vận động để đưa bọn địa chủ và các tầng lớp trên vào nắm giữ các chức vụ chính quyền ở cơ sở và vận động đồng bào giáo dân phản đối chủ trương tiêu thổ kháng chiến ở Nhà thờ Nhả Lộng. Linh mục Phạm Ngọc Đốc là kẻ ngoan cố nhất trong số các phần tử đội lốt tôn giáo, tuyên truyền, xúi dục giáo dân chống lại cách mạng; có lần y đã nói: "Đảng Cộng sản là vô thần, các con không nên vào, ai vào sẽ mắc vạ".

Để kịp thời ngăn chặn hành động phá hoại cách mạng của bọn phản động, giữ gìn trật tự xã hội, chủ động đối

phó với tình hình chiến sự có thể xảy ra, Huyện uỷ Phú Bình đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, lấy tổ chức chi bộ xã làm nòng cốt, giải thích cho nhân dân hiểu rõ bản chất lừa bịp của chúng, đồng thời có biện pháp cảnh cáo, trừng trị những phần tử ngoan cố.

Là vùng tương đối an toàn do chiến sự không lan tới, từ năm 1947, huyện Phú Bình là địa bàn đứng chân của một số cơ quan Trung ương, Khu và tỉnh (Nhà máy in tiền Quốc gia, Cục Quân nhu, Quân y của Khu uỷ, Liên Khu uỷ Liên khu I, Tòa án Quân sự đặc biệt Khu, Công ty quốc doanh Việt Bắc và một vài cơ quan thuộc Tỉnh uỷ Bắc Giang). Ngoài ra, Phú Bình còn là nơi tập kết của các đơn vị bộ đội chủ lực, dân quân, du kích trước và sau mỗi chiến dịch.

Phú Bình là cửa ngõ ra vào, là nơi giáp ranh giữa vùng tự do và vùng tạm bị địch chiếm. Do vậy, việc phòng gian, trừ gian là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và khó khăn. Để làm tốt công tác bảo mật, phòng gian, bảo vệ an toàn các cơ quan của Đảng và Nhà nước đóng trên địa bàn huyện, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Bình đã lãnh đạo Uỷ ban hành chính huyện có biện pháp tổ chức lực lượng tự vệ, bố trí tuần tra, canh gác, phát hiện những phần tử khả nghi để kịp thời xử lý.

Do làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, nên quần chúng nhân dân đã tự giác đào hầm, hào trú ẩn, cất giấu lương thực, tổ chức lực lượng phòng, chữa cháy và sơ tán hàng hoá ở các kho tàng nếu bị địch đánh phá. Nhiều tổ

tự vệ, cứu thương, tải đạn, liên lạc được thành lập và huấn luyện những động tác cơ bản.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 1947 đến đầu năm 1948, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đã làm tròn nhiệm vụ, củng cố thành quả cách mạng, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan Trung ương, góp phần cùng với nhân dân tỉnh nhà quét sạch quân thù ra khỏi Thái Nguyên.

Thất bại trong cuộc tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947, thực dân Pháp buộc phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh sang chiến lược đánh lâu dài. Tuy nhiên, chúng vẫn còn chốt giữ 5 cứ điểm trên Đường số 3, từ Bắc Kạn lên Cao Bằng, để nếu có cơ hội, sẽ tiếp tục tấn công Việt Bắc lần thứ hai hòng nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Xuất phát từ tình hình đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ Phú Bình tiếp tục chăm lo củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, sẵn sàng đối phó với kẻ thù khi có chiến sự lan tới.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác trong tình hình mới, năm 1948, Huyện uỷ Phú Bình triệu tập Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III. Đại hội phân tích đánh giá những thành tích đã giành được trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội kể từ Đại hội Đảng bộ lần thứ II (8/1946). Đại hội cũng vạch rõ những tồn tại trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ đối với các mặt công tác ở địa phương: Đội ngũ kế cận cho Đảng còn ít, các tổ chức cơ sở Đảng chưa rộng, chưa phân bố đều... Trên cơ



sở đó, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ là giáo dục quần chúng nhân dân luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, gồm 9 đồng chí, do đồng chí Trần Lê Nhân làm Bí thư, đồng chí cho Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư phụ trách tổ chức, kiêm Chủ nhiệm Việt Minh.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III thành công, Huyện uỷ Phú Bình được kiện toàn thêm một bước, đảm bảo cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện chuẩn bị đối phó âm mưu và hành động mới của thực dân Pháp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, Huyện uỷ đặt công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng là nhiệm vụ hàng đầu.

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng về công tác xây dựng Đảng đã nêu rõ phải "củng cố lại chi bộ, mở các lớp huấn luyện cho cán bộ và Bí thư chi bộ, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên". Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Bình đã mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ và Chi uỷ viên về tình hình thế giới, trong nước; đường lối chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng; công tác chi bộ và tư cách của người cán bộ, đảng viên. Thông qua đó, tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của đội ngũ cán

bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Tuy nhiên, do thời gian mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện gấp gáp; nội dung, chương trình huấn luyện chưa được chuẩn bị chu đáo, lại thiếu giảng viên, nên kết quả học tập của học viên cũng còn nhiều hạn chế.

Từ tháng 4/1949, Tỉnh uỷ đề ra chủ trương củng cố chi bộ. Thực hiện chủ trương này, Huyện uỷ Phú Bình đã thành lập các đội củng cố chi bộ, cử nhiều cán bộ xuống trực tiếp làm Bí thư các chi bộ yếu kém. Nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ của Huyện uỷ, vị trí, vai trò của các tổ chức cơ sở Đảng từng bước được nâng cao; công tác phát triển Đảng ở cơ sở đảm bảo đúng hướng, sát hợp với tình hình ở từng xã; các chi bộ đã chú trọng tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đảng tới quần chúng.

Cùng với việc mở lớp huấn luyện cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ và Chi uỷ viên, Huyện uỷ Phú Bình còn đẩy mạnh công tác củng cố và phát triển đội ngũ đảng viên. Những đảng viên thoái hoá, biến chất, không còn đủ tư cách, phẩm chất đã bị đưa ra khỏi tổ chức Đảng. Những quần chúng ưu tú thuộc thành phần bản, cố nông và những người đã qua rèn luyện, thử thách trong phong trào cách mạng ở địa phương được bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Trong số những đảng viên mới được kết nạp lần này, có 1/3 là du kích, 2/3 là bản, cố nông. Riêng trong quý II năm 1949, Đảng bộ Phú Bình đã kết nạp được 42 đảng viên mới. Tính đến năm 1949, toàn Đảng bộ có 1.062 đảng viên, trong đó 677 chính thức, 385 dự

bị, 134 đảng viên nữ <sup>(1)</sup>.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong công tác củng cố, xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đội ngũ đảng viên, Đảng bộ huyện Phú Bình lãnh đạo công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các cấp từ huyện xuống đến xã được củng cố và kiện toàn <sup>(2)</sup>. Các uỷ viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện luôn tận tâm, tận lực với các công việc được giao. Hoạt động của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện ngày càng có nền nếp và có chất lượng, được đánh giá là một trong bốn đơn vị khá nhất tỉnh. Các Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã khi mới thành lập làm việc còn lúng túng, xử lý công việc chậm, dẫn đến hiệu quả công tác không cao. Sau 2 năm hoạt động, từng bước được củng cố và kiện toàn, cách làm việc cũng như trình độ của các uỷ viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã đã tiến bộ hơn trước.

Để nâng cao trình độ và năng lực công tác của các cấp chính quyền, Huyện uỷ cử một số cán bộ chủ chốt tham dự các lớp tập huấn chính trị và nghiệp vụ do Trung ương và Liên khu tổ chức.

(1) Báo cáo công tác năm 1949 của Tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên. Số 08/BC - TN, 20/10/1949.

(2) Theo Sắc lệnh tháng 10/1947 của Chính phủ thì Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính các cấp hợp nhất lại thành Ủy ban kháng chiến - hành chính các cấp. Năm 1949, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Phú Bình được Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh và Liên khu bổ sung thêm 2 uỷ viên, đưa tổng số Ủy viên UBKH - HC huyện lên 5 người.



Trong năm 1949, Huyện uỷ Phú Bình đã thực hiện cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh uỷ. Do làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở, nên cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" đã đạt được kết quả tốt, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được nâng lên; một số xã từ yếu kém, vươn lên khá. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nhận rõ trách nhiệm của mình, đi đầu trong công tác kháng chiến, kiến quốc.

Tuy đạt được một số thành tích nhất định, nhưng do khó khăn về kinh phí, phương tiện làm việc, đội ngũ cán bộ thiếu về số lượng yếu về năng lực, nội dung cuộc vận động lại quá nhiều (30 nội dung), nên kết quả cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" ở huyện Phú Bình đạt thấp so với mục đích đề ra.

Từ thắng lợi bước đầu của công tác củng cố chi bộ, phát triển Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng, cuối năm 1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ IV được tổ chức. Đại hội đã khẳng định sự lớn mạnh của Đảng bộ, nhất là trong công tác xây dựng Đảng, thành tích nổi bật là số lượng đảng viên tăng nhanh, gấp hơn 10 lần so với thời kỳ trước ngày Toàn quốc kháng chiến; các tổ chức cơ sở Đảng được củng cố từng bước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Đảng vụ của Tỉnh uỷ triển khai hồi đầu năm 1949. Những đảng viên mới kết nạp lần này bao gồm cả người bên Lương và người bên Giáo, góp phần làm tăng thêm

khối đoàn kết nhất trí của nhân dân, đặc biệt là giới phụ nữ cũng được Đảng bộ quan tâm phát triển, kết nạp hàng trăm đối tượng. Đại hội đánh giá cao những thành tích đã đạt được trong phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm của quần chúng nhân dân và của các ngành, các cấp.

Trên cơ sở kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước, Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới, nhấn mạnh công tác đẩy mạnh thi đua sản xuất, đóng góp lương thực, thực phẩm cho kháng chiến, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IV gồm 9 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Thạch làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư phụ trách Tổ chức.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, Huyện tập trung lãnh đạo giải quyết một số nhiệm vụ cần kíp trước mắt.

Đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, Huyện uỷ đã lãnh đạo Huyện đội bộ dân quân nhanh chóng triển khai kế hoạch củng cố và phát triển lực lượng dân quân, du kích, đảm bảo cả số lượng và chất lượng. Bộ máy chuyên trách quân sự các cấp được kiện toàn từng bước. Ban chỉ huy Huyện đội có 4 ban giúp việc (Quân sự, Chính trị, Văn thư và Kiểm tra). Cán bộ Ban chỉ huy Huyện đội gồm: 1 Huyện đội trưởng, 1

Huyện đội phó và 1 Chính trị viên. Mỗi Ban chỉ huy xã đội có 3 cán bộ: 1 Xã đội trưởng, 1 Xã đội phó, và 1 Chính trị viên. Giúp việc cho Ban chỉ huy xã đội có Ban công tác chính trị, tổ quân báo, tổ văn thư. Tại các thôn, xóm có 2 cán bộ phụ trách công tác quân sự: 1 Thôn đội trưởng và 1 Thôn đội phó. Do có một hệ thống tổ chức các cơ quan chuyên trách, nên việc điều hành từ huyện xuống và từ cơ sở lên được nhanh chóng, có hiệu quả. Hoạt động bước đầu của bộ máy quân sự chuyên trách đã đưa tổng số du kích tăng hơn hẳn so với những năm trước. Đầu năm 1948, toàn huyện có 4.428 dân quân du kích; đến cuối năm 1949, đã tăng lên 6.224 người, được trang bị thêm các loại vũ khí. Mặt khác, để nâng cao trình độ tác chiến, xây dựng những cá nhân và đơn vị điển hình, Huyện đội đã thành lập ở mỗi thôn 1 Đội gương mẫu chiến đấu; số lượng biên chế của Đội nhiều hay ít tùy thuộc vào tổng số dân quân du kích ở thôn đó. Nhìn chung thời kỳ này, phong trào học tập, trau dồi kỹ thuật đánh địa lôi, trinh sát của cá nhân và tiểu đội được đẩy mạnh.

Đi đôi với nhiệm vụ xây dựng đội ngũ dân quân, du kích, từ tháng 10/1949, Huyện Phú Bình còn chú ý tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng bộ đội địa phương. Theo Sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương của Chủ tịch nước, Nghị định về tổ chức bộ đội địa phương và Thông tư quy định nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng - Bộ tổng tư lệnh. Trên cơ sở trung đội du kích tập trung của



huyện (gồm 35 cán bộ, chiến sĩ), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy và hướng dẫn của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Huyện đội Phú Bình đã tập trung xây dựng Đại đội 244 bộ đội địa phương của huyện gồm 126 cán bộ, chiến sĩ biên, chế thành 1 đại đội bộ và 3 trung đội. Sau khi được thành lập và kiện toàn biên chế, tổ chức Đại đội 244, bộ đội địa phương của huyện đã tổ chức huấn luyện theo một chương trình thống nhất gồm cá nhân, tiểu đội tác chiến, tổ chức đánh phục kích, đánh mìn... Đặc biệt, theo chủ trương của cấp trên, Huyện đội bộ dân quân đã phát động một phong trào thi đua sôi nổi lấy tên là: "Ba tháng rèn cán, luyện và chinh quân".

Bên cạnh công tác huấn luyện, thực hiện chủ trương của Tỉnh đội, tháng 7/1949, huyện đội cử một tiểu đội thuộc Trung đội du kích tập trung của huyện đi chiến đấu cùng với quân dân Bắc Ninh; tháng 11/1949, cử một trung đội thuộc Đại đội 244 đi tham gia tác chiến ở Phúc Yên.

Thông qua huấn luyện và nhất là thông qua trực tiếp chiến đấu ở các vùng địch hậu, chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng bộ đội địa phương Phú Bình đã trưởng thành nhanh chóng; trình độ tổ chức chỉ huy cũng như trình độ kỹ, chiến thuật chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên. Bộ đội địa phương Phú Bình có đủ khả năng đảm nhận nhiệm vụ tác chiến độc lập trên địa bàn huyện.

Trong quá trình đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo công tác xây

dựng làng chiến đấu. Tính đến cuối tháng 3/1949, toàn huyện đã xây dựng được 21 làng chiến đấu. Công tác động viên tòng quân, xây dựng lực lượng bộ đội thường trực cũng đạt được nhiều kết quả. Qua hai đợt: Đợt 1 (từ ngày 2 đến ngày 8/4/1949); đợt 2 (từ ngày 23 đến ngày 29/9/1949), Phú Bình cùng với 3 huyện (Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương) đã tuyển được 1.367 người vào bộ đội.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 của Đảng "quét lực lượng địch ra khỏi miền biên giới Bắc Bộ"<sup>(1)</sup>, khai thông đường liên lạc giữa nước ta với phe xã hội chủ nghĩa, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950 (mang mật danh Chiến dịch Lê Hồng Phong II).

Theo Chỉ thị của Liên khu Việt Bắc, ngày 15/7/1950, Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra nghị quyết giao cho các huyện huy động 277 cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang địa phương đi phục vụ Chiến dịch trong thời gian 3 tháng.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ, Phú Bình cùng với các huyện khác trong tỉnh đã huy động 308 cán bộ, chiến sĩ (vượt 31 người). Để đảm bảo giao thông, đáp ứng kịp thời yêu cầu vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phục vụ cho Chiến dịch Biên giới, Đảng bộ tỉnh đã phát động "Chiến dịch sửa chữa, xây dựng cầu, đường lần thứ nhất", thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, nhất là lực lượng thanh niên. Với tinh thần "Sửa chữa cầu, đường

---

(1) Nghị quyết quân sự của Đảng 1930-1960, Nxb QĐND, Hà Nội 1959, tr.100.

như đánh địch", nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Bình đã đóng góp hàng nghìn ngày công, đào, đắp hàng trăm mét khối đất đá, góp phần cùng nhân dân trong tỉnh sửa chữa và làm mới hàng chục cầu lớn, nhỏ, khai thông tuyến Đường 13A (Thái Nguyên - Tuyên Quang), Đường 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn).

Để phối hợp với Chiến dịch Biên giới, sẵn sàng đánh địch và bảo vệ trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Phú Bình thành lập Ban chỉ huy tác chiến, gồm đại diện bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương và các ngành, làm nhiệm vụ huy động lương thực, thực phẩm, xây dựng làng chiến đấu, phá hoại giao thông, chặn bước tiến công của địch. Lực lượng vũ trang và nhân dân Phú Bình đã triệt để phá cầu, đường, đắp ụ, cản xe cơ giới của địch và lập làng chiến đấu, góp phần cùng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đóng góp cho Chiến dịch Biên giới 8.000 tấn thóc và 5.190.108 đồng tiền mặt.

Sau thời gian chuẩn bị khẩn trương, ngày 16/9/1950, quân ta nổ súng đánh Đông Khê (Cao Bằng), mở màn Chiến dịch Biên giới. Ngày 18/9/1950, cứ điểm ở Đông Khê bị ta tiêu diệt. Chiến thắng Đông Khê làm rung chuyển hệ thống cứ điểm của địch trên dọc Quốc lộ 4. Quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Trước tình trạng này, kẻ thù vội vã cho rút quân khỏi Cao Bằng bằng cuộc hành quân "kép". Một mặt, chúng cho 1 binh đoàn từ Thất Khê tiến lên chiếm Đông Khê



để đón cánh quân từ Cao Bằng rút về; mặt khác, chống huy động lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ, mở Chiến dịch "Phôco" (Hải Cầu) tấn công lên thị xã Thái Nguyên, nhằm kéo lực lượng chủ lực của ta ở biên giới về, đỡ đòn cho đồng bọn ở Mặt trận Biên giới.

Mở màn Chiến dịch "Hải Cầu", ngày 29/9/1950, khoảng 3.000 quân địch, có máy bay yểm trợ, bắt đầu tấn công, đánh chiếm thị xã Thái Nguyên theo 3 hướng:

- Hướng thứ nhất, từ Đa Phúc theo Quốc lộ 3 qua Phố Yên, Đồng Hỷ đánh lên thị xã Thái Nguyên.
- Hướng thứ hai, từ Phúc Yên theo sườn Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Phúc Thuận (Phố Yên), qua Thịnh Đức, Thịnh Đán (Đồng Hỷ) đánh lên thị xã Thái Nguyên.
- Hướng thứ ba, từ Đa Phúc theo sông Cầu tiến đánh Hà Châu (Phú Bình), rồi theo Đường 19 đánh lên thị xã Thái Nguyên.

Ngày 29/9/1950, khoảng 1.000 quân Pháp do một tên quan tư chỉ huy, từ Bắc Ninh, Bắc Giang qua Hiệp Hoà tiến vào phía nam huyện Phú Bình theo hai đường: Phần đông lực lượng địch tiến quân theo đường bộ, dọc bờ đê sông Cầu; số còn lại hành quân bằng ca nô từ Sà Ngọt theo sông Cầu lên Chã, Hà Châu rồi vào Phương Độ.

Quân và dân Thái Nguyên từ ngày đuổi được giặc Pháp ra khỏi tỉnh (cuối năm 1947), vẫn không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, thực hiện lời căn dặn của Hồ Chủ tịch: "... càng thắng lợi, chúng ta

càng phải cẩn thận; càng phải đề phòng và chuẩn bị". Tỉnh uỷ đã chỉ thị cho các huyện hãy phát huy hơn nữa những thắng lợi đã đạt được, quyết tâm khắc phục những hiện tượng chủ quan, khinh địch; vận động toàn dân ra sức xây dựng kinh tế, củng cố quân sự, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của kẻ thù.

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh uỷ, ngay từ đầu năm 1950, Đảng bộ huyện Phú Bình đã chủ động triển khai một loạt nhiệm vụ. Để đề phòng địch tấn công vào địa phương, Huyện uỷ đã chỉ thị cho các cơ sở, đặc biệt là các cơ quan chỉ huy dân quân các cấp, phải đôn đốc việc tổ chức các điểm canh gác, bố trí những trạm gác dây chuyền để kịp thời thông báo tin tức được nhanh chóng, nhất là các xã vùng giáp ranh: Đại Đồng, Phú Thanh, Đức Đường, Cấp Tiến. Huyện đội tổ chức một đội tuần tra liên tục ngày đêm để phát hiện những phần tử Việt gian phản động và lực lượng kẻ thù từ bên ngoài tấn công vào. Mặt khác, Huyện uỷ còn đề ra những nhiệm vụ cụ thể và cấp bách:

- Cơ quan quân sự các cấp phải phối hợp chặt chẽ, tích cực chuẩn bị chiến trường, lập phương án hiệp đồng tác chiến, coi trọng công tác bảo vệ các công xưởng, cơ quan chính quyền, đoàn thể; vận động nhân dân thực hiện triệt để nhiệm vụ đào hầm trú ẩn cho người và cất giấu của cải.

- Xúc tiến các cuộc họp mặt với các cơ quan đoàn thể để có phương hướng hợp đồng tác chiến; các cơ sở, cơ

quan phải nắm chắc dân số và quân số của đơn vị mình để đề phòng kẻ gian đột nhập vào phá hoại. Để tăng cường khối đoàn kết toàn dân, Huyện uỷ còn chủ trương mở rộng cuộc vận động gây tình thân ái giữa đồng bào bên Lương với đồng bào bên Giáo, vạch mặt bọn cha cố phản động; thực hiện "Ngũ gia liên bảo", cú năm gia đình lập một đơn vị để hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

- Tích cực tăng gia sản xuất để phục vụ cho nhu cầu quân sự và góp phần cải thiện đời sống nhân dân.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây, Huyện uỷ nêu lên một số phương châm giúp các các ngành, các cấp, chủ động thi hành nhiệm vụ của mình: Bộ đội địa phương và dân quân du kích phải tăng cường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ lực của Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh (Đại đoàn 308) đang hoạt động ở địa phương. Mọi hành động của lực lượng vũ trang địa phương lúc này phải mau lẹ, kỷ luật phải nghiêm minh, tuyệt đối giữ bí mật, chú trọng nhiệm vụ đánh giặc và bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân...

Ngày 7/7/1950, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện ra chỉ thị nêu rõ: Những triệu chứng chứng tỏ địch chuẩn bị đánh bất ngờ lên Thái Nguyên..., huyện nhà là của ngõ của tỉnh, sẽ là nơi bị đánh đầu tiên. Vì vậy, việc chuẩn bị phải thực sự ráo riết.

Với sự cố gắng cao độ, Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Bình đã hoàn thành mọi công việc chuẩn bị cần thiết, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, góp phần



đảm bảo cho Chiến dịch Biên giới thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, trước hành động phiêu lưu của kẻ thù, quân và dân Phú Bình đã bình tĩnh đánh địch, giành thắng lợi ngay từ trận đầu. Vừa đặt chân đến bến đò Hà Châu, quân địch đã bị Đại đội 244 bộ đội huyện phối hợp với dân quân, du kích các xã phục kích, đánh đòn phủ đầu, giết và làm bị thương 20 tên, khiến cho chúng hoảng sợ phải bỏ ca nô, hành quân bộ men theo dọc bờ sông Máng hướng lên thị xã Thái Nguyên.

Khi hành quân đến kè Đá Gân, quân Pháp lại bị quân và dân Phú Bình phục kích, chặn đánh quyết liệt, diệt 3 tên<sup>(1)</sup>. Trong trận này, 1 du kích Phú Bình bị hi sinh.

Cùng với quân và dân huyện Phú Bình, quân và dân các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phổ Yên đã chặn đánh quyết liệt hai cánh quân của địch, gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Cuộc hành quân "Hải Cẩu" đánh lên Thái Nguyên không đạt được ý đồ dõ dòn cho đồng bọn ở Mặt trận Biên giới, lại bị tổn thất nặng nề, từ ngày 10 đến ngày 12/10/1950, quân Pháp buộc phải rút về Hà Nội.

Qua hơn 10 ngày trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc hành quân "Hải Cẩu" của địch, quân và dân Thái Nguyên đã đánh gần 60 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt gần 600

(1) Có tài liệu ghi trong trận đánh kè Đá Gân số quân địch bị tiêu diệt là 45 tên, nhưng theo hồi ký của một số đồng chí cán bộ lão thành thì số quân địch bị chết trong trận đánh này là 3 tên.

tên địch, làm bị thương 350 tên khác, phá huỷ 3 ca nô, thu 160 súng các loại..., phá tan ý đồ "đổi Cao Bằng lấy Thái Nguyên" của địch. Chính tên Mắcsăng, Tư lệnh hành quân của quân đội Pháp ở Bắc Bộ đã phải thú nhận: "Cuộc hành quân "Phoque" chẳng gây được phản ứng nào, phải vứt bỏ mọi ảo tưởng về cuộc hành binh đã trở thành quá ư vô ích này".

Trong thắng lợi của quân và dân tỉnh Thái Nguyên đánh bại cuộc hành quân "Hải Cẩu" của địch, có phần đóng góp máu xương và công sức của quân và dân các dân tộc huyện Phú Bình.

Chiến thắng Biên giới Thu - Đông năm 1950 đã đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta phát triển sang thời kỳ mới. Quân đội ta đã giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Thế bao vây, phong toả đối với Căn cứ địa Việt Bắc của địch đã bị phá vỡ, con đường liên lạc giữa nước ta với quốc tế được mở ra trên nhiều hướng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ rất quan tâm lãnh đạo phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

Phát huy thắng lợi phong trào "diệt giặc đói", khắp nơi trong huyện dấy lên phong trào "Toàn dân quyết tâm thanh toán nạn mù chữ". Các lớp bình dân học vụ được mở khắp các xã, thôn, thu hút nhiều tầng lớp và lứa tuổi tham gia. Đến giữa năm 1948, toàn huyện mở được 231 lớp học bình dân học vụ, với tổng số 3.432 học viên và

231 giáo viên. Nhờ những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân, đến cuối năm 1949, Phú Bình là một trong hai huyện đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên đã cơ bản hoàn thành thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân.

Sang năm 1950, phong trào tự học trong nhân dân được đẩy mạnh. ở các xã và cơ quan đều có nhóm học tập sôi nổi. Đặc biệt ở xã Thượng Đình, các thôn xóm đều có nhóm học tập, sinh hoạt rất đều đặn và đầy đủ. Tuy nhiên, phong trào bình dân học vụ của huyện cũng còn gặp rất nhiều khó khăn do thiếu tài liệu, sách vở phân phát cho học viên.

Ngành Giáo dục phổ thông cũng từng bước phát triển. Đến năm 1948, một số xã trong huyện đã có trường tiểu học. Trong thời gian này, Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến từ Cù Vân (Đại Từ) sơ tán về xã Phương Độ. Năm 1950, Trường phổ thông cấp III Hàn Thuyên (Bắc Ninh), cũng chuyển về địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho con em nhân dân các dân tộc Phú Bình theo học.

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền cũng được tăng cường, góp phần loại trừ từng bước các tệ nạn xã hội.

Công tác y tế, chăm lo sức khoẻ của nhân dân được chú ý. Để khắc phục khó khăn về đội ngũ cán bộ chuyên môn và điều kiện, phương tiện khám, chữa bệnh, Đảng bộ lãnh đạo ngành Y tế tăng cường sử dụng thuốc nam, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của Bệnh



viện tỉnh đóng tại xã Phương Độ. Nhờ đó, từ năm 1947, Phú Bình đã thành lập được phòng phát thuốc, với 3 y tá có sự am hiểu nhất định về chuyên môn, nghiệp vụ. Các phong trào vệ sinh, phòng bệnh được phát động và duy trì trong nhân dân, góp phần ngăn chặn một số bệnh truyền nhiễm.

## **II- LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VŨNG MẠNH, CHI VIỆN TIỀN TUYẾN (10/1950 - 7/1954)**

Vui mừng trước thắng lợi vừa mới thu được trong cuộc chiến đấu đập tan cuộc hành quân "Phôco", góp phần quan trọng vào chiến thắng Biên giới Thu-Đông 1950, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Phú Bình càng thêm phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, hăng hái tham gia đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V được triệu tập (1950). Căn cứ vào đặc điểm tình hình của địa phương và yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian trước mắt phải lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện tốt chính sách giảm tô, giảm tức; phát động phong trào thi đua lao động sản xuất lấy thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. Đại hội cũng nhấn mạnh tăng cường hơn nữa công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, làm tốt công tác giáo dục, vận

động thanh niên hăng hái lên đường tòng quân bổ sung cho bộ đội chủ lực.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá V gồm 16 Ủy viên, do đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Bí thư kiêm Chủ tịch ủy ban Kháng chiến-Hành chính huyện, đồng chí Đặng Dũng làm Phó Bí thư phụ trách Tổ chức.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là phong trào tăng gia sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu chi viện tiền tuyến và cải thiện đời sống nhân dân.

Phú Bình là huyện nông nghiệp, ruộng đất phần lớn nằm trong tay địa chủ. Sản xuất mang tính độc canh, kỹ thuật lạc hậu, nên năng suất thấp, sản lượng lúa và hoa màu không ổn định do lệ thuộc vào thiên nhiên. Tiếp theo trận bão lụt kéo dài suốt 3 tháng năm 1947 ảnh hưởng trực tiếp đến vụ mùa năm 1948, trận lụt tháng 10/1950 đã làm ngập úng 791,8 ha lúa và hoa màu.

Cùng với thiên tai là địch hoạ. Liên tục trong 21 ngày đầu tháng 12/1950, giặc Pháp huy động máy bay ném bom phá đập Thác Huống, làm hỏng cống Vạn Già là những công trình thuỷ lợi quan trọng của huyện, gây khó khăn lớn trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn thường xuyên cho máy bay bắn phá vào các làng xóm, ruộng đồng đang tới vụ gieo, cấy, gây nhiều thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân.

Diễn hình là vụ ném bom xuống xã Tân Khánh năm 1951 làm chết 3 người, cháy 9 ngôi nhà; vụ ném bom xuống kho thóc xã Tân Hoà ngày 15/4/1952, thiêu cháy khoảng 35,5 tấn thóc. Ngày 14/5/1952, chúng lại thả bom xuống xã Đức Liên làm thiệt mạng nhiều dân thường và của cải, trị giá 900.000 đồng. Sau đó, trong các ngày 10/7 và 17/9/1952, chúng ném bom xuống xã La Đình, làm chết và bị thương 16 người, thiệt hại tài sản của nhân dân trị giá 1.220.000 đồng. Năm 1953, thực dân Pháp còn cho máy bay thả hoá chất, côn trùng xuống một số cánh đồng lúa của huyện, gây ra nạn lúa von, làm mất mùa nặng ở nhiều nơi.

Do chưa có kinh nghiệm lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, lại thiếu vốn đầu tư, thiếu cán bộ chuyên môn, nên việc khắc phục thiên tai, địch hoạ và phát triển sản xuất nông nghiệp đảm bảo nhu cầu tự túc lương thực, thực phẩm và đóng góp cho kháng chiến là một công việc hết sức khó khăn.

Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện đã tịch thu một số đồn điền "vắng chủ" tạm cấp cho nông dân cày cấy, trồng trọt, trong đó có đồn điền Vạn Già ở xã Vạn Thắng của đại địa chủ Nguyễn Kim Loan (diện tích 1027,7 ha)

Để hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, mặc dù ngân sách địa phương hết sức khó khăn, nhưng huyện vẫn cho nhân dân vay tiền để mua nông cụ sản xuất và trâu, bò cày kéo; cung cấp các giống lúa và ngô ngắn ngày; đổi cho



nông dân hàng ngàn kilôgam giống lúa mới.

Từ cuối năm 1950, phong trào tăng gia sản xuất phát triển rất mạnh. Khắp nơi trong huyện đều dấy lên phong trào "Tuần lễ làm cỏ, bón phân", "Tuần lễ toàn dân công tác". Nhờ đó, năm 1950 mặc dù lụt lớn xảy ra, gây ngập úng nhiều nơi, nhưng diện tích và năng suất lúa đều tăng. Bước sang năm 1951, sản xuất nông nghiệp gặp thời tiết không thuận lợi, nhưng nhờ được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo, nên sản lượng lương thực toàn huyện đạt 21.000 tấn, cao hơn so với tất cả các năm trước. Với kết quả này, Phú Bình đã huy động được hơn 10 tấn thóc chuyển giao cho bộ đội chủ lực và gần 100 tấn thóc cho bộ đội địa phương. Trong đó các xã: Nhà Lộng đã huy động được 29 tấn, Tân Hoà 15 tấn, Đại Đồng 15 tấn.

Qua một năm thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã khắc phục mọi khó khăn để không ngừng vươn lên, đạt được những thành tích to lớn. Đời sống nhân dân được cải thiện một bước.

Phấn khởi trước những thắng lợi vừa giành được, năm 1951, Đảng bộ huyện Phú Bình tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VI. Đại hội đã khẳng định thành tích, chỉ rõ những thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ trước; đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian tiếp theo.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI gồm 13

ủy viên, do đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến-Hành chính huyện <sup>(1)</sup>.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, các tổ chức Đảng ở cơ sở cũng lần lượt mở Đại hội. Căn cứ vào Điều lệ và Nghị quyết mới của Đảng, Đại hội các cơ sở lần này chú trọng công tác kiện toàn bộ máy lãnh đạo và sàng lọc đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những đảng viên không đủ phẩm chất chính trị được đưa ra khỏi các tổ chức cơ sở Đảng. Bộ máy lãnh đạo ở các cấp cơ sở, nhất là cấp xã cơ bản được đổi mới. Phần lớn các cấp ủy viên đều xuất thân từ tầng lớp lao động.

Tuy nhiên, trong nội bộ Đảng bộ thời kỳ này còn xảy ra tình trạng mất đoàn kết, làm suy giảm sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương; một số cán bộ trong cấp ủy từ huyện xuống đến cơ sở thiếu tinh thần trách nhiệm, năng lực yếu kém, uy tín chính trị thấp; một số đảng viên làm đơn xin ra khỏi Đảng... <sup>(2)</sup>.

---

(1) Trong nhiệm kỳ này, đồng chí Nguyễn Thế Đạt được điều động về tỉnh nhận công tác mới; đồng chí Ngô Văn Hoạt được phân công làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện.

(2) Tài liệu của Đoàn điều tra tình hình các Ban Huyện ủy và việc chấp hành chính sách cán bộ của Ban Huyện ủy ngày 5/5/1952. Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Để khắc phục tình trạng trên, được sự chỉ đạo của đoàn cán bộ Tỉnh ủy, Huyện ủy tập trung lãnh đạo thí điểm công tác chính đồn tổ chức cơ sở Đảng tại 3 xã: Nhả Lộng, Đại Đồng và Bảo Lý để rút kinh nghiệm triển khai ra toàn Đảng bộ. Thông qua cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, các tổ chức cơ sở trong Đảng bộ từng bước được củng cố, hiện tượng mất đoàn kết nội bộ được khắc phục; những thành phần thuộc tầng lớp trên bị thanh thải ra khỏi Đảng, nhiều đảng viên xuất thân từ thành phần cơ bản được đề bạt vào cấp uỷ và đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo chủ chốt.

Từ sau chiến thắng Biên giới Thu-Đông 1950, bộ đội ta liên tiếp chủ động mở các chiến dịch tiến công và phản công lớn trên các chiến trường. Nhu cầu cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến ngày càng lớn, việc bồi dưỡng sức dân - chủ yếu và trước hết là nông dân - ngày càng trở nên bức thiết.

Từ năm 1953, tiếp theo hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ), hai xã Đức Liên và Nhả Lộng (Phú Bình) cùng với hai xã Phúc Xuân (Đồng Hỷ) và Hùng Sơn (Đại Từ) được Trung ương chọn làm thí điểm giảm tô.

Tại hai xã Đức Liên và Nhả Lộng, cán bộ trong đoàn công tác ruộng đất đã tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, tổ chức nông dân ôn nghèo, kể khổ. Trên cơ sở đó, tiến hành "bắt rế", "xâu chuỗi", phát động nông dân đấu tranh với địa chủ.



Từ khi thực hiện chính sách triệt để giảm tô, giai cấp địa chủ ở Phú Bình đã phản ứng dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Để đối phó với tình hình này, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương một mặt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng và Chính phủ, mặt khác giao cho nhân dân quản lý những tài sản của địa chủ đã bị thu hồi.

Qua 3 tháng thực hiện thí điểm ở 2 xã Đức Liên và Nhả Lộng, một bộ phận lớn trong nông dân được giảm tô, hàng trăm hộ được chia ruộng đất. Tổ chức cơ sở Đảng ở 2 xã được củng cố; các Ban chi uỷ được bầu lại gồm các đồng chí xuất thân từ thành phần cố, bản và trung nông. Nông dân phấn khởi tham gia Nông hội, hăng hái thi đua lao động sản xuất và tích cực đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Bên cạnh những kết quả to lớn, đợt thí điểm giảm tô ở hai xã Đức Liên và Nhả Lộng cũng bộc lộ khuyết điểm: Một số cán bộ nóng vội, thiếu kiên nhẫn giáo dục quần chúng, dẫn đến bao biện làm thay hoặc mệnh lệnh đối với quần chúng; không có sách lược phân hoá địa chủ nên không tập trung đánh mạnh vào những tên địa chủ cường hào gian ác. Việc tổ chức đấu tố còn tràn lan, có nơi đấu tố cả trung nông; trình độ giác ngộ giai cấp của nông dân chưa cao, còn hiện tượng e dè, sợ địa chủ trả thù.

Trước tình hình trên, tháng 8/1953, Bộ Chính trị Ban

Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết chỉ rõ nội dung và biện pháp khắc phục.

Từ ngày 25/8 đến 20/10/1953, dưới sự lãnh đạo của Đoàn uỷ II, Liên khu uỷ Việt Bắc trực tiếp lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên tiến hành giảm tô ở 33 xã thuộc 4 huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương. Kết quả giảm tô ở 33 xã không chỉ đem lại quyền lợi cho nông dân, mà các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang cũng được chấn chỉnh, thành phần trong sạch hơn.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, vào trung tuần tháng 12/1953, trước khi bước vào thực hiện cuộc cải cách ruộng đất, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII được tổ chức. Đại hội lần này đánh giá những thành tích, ưu điểm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện; ghi nhận thành tích đã đạt được, đồng thời chỉ ra những mặt yếu kém, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ vừa qua. Trên cơ sở đó, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VII gồm 6 đồng chí, do đồng chí Ngô Văn Hoạt làm Bí thư.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, trong suốt 3 tháng đầu năm 1954, Huyện uỷ đã mở các đợt học tập chính sách ruộng đất và cải cách ruộng đất cho hàng trăm cán bộ huyện và xã. Tỉnh uỷ Thái Nguyên còn cử hàng chục cán bộ đã có kinh nghiệm trong chỉ đạo thi

điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ xuống chỉ đạo giúp huyện chuẩn bị cải cách ruộng đất. Từ ngày 25/4/1954, đợt I cải cách ruộng đất bắt đầu được triển khai trên địa bàn huyện Phú Bình.

Trong cuộc cải cách ruộng đất, chính quyền dân chủ nhân dân đã tịch thu, trưng thu, trưng mua hơn 1.000 ha ruộng đất, hàng nghìn con trâu, bò, hàng trăm ngôi nhà và hàng chục tấn thóc của bọn chủ đồn điền, địa chủ, nhà thờ đem chia cho nông dân nghèo; địa vị làm chủ của nông dân được nâng cao.

Cùng với việc lãnh đạo nông dân thực hiện cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất, Đảng bộ huyện Phú Bình tập trung lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm.

Trong sản xuất nông nghiệp, nhiệm vụ hàng đầu là công tác thủy lợi, đắp đập, làm kênh mương dẫn nước. Năm 1952, các đập Đá Gân, Lũ Yên, Vạn Già được gia cố thêm để đảm bảo nước tưới cho sản xuất vụ chiêm. Chỉ trong vòng một tháng, (từ ngày 15/10 đến ngày 15/11/1952), Phú Bình đã huy động được 688 dân công tham gia công tác thủy lợi, đắp đập, làm kênh, mương. Tính đến tháng 11/1952, nhân dân các xã trong huyện đã đắp xong 23 đập, đào đắp được 124 hồ, ao... đảm bảo đủ nước tưới tiêu cho 82 ha lúa chiêm ăn chắc<sup>(1)</sup>.

---

(1) Báo cáo tình hình từ 15/10 đến 15/11/1952 của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.



Bước vào sản xuất vụ chiêm năm 1953, tình hình thời tiết diễn biến xấu, hạn hán xảy ra ở nhiều nơi. Để chống hạn, cứu lúa, các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân tát nước, cứu được 53,3 ha lúa chiêm. Tuy nhiên, năng suất lúa vụ chiêm năm 1953 của huyện vẫn bị giảm 21% (chỉ thu được từ 540 kg đến 810 kg/ha). Sang năm 1954, do chủ động khắc phục khó khăn, giải quyết tốt khâu giống và nước nên diện tích trồng cây lúa ba giăng đạt 838 ha, tăng gần 370 ha so với năm 1953; năng suất đạt 1.053 kg/ha, tăng gần 270 kg/ha so với vụ chiêm 1953. Đến vụ mùa, huyện vừa phải chống hạn, vừa phải phòng lụt. Các xã đã cấy chạy cạn được gần hết diện tích, nhưng vẫn còn một số diện tích ruộng phải bỏ trắng. Huyện uỷ tiếp tục tăng cường lãnh đạo công tác thuỷ lợi. Chỉ riêng công trình phục hồi đập Vạn Giã, Phú Bình đã huy động 783 nhân công, 60 cây gỗ.

Sau Hội nghị sơ kết vụ chiêm, mùa do Ủy ban Kháng chiến-Hành chính tỉnh tổ chức (cuối tháng 3/1954), Huyện uỷ Phú Bình đã lãnh đạo nhân dân đào giếng, sửa ao, mương và gánh nước tưới cho lúa và hoa màu, cứu được 156 ha lúa chiêm không bị hạn, 2 xã Quyết Tiến và Hồng Phong đảm bảo thu hoạch 100% diện tích so với năm 1953. Kinh nghiệm này của Phú Bình đã được các huyện bạn học tập và vận dụng.

Sản xuất nông nghiệp phát triển, nhân dân Phú Bình cùng với đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đóng

góp cho chiến dịch Điện Biên Phủ 671 tấn gạo, 10 tấn đồ, lạc, trên 28 tấn thịt lợn và trâu bò.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm của địa phương và đóng góp cho kháng chiến, Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo phát triển giáo dục, y tế.

Thực hiện chủ trương của Đảng, từ năm 1950, Phú Bình đẩy mạnh triển khai cải cách giáo dục. Bộ máy làm công tác giáo dục ở tỉnh được kiện toàn, Ty Tiểu học vụ được đổi thành Ty Giáo dục phổ thông, Ty Bình dân học vụ được đổi thành Ty Bổ túc văn hoá. Nhiều cán bộ có năng lực được tăng cường cho cơ quan quản lý. Hệ thống tổ chức bộ máy giáo dục ở các cấp địa phương được khôi phục, kiện toàn và đi vào hoạt động có nền nếp. Nhờ có sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn, phần lớn các xã trong huyện đã có trường tiểu học, số giáo viên và học sinh đều tăng.

Phát huy kết quả năm đầu vận động cải cách giáo dục, những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, các Ngành Giáo dục phổ thông và Bổ túc văn hoá của huyện không ngừng phấn đấu vươn lên. Trong những năm từ 1953 đến 1955, Phú Bình đã tiếp nhận nhiều thương binh vốn là thầy giáo xếp bút nghiên đi đánh giặc trở về Ngành Giáo dục. Thời gian này, hệ thống giáo dục phổ thông và bổ túc văn hoá của huyện Phú Bình đã đạt được những thành tựu đáng kể. Riêng về bổ túc văn hoá, trung bình mỗi xã mở được từ 8 đến 12 lớp, toàn huyện mở

được trên 100 lớp, với hàng nghìn học viên, trong đó có một số lớn học viên là cán bộ xã.

Bên cạnh cố gắng về phát triển giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá và xoá nạn mù chữ, công tác văn hoá - văn nghệ, xoá bỏ tệ nạn cũ và xây dựng nếp sống văn hoá mới cũng được Đảng bộ chú ý. Trong thời kỳ này, huyện thường xuyên tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ với những tiết mục vui chơi lành mạnh, nhằm khích lệ phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, bài trừ các tập tục lạc hậu. Ngoài ra, Huyện uỷ, chính quyền địa phương còn chủ động phối hợp với các cơ quan của Trung ương đóng trên địa bàn tổ chức những buổi chiếu phim với nội dung phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật trong sản xuất; phong cảnh đất nước, con người Việt Nam; những gương tập thể, cá nhân điển hình trong lao động sản xuất, chiến đấu, góp phần củng cố tình yêu quê hương, đất nước.

Mạng lưới y tế của huyện từng bước được mở rộng. Đến cuối năm 1950, toàn huyện đã có một đội ngũ cán bộ y tế do tỉnh đào tạo gồm 22 người, bước đầu phân bổ cho các phòng phát thuốc ở các xã. Đến năm 1953, bình quân mỗi xã đã có 3 cán bộ y tế gồm 1 y tá, 1 hộ sinh và 1 vệ sinh viên. Nhờ những cố gắng của Ngành Y tế nên trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, tuy gian khổ, phương tiện và điều kiện chữa bệnh nghèo nàn, nhưng trên địa bàn huyện không xảy ra những bệnh dịch lớn. Đầu năm 1954, khi phát hiện bệnh dịch thuỷ đậu, Ngành Y tế huyện đã tổ chức ngăn chặn và tiêm phòng cho



4.049 người. Ngoài những biện pháp trên, Ngành Y tế huyện còn vận động nhân dân tổ chức lao động tập thể lấy tiền mua thuốc, lập tủ thuốc cho các thôn, xóm. Phong trào này đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân ở nhiều xã tham gia, điển hình là các xã Tân Khánh, Tân Kim lập được những tủ thuốc trị giá 17.500 đồng.

Sau Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, nhu cầu đảm bảo giao thông, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phương tiện chiến đấu cung cấp cho các chiến trường ngày càng lớn. Trong khi đó, nhất là từ năm 1953, thực dân Pháp tăng cường dùng máy bay ném bom đánh phá ác liệt hệ thống giao thông.

Trước tình trên, để đảm bảo giao thông thông suốt, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, huyện Phú Bình một mặt thành lập Ban huy động dân công để huy động và tổ chức lực lượng tham gia lao động tại các công trường giao thông của tỉnh; mặt khác thành lập Ban bảo vệ cầu, đường làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn huyện.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và các cấp chính quyền, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến, góp sức cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh sửa chữa kịp thời các tuyến Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B, Tỉnh lộ 13A Bờ Đậu - Đèo Khế và các đường Linh Nham - Giang Tiên; Km 31 - Quán Vương

- Khuôn Ngàn.

Từ sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, nhu cầu chi viện lực lượng cho các chiến trường cũng trở nên cấp bách. Nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương vùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho các chiến trường đã được Đảng bộ huyện xác định là một nhiệm vụ trọng tâm.

Năm 1952, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Phú Bình mở cuộc vận động dân quân, du kích bổ sung cho bộ đội địa phương huyện, bộ đội địa phương huyện bổ sung cho bộ đội địa phương tỉnh. Cuộc vận động này được các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, nên 6 tháng đầu năm 1952, huyện đã có hơn 100 dân quân, du kích được bổ sung cho bộ đội địa phương.

Thực hiện chủ trương tinh binh, tinh cán, trong những năm 1951, 1952, quân số ở cơ quan Huyện đội giảm từ 25 cán bộ, xuống còn 15 cán bộ, trong đó có 3 đến 4 cán sự làm công tác dân quân. Quân số trong lực lượng dân quân, du kích cũng giảm mạnh. Do giảm quân số quá nhanh, nên nhiều công việc bị ứ đọng, không giải quyết kịp. Trước tình hình đó, đầu năm 1953, Huyện uỷ Phú Bình lãnh đạo Ban chỉ huy Huyện đội tiến hành củng cố lực lượng dân quân, du kích. Các cấp uỷ Đảng cử nhiều đảng viên vào các Ban chỉ huy xã đội và trung đội, đại đội dân quân, du kích. Đến cuối năm 1953, lực lượng dân quân, du kích được bổ sung hàng trăm đội viên,

đồng thời sa thải những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi hàng ngũ.

Song song với việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương, từ sau Chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952), Huyện uỷ đã chỉ đạo thành lập Ban chỉ huy chung giữa Huyện đội Phú Bình và Trung đoàn 98, cùng phối hợp tác chiến khi có tình huống địch tiến công vào địa bàn huyện.

Qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 7/1954), Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, xây dựng hậu phương vững mạnh, bảo vệ vùng chắc căn cứ địa, làm tròn nghĩa vụ chi viện tiền tuyến, góp phần cùng với quân và dân cả nước giành nhiều thắng lợi vẻ vang, mà trong đó đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (7/5/1954), buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ, cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ba nước Đông Dương. Hòa bình được lập lại trên miền Bắc, cùng với Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, Đảng bộ, quân và dân Phú Bình bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.



### CHƯƠNG III

## LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HOÁ (1954 - 1965)

### I- LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954 - 1960)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) đã đem lại nền hoà bình trên bán đảo Đông Dương. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng; cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cơ bản hoàn thành. Từ đó, nhân dân miền Bắc bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, nhằm xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Tuy nhiên, vừa ra khỏi cuộc chiến tranh, nền kinh tế miền Bắc bị tàn phá nặng nề; đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Do vậy, nhiệm vụ trước mắt đặt ra cho nhân dân ta là phải khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Cũng như mọi địa phương khác, sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, huyện Phú Bình đứng trước nhiều khó khăn về các mặt. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phú Bình thuộc vùng tự do, nhưng là nơi giáp ranh với vùng địch tạm chiếm, nên thường xuyên bị kẻ thù tìm cách chống phá. Chúng tung gián điệp vào hoạt động do thám, dò la tin tức, phao tin đồn nhảm, gây hoang mang trong nhân dân. Chúng còn cho máy bay ném bom bắn phá

làm hư hại nhiều cầu cống, đường sá. Các công trình thủy lợi cống Vạn Giã, đập Thác Huống bị địch ném bom phá hỏng từ năm 1950 vẫn chưa có điều kiện sửa chữa, gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp. Ruộng đồng ở nhiều nơi trong huyện bị bỏ hoang do thiếu nước, sức kéo và thiếu cả nhân lực. Thêm vào đó, trình độ kĩ thuật canh tác trong huyện còn rất lạc hậu nên năng suất rất thấp. Tình trạng thiếu đói trong nhân dân còn khá phổ biến, nhất là vào kì giáp hạt. Đến đầu tháng 8/1955, toàn huyện có tới 788 gia đình, gồm 2.788 nhân khẩu<sup>(1)</sup> trong tổng số trên 43.100 dân cư<sup>(2)</sup> lâm vào tình trạng thiếu đói.

Cùng với những khó khăn về kinh tế do hậu quả chiến tranh để lại, tình hình chính trị xã hội trên địa bàn trong thời gian đầu hoà bình lập lại cũng còn nhiều phức tạp. Một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo hoạt động tuyên truyền, dụ dỗ, cường bức đồng bào công giáo di cư vào Nam. Lợi dụng lòng ngoan đạo của giáo dân, chúng phao tin: "Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo Chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn"; "Vào Nam, mỗi gia đình được cấp 5 mẫu ruộng, 1 con trâu". Tại các xã Tân Kim, Tân Khánh, bọn phản động tung ra luận điệu: "Diện tích sản lượng cao, cốt cán trên này về xuôi thì quý lắm". Chúng còn đe dọa: "Sau khi hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc". Luận điệu của bọn phản động đã làm cho một bộ phận dân chúng hoang mang, dao động. Một số người nhẹ dạ, cả tin vội vã bỏ lại nhà cửa,

---

(1) Báo cáo tổng kết mọi mặt năm 1955 của BCHĐB tỉnh Thái Nguyên-Ngày 19/12/1955, tr. 10.

(2) Báo cáo của Huyện uỷ Phú Bình. Số 34/BC ngày 7/7/1956, tr. 1.

ruộng vườn theo dịch di cư vào Nam, gây khó khăn không nhỏ trong công tác ổn định trật tự xã hội ở địa phương.

Không chỉ phao tin đồn nhảm, cưỡng ép di cư, các phần tử phản động, lưu manh, trộm cắp còn tiến hành các hoạt động phá hoại kinh tế, phá rối trật tự trị an. Chúng tổ chức phá máng, đập Tân Thành, Thanh Minh, Tân Khánh, bóp chết lợn con (Trần Phú), đốt rừng (Hương Sơn, Bảo Lý, Trần Phú), tham ô tài sản công cộng, tổ chức đánh sóc địa, tổ tôm, buôn thuốc phiện (Cấp Tiến, Tân Khánh, Quyết Tiến, Thượng Đình, Tân Hoà... ). Một số địa chủ liên kết với nhau để chống lại nông dân, xuyên tạc chính sách, phá hoại đoàn kết... Những hoạt động trên càng làm cho tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn thêm phức tạp.

Trong khi đó, cán bộ lãnh đạo ở huyện quá thiếu thốn. Ban Huyện uỷ chỉ có 7 cán bộ trong biên chế, nhưng từ tháng 5/1955 đến tháng 6/1956, liên tiếp 2 đồng chí (1 đồng chí Huyện uỷ viên phụ trách dân quân và đồng chí Bí thư Huyện uỷ - Ngô Văn Hoạt) lại được cấp trên điều động công tác nơi khác. Trong số 5 đồng chí còn lại thì đồng chí Phó Bí thư Huyện uỷ được cử đi học lớp huấn luyện ở Khu, 2 đồng chí ốm dài ngày. Lực lượng cán bộ giúp việc trong Huyện uỷ cũng rất mỏng. Bộ phận Tổ chức chỉ có 2 cán bộ, trong đó có 1 cán bộ tham gia cải cách ruộng đất chưa về. Bộ phận Tuyên huấn cũng có 2 cán bộ, nhưng 1 cán bộ lại được cấp trên điều động tham gia công tác phúc tra sau cải cách ruộng đất. Văn phòng Huyện uỷ có 3 cán bộ và 2 nhân viên làm cấp dưỡng, liên lạc; trong đó cũng có 1 cán bộ tham gia cải cách ruộng đất chưa về. ở các xã, một số ít cán bộ và một bộ phận trong nhân dân còn nặng tư



tưởng tự tư tự lợi, cầu an hưởng lạc, dẫn đến tình trạng lơ là với nhiệm vụ hoặc xin nghỉ công tác. Trình độ dân trí nói chung còn thấp; một số tập tục lạc hậu chưa được khắc phục. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh bằng thuốc tuy được phát động trong kháng chiến và được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, nhưng do nguồn thuốc khan hiếm nên số người ốm đau thiếu thuốc hoặc không có thuốc điều trị còn khá phổ biến. Nhiều dịch bệnh sốt rét, đậu mùa, dịch tả, dịch đau mắt hột... còn thường xuyên xảy ra.

Tất cả những khó khăn về kinh tế - xã hội đặt ra cho toàn Đảng bộ và các cấp chính quyền trong huyện trách nhiệm nặng nề là phải lãnh đạo và chỉ đạo toàn dân nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời sống. Muốn vậy, công việc trước tiên là phải tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, đem lại ruộng đất cho nông dân, giải phóng nông dân ra khỏi ách bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đợt 1 cải cách ruộng đất được tiến hành ở 47 xã thuộc các huyện Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ. Ngày 12/9/1954, Hội nghị tổng kết đợt 1 cải cách ruộng đất đã khẳng định: Sau hơn 100 ngày đấu tranh kiên trì, gay go, phức tạp, cuộc cải cách ruộng đất đợt 1 đã thu được thắng lợi. Bên cạnh đó, chúng ta cũng còn nhiều khuyết điểm.

Rút kinh nghiệm đợt 1, từ ngày 22/10/1954, một số xã của huyện Phú Bình cùng với một số xã các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ và Phổ Yên bước vào đợt 2 cải cách ruộng đất. Trong quá trình thực hiện, chúng ta tiếp tục phạm phải

những sai lầm, chủ yếu mang tính tả khuynh.

Ngay sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, Trung ương Đảng đã kịp thời đề ra chủ trương sửa sai. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (9/1956) nêu rõ: "Kiến quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được..."<sup>(1)</sup>. Tiếp đó, tháng 11/1956, Trung ương Đảng chỉ thị các địa phương "Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm đột xuất trong thời gian trước mắt".

Thực hiện Nghị quyết và Chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên triệu tập Hội nghị mở rộng (từ ngày 8 đến ngày 16/11/1956) để xây dựng chương trình và kế hoạch sửa sai.

Trong thời gian chuẩn bị sửa sai, tỉnh Thái Nguyên vừa trải qua cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc. Địa giới hành chính của tỉnh có sự thay đổi: Huyện Phú Bình được cắt chuyển về tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên chuyển về tỉnh Vinh Phúc. Đến ngày 6/7/1957, hai huyện trên được bàn giao trở lại tỉnh Thái Nguyên. Cùng chính do đặc điểm này, việc tiến hành sửa sai ở huyện Phú Bình chậm hơn so với các địa phương khác. Đến giữa năm 1957, công tác sửa sai ở 13 xã trong huyện vẫn chưa được triển khai do thiếu cán bộ.

Từ tháng 7/1957, công tác sửa sai bắt đầu được thực hiện ở Phú Bình. Các đoàn cán bộ sửa sai của tỉnh và huyện đi xuống các xã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân

(1) Dẫn theo: "Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1945 - 1975)". NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 161.

học tập chủ trương, chính sách, mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ sửa sai; giải quyết những băn khoăn, thắc mắc trong cán bộ và nhân dân.

Khi bước vào sửa sai, Đảng bộ Phú Bình có 1.147 đảng viên sinh hoạt ở 25 chi bộ (trong đó có 22 chi bộ xã và 3 chi bộ cơ quan). Chi bộ đông nhất có 87 đảng viên, ít nhất là 10 đảng viên. Các Ban chỉ uỷ đã được bầu lại trong 21 xã. Ban Huyện uỷ sau khi được cấp trên chỉ định bổ sung, có tất cả là 11 đồng chí. Đến tháng 5/1958, 2 đồng chí xin về sản xuất, Tỉnh uỷ lại bổ sung thêm 1 đồng chí, nên đến trước khi bầu, Huyện uỷ có 10 đồng chí <sup>(1)</sup>. Do việc chỉ định bổ sung, một số Huyện uỷ viên không phấn khởi công tác; có đồng chí xin rút đến 2, 3 lần; nội bộ không đoàn kết...

Trong khi đó, tình hình trong huyện có nhiều diễn biến phức tạp. Mâu thuẫn giữa những người bị quy oan với những người tham gia đấu tố khá căng thẳng, dẫn đến một vài vụ xung đột xảy ra ở một số nơi (xóm Soi, xóm Ca, xóm Trung Tâm, Tây Bắc, Mai Sơn thuộc xã Kha Sơn...). ở một số xã, điển hình là Xuân Phương, Kha Sơn, Nga My, Tân Đức, Thanh Ninh, nhiều diện tích ruộng đất, trâu, bò của những gia đình được chia trong cải cách ruộng đất đã bị phân tán, mua bán chuyển đổi qua tay người khác, người được chia ruộng không còn khả năng trả lại; một số người khác không muốn trả lại những tài sản đã được chia. Một số gia đình bị quy sai thành phần đã lợi dụng chính sách sửa sai để đòi lại cả những diện tích ruộng đất không nằm trong diện sửa sai. Một số cán bộ

---

(1) Ban Chấp hành Đảng bộ Phú Bình: Báo cáo tổng kết hội nghị bầu BCH Huyện uỷ. Số 16/BC/HU, ngày 1/1/1959, tr. 1.



tham gia sửa sai năng lực yếu, kém nhiệt tình, không muốn làm việc, sợ phạm sai lầm nên bỏ bê công việc.

Trước tình hình trên, ngày 4/3/1958, Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 111 yêu cầu Tỉnh uỷ Thái Nguyên kiểm điểm "công tác lãnh đạo sửa sai làm chậm và chưa tốt, nhất là hai huyện Phú Bình và Phổ Yên".

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo huyện Phú Bình hoàn thành dứt điểm công tác đền bù tài sản. Được sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng, sự đồng tình ủng hộ của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, công tác sửa sai đã hoàn thành, kết thúc thắng lợi công cuộc cải cách ruộng đất. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến vĩnh viễn bị xoá bỏ; chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân được xác lập; địa vị làm chủ của nông dân được nâng lên không những về chính trị, mà cả về kinh tế. Thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất đã đem lại niềm phấn khởi trong nông dân, làm cho họ hăng hái tăng gia sản xuất, góp phần quyết định vào việc hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh trên địa bàn.

Thông qua công tác sửa sai, tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ được củng cố một bước. Toàn Đảng bộ có 22 chi bộ xã và 4 chi bộ cơ quan, gồm 1.005 đảng viên; trong đó có 49 đảng viên dự bị. Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng cao hơn trước. Các tổ chức cơ sở đảng nhìn chung đã đảm đương được vai trò lãnh đạo các mặt công tác. Một số chi bộ đã vươn lên loại khá, nội bộ đoàn kết, cán bộ, đảng viên chấp hành đường lối, chính sách một cách

nghiêm túc, điển hình là các chi bộ Thượng Đình, Tân Kim, Lương Phú, Bảo Lý, Trần Phú...

Trước và trong quá trình tiến hành sửa sai, Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo nhiệm vụ khôi phục kinh tế, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Để giải quyết khó khăn về kinh tế, trước hết là khó khăn về lương thực, từ cuối năm 1954, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo và chỉ đạo phong trào thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói, bao gồm các nội dung: Khai hoang mở rộng diện tích canh tác, sửa chữa các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương. Việc lãnh đạo khôi phục hệ thống thủy lợi sông Máng được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng không những của Đảng bộ huyện Phú Bình, mà còn là của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, theo quyết định của Tỉnh uỷ, Ban chỉ huy công trường được thành lập, do một đồng chí Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh làm Trưởng ban. Đồng chí Bí thư Huyện uỷ Phú Bình được Tỉnh uỷ chỉ định tham gia Ban chỉ huy công trường. Cùng với các huyện khác trong tỉnh, Phú Bình khai thác, cung cấp gỗ, tre, huy động dân công lao động liên tục trong gần 3 tháng trên công trường sửa chữa cống Vạn Già và đập Thác Hướng.

Do có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, sự nỗ lực phấn đấu, không quản ngại khó khăn vất vả của hàng ngàn dân công trên các công trường, đến cuối năm 1954, toàn bộ hệ thống sông Máng đã được khôi phục, đảm bảo cung cấp nước tưới cho hàng ngàn héc-ta ruộng đất của hai huyện Phú Bình,

Đồng Hỷ và một số huyện của tỉnh Bắc Giang. Các biện pháp kĩ thuật cày sâu, bừa kỹ, tăng phân bón ruộng, đắp bờ giữ nước, làm cỏ sục bùn được chú trọng. Công tác khai vỡ ruộng đất hoang được phát động, trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi. Nhờ đó, diện tích canh tác được mở rộng; sản lượng lúa và hoa màu tăng lên, góp phần quan trọng vào việc giải quyết tình trạng thiếu đói. Kết quả này còn do có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh. Rút kinh nghiệm chống đói tháng 3/1955, sau khi phát hiện tình hình nạn đói xảy ra vào tháng 8/1955 do mất mùa ở các xã phía Nam (nhiều nhất là ở huyện Phú Bình), Tỉnh uỷ triệu tập hội nghị gồm cán bộ lãnh đạo các huyện, xã để bàn kế hoạch chống đói. Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ đã tập trung cán bộ phối hợp với các đoàn cán bộ của Liên khu xuống trực tiếp chỉ đạo thực hiện chống đói ở 3 xã Hồng Phong, Thắng Lợi, Yên Thịnh; đồng thời trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động tương trợ và trung vay thóc của địa chủ, phú nông. Kết quả giải quyết nạn đói đã giúp cho Đảng bộ huyện có thêm bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị; đồng thời đó cũng là một trong những điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh trên địa bàn huyện.

Sau khi hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế, từ năm 1958, Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân bắt tay vào nhiệm vụ mới. Thực hiện Chỉ thị số 07 (26/6/1958) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên "Về việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông



ng nghiệp và đẩy mạnh phát triển tổ đổi công, phát triển sản xuất, chuẩn bị cho việc mở rộng hợp tác xã sau này", Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, hướng dẫn nông dân đi dần vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Được sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng, công cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở huyện Phú Bình đạt kết quả tốt đẹp. Từ 12 tổ đổi công được xây dựng trong năm 1955 ở các xã Cấp Tiến, Xuân Phương, Thượng Đình... <sup>(1)</sup>, đến năm 1960, toàn huyện đã có trên 93% số hộ tham gia hợp tác xã nông nghiệp, đứng vào hàng cao nhất so với các huyện, thị trong tỉnh.

Song song với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, Đảng bộ lãnh đạo thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, nhằm đưa những người buôn bán nhỏ và thợ thủ công đi vào con đường làm ăn tập thể để phát triển sản xuất, phục vụ nông nghiệp phát triển. Trên lĩnh vực thương nghiệp, từ khi chưa có chủ trương quản lý thị trường, thương nhân tự do buôn bán đầu cơ tích trữ, giá cả thị trường lên xuống thất thường, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Từ năm 1957, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ và các cấp chính quyền, Phú Bình bắt đầu triển khai thực hiện chính sách quản lý thị trường, tổ chức cho thương nhân học tập chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhờ làm tốt công tác giáo dục, huyện Phú

---

(1) Báo cáo tổng kết mọi mặt năm 1955 của tỉnh Thái Nguyên. Tlđđ, tr. 2.

Bình đã kiểm kê được một số mặt hàng chính, kết hợp với việc cấp đăng ký kinh doanh, nắm vững được tình hình hoạt động của thương nhân. Giá cả một số mặt hàng chủ yếu (vải, thịt, chiếu, đường...) được ổn định theo giá chỉ đạo.

Theo chủ trương của Đảng bộ, một mặt nghiên cứu xếp loại đưa dần những hợp tác xã loại thấp lên loại vừa, đưa loại vừa lên loại cao; mặt khác sắp xếp đưa các hộ có ngành nghề khác nhau thành hợp tác xã hỗn hợp và thành lập công tư hợp doanh. Tính đến cuối năm 1960, cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thợ thủ công và tiểu thương đạt được kết quả tốt đẹp. Toàn huyện đã thành lập được 3 hợp tác xã tiểu thủ công (trong đó có 2 hợp tác xã loại vừa, và 1 hợp tác xã loại thấp) với tổng số 35 hộ xã viên (bằng 80,6% tổng số hộ tiểu thủ công); 12 hợp tác xã hỗn hợp ở các phố, các chợ với tổng số 147 hộ (bằng 72,77% tổng số hộ tiểu thương); đồng thời chuyển 43 hộ tiểu thương sang sản xuất nông nghiệp và hợp tác xã mua bán<sup>(1)</sup>.

Hoạt động của hợp tác xã mua bán và mậu dịch bách hoá có bước tiến mới. Rút kinh nghiệm trong những năm trước, từ năm 1957, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền chặt chẽ hơn; do đó các mặt hàng cung cấp được nhiều hơn, đạt từ 90,2 đến 95,1% so với

---

(1) B/c tổng kết sự lãnh đạo công tác năm 1960 của H.U Phú Bình-01 BC/PB-10/2/61, tr. 15.

kế hoạch. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng đối với Ngành Thương nghiệp còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Huyện uỷ chưa thực sự quan tâm thường xuyên vấn đề củng cố và phát triển các cơ sở hợp tác xã mua bán, thường phó mặc cho ngành chuyên môn. Do đó, số lượng xã viên hợp tác xã mua bán tăng rất chậm. Việc thanh toán lời lãi chưa được giải quyết kịp thời, gây nên sự thắc mắc trong xã viên. Đến năm 1960, hợp tác xã mua bán đã mở rộng mạng lưới bán lẻ không những ở các thị trấn, mà còn xuống các thôn xóm. Do đó, trên địa bàn huyện, giá cả các mặt hàng tương đối ổn định; Ngành Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã quản lý được nhiều mặt hàng thiết yếu đối với đời sống của nhân dân.

Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công tác thủy lợi vẫn được Đảng bộ coi là biện pháp chủ yếu trong các biện pháp kĩ thuật liên hoàn. Trong 3 năm (1958 - 1960), nhờ có sự vận dụng 3 phương châm: Giữ nước là chính, tiểu thủy nông là chính và dân làm là chính, nên huyện Phú Bình đã khắc phục được khó khăn về thời tiết do hạn hán kéo dài từ cuối năm 1959 đến đầu vụ mùa năm 1960. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh uỷ, coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu, trong Chiến dịch "Phát cao cờ hồng tháng Tám, kết nghĩa Khánh Hoà" (từ tháng 5/1960) cũng như trong Chiến dịch Đông - Xuân 1960 - 1961, các cấp uỷ Đảng và chính quyền tập trung lãnh



đạo và chỉ đạo công tác thủy lợi. Trong năm 1960, toàn huyện đã huy động 308.514 công đào, đắp được 148.207 m<sup>3</sup> đất, tu sửa và làm mới 105 hồ chứa nước, 38 ao, 144 con mương và 125 phai để tưới thêm cho 1.777 mẫu ruộng khỏi bị hạn <sup>(1)</sup>. Ngoài việc đắp đập, hồ, ao giữ nước để cấy chiêm, lực lượng nhân dân được huy động sửa chữa và kéo dài máng chân rết, làm thêm các công trình trung, tiểu thủy nông. Nhờ đó, diện tích được tưới nước trong vụ chiêm toàn huyện tăng thêm 312 ha. Trong phong trào làm thủy lợi, nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện. Tại xã Cấp Tiến, nhân dân đã đóng góp 10.524 ngày công sửa chữa mương máng, phục hồi được 143,9 ha ruộng chiêm và còn có thể tưới thêm được nhiều cho vụ lúa Nam Ninh. Bà con nông dân Hợp tác xã Kim Xuân Cấn (Tân Khánh) đã đắp được 4 đập nước, 1 hồ chứa nước, đưa thêm diện tích cấy chiêm lên 12,6 ha <sup>(2)</sup>.

Đi đôi với biện pháp thủy lợi, việc tận dụng các nguồn phân để bón ruộng và dùng vôi để chống chua cũng được

---

(1) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo công tác mọi mặt năm 1960 của Huyện uỷ Phú Bình - Số 01 BC/PB - 10/2/1961, tr. 3.

(2) Báo cáo tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1961 của BCHĐB Thái Nguyên - 28/2/1961, tr. 13.

chú ý. Được sự hướng dẫn của cán bộ kĩ thuật, nhân dân các xã trong huyện biết ủ phân tại ruộng, làm phân xanh; biết dùng vôi bón các ruộng thụt để khử chua. Nhờ đó, năng suất lúa ở một số cánh đồng thụt được nâng lên rõ rệt, điển hình là Hợp tác xã Trung Lương (xóm Cầu Da) đưa năng suất lúa từ 12 tạ/ha lên 22 tạ/ha<sup>(1)</sup>. Diện tích, năng suất và sản lượng lúa và hoa màu nhìn chung trong toàn huyện có chiều hướng tăng lên qua các năm<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này không vững chắc, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu.

(1) Báo cáo tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1961 của BCHĐB Thái Nguyên - 28/2/1961, tr. 13.

(2) Diện tích, năng suất lúa qua các năm:

| Các loại lúa | Năm 1957   |            | Năm 1958 |            | Năm 1959   |            | Năm 1960   |            |
|--------------|------------|------------|----------|------------|------------|------------|------------|------------|
|              | D. tích    | N. suất    | D. tích  | N. suất    | D. tích    | N. suất    | D. tích    | N. suất    |
| Lúa chiêm    | 1.951 ha   | 5,74 tạ/ha | 261,2 ha | 4,5 tạ/ha  | 895,3 ha   | 4,5 tạ/ha  | 8.646 ha   | 5,26 tạ/ha |
| Nam Ninh     | 2.256,5 ha | 5,84 tạ/ha | 174,1 ha | 2,4 tạ/ha  | 870,5 ha   | 4,2 tạ/ha  | 8.590,6 ha | 7,26 tạ/ha |
| Ba giảng     | 2.533 ha   | 7,86 tạ/ha | 208,6 ha | 4,4 tạ/ha  | 912,6 ha   | 5,07 tạ/ha | 8.389,9 ha | 7,65 tạ/ha |
| Lúa mùa      | 2.265,8 ha | 5,28 tạ/ha | 207,9 ha | 1,98 tạ/ha | 1.072,7 ha | 5,16 tạ/ha | 8.303,6 ha | 5,96 tạ/ha |

Sản lượng lúa và hoa màu qua các năm:

| <u>Sản lượng (tấn)</u> | <u>Lúa</u> | <u>Hoa màu</u> |
|------------------------|------------|----------------|
| Năm 1957               | 17.104,210 | 457, 269       |
| Năm 1958               | 22.137,254 | 2.615,376      |
| Năm 1959               | 24.265,807 | 1.765,205      |
| Năm 1960               | 18.587,530 | 1.229,397      |

Việc trồng các loại cây công nghiệp trong thời gian này đạt kết quả kém. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trước hết là do nhân dân địa phương quan niệm trồng cây công nghiệp tốn công và không tin vào khả năng thu hoạch; các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ huyện xuống xã thiếu kế hoạch vận động, không lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, chỉ hô hào chung chung.

Ngành chăn nuôi được chú ý phát triển, nhưng sự tăng trưởng không vững chắc, do vệ sinh chuồng trại không đảm bảo, các bệnh dịch thường xảy ra. Mùa hè năm 1957, hầu khắp các xã gần chợ và ven đường giao thông đều xảy ra bệnh đầy hơi ở trâu, bò, bệnh đóng dấu, bệnh nghé ở lợn, bệnh tụ huyết trùng ở gà. Có nơi, trâu, bò, lợn bị chết hàng chục con. Để khắc phục tình trạng trên, huyện đã mở một lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ để phổ biến kinh nghiệm chữa bệnh cho gia súc, gia cầm; đồng thời tổ chức một đợt tiêm phòng kết hợp với việc phát động làm vệ sinh chuồng trại. Nhờ đó, các bệnh dịch gia súc được ngăn chặn kịp thời. Đến cuối năm 1958, toàn huyện có 5.527 con trâu, 6.163 con bò, 11.062 con lợn <sup>(1)</sup>.

Phú Bình là một huyện thuần nông. Tuyệt đại đa số nhân dân trong huyện đều sống bằng nghề làm ruộng, chủ yếu là trồng các loại cây lương thực và hoa màu. Các

(1) Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo năm 1958 của huyện Đảng bộ Phú Bình đọc trước Hội nghị toàn Đảng bộ trong cuộc bầu cử Huyện uỷ. Số 26 BC/HU-10/12/1958, tr. 7.



ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đều kém phát triển. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện chưa thực sự đi sâu nắm vững tiềm năng của địa phương, do đó trong khi xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm, chưa chú ý tạo điều kiện giúp đỡ các xưởng tư nhân hoặc các gia đình làm nghề thủ công có điều kiện phát triển sản xuất. Các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp địa phương hoạt động trong điều kiện khó khăn vì khan hiếm nguyên vật liệu và giao thông trở ngại. Vì vậy, đến năm 1957, toàn huyện chỉ có 11 lò gạch, 4 lò vôi, 1 xưởng đúc nông cụ, 4 khung cửi dệt vải và 3 lò gốm <sup>(1)</sup>. Các nghề đan rổ, rá, làm cốt, quang sọt ở một số xã (Hồng Phong, Quyết Tiến, Trần Phú) chỉ phát triển theo từng vụ, từng mùa, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm là khôi phục kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, Đảng bộ rất quan tâm đến công tác văn hoá, giáo dục, xã hội. Theo phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ huyện, công tác văn hoá - xã hội phải đi sâu vào thôn xóm, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc, nâng cao dần trình độ văn hoá cho mọi người dân, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia lao động xây dựng quê hương, đất nước.

Theo phương hướng ấy, các cấp chính quyền và các ngành chức năng tập trung chỉ đạo hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế. Cán bộ và nhân viên Đội chiếu bóng lưu

---

(1) B/c tổng kết tình hình công tác năm 1957 của Huyện uỷ Phú Bình-Số 01/BC-5/1/1958, tr. 15.

động vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, thường xuyên tổ chức các buổi chiếu bóng, phục vụ nhân dân. Các đội văn nghệ ở các xã cũng được thành lập và tổ chức biểu diễn, góp phần tạo nên cuộc sống tinh thần vui tươi, lành mạnh. Mạng lưới thông tin, tuyên truyền từ huyện xuống đến các xã được chấn chỉnh và hoạt động đi dần vào nề nếp, kịp thời phổ biến tin tức thời sự thế giới và trong nước đến mọi người dân.

Ngành Giáo dục phổ thông huyện chú ý nâng cao chất lượng giảng dạy cho giáo viên theo phương châm văn hoá phải theo sát chính trị, nhà trường phải gắn liền với thực tế đời sống xã hội. Số lượng học sinh các cấp đều tăng nhanh <sup>(1)</sup>. Chất lượng giảng dạy và học tập trong các trường học cũng được nâng lên. Trong năm học 1959 - 1960, số học sinh thi tốt nghiệp lớp 7 đạt 95%, tốt nghiệp lớp 4 đạt 79,33% <sup>(2)</sup>. Sang học kỳ I năm học 1960 - 1961, chất lượng học sinh các lớp đạt yêu cầu từ trung bình trở lên là 92,43% <sup>(3)</sup>. Hằng năm, huyện đều tổ chức các lớp học tập chính trị để nâng cao trình độ nhận thức về tình hình và nhiệm vụ cách mạng cho các thầy, cô giáo. Trong các nhà trường phổ thông, ngoài công tác giảng dạy và học tập văn hoá, thầy và trò đều tham gia

(1) Số lượng học sinh các cấp qua các năm như sau:

| Năm               | Số lượng học sinh |             |
|-------------------|-------------------|-------------|
|                   | Cấp I             | Cấp II      |
| 1958              | 2.530 người       | 176 người   |
| 1960              | 5.855 người       | 608 người   |
| Tỉ lệ so với 1958 | Tăng 130,6%       | Tăng 345,4% |

(2), (3) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960...

Tlđđ, tr.17.

lao động sản xuất, tổ chức giúp bà con nông dân làm phân xanh, trừ sâu cắn lúa... Việc sửa chữa, xây dựng trường sở được các giới, các ngành tham gia đóng góp tích cực. Xã Đồng Liên còn thành lập Ban Khuyến học và có nhiều hoạt động thiết thực, gây ảnh hưởng tốt đến các xã khác.

Bên cạnh những tiến bộ đạt được, sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ; sự quan tâm của các cấp chính quyền đối với công tác giáo dục chưa đúng mức. Do đó, tình trạng thiếu bàn ghế, thiếu đồ dùng và phương tiện giảng dạy, học tập trong các nhà trường còn khá phổ biến; số các trường, lớp học xiêu vẹo, dột nát còn chiếm tỷ lệ cao. Điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến chất lượng giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hoá không được duy trì vững chắc. Số học viên tham gia học tập không đều, lúc lên, lúc xuống. Tuy vậy, đến năm 1960, về cơ bản huyện Phú Bình là một trong 5 huyện, thị của tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ trong toàn dân.

Ngành Y tế huyện có nhiều cố gắng trong công tác chăm lo sức khoẻ của nhân dân. Cuộc vận động thực hiện vệ sinh phòng bệnh được tiến hành rộng rãi ở hầu khắp các xã. Trong các thôn xóm, bà con nông dân tích cực hưởng ứng cuộc vận động làm chuồng trâu, bò xa nhà ở, đào giếng nước. Nhiều xã lập được tủ thuốc. Công tác điều trị, đỡ đẻ, thăm bệnh phát thuốc của



Phòng Y tế và các Trạm xá xã ngày càng có chất lượng. Cán bộ Phòng Y tế huyện tăng cường xuống các xã hướng dẫn nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh, tổ chức tiêm phòng... Năm 1958, Ngành Y tế huyện phát thuốc cho 4.910 người; đến năm 1960, số người được phát thuốc và điều trị lên 7.643, tăng 37% <sup>(1)</sup>. Vì vậy, trong những năm 1957 - 1960, trên địa bàn huyện không xảy ra vụ dịch nào lớn.

Tuy nhiên, công tác y tế của huyện có nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Điều kiện, phương tiện và nguồn thuốc chữa bệnh còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Đội ngũ cán bộ y tế, nhất là những cán bộ có trình độ chuyên môn khá, giỏi cũng thiếu nhiều; do đó chất lượng khám, chữa bệnh còn thấp. Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện chưa sâu sát, thậm chí có cấp uỷ (Xuân Phương) vin cơ bản công việc, đã coi nhẹ công tác vệ sinh phòng bệnh...

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương từ sau ngày hoà bình lập lại, Đảng bộ rất coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ, cơ quan quân sự huyện đã tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang học tập Nghị quyết lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các tài liệu của Tổng cục Chính trị. Thông qua học tập, những biểu hiện lệch lạc (tư tưởng hoà bình hưởng lạc, muốn

---

(1) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960... Tlđd, tr 17.

ngủ ngơi về phép...) trong một số cán bộ, chiến sĩ từng bước được khắc phục.

Từ sau khi có Chỉ thị của Thường trực Tỉnh uỷ (10/1959) về vấn đề tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với công tác củng cố Quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị, sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác quân sự địa phương có nhiều chuyển biến tốt hơn. Các chi uỷ viên được cử sang phụ trách xã đội. Hầu hết số thanh niên từ 18 đến 25 tuổi, các quân nhân phục viên, quân nhân chuyển ngành dưới 45 tuổi và dân quân, tự vệ dưới 40 tuổi trong huyện đều được đăng kí theo chế độ nghĩa vụ quân sự. Thanh niên trong huyện hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Từ năm 1955 đến năm 1959, toàn huyện có 672 thanh niên nhập ngũ. Lực lượng dân quân, du kích được sàng lọc, chấn chỉnh một bước về tổ chức. Riêng trong năm 1955, huyện kết nạp thêm 32 đội viên và sa thải 3 đội viên ra khỏi hàng ngũ dân quân, du kích <sup>(1)</sup>. Các lớp huấn luyện quân sự cho dân quân, tự vệ được tổ chức.

Lực lượng công an xã cũng được tăng cường. Tính đến giữa năm 1956, toàn huyện có 54 Trưởng, Phó công an; trong đó có 17 Trưởng công an xã <sup>(2)</sup>. Đại đa số các xóm cũng đều có công an <sup>(3)</sup>. Nhìn chung, lực lượng công an các xã đều tích cực hoạt động, nắm chắc tình hình, kịp

---

(1) Báo cáo tổng kết mọi mặt năm 1955... Tlđd, tr. 10.

(2) Còn 5 xã: Lương Phú, Hà Châu, Thắng Lợi, Tân Thành, Cấp Tiến chưa có Trưởng công an.

(3) Có 226 trong tổng số 246 xóm đã có lực lượng công an.

thời đề xuất được các biện pháp xử lý các vụ việc xảy ra trên địa bàn.

Nhận thức được vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi mọi mặt công tác, Đảng bộ đặc biệt coi trọng nhiệm vụ xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Vào những năm 1956 - 1960, tình hình thế giới có nhiều biến động: Một số vụ bạo động phản cách mạng xảy ra ở một số nước xã hội chủ nghĩa (Ba Lan, Hunggari năm 1956); phong trào "Đại nhảy vọt" ở Trung Quốc (1957); Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất (1957); từ cuối những năm 50, quan hệ giữa hai nước Liên Xô và Trung Quốc bắt đầu có sự rạn nứt và sang đầu những năm 60 trở nên căng thẳng, đối đầu, v.v... ở trong nước cũng có nhiều sự kiện lớn: Từ năm 1956, Đảng ta công bố sai lầm và sau đó (1957), sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất; vụ "Nhân văn"-"Giai phẩm"; từ năm 1958, Đảng và Nhà nước ta chủ trương tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công - thương nghiệp tư bản tư doanh cùng với việc ban hành một số chính sách lớn về kiện toàn tổ chức, giảm nhẹ biên chế, đưa cán bộ về nông thôn sản xuất, chính sách cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương, vấn đề quản lý thị trường...

Tất cả tình hình trên đều trực tiếp tác động đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong hoàn cảnh ấy, Huyện uỷ đặt mạnh nhiệm vụ giáo



dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ và quần chúng.

Ngay từ những năm sau hoà bình, Đảng bộ thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương... Mỗi khi có chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, Huyện uỷ kịp thời tổ chức học tập và nói chuyện trong toàn Đảng bộ và nhân dân. Đặc biệt, từ năm 1960, năm kết thúc kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá để bước sang thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ càng coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trong năm này, Đảng bộ liên tiếp mở các đợt chỉnh huấn gắn liền với các nhiệm vụ chính trị. Trong kỳ chỉnh huấn Xuân - Hè, có 829 trong tổng số 1.140 đảng viên toàn Đảng bộ (đạt 87,7%) tham gia. Kỳ chỉnh huấn mùa thu có 864 trong tổng số 1.173 đảng viên (đạt 85%) theo học. Đợt học tập, thảo luận Dự thảo Điều lệ Đảng có 90,5% đảng viên các chi bộ xã và 100% đảng viên chi bộ cơ quan tham gia... <sup>(1)</sup>. Nội dung học tập đều lấy tiêu chuẩn, nhiệm vụ của người đảng viên để tự liên hệ, kiểm điểm; trên cơ sở đó, vạch rõ phương hướng phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm.

Thông qua các đợt học tập chính trị, nói chuyện thời sự, Đảng bộ đã giải quyết được một phần những tư tưởng thối nát không đúng, nâng cao lập trường, quan điểm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đại đa số cán bộ,

---

(1) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960... Tlđd, tr. 24.

đảng viên và quần chúng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Cũng thông qua công tác giáo dục chính trị, những biểu hiện tư tưởng tự do vô tổ chức, vô kỉ luật, nghi ngờ đường lối, chính sách trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân từng bước được khắc phục. ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ được tăng cường. Điều đó được thể hiện ở tinh thần hăng hái tham gia lao động sản xuất trong đại đa số cán bộ, đảng viên, tinh thần dám nghĩ, dám làm bắt đầu nảy nở và phát triển trong các cơ sở. Những biểu hiện vi phạm đạo đức, tự tư tự lợi, thiếu gương mẫu chấp hành chính sách trong một số cán bộ, đảng viên từng bước được khắc phục. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi giúp cho Đảng bộ đạt kết quả tốt hơn trong công tác lãnh đạo nhân dân địa phương thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Chỉ tính riêng công tác "ba thu" vụ đông năm 1960, toàn huyện đã thu mua trên 1.401,8 tấn thóc (đạt 82,4%), thu thuế trên 1.603,5 tấn thóc (đạt 97,25%); thu nợ trên 124 tấn thóc và 23.446,74 đồng<sup>(1)</sup>.

Cùng với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng bộ rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị chuyên môn và văn hoá cho cán bộ, đảng viên. Hằng

---

(1) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960... Tlđđ, tr. 13, 14.

năm, tùy theo yêu cầu bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, Huyện uỷ cử người tham dự các lớp bồi dưỡng do Trung ương, Khu và Tỉnh mở. Năm 1960 là năm có số lượng cán bộ, đảng viên được cử đi học các lớp huấn luyện cao nhất:

- 56 cán bộ, đảng viên đi học các lớp huấn luyện chính trị do cấp trên tổ chức; trong đó có 4 Huyện uỷ viên, 45 Chi uỷ viên và 7 cán bộ huyện.

- 17 cán bộ, đảng viên đi học chuyên môn; trong đó có 4 Huyện uỷ viên, 13 cán bộ các ngành xung quanh huyện.

- 7 cán bộ đi học văn hoá; trong đó có 4 Huyện uỷ viên, 3 cán bộ các ngành xung quanh huyện <sup>(1)</sup>.

Ngoài việc cử cán bộ đi học, Đảng bộ còn mở các lớp huấn luyện cán bộ ngay tại địa phương. Từ tháng 10/1957, Huyện uỷ bắt đầu tổ chức lớp huấn luyện tập trung cho cán bộ, đảng viên. Do chưa có kinh nghiệm giảng dạy và tổ chức, sự lãnh đạo thiếu chặt chẽ, cho nên lớp đầu chỉ có 36 học viên; thậm chí có lần mở lớp nhưng học viên không đến, nên phải hoãn lại. Để khắc phục tình trạng này, từ tháng 12/1957, Tỉnh uỷ cử cán bộ về giúp Huyện uỷ Phú Bình. Do có kế hoạch cụ thể, 4 lớp huấn luyện được tổ chức ở 4 khu vực với tổng số 331 học viên <sup>(2)</sup>. Trong những năm sau, việc mở lớp bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ, đảng viên ngày càng đi vào

---

(1) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960... Tlđ d, tr. 24.

(2) Báo cáo tổng kết tình hình công tác năm 1957... Tlđđ, tr.8.



nền nếp và có hiệu quả thiết thực. Năm 1960, Đảng bộ mở 3 lớp huấn luyện cho đảng viên mới kết nạp và đảng viên dự bị (trong đó có 2 lớp do Huyện uỷ mở, bồi dưỡng cho 133 đảng viên); 1 lớp bồi dưỡng cho 376 cán bộ Ban Quản trị hợp tác xã nông nghiệp; 1 lớp huấn luyện cho 27 cán bộ phụ nữ và 1 lớp bồi dưỡng cho 28 uỷ viên Hội đồng nhân dân xã <sup>(1)</sup>.

Công tác củng cố tổ chức Đảng cũng được coi là một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ. Tính đến năm 1956, toàn Đảng bộ huyện có 22 chi bộ xã và 4 chi bộ cơ quan <sup>(2)</sup>. Chi uỷ xã có 96 đồng chí, trong đó có 11 đồng chí cán bộ nữ <sup>(3)</sup>. Ban Chi uỷ xã có số cán bộ đông nhất là 7 đồng chí (Quyết Tiến, Xuân Phương, Yên Thịnh), ít nhất là 2 đồng chí (Tân Khánh). Phần lớn các Ban Chi uỷ xã đều thiếu cán bộ vì một số xin nghỉ công tác, một số được cấp trên điều động tham gia công tác thoát ly và một số khác xin hồi cư về nguyên quán.

Mặt khác, do phải tập trung một số lượng lớn cán bộ vào các nhiệm vụ trung tâm, đặc biệt là nhiệm vụ sửa chữa những sai lầm trong các đợt giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, nên từ sau ngày hoà bình được lập lại (1954) đến cuối năm 1958, các đảng bộ trực thuộc tỉnh đều không tổ chức được đại hội.

---

(1) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960... Tlđd, tr. 13.

(2), (3) Báo cáo của Huyện uỷ Phú Bình - Số 34/BC... Tlđd, tr. 3.

Tình hình trên đặt ra một yêu cầu cấp bách là phải nhanh chóng củng cố, kiện toàn bộ máy cấp uỷ từ huyện xuống đến xã. Từ giữa năm 1958, hầu hết các xã đều tổ chức đại hội chi bộ, bầu lại Ban chi uỷ. Những đồng chí được bầu vào Ban chi uỷ phần lớn đều là những đảng viên ưu tú, thuộc thành phần cơ bản, đã được thử thách và rèn luyện qua thực tiễn chiến đấu và sản xuất.

Sau đại hội các chi bộ xã, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Khu uỷ và Tỉnh uỷ về việc mở hội nghị để bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ, ngày 26/12/1958, Hội nghị đại biểu Đảng bộ huyện Phú Bình khai mạc. Số đại biểu chính thức có mặt tại Hội nghị là 81 đồng chí thay mặt cho trên 1.100 đảng viên trong toàn Đảng bộ <sup>(1)</sup>. Hội nghị đã kiểm điểm, đánh giá những thành tích và thiếu sót của Đảng bộ trong vai trò lãnh đạo các mặt công tác từ sau ngày hoà bình lập lại. Trên cơ sở đó, Hội nghị thảo luận và thông qua Đề án công tác của Đảng bộ, thảo luận Chỉ thị số 112 (ngày 23/10/1958) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển Đảng trong những năm trước mắt.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm 6 uỷ viên, do đồng chí Nguyễn Khánh Hàm làm Bí thư.

Kết quả bầu cử Ban Huyện uỷ và các Ban chi uỷ ở các xã đã góp phần tăng cường bộ máy lãnh đạo của các tổ chức Đảng trong Đảng bộ, đáp ứng được yêu cầu của

---

(1) Báo cáo tổng kết Hội nghị bầu BCHĐB huyện Phú Bình - Số 01 - BC/HU - 1/1/1959, tr. 1



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm kẻ Lũ Yên, ngày 2 tháng 3 năm 1958.





nhệm vụ chính trị ở địa phương. Thông qua bầu cử kiện toàn cấp uỷ, sinh hoạt dân chủ trong Đảng được thực hiện, cán bộ, đảng viên thêm phấn khởi, tin tưởng, tạo nên sự chuyển biến mới trong toàn Đảng bộ. Số chi bộ yếu kém được thu hẹp, số chi bộ loại trung bình và khá tăng lên. Một số chi bộ (Chi bộ Cấp Tiến, Chi bộ Lương Sơn) trước đây thuộc loại yếu kém, sau đại hội đã được củng cố tương đối tốt, hoạt động có hiệu quả. Chi bộ Hồng Phong trước đây thuộc loại trung bình, sau đại hội đã vươn lên thành chi bộ khá...

Bên cạnh những bước chuyển biến đáng kể nêu trên, công tác xây dựng Đảng thời gian này có một số hạn chế, thiếu sót. Trong toàn Đảng bộ, có nơi, có lúc còn hiện tượng không theo dõi nắm sát tình hình ở cơ sở để kịp thời lãnh đạo. Một số chi bộ (Quyết Tiến, Dương Thành) còn xảy ra tình trạng mất đoàn kết, chây lười công tác. Tính đến cuối năm 1958, số đảng viên không tham gia hoạt động vẫn còn chiếm 14% (157 đồng chí) so với tổng số đảng viên toàn Đảng bộ <sup>(1)</sup>.

Trong cán bộ, đảng viên vẫn còn những biểu hiện thối nát, tính toán cá nhân, lo lắng về tương lai, tiền đồ, dãi ngộ. Tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, thiếu tin tưởng vào sức sáng tạo của quần chúng vẫn tồn tại trong một bộ phận

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1958 tại Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (từ ngày 1 đến ngày 5/2/1959)-Số 02-BC/TN, tr. 15.

cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ trong các cấp uỷ. Công tác phát triển đảng viên mới chưa được coi trọng đúng mức, có năm (năm 1957) không kết nạp được một đảng viên nào.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, yếu kém trên đây trước hết là do nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên chậm chuyển biến kịp với tình hình, nhiệm vụ của cách mạng; công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng bộ tuy đã được coi trọng nhưng chưa phong phú và thiếu sắc bén, linh hoạt, nên hiệu quả chưa cao. Trong công tác xây dựng Đảng, các cấp uỷ chưa kết hợp hài hoà giữa củng cố tổ chức với việc phát triển đảng viên mới.

Nhận rõ chính quyền là một công cụ chuyên chính sắc bén của giai cấp, Huyện uỷ rất quan tâm đến việc củng cố và kiện toàn Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp, nhất là cấp huyện. Một số cán bộ chủ chốt trong Uỷ ban hành chính huyện được bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, văn hoá và năng lực công tác. Việc bồi dưỡng cho cán bộ chính quyền xã chưa được chú ý. Đến cuối năm 1960, huyện mới tổ chức được một đợt huấn luyện cho các uỷ viên trong Hội đồng nhân dân cấp xã về mục đích, ý nghĩa, tính chất chính quyền dân chủ nhân dân, về quyền hạn, lề lối làm việc của Hội đồng nhân dân. Tuy nhiên, kết quả huấn luyện còn thấp, số người tham dự chỉ đạt 18,3%. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế năng



lực tổ chức và điều hành các mặt công tác của Ủy ban hành chính cấp xã.

Cùng với Ủy ban hành chính các cấp trong huyện, các đoàn thể chính trị xã hội, tổ chức quần chúng, nhất là Mặt trận Tổ quốc và Đoàn Thanh niên huyện cũng tích cực hoạt động.

Thông qua các cuộc vận động quần chúng đấu tranh đòi lập lại quan hệ bình thường hai miền Nam - Bắc, đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện Tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đấu tranh phản đối hành động khủng bố, tàn sát của bè lũ Mỹ - Diệm đối với đồng bào miền Nam, v.v..., Mặt trận Tổ quốc huyện đã phát huy được vai trò tổ chức và động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đặc biệt, Ủy ban Mặt trận các cấp trong huyện đã biết phát huy vai trò của các cụ phụ lão trong mọi lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.

Đoàn Thanh niên huyện đã làm tròn chức năng giáo dục, động viên đoàn viên, thanh niên gương mẫu thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự, đi đầu trong phong trào trồng cây gây rừng, làm thủy lợi, làm phân bón ruộng, áp dụng các biện pháp kĩ thuật tiên tiến vào sản xuất; dám nghĩ, dám làm để nâng cao năng suất lao động... Với khẩu hiệu "Rừng thanh xuân, phân một tấn", trong cuộc vận động trồng cây gây rừng Đông - Xuân 1960 - 1961 do Huyện Đoàn tổ chức, đoàn viên, thanh niên trong huyện đã trồng được 34.148 cây, làm được hàng

trăm tấn phân; trong đó có nhiều người làm được từ 3 đến 4 tấn <sup>(1)</sup>.

Phụ nữ là lực lượng đông đảo, chiếm nửa dân số trong huyện và giữ vai trò rất to lớn trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Năm 1955, Ban Chấp hành Hội phụ nữ huyện có 10 uỷ viên; Ban Chấp hành phụ nữ xã có 171 cán bộ, nhưng do trình độ, năng lực thấp kém và chưa được quan tâm đúng mức của các cấp lãnh đạo, nên hoạt động của Hội vào loại yếu nhất so với các tổ chức quần chúng. Trong những năm sau, các cấp uỷ Đảng và chính quyền huyện quan tâm nhiều hơn đến phong trào phụ nữ. Đầu năm 1960, Huyện uỷ đã có kế hoạch củng cố và kiện toàn Ban Chấp hành Hội phụ nữ các cấp từ huyện xuống đến xã. Từ đó, hoạt động của các cấp Hội có những chuyển biến mới. Trong dịp kỉ niệm Quốc tế phụ nữ (8/3/1960), Hội đã vận động được 5.678 chị em đi lao động xã hội chủ nghĩa để lấy tiền ủng hộ phụ nữ Á - Phi <sup>(2)</sup>. Trong Chiến dịch "Phát cao cờ hồng tháng Tám, kết nghĩa Khánh Hoà", Hội phụ nữ huyện đã huy động chị em làm được hơn 1.226 tấn phân các loại <sup>(3)</sup>, tổ chức thi cấy, khai phá đất đồi để trồng "Đồi chuối Khánh Hoà", "Đồi sản 8/3"...

Tuy nhiên, hoạt động của các tổ chức quần chúng trong những năm 1955 - 1960 còn nhiều hạn chế. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện, gồm 13 người, hoạt động không đều tay. Phong trào và sự hoạt động của Đoàn

---

(1) (2), (3) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1960...

Tlđd, tr. 21, 22.

Thanh niên cũng không đều, lúc lên, lúc xuống. Hoạt động của Hội Phụ nữ các cấp trong huyện còn yếu. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền chưa có nhận thức đúng đắn đặc điểm và vai trò của phụ nữ, nên chưa thực quan tâm lãnh đạo, giúp đỡ hoặc phối hợp công tác; và do đó chưa tạo điều kiện thuận lợi cho Hội Phụ nữ các cấp trong huyện hoạt động có hiệu quả.

Tất cả những tiến bộ và hạn chế trong mọi lĩnh vực công tác những năm 1954 - 1960 đã phản ánh những mặt thành công và chưa thành công trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ. Thông qua đó, Đảng bộ huyện Phú Bình, trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ, đã tự rút được nhiều bài học quý báu cho công tác lãnh đạo các mặt trong những năm tiếp theo.

Được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, vào năm 1960, Đại hội đại biểu lần thứ VIII Đảng bộ huyện Phú Bình được tổ chức. Đại hội khẳng định những thành tích đã đạt được và những mặt tồn tại trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1960 - 1962. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VIII, gồm 5 uỷ viên. Đồng chí Nguyễn Đình Thăng được bầu làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Nguyễn Đình Ninh được bầu làm Phó Bí thư.

Với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình phấn khởi bước vào thời kỳ mới.



## **II- LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HOÁ TRONG THỜI KÌ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)**

Sau 3 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960), miền Bắc nước ta có nhiều thay đổi rất căn bản. Tuy nhiên, nền kinh tế miền Bắc chủ yếu vẫn là nông nghiệp lạc hậu, năng suất thấp.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã đề ra đường lối chung và đường lối xây dựng, phát triển kinh tế miền Bắc trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa được đặt thành nhiệm vụ trung tâm của miền Bắc trong suốt thời kì quá độ. Mở đầu cho quá trình đó là việc thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khu Tự trị Việt Bắc lần thứ II, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (10 - 18/3/1961) ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá trong thời kỳ thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ I (1961 - 1965): "Ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp, đồng thời tích cực phát triển công nghiệp địa phương, trên cơ sở củng cố và hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp,

thương nghiệp nhỏ. Hai nhiệm vụ phát triển công nghiệp và củng cố, phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp là hai nhiệm vụ trung tâm, gắn chặt với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, nhằm dần dần bảo đảm được những nhu cầu chính về lương thực, thực phẩm, về nông cụ cải tiến, nông cụ thường và hàng tiêu dùng trong tỉnh, góp phần tích cực phục vụ nhu cầu kiến thiết cơ bản, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thăm dò khảo sát xây dựng của Trung ương ở tỉnh được thuận lợi. Đồng thời ra sức phát triển văn hoá, đào tạo cán bộ cho phong trào hợp tác hoá và công nhân biết nghề; điều tra, nghiên cứu, thăm dò tài nguyên, làm cho kế hoạch 5 năm ở tỉnh ta hoàn thành tốt và trước thời hạn" <sup>(1)</sup>.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI cũng đề ra nội dung, phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu cơ bản, những biện pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965); xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ hàng đầu, công tác củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng, an ninh là những nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá ở địa phương.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, ngay từ đầu năm 1961, Ủy ban hành chính tỉnh phát động Chiến dịch Đại vận động sản xuất Đông - Xuân

---

(1) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Tập 1 (1936-1965), 2003, tr. 349, 350.

1960 - 1961: "Phất cao cờ hồng, quyết thắng Đông - Xuân, tiến quân toàn diện", nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho sự phát triển công nghiệp. Đến cuối năm 1961, tỉnh lại phát động Chiến dịch: "Cờ hồng lồng gió Đại Phong, vụ mùa toàn thắng". Ủy ban hành chính tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức phấn đấu để "cót đầy thóc, bồ đầy khoai, đồi cỏ xanh tươi, trâu bò béo khỏe, ao hồ đầy tôm cá, để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân" <sup>(1)</sup>.

Hưởng ứng các chiến dịch đẩy mạnh sản xuất do Ủy ban hành chính tỉnh phát động, cùng với các huyện, thị trong tỉnh, Huyện uỷ và Ủy ban hành chính huyện Phú Bình tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Các phong trào thi đua khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích gieo trồng, thi đua làm thủy lợi, làm phân bón ruộng, làm bèo hoa dâu, làm ruộng thí nghiệm, phòng trừ sâu bệnh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật... tiếp tục được đẩy mạnh. Huyện uỷ lãnh đạo các ngành, các cấp mở nhiều hội nghị chuyên đề, gắn việc phát động phong trào thi đua với những nhiệm vụ cụ thể của ngành mình, cấp mình. Từ đầu năm 1962, tiếp theo đợt 2 Chiến dịch "Thi đua 10 giỏi" do Tỉnh uỷ Thái Nguyên phát động, Huyện uỷ phát động 2 đợt thi đua:

---

(1) Nghị quyết phát động Chiến dịch Đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960 - 1961 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 14/10/1960.



- Đợt thi đua "Tiến quân vào củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất Đông-Xuân đón mừng Xuân 1962", từ ngày 1/1 đến ngày 15/1;

- Đợt thi đua "Lấy thành tích kỉ niệm sinh nhật Đảng 3/2 và lấy thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện", từ ngày 15/1 đến ngày 15/2.

Vừa kết thúc thắng lợi đợt thi đua thứ hai, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện Phú Bình tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IX (2/1962). Trên cơ sở đánh giá những thành tích và những mặt hạn chế trong nhiệm kì trước, Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kì 1962 - 1963. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IX gồm 19 uỷ viên, do đồng chí Nguyễn Xuân Nhã làm Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Đình Ninh và Nguyễn Văn Bộ được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Phát huy những thành tích đã đạt được, ngay sau Đại hội Đảng bộ, Huyện uỷ liên tiếp phát động 6 đợt thi đua:

- Đợt thi đua "Khuếch trương chiến quả của Đại hội Đảng bộ huyện, đẩy mạnh công tác trước mắt", từ ngày 25/2 đến ngày 15/3;

- Đợt thi đua "Dọn hết phân ra đồng bón cho lúa chiêm, làm cỏ sục bùn đẩy mạnh tăng năng suất lúa", từ ngày 21/3 đến ngày 5/4;

- Đợt thi đua "Đẩy mạnh hoàn thành vụ sản xuất Đông - Xuân và chuẩn bị cho vụ Thu", từ ngày 6/4 đến ngày 20/4;

- Đợt thi đua "Nâng cao khí thế cách mạng của ngày 1/5, đẩy mạnh sản xuất, lấy thành tích kỷ niệm sinh nhật Hồ Chủ tịch", từ ngày 1/5 đến ngày 19/5;

- Đợt thi đua "Đẩy mạnh sản xuất, củng cố cải tiến quản lý hợp tác xã để chào mừng ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Tám", từ ngày 19/5 đến ngày 19/8;

- Đợt "Thi đua với Hợp tác xã Đại Phong, đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện vụ mùa 4 nhất", từ ngày 20/8 đến ngày 20/11.

Với khí thế thi đua sôi nổi, cán bộ, đảng viên và quần chúng hăng hái tham gia các phong trào do huyện phát động. Riêng tại xã Kha Sơn, 91,2% số đảng viên, hơn 100 đoàn viên thanh niên, gần 300 cán bộ quân - dân - chính và nhân dân quán triệt mục đích, nội dung, ý nghĩa của cuộc vận động và tập huấn kỹ thuật canh tác mới: Xử lý thóc giống bằng lò thục mầm, cấy lúa thẳng hàng, phòng trừ sâu bệnh... Đoàn viên thanh niên là lực lượng xung kích trong phong trào làm thủy lợi và làm phân bón ruộng.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và chính quyền, sự nỗ lực của toàn dân, trong năm 1962, cùng với hệ thống mương máng, huyện Phú Bình đã hoàn thành việc xây dựng các hồ chứa nước ở Tân Hoà, Tân Kim, đảm bảo dẫn nước vào đồng ruộng. Mặc dù gặp khó khăn do thiên tai hạn hán gây ra, nhưng với tinh thần quyết tâm chống hạn ngay từ đầu, nên diện tích cấy lúa chiêm và lúa ba giăng năm 1962 vẫn vượt từ 102

đến 107%, lúa mùa đạt 97% so với kế hoạch <sup>(1)</sup>. Về năng suất, toàn huyện đã vượt 5 chỉ tiêu so với kế hoạch tỉnh giao: khoai lang vượt 36%, khoai sọ vượt 25%, thầu dầu vượt 57%, đỗ các loại và rau xanh vượt 6%; nếu so với năm 1961, trong 16 loại cây trồng thì năm 1962 vượt 11 loại <sup>(2)</sup>. Về tổng sản lượng các loại cây so với năm 1961, lúa tăng trên 4.379 tấn, hoa mầu tăng trên 3.444 tấn, cây công nghiệp tăng trên 456 tấn <sup>(3)</sup>.

Cùng với các phong trào thi đua mở rộng diện tích và tăng năng suất các loại cây trồng, trong hai năm (1961-1962), chăn nuôi cũng được đẩy mạnh hơn trước. Phương hướng, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện (2/1962) đề ra đã nêu rõ: "phải lấy chăn nuôi sinh sản làm chính,... nâng cao chất lượng về cày kéo, trọng lượng thịt... phải rất chú ý bảo vệ gia súc... khuyến khích chăn nuôi trâu bò riêng đối với gia đình xã viên, để tăng sức kéo, tăng lượng thịt và có nhiều phân, khuyến khích chăn nuôi lợn, gà, ngan, ngỗng và nuôi cá...".

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo và chỉ đạo các xã, các hợp tác xã phát triển chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm. Đến cuối năm 1962, nhìn chung các chỉ tiêu chăn nuôi trên toàn huyện đều đạt được kết quả khá: Đàn trâu có 6.883 con (tăng

---

(1), (2), (3) B/c tình hình tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1962 của HU PB, 10/1/1963, tr. 3, 4.



663 con so với kế hoạch), đàn bò có 3.520 con (hụt 165 con so với kế hoạch), đàn lợn có 17.552 con (trong đó có 1.368 con lợn nái, hụt 577 con so với kế hoạch và 16.184 con lợn bột, tăng 174 con so với kế hoạch), gà, vịt có 184.910 con, tăng hơn 56.148 con so với năm 1961 <sup>(1)</sup>. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có gần 94 ha ao, hồ (tăng hơn 25 ha so với năm 1961) và 68,7 ha ruộng (tăng 19,8 ha so với năm 1961) được thả cá <sup>(2)</sup>.

Khi bước vào thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện Phú Bình tiến hành hợp nhất các hợp tác xã nhỏ trong cùng một vùng thành những hợp tác xã quy mô lớn hơn. Trong năm 1961 và đầu năm 1962, số hợp tác xã đã được hợp nhất trên phạm vi toàn huyện là 18 cơ sở, gồm 2.258 hộ <sup>(3)</sup>. Chủ trương xây dựng hợp tác xã hợp nhất nhằm tập trung nhân lực, phương tiện sản xuất để tạo thế làm ăn lớn, nhanh chóng tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng cho các địa phương. Nhưng cũng chính từ đó, phong trào hợp tác hoá ở Phú Bình cũng như nhiều nơi khác gặp khó khăn không thể giải quyết một sớm một chiều. Sau 3 năm xây dựng hợp tác xã hợp nhất quy mô lớn, nông cụ sản xuất, phương thức canh tác chưa có gì thay đổi lớn, vẫn dừng lại ở trình độ rất lạc hậu. Các tiến

---

(1), (2) Báo cáo tổng kết sự lãnh đạo mọi mặt công tác năm 1962... Tlđđ, tr. 6.

(3) Báo cáo tình hình hợp tác xã nông nghiệp năm 1962 của Huyện uỷ Phú Bình - Số 23 BC/HU-18/12/1962, tr. 1.

bộ khoa học kĩ thuật áp dụng vào sản xuất trong các hợp tác xã còn hết sức sơ khai. Trình độ văn hoá của đội ngũ cán bộ và nhân dân tuy đã được nâng lên, nhưng nhìn chung cũng chỉ mới ở mức thoát nạn mù chữ và cấp I, cấp II phổ thông, nên khả năng tiếp thu và ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất bị hạn chế nhiều. Đội ngũ cán bộ trong Ban Quản trị và các đội sản xuất tuy nhiệt tình, năng nổ và có trách nhiệm, nhưng do chưa có kiến thức và trình độ, nên không thể đáp ứng được yêu cầu quản lý điều hành của một hợp tác xã quy mô lớn. Quản lý lao động, quản lý tài vụ không khoa học, thiếu chặt chẽ, gây lãng phí công sức, tiền của của tập thể, tạo kẽ hở cho một số cán bộ lợi dụng tham ô, đi đến thoái hoá, biến chất. Ý thức làm chủ tập thể của xã viên trong các hợp tác xã không cao. Trong khi đó, việc quản lý công điểm hết sức lỏng lẻo, hiện tượng "dong công, phóng điểm" xảy ra tràn lan, dẫn đến tình trạng làm ầu, làm dối, cốt sao được nhiều công. Một số xóm trong các hợp tác xã khi hợp nhất còn để lại một phần ruộng đất cho các xã viên làm riêng, dẫn đến tình trạng thiếu công bằng, xã viên thắc mắc, suy bì giữa các xóm, các đội sản xuất. Hầu hết các đội sản xuất trong các hợp tác xã đều có hiện tượng giấu giếm sản lượng để chia nhau...

Tất cả những hiện tượng trên là những nguyên nhân làm cho phong trào hợp tác hoá ngày càng sút kém. Việc gieo trồng, thu hoạch không kịp thời vụ do xã viên không tha thiết với công việc của hợp tác xã. Giá trị ngày

công lao động và thu nhập thực tế của xã viên cũng ngày càng thấp, dẫn đến tình trạng xã viên xin ra hợp tác xã ngày càng tăng lên. Riêng trong năm 1962, đã có 882 hộ xin ra khỏi hợp tác xã, 14 hợp tác xã khác (283 hộ), tồn tại chỉ là hình thức <sup>(1)</sup>. Từ một huyện đứng đầu tỉnh về tỉ lệ số hộ nông dân tham gia hợp tác xã trong năm 1960 (trên 93%), đến cuối năm 1962, số hộ nông dân tham gia hợp tác xã chỉ còn 73,1% và đến cuối năm 1963 tiếp tục xuống còn 67% <sup>(2)</sup>, đứng vào hàng thứ 6 sau Thành phố, và các huyện Định Hoá, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ. Vì vậy, vấn đề củng cố phong trào hợp tác hoá trở thành một nhiệm vụ cấp bách đối với Đảng bộ huyện Phú Bình.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, vào năm 1963, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng bộ Phú Bình được tổ chức.

Trên cơ sở đánh giá những thành tích đạt được và những mặt hạn chế trong hơn 2 năm đầu thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Đại hội đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể trong nhiệm kỳ 1963 - 1965.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá X gồm 21 uỷ viên, trong đó có 2 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 uỷ viên. Đồng chí Dương Văn Tho

---

(1) Báo cáo tình hình hợp tác xã nông nghiệp năm 1962... Tlđđ, tr. 1.

(2) Báo cáo tổng kết năm 1963 của BCH Đảng bộ Thái Nguyên. Số 02 - BC/TN, 18/4/1964, tr. 5.



được bầu làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Bộ và đồng chí Nguyễn Đình Ninh được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ X là một mốc quan trọng trong đời sống chính trị ở địa phương. Nghị quyết Đại hội là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện thi đua phấn đấu hoàn thành Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình ra sức đẩy mạnh sản xuất, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá, giáo dục, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chi viện chiến trường.

Để khắc phục tình trạng giảm sút của phong trào hợp tác hoá, thực hiện Nghị quyết số 70 ra ngày 19/2/1963 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc", từ đầu năm 1963, Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo công tác cải tiến quản lý hợp tác xã. Những hợp tác xã hợp nhất quy mô lớn được giải thể, đưa xã viên trở về các hợp tác xã quy mô nhỏ như đầu năm 1960. Trên thực tế, ngay từ năm 1962, thể theo nguyện vọng của cán bộ xã và xã viên, Huyện uỷ đã quyết định chia nhỏ 9 hợp tác xã hợp nhất thành 35 hợp

tác xã quy mô nhỏ, gồm 1.503 hộ <sup>(1)</sup>. Lãnh đạo tỉnh cũng quan tâm theo dõi, giúp đỡ việc củng cố phong trào hợp tác xã ở huyện. Trong năm 1963 và những năm sau đó, Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh đã đề ra nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, tổ chức liên tiếp 3 cuộc vận động cải tiến quản lý và củng cố hợp tác xã.

Với quy mô vừa và nhỏ, công tác quản lý trong các hợp tác xã thuận lợi hơn. Việc quản lý lao động, quản lý sản xuất tiến bộ hơn trước; hầu hết các hợp tác xã đều có kế hoạch sản xuất và giải quyết được tình trạng đi muộn về sớm. Việc quản lý ngành nghề trong các hợp tác xã cũng được củng cố <sup>(2)</sup>. Cơ sở vật chất của các hợp tác xã được tăng cường, nhiều hợp tác xã đã có sân phơi, nhà kho... Nhờ đó, phong trào hợp tác hoá từng bước được phục hồi và phát triển trở lại. Đến giữa năm 1964, toàn huyện có 85,8% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp <sup>(3)</sup>. Các Ban Quản trị, các đội sản xuất được củng cố và đi vào thế ổn định, ý thức làm chủ của xã viên được nâng lên. Phong trào thi đua lao động sản xuất trong các hợp tác xã diễn ra khá sôi nổi, cuốn hút

---

(1) Báo cáo tình hình hợp tác xã nông nghiệp năm 1962... Tlđđ, tr. 1.

(2) Đến cuối năm 1962, toàn huyện có 12 hợp tác xã làm lò vôi, 25 hợp tác xã làm lò gạch, 50 hợp tác xã thả cá, 3 hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò tập thể.

(3) B/c sơ kết 6 tháng đầu năm 1964 của Huyện uỷ Phú Bình - Số 22 BC/HU - 15/7/1964, tr. 3.

đồng đảo nông dân xã viên tham gia, góp phần tăng năng suất và sản lượng lương thực, hoa màu, điển hình là Hợp tác xã Hồng Kỳ (xã Hồng Phong). Tuy nhiên, kết quả này cũng chỉ là bước đầu và nhìn chung sản xuất vẫn bấp bênh, tổ chức hợp tác xã vẫn chưa thực sự vững chắc.

Cùng với việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và các cấp chính quyền, hoạt động của Ngành Thương nghiệp huyện cũng có những bước chuyển biến mới. Việc tổ chức thu mua và phân phối hàng công nghệ phẩm cho nông dân được cải tiến hơn trước. Cửa hàng cung tiêu được đưa về tận các xã. Khối lượng hàng công nghệ phẩm và phân bón phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nhiều hơn. Nhờ đó, việc cung cấp hàng hoá cho nông dân được nhanh chóng và kịp thời vụ. Chỉ tính riêng trong 9 tháng đầu năm 1963, do có cửa hàng đưa về xã, nông dân không phải đi mua, bán xa, đã tiết kiệm được hàng vạn ngày công để tập trung vào sản xuất.

Việc quản lý phân phối hàng hóa đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, chặt chẽ, có nền nếp hơn trước. Tinh thần trách nhiệm của cán bộ và nhân viên Ngành Thương nghiệp cũng được đề cao hơn, do đó từng bước khắc phục được tình trạng tiêu hao lãng phí.

Công tác quản lý thị trường trong những năm 1963 - 1964 được tiến hành khẩn trương. Ban Quản lý thị trường ở các chợ, các xóm do nhân dân bầu ra hoạt động khá mạnh và có hiệu quả, được nhân dân đồng tình.



Tuy có những bước tiến mới, nhưng công tác lưu thông phân phối vẫn còn nhiều tồn tại. Đó là việc phân phối không đều, lúc thừa, lúc thiếu, gây tình trạng căng thẳng giả tạo trên thị trường, sinh ra tâm lý mua sắm tích trữ hàng hoá trong quần chúng.

Trên mặt trận văn hoá, giáo dục, y tế, sự lãnh đạo của Đảng bộ được tăng cường. Hoạt động văn hoá, thông tin tuyên truyền được duy trì thường xuyên, ngày càng đi vào nền nếp với những nội dung thiết thực, phục vụ sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phong trào văn nghệ ngày càng mang tính chất quần chúng rộng rãi. Hầu hết các xã đều thành lập đội văn nghệ và thường xuyên tổ chức hội diễn.

Ngành Giáo dục phổ thông tiếp tục phát triển về số lượng. Tính đến năm học 1963 - 1964, huyện đã có 1 trường phổ thông cấp III, số trường phổ thông cấp II được mở rộng ra nhiều xã; hầu hết các xã đều có trường phổ thông cấp I. Hằng năm, đội ngũ giáo viên các cấp học đều được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Ý thức trách nhiệm và lương tâm đối với nghề dạy học trong các thầy, cô giáo cũng được nâng lên. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục chưa cao; công tác bổ túc văn hoá vẫn còn yếu.

Công tác y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân tiếp tục được giữ vững. Thời gian này, huyện có một bệnh xá do 1 bác sĩ phụ trách, với khoảng từ 18 đến 20 giường bệnh; các xã đều có trạm xá. Mặc dù điều kiện, phương tiện

khám, chữa bệnh còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng cán bộ, nhân viên Ngành Y tế huyện đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình chăm sóc sức khỏe nhân dân. Việc phòng trừ dịch bệnh được triển khai khá đều đặn. Nhiều xã trong huyện đã hoàn thành xây dựng 3 công trình vệ sinh (nhà vệ sinh, nhà tắm, giếng nước) đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - văn hoá của địa phương, Đảng bộ rất coi trọng lãnh đạo công tác xây dựng và mở rộng mạng lưới giao thông. Được sự đầu tư giúp đỡ của tỉnh, việc sửa chữa tuyến đường Hạnh - Cầu Mây đã hoàn thành trong năm 1962. Nhờ đó, việc đi lại từ huyện đến các địa phương khác trong và ngoài tỉnh trở nên thuận tiện hơn trước. Đặc biệt, bằng việc huy động sức dân là chính, huyện Phú Bình đã xây dựng được một hệ thống đường giao thông nông thôn khá hoàn chỉnh, trở thành đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh, được Bộ Giao thông vận tải khen thưởng.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị được coi là một trong những công tác trọng điểm của Đảng bộ. Trên địa bàn huyện, tổ chức phản động Nam Dương Hoa kiều vụ mặc dù đã bị triệt phá từ năm 1960, nhưng sang năm 1962, lại nhen nhóm trở lại. Đến năm 1963, tổ chức này bí mật hoạt động chống phá. Chúng viết truyền đơn, khẩu hiệu xuyên tạc chính sách, đả kích chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc và nói xấu cán bộ địa phương. Âm mưu và hành chống phá của chúng đã bị ta kịp thời trấn

áp. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện vẫn được giữ vững.

Từ năm 1964, với khí thế thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt", huyện Phú Bình đã đạt nhiều kết quả trong sản xuất nông nghiệp. Phong trào làm thủy lợi và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiếp tục được đẩy mạnh. Việc làm cỏ bón phân có nhiều tiến bộ so với các năm trước; bình quân mỗi héc ta bón hơn 5 tấn phân các loại, tăng hơn trước 1 tấn. Nhiều xã trong huyện sử dụng vôi để bón ruộng và cải tạo đất, nâng cao năng suất cây trồng. Đến đầu năm 1965, toàn huyện có trên 2/3 số hợp tác xã thả bèo hoa dâu; một số hợp tác xã biết áp dụng tưới và tiêu nước theo phương pháp khoa học. Nhiều hợp tác xã, tiêu biểu là Hợp tác xã Hồng Kỳ (xã Hồng Phong) tích cực thực hiện thâm canh tăng năng suất, do đó sản lượng lương thực toàn huyện vượt chỉ tiêu kế hoạch. Ngành chăn nuôi cũng có chuyển biến tốt, số trâu, bò chết giảm nhiều so với trước; việc chăn, thả cá tiếp tục được duy trì và phát triển, đồng thời bước đầu phát triển nghề chăn nuôi tằm ăn lá sắn.

Cùng với những thành tích và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực kinh tế, văn hoá, công tác xây dựng lực lượng hậu bị, sẵn sàng chiến đấu từ năm 1964 có những chuyển biến mạnh về chiều sâu. Mặc dù kết quả tuyển quân năm 1964 không đạt chỉ tiêu, nhưng Phú Bình là một trong số ít huyện của tỉnh không có hiện tượng chống lệnh nhập ngũ, giữ chồng, con, em ở lại. Sang năm 1965, nhờ có



sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời và có những biện pháp cụ thể, công tác tuyển quân đạt kết quả tốt, không chỉ bảo đảm chỉ tiêu trên giao, mà chất lượng tân binh cũng được nâng cao.

Song song với việc xây dựng quân đội thường trực, Đảng bộ rất quan tâm xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ (10/3/1964) về phương hướng, nhiệm vụ quân sự: "Phải tiếp tục xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ lớn mạnh cả về các mặt tinh thần, tổ chức và trình độ kỹ, chiến thuật, cũng như về tinh thần lao động sản xuất nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trước mắt và lâu dài", từ năm 1964, Huyện uỷ và cơ quan quân sự huyện đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị trong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương. Nhiều xã trong huyện tổ chức diễn tập sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, kiện toàn một bước. Các đồng chí trong cấp uỷ được cử sang phụ trách xã đội. Những người không đủ tiêu chuẩn được đưa ra khỏi lực lượng dân quân, tự vệ. Phần lớn cán bộ xã đội và cán bộ chỉ huy dân quân, tự vệ đều được tham gia huấn luyện, bồi dưỡng để nâng cao trình độ.

Nhằm đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong những năm trước mắt, hệ thống trinh sát, quân báo trên địa bàn huyện được tổ chức lại. Cơ quan chỉ huy quân sự huyện còn mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho quân báo viên các xã.

Thông qua các hoạt động trên, ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong cán, bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương được nâng cao. Phong trào dân quân, tự vệ có nhiều bước tiến hơn trước. Ngoài thanh niên nam, nữ, các cụ phụ lão cũng hăng hái tham gia lực lượng dân quân, thành lập đơn vị "Bạch đầu quân". Nhiều đơn vị dân quân, tự vệ đăng ký phấn đấu trở thành "Đơn vị tiên tiến" và "Đơn vị quyết thắng". Trong số này, Trung đội nữ dân quân làng Vo và Trung đội nam dân quân Việt Lương được Quân khu Việt Bắc tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng".

Sự lớn mạnh của các lực lượng vũ trang không chỉ là một trong những điều kiện để giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, mà còn bảo đảm cho thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra những năm sau này.

Từ cuối năm 1964, trước nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, đế quốc Mỹ bắt đầu sử dụng lực lượng không quân và hải quân để tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta.

Thái Nguyên là một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế, chính trị và quân sự, cho nên trở thành một trong những mục tiêu bắn phá của máy bay Mỹ. Ngay từ năm 1964, đế quốc Mỹ đã cho 25 lần tốp máy bay vào hoạt động trinh sát trên không phận tỉnh Thái Nguyên. Từ năm 1965 trở đi, hoạt động do thám

của máy bay Mi càng tăng lên. Chỉ trong 9 tháng đầu năm 1965, chúng cho 221 lần tốp máy bay theo hai hướng chính: Tây - Tây Bắc và Đông - Đông Bắc vào trinh sát trên không phận các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ, Định Hoá và thành phố Thái Nguyên.

Trước hoạt động do thám của địch, để chủ động đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra, Tỉnh uỷ Thái Nguyên chỉ thị các huyện, thành, cơ quan, xí nghiệp phải đặt việc đề phòng âm mưu, hành động phá hoại của địch thành một trong những nội dung công tác thường xuyên.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, song song với cuộc vận động bảo vệ trật tự trị an được phát động rộng rãi ở tất cả các cơ sở, Huyện uỷ tăng cường lãnh đạo công tác phòng không nhân dân. Các đội phòng cháy, chữa cháy, cứu thương, các tổ bắn máy bay bay thấp được thành lập. Mạng lưới báo động phòng không trên địa bàn huyện được tổ chức lại. Cơ quan quân sự huyện còn tổ chức các trạm quan sát, theo dõi máy bay địch và thống nhất hiệu lệnh báo động dây chuyền, hiệu lệnh huy động lực lượng khi có gián điệp, biệt kích hoặc phi công địch nhảy dù.

Theo sự chỉ đạo của tỉnh, Phú Bình là một trong những địa phương nằm trong vùng bị uy hiếp (có thể địch bắn phá), nên "phải chuẩn bị thật khẩn trương, chu đáo để chiến đấu, sản xuất tốt và lâu dài, kết hợp việc đào đắp công sự, che chắn kho tàng với việc sơ tán, phân tán, bảo



đảm sản xuất, công tác và các hoạt động khác" <sup>(1)</sup>. Tất cả các cơ quan, trường học, bệnh xá, kho tàng, xí nghiệp, nhân dân ở thị trấn, ven cầu, đường giao thông... đều được sơ tán, phân tán. Việc đào hầm, hào được tiến hành khẩn trương. Ban Y tế phòng không từ huyện xuống đến các xã được thành lập và mở các lớp bồi dưỡng cứu thương cho y sĩ, y tá. Ban chỉ huy Huyện đội cũng thường xuyên tổ chức báo động luyện tập chiến đấu trong các lực lượng vũ trang, báo động luyện tập phục vụ chiến đấu trong nhân dân. Sau mỗi lần diễn tập, huyện đều tổ chức rút kinh nghiệm, bổ sung phương án kế hoạch tác chiến... Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và các cơ quan chuyên môn, quân và dân huyện Phú Bình đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong thời kỳ thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Phú Bình ý thức đầy đủ trách nhiệm của hậu phương lớn miền Bắc nói chung và địa phương mình nói riêng đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Thực hiện khẩu hiệu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, Đảng bộ và nhân dân Phú Bình đã dành một phần lương thực, thực

---

(1) Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 - 1975. Xb 2001, tr. 53.

phẩm chi viện cho chiến trường. Được sự giáo dục, động viên của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và gia đình, noi gương các thế hệ cha, anh, lớp lớp thanh niên Phú Bình hăng hái xung phong tòng quân. Tính chung trong 5 năm (1960 - 1964), nhân dân Phú Bình đã tiễn 756 người con ưu tú lên đường nhập ngũ; trong số đó, có nhiều người con đã để lại một phần thân thể hoặc vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường miền Nam và chiến trường hai nước bạn.

Những bước chuyển biến mới cùng với những thành tích đạt được trên mọi lĩnh vực công tác từ năm 1961, nhất là trong những năm 1964 - 1965 chính là kết quả của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng.

Phong trào thi đua xây dựng Chi bộ 4 tốt được phát động trong toàn Đảng bộ từ năm 1962, vẫn tiếp tục được duy trì và mở rộng, ngày càng có nền nếp. Số chi bộ đăng ký phấn đấu trở thành Chi bộ 4 tốt ngày càng tăng. Trong 6 tháng đầu năm 1964, toàn Đảng bộ đã có 72 chi bộ đăng ký 4 tốt <sup>(1)</sup>.

Công tác phát triển Đảng dần dần đi vào nền nếp. Các tổ chức cơ sở đảng đã có kế hoạch cụ thể về việc phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ và bồi dưỡng những quần chúng ưu tú phấn đấu vào Đảng, chú ý phát triển Đảng trong phụ nữ, những "xóm trắng" (xóm không có

(1) Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1964... Tlidd, tr. 8, 7.

đảng viên) hoặc những xóm ít đảng viên. Nếu trong năm 1962, trong số 99 đảng viên mới được kết nạp chỉ có 8 nữ <sup>(1)</sup>, thì sang 6 tháng đầu năm 1964, trong số 72 đảng viên mới, số đảng viên nữ đã tăng lên 16 đồng chí <sup>(2)</sup>.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đảng bộ đặc biệt chú ý. Mỗi khi có chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ đều tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nghiên cứu, học tập. Năm 1962, cán bộ, đảng viên được nghiên cứu các Nghị quyết 5, 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III). Đầu năm 1964, Huyện ủy đã mở một đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi trong toàn Đảng bộ và trong quần chúng; tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập lời huấn thị của Hồ Chủ tịch trong dịp Người thăm tỉnh Thái Nguyên.

Tiếp đó, Huyện ủy lãnh đạo học tập Nghị quyết 9 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị Chính trị đặc biệt do Hồ Chủ tịch triệu tập (3/1964) kết hợp với việc lãnh đạo chặt chẽ các phong trào thi đua và các ngày lễ lớn ở trong nước. Việc tự phê bình và phê bình, liên hệ kiểm điểm thực hiện 10 nhiệm vụ đảng viên được tiến hành thường xuyên. Những đảng viên mắc khuyết điểm, vi phạm đạo đức, tư cách, không chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước... bị xử lý kỷ luật. Tính riêng trong 6

---

(1) Báo cáo sự lãnh đạo thực hiện mọi mặt công tác từ Đại hội Đảng bộ lần trước tới nay của Huyện ủy Phú Bình - 5/4/1963, tr. 32.

(2) Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1964... Tlđd, tr.8.



tháng đầu năm 1964, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 15 đảng viên, trong đó có 7 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng, 3 trường hợp bị cảnh cáo, 4 trường hợp bị khiển trách và 1 trường hợp bị cách chức <sup>(1)</sup>.

Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên; những biểu hiện tư tưởng hữu khuynh được khắc phục. Nhìn chung, các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ đều có nhiều chuyển biến tốt, thể hiện ở việc chấp hành chính sách khá hơn, nội bộ đoàn kết hơn, sinh hoạt Đảng và đóng Đảng phí đều đặn hơn. Một số chi bộ thuộc diện yếu kém đã vươn lên đạt loại trung bình hoặc khá. Điển hình trong số này là Chi bộ Yên Thịnh, trước đây là một chi bộ kém, qua củng cố về các mặt, đã vươn lên thành một chi bộ khá <sup>(2)</sup>. Đến năm 1962, trong Đảng bộ huyện Phú Bình không còn chi bộ loại kém <sup>(3)</sup>. Số đảng viên thuộc loại yếu kém cũng giảm dần, từ 15,23% (đầu năm 1962), xuống còn 12,86% (cuối năm 1962) so với tổng số đảng viên toàn Đảng bộ <sup>(4)</sup>.

Được sự quan tâm lãnh đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng, trong những năm 1964 - 1965, hoạt động của các tổ chức quần chúng có những chuyển biến mới.

(1) Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1964... Tlđđ, tr. 8.

(2) Báo cáo tổng kết công tác năm 1964 của BCH tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên, ngày 18/3/1965, tr. 34.

(3), (4) Báo cáo sự lãnh đạo thực hiện mọi mặt công tác từ Đại hội Đảng bộ trước tới nay... Tlđđ, tr. 32.

Đoàn Thanh niên vẫn tiếp tục phát huy được vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trong các xã và hợp tác xã, đoàn viên, thanh niên đi đầu trong phong trào làm thủy lợi, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (cấy thẳng hàng, dùng cào cỏ cải tiến, ươm bèo hoa dâu, làm phân, ủ phân, chọn và xử lý giống...) vào sản xuất. Đặc biệt, trong phong trào làm thủy lợi, làm phân bón ruộng, thanh niên là lực lượng nòng cốt, chiếm tới 80 - 90%. Trong vụ Đông - Xuân 1963 - 1964, đoàn viên thanh niên đã huy động được 18.530 công, đào, đắp 2.315 m<sup>3</sup> đất, thu nhặt và làm được 607,5 tấn phân các loại <sup>(1)</sup>. Điển hình là thanh niên các xã Tân Đức, Hồng Phong, Thanh Ninh, Thượng Đình, Cấp Tiến... đi tiên phong trong việc đắp bờ vùng, bờ thửa, góp phần nâng cao năng suất và sản lượng lúa.

Công tác vận động phụ nữ được các cấp ủy Đảng quan tâm hơn những năm trước. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nêu rõ: "Cần đẩy mạnh sự hoạt động của phụ nữ, thực hiện phụ nữ quán xuyến nhiều việc, cày, cấy, làm phân và chăn nuôi, củng cố các cấp Ban Chấp hành và đẩy mạnh sự sinh hoạt của phụ nữ".

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho phụ nữ được đẩy mạnh hơn. Ban Chấp hành Hội Phụ nữ huyện đã tổ chức cho chị em

---

(1) Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1964... Tlđđ, tr. 6.

học tập cuốn sách "Một lòng với Đảng", gương chiến đấu bất khuất của phụ nữ miền Nam; đồng thời phát động các phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai", "Phụ nữ 5 tốt"... Ban Chấp hành Hội Phụ nữ các cấp trong huyện cùng được củng cố và kiện toàn. Thông qua đó, hoạt động của các cấp Hội từ huyện xuống xã có nhiều tiến bộ. Hội Phụ nữ huyện đã tổ chức các hội nghị chuyên đề về cấy đúng kỹ thuật, làm cỏ, bón phân... Trong mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp, chị em phụ nữ đều tham gia tích cực và mang lại nhiều kết quả to lớn. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 1964, phụ nữ ở 15 xã đã trồng được 18.643 cây ăn quả và cây lấy gỗ, trồng các loại cây hoa màu được hơn 136 mẫu, nuôi thêm 586 con lợn, đào, đắp 6.948 m<sup>3</sup> đất, làm được 857 tấn phân các loại <sup>(1)</sup>...

Đặc biệt, thông qua các đợt cải tiến và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, ngày càng có nhiều chị em tham gia Ban Quản trị và làm cán bộ các đội sản xuất. Đến giữa năm 1964, toàn huyện có 54 phụ nữ tham gia Ban Quản trị hợp tác xã và Đội trưởng sản xuất <sup>(2)</sup>. Hội còn vận động chị em phụ nữ gửi tiền tiết kiệm, thực hiện tốt nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc huyện tích cực động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Điểm nổi bật của công tác mặt

---

(1)(2) Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1964... Tlđd, tr. 6.



trận trong những năm 1964 - 1965 là đã phát động được phong trào thi đua "Phụ lão 3 tốt", góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch nhà nước. Hoạt động của Hội Phụ lão các cấp trong huyện ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả. Các cụ đã động viên, giáo dục con, cháu trong gia đình tham gia xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Tính riêng trong năm 1964, Hội Phụ lão huyện đăng ký đảm bảo 90% gia đình vào hợp tác xã, nhưng thực tế đã có 95% gia đình các cụ tham gia hợp tác xã nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phong trào chung trên toàn huyện. Các cụ còn tham gia trồng cây, bảo vệ rừng; tham gia vào các tổ cố vấn kỹ thuật để góp ý với hợp tác xã về phương hướng sản xuất; vận động nhân dân làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, gửi tiền tiết kiệm; tổ chức giúp đỡ dân quân luyện tập quân sự, v.v... Do hoạt động tích cực và mang lại nhiều hiệu quả trên các mặt công tác, năm 1964, toàn huyện có 311 cụ đạt danh hiệu "Phụ lão 3 tốt" (trong tổng số 648 cụ Phụ lão 3 tốt toàn tỉnh) <sup>(1)</sup> được Ủy ban hành chính tỉnh tặng giấy khen.

Công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng cũng có nhiều tiến bộ. Sau khi tổ chức học tập Nghị quyết 197 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ủy ban thiếu niên, nhi đồng huyện bước đầu được củng cố và đi vào hoạt động tích cực. Các em được tổ chức học tập truyền thống cách mạng, học tập đạo đức và gương chiến đấu của những

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1964 của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 32.

người cộng sản, sinh hoạt tư tưởng với chủ đề: "Em yêu quý và học tập anh bộ đội". Ủy ban thiếu niên, nhi đồng huyện quan tâm giáo dục các em có ý thức tham gia thực hiện kế hoạch nhà nước, tổ chức giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ, những gia đình có công với cách mạng... Dưới sự hướng dẫn của Ủy ban thiếu niên, nhi đồng huyện, các em còn thành lập các tổ chăn trâu, bò béo khỏe, thi nhặt thóc rơi vãi bán cho Nhà nước, tổ chức các hợp tác xã măng non và hoạt động có hiệu quả, được đánh giá là đơn vị khá nhất tỉnh.

Bên cạnh bước tiến mới, công tác lãnh đạo các đoàn thể quần chúng còn có nhiều mặt hạn chế. Việc giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên chưa thường xuyên và sâu sắc, cho nên ở một số nơi, thanh niên chưa gương mẫu thực hiện nếp sống mới, chưa tích cực thực hiện đúng đắn Luật hôn nhân và gia đình. Phong trào thi đua trong phụ nữ chưa đều; một số Ban Chấp hành Hội Phụ nữ cấp cơ sở còn yếu, thiếu tính chủ động trong công tác. Những mặt tồn tại này được khắc phục từng bước trong các năm sau.

Thực hiện Điều lệ Đảng, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, đầu năm 1965, Huyện ủy Phú Bình triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI. Đại hội khẳng định những thành tích và ưu điểm của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1963 - 1965; đồng thời cũng vạch rõ những mặt tồn tại, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt công tác ở địa phương.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế của địa phương và yêu cầu cách mạng trong thời kỳ mới, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1965 - 1967. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XI, gồm 20 uỷ viên, trong đó có 1 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Thơ được Đại hội tín nhiệm tái cử chức Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Lượng được bầu làm Phó Bí thư.

Đại hội Đảng bộ lần thứ XI diễn ra vào lúc cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đang ra sức thi đua hoàn thành nhiệm vụ năm cuối cùng của Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X (1963). Đó cũng là lúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong huyện đang tích cực chuẩn bị bước vào thời kỳ vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ soi sáng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hoá, giáo dục; đồng thời xúc tiến mọi công việc chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Cùng thời gian này, Đảng và Nhà nước có chủ trương mới về việc sáp nhập một số đơn vị hành chính trực thuộc, trong đó có tỉnh Thái Nguyên.

Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến chống



Mỹ, cứu nước, ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ký Quyết định phê chuẩn việc hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Thực hiện Quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ ngày 4 đến ngày 6/6/1965, tại Hội trường Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã diễn ra cuộc Hội nghị hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Đến ngày 1/7/1965, tỉnh Bắc Thái chính thức đi vào hoạt động. Từ đó, Đảng bộ huyện Phú Bình là một tổ chức cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, tiếp tục lãnh đạo nhân dân trong huyện phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ (1965) đề ra.

Trải qua 10 năm kể từ sau khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, với 4 khoá đại hội (từ Đại hội lần thứ VIII năm 1960 đến Đại hội lần thứ XI năm 1965), Đảng bộ huyện Phú Bình ngày càng tỏ rõ năng lực lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Dù có những lúc gặp nhiều khó khăn, bộc lộ nhiều hạn chế, nhưng chính từ việc tìm ra các giải pháp tháo gỡ để đưa phong trào cách mạng ở địa phương phát triển đi lên, Đảng bộ không ngừng trưởng thành. Những ưu điểm cùng với những thành tích đạt được trong 10 năm (1955 - 1965) đã khẳng định sự thành công của Đảng bộ Phú Bình trong vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Bình đang

thu được nhiều thắng lợi trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá theo hướng xã hội chủ nghĩa, từ đầu tháng 2/1965, đế quốc Mỹ chính thức mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ miền Bắc nước ta. Đến ngày 17/10/1965, chúng cho máy bay ném bom bắn phá cầu Gia Bảy (thành phố Thái Nguyên). Thái Nguyên nói chung và nhân dân huyện Phú Bình nói riêng trực tiếp bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, giữ vững sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với chiến trường miền Nam.



**Bưởi Nga My.**





#### CHƯƠNG IV:

### **LÃNH ĐẠO GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (11/1965-5/1975)**

#### **I- LÃNH ĐẠO GIỮ VỮNG KINH TẾ-XÃ HỘI; PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN ĐẤU ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN (11/1965- 3-1968).**

Sau các chiến thắng Bình Giã (tháng 12/1964 - tháng 1/1965), Đồng Xoài và Ba Gia (tháng 5 - tháng 7/1965) của quân và dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ buộc phải từ bỏ chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam trực tiếp tham chiến; mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra hầu hết các tỉnh, thành phố trên miền Bắc.

Trong tình hình mới, các nghị quyết lần thứ 11

(3/1965) và lần thứ 12 (12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) chỉ rõ: Miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn; phải kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước...

Tại Thái Nguyên, năm 1965, giặc Mỹ liên tiếp cho máy bay tiến hành các hoạt động trinh sát trên vùng trời các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên.

Ngày 8/7/1965, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái ra "Chỉ thị về các biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân", chia địa bàn tỉnh làm 2 vùng: Vùng ở trạng thái bị uy hiếp (có thể bị địch đánh phá) và vùng ở trạng thái phòng thủ. Huyện Phú Bình thuộc vùng ở trạng thái bị uy hiếp. Nhiệm vụ của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Bình là phải chuẩn bị thật khẩn trương, chu đáo để chiến đấu, sản xuất tốt; kết hợp tốt việc đào đắp công sự, che chắn kho tàng với việc sơ tán, phân tán, đảm bảo sản xuất, công tác và các hoạt động khác. Các cơ quan, xí nghiệp, trường học và các đơn vị, bộ phận có thể di chuyển mà không ảnh hưởng đến công tác, sản xuất và học tập thì phải di chuyển khỏi các trọng điểm có thể bị máy bay địch đánh phá.

Triển khai thực hiện các nghị quyết 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị ngày 8/7/1965



của Ủy ban hành chính tỉnh, Huyện ủy Phú Bình họp ra Nghị quyết xác định; "Tổ chức phòng, tránh dịch cũng rất quan trọng trong công tác phòng không sơ tán. Lãnh đạo bảo vệ được người, của cải của nhân dân và của Nhà nước, giảm được sự thiệt hại đến mức thấp nhất khi bị máy bay địch phá là nhiệm vụ rất trọng yếu".<sup>(1)</sup>

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, đến trước ngày máy bay Mỹ trực tiếp đánh phá vào Thái Nguyên (17/10/1965), các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện<sup>(2)</sup> đã đào được 15.000 hầm phòng tránh; nhiều gia đình đào tới 2, 3 hầm. Riêng dọc các tuyến giao thông, những nơi công cộng, tập trung đông người (sân phơi, nhà kho, trường học, bệnh viện, nhà giữ trẻ), cán bộ và nhân dân trong huyện đã đào được 3.893 hầm trú ẩn, 22 km giao thông hào. Các cơ quan, đơn vị, kho tàng của Nhà nước và nhân dân ở gần các mục tiêu có thể

---

(1) Nghị quyết số 58/NQ-HU ngày 27/12/1965 của Huyện ủy Phú Bình.

(2) Địa bàn huyện Phú Bình lúc đó có 22 đơn vị hành chính, gồm các xã: Thượng Đình, Lương Sơn, Quyết Tiến, Nga My, Hà Châu, Trần Phú, Đồng Liên, Thắng Lợi, Yên Thịnh, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành, Bảo Lý, Xuân Phương, Hồng Phong, Hương Sơn, Cấp Tiến, Tân Hòa, Lương Phú, Tân Đức, Thanh Ninh, Dương Thành.

Theo Quyết định 136-NV ngày 7/4/1967 của Bộ Nội vụ: Các xã Quyết Tiến được đổi thành Nhà Lộng, Trần Phú thành Điềm Thụy, Thắng Lợi thành Bàn Đạt, Yên Ninh thành Đào Xá, Hồng Phong thành Úc Kỳ, Cấp Tiến thành Kha Sơn.

bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá đều đã được sơ tán, phân tán. Do Đảng bộ lãnh đạo nhân dân làm tốt công tác sơ tán, phòng không, nên sau này Phú Bình đã hạn chế được nhiều tổn thất về người và của do máy bay địch bắn phá gây ra. Hoạt động của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Bình từng bước được chuyển từ thời bình sang thời chiến; nếp sống quân sự hóa dần dần hình thành trong các cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn huyện. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện, cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Bình sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, chi viện kịp thời và đầy đủ sức người, sức của cho miền Nam đánh Mỹ.

Một tháng sau ngày máy bay giặc Mỹ ném bom cầu Gia Bảy (17-10-1965), ngày 16-11-1965, giặc Mỹ cho máy bay bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống xã Lương Sơn và Nông trường chăn nuôi của Khu gang thép Thái Nguyên nằm trên địa bàn xã Tân Khánh, làm chết 3 người, bị thương 5 người, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của chúng vào địa bàn huyện Phú Bình. Từ đó đến ngày kết thúc cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất trên địa bàn Phú Bình (11-3-1968), đế quốc Mỹ đã ném 974 quả bom phá, 75 quả bom bi mẹ (bằng 2.250 quả bom bi con) và bắn nhiều loạt đạn tên lửa, rốc két xuống 12 xã trong huyện (các xã Đồng Liên, Lương Sơn, Thắng Lợi bị đánh phá ác liệt nhất).

Bước vào thời kỳ trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, huyện Phú Bình có khoảng 65.000 dân (mật độ dân số trung bình 165,65 người/km<sup>2</sup>); nguồn sống chính là sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là làm ruộng. Toàn huyện có 86 hợp tác xã nông nghiệp với 9.169 hộ xã viên (chiếm tỷ lệ 88,3% tổng số hộ nông dân trong toàn huyện); trong đó, có 82 hợp tác xã bậc cao, với 8.947 hộ xã viên, chiếm tỷ lệ 97,57% số hộ xã viên trong các hợp tác xã; bình quân quy mô mỗi hợp tác xã có 106 hộ. Trong số 86 hợp tác xã nông nghiệp của huyện, có 59 hợp tác xã ngoài sản xuất 2 vụ lúa còn kinh doanh sản xuất gạch, ngói; 18 hợp tác xã sản xuất vôi, 16 hợp tác xã chăn nuôi lợn và 5 hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò.

Trong điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng ác liệt, Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI (họp đầu năm 1965) đề ra: "Đẩy mạnh sản xuất lương thực, chú trọng tăng sản lượng lúa, chú ý phát triển cây hoa màu và rau xanh; tích cực phát triển chăn nuôi và cây công nghiệp, cây lấy gỗ, nhằm đạt 6 cao điểm: Diện tích nhiều, năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng và trồng cây bảo vệ rừng tốt" <sup>(1)</sup>.

Trong những năm từ 1965 đến 1967, bên cạnh các khó khăn do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, sản xuất

(1) Báo cáo tổng kết năm 1965 của Huyện ủy Phú Bình.



nông nghiệp Phú Bình còn gặp khó khăn do thiên tai gây ra: Lúc thì nắng hạn kéo dài, lúc thì lũ lụt, sâu bệnh phát sinh và phát triển trên diện rộng. Nhân lực ngày càng bị giảm sút (do đi bộ đội, thanh niên xung phong, phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ) cũng là khó khăn không nhỏ của Đảng bộ trong việc lãnh đạo để giữ vững và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ Phú Bình bám sát thực tế địa phương, đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo kịp thời. Trước tình hình nhiều xã, hợp tác xã thiếu mạ cấy<sup>(1)</sup> trong vụ chiêm năm 1966, ngày 13-1-1966, Thường trực Huyện ủy đã họp với Bí thư Đảng ủy, Chi ủy các xã bàn biện pháp khắc phục. Tại cuộc họp, đồng chí Dương Văn Thọ, Bí thư Huyện ủy chỉ thị cho Đảng ủy, Chi ủy các xã phải lãnh đạo mua hoặc đổi mạ cấy hết diện tích. Mỗi tổ Đảng phải có một khu ruộng thâm canh tăng năng suất, đầu tư kỹ thuật tăng gấp đôi ruộng bình thường, diện tích từ 1 mẫu trở lên; mỗi đảng viên phải thả một sào bèo hoa dâu làm phân bón ruộng. Các xã, hợp tác xã phải đẩy mạnh gieo, cấy các giống lúa nam ninh, ba giăng, trồng các loại cây hoa màu, rau xanh và cây công nghiệp.

---

(1) Các xã Đồng Liên thiếu 13 mẫu, Yên Thịnh 25 mẫu, Tân Hòa 94 mẫu, Nga My 60 mẫu, Hương Sơn 23 mẫu.

Nắm chắc phương châm lấy kết quả tổng sản lượng làm đích, Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trương lãnh đạo nhân dân tập trung đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất và tích cực trồng xen canh, gối vụ để mở rộng diện tích cây trồng.

Thực hiện chủ trương trên, năm 1966, diện tích trồng cây hoa màu và rau xanh toàn huyện đạt trên 3.969,7ha, tăng 12,3% so với năm 1965, trong đó diện tích trồng cây khoai lang tăng từ 1.043,16ha (năm 1965) lên 1.435,25ha (năm 1966), năng suất bình quân toàn huyện khoai lang đạt 5,3 tấn/ha, khoai sọ 4,5 tấn/ha, sắn 3,4 tấn/ha; tổng sản lượng cây hoa màu lương thực quy ra thóc đạt 4.629 tấn, tăng 894 tấn so với năm 1965; sản lượng các loại rau xanh và cây hoa màu thực phẩm đạt 3.789 tấn. Do sản lượng cây hoa màu lương thực, thực phẩm tăng, nên Phú Bình đã giải quyết được nhiều khó khăn trong các kỳ giáp hạt. Đảng bộ xã Trần Phú lãnh đạo nhân dân trồng được nhiều khoai lang, nên các kỳ giáp hạt năm 1966, nhân dân trong xã không phải vay lương thực của Nhà nước như những năm trước.

Năm 1966, nhân dân trong huyện huyện còn trồng được trên 520 ha cây công nghiệp, tăng 4,7% so với năm 1965, trong đó diện tích trồng lạc đạt trên 279 ha, đồ tương đạt trên 124,4 ha; tổng sản lượng cây công nghiệp đạt gần 915 tấn (bằng 51% kế hoạch). Hệ số sử dụng ruộng đất tăng từ 1,8 lần (năm 1964), lên 1,94 lần (năm 1965) và 2,3 lần (năm 1966).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI lấy gia đình xã viên chăn nuôi là chính, đồng thời phải tổ chức chăn nuôi tập thể ở các hợp tác xã với tinh thần tích cực nhất, đầu năm 1966, Huyện uỷ mở hội nghị chuyên đề bàn việc đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, chú trọng việc chăn nuôi lợn nái. Kết quả, năm 1966, đàn lợn của huyện đạt 22.047 con (tăng 3.411 con so với năm 1964); đàn trâu, bò đạt 12.234 con (tăng 83 con so với năm 1964); bình quân mỗi ha gieo trồng có 1,4 con lợn và 0,74 con trâu, bò. Số cơ sở chăn nuôi trâu, bò tập thể đã tăng từ 2 đơn vị, 50 con (năm 1964), lên 6 đơn vị, 206 con (năm 1966); số cơ sở chăn nuôi lợn tập thể cũng tăng từ 13 cơ sở, 333 con (năm 1965), lên 25 cơ sở, 1675 con (năm 1966). Ngoài ra, các xã, hợp tác xã còn thả được hàng triệu con cá giống trên diện tích 136 ha mặt nước ao, hồ.

Trong sản xuất lâm nghiệp, việc trồng các loại cây lấy gỗ, cây ăn quả và bảo vệ rừng và đạt kết quả khá. Hầu hết các hợp tác xã đều thành lập các đội trồng cây chuyên nghiệp, 50 trên tổng số 86 hợp tác xã đã có vườn ươm cây giống. Năm 1966, toàn huyện trồng được 1,5 triệu cây các loại, tăng 54% so với năm 1965 (trong đó, trồng rừng quốc doanh được 51 ha, với 127.500 cây). Các hợp tác xã Bảo Lý, Minh Sơn vừa làm tốt công tác trồng cây, vừa làm tốt công tác bảo vệ rừng. Ngoài việc trồng tre và các loại cây lấy gỗ, các hợp tác xã Hồng Kỳ, Sông Cầu, Phú Cường, Yên Sơn, Thanh Bình, Linh Sơn



còn trồng được hàng vạn cây vải Hải Dương.

Để nâng cao năng suất và sản lượng lương thực, Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo củng cố, kiện toàn các đội thủy lợi chuyên nghiệp để xây dựng các công trình thủy lợi lớn theo quy hoạch và thành lập các đội thủy lợi bán chuyên nghiệp trong các hợp tác xã. Năm 1966, toàn huyện hoàn thành 104 công trình thủy lợi mới, sửa chữa 157 công trình thủy lợi cũ, (trong đó có công trình thủy lợi hồ Ấp Bắc (xã Tân Hoà) là lớn nhất, đã được đưa vào sử dụng), góp phần đưa diện tích cấy lúa chiêm tăng từ 3.713 ha (năm 1965), lên 4.050 ha (năm 1966); diện tích lúa được tưới tiêu hợp lý tăng từ 1.358 ha (năm 1965), lên 1.449 ha (năm 1966). Các xã Bảo Lý, Thanh Ninh và các hợp tác xã Hồng Kỳ, (xã Hồng Phong), La Bi (xã Tân Thành), Thanh Sơn (xã Tân Kim) là những đơn vị dẫn đầu huyện về công tác làm thủy lợi. Phú Bình là huyện dẫn đầu các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh Bắc Thái về công tác thủy lợi 2 năm liền (1965, 1966).

Bên cạnh việc lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh chăn nuôi, làm chuồng, trại nhốt trâu, bò, lợn để lấy phân bón ruộng, Đảng bộ còn lãnh đạo và phát động nhân dân làm phân xanh, lấy bùn ao, bùn sông, thả bèo hoa dâu làm phân bón cho lúa và hoa màu. Bình quân khối lượng phân bón cho một héc ta ruộng cấy lúa trong toàn huyện tăng từ 3,78 tấn (năm 1964), lên 4,6 tấn (năm 1965). Diện tích ruộng cấy lúa được thả bèo dâu trong huyện tăng từ 90,7 ha (vụ đông xuân 1964-1965), lên 143,3 ha

(vụ đông xuân 1965-1966). Các hợp tác xã Thanh Ninh, Xuân La, Dịch Sơn, Lương Phú là những đơn vị dẫn đầu huyện về làm bèo hoa dâu. Hai hợp tác xã Dịch Sơn và Hương Sơn bước đầu thành công trong việc thí điểm thả bèo hoa dâu trong mùa nóng. Các xã, hợp tác xã Hồng Kỳ, Hợp Thành, Xuân La, Lương Phú, Niệm Dương... có nhiều thành tích lấy bùn ao, bùn sông làm phân bón, cải tạo đồng ruộng.

Công tác tuyển, chọn giống lúa và giống cây trồng cũng được Đảng bộ lãnh đạo sát sao hơn. Các hợp tác xã trong huyện đã tích cực nhập các giống lúa mới có năng suất cao (chiêm trắng, khô nam lùn, mộc tuyền, thập nguyệt hồng) vào cấy trên diện rộng. hợp tác xã Hồng Kỳ đã đưa tới 60% giống lúa mới vào canh tác...

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy "Cấp uỷ, tổ Đảng, cán bộ, đảng viên trực tiếp làm ruộng tăng sản, nhằm đúc rút kinh nghiệm thực tế để lãnh đạo sản xuất nông nghiệp", cán bộ, đảng viên các ngành, các giới trong huyện đã tích cực làm ruộng tăng sản. Năm 1966, diện tích ruộng tăng sản toàn huyện đạt trên 141,9ha, tăng 104,8 ha so với năm 1965. Nhờ áp dụng đúng các biện pháp kỹ thuật (chọn giống, xử lý giống 3 sôi 2 lạnh, chăm bón tốt), nên hầu hết diện tích ruộng cấy lúa tăng sản của các hợp tác xã trong huyện đều đạt năng suất cao. Vụ mùa năm 1966, năng suất ruộng tăng sản, cấy các giống lúa mới của các hợp tác xã Đào Xá, Hồng Kỳ, Thanh Ninh, Bằng Cầu, Lương Phú, Tân Sơn đạt từ 35 tạ

đến 48 tạ/ha... Năm 1966, tổng sản lượng lương thực cả năm toàn huyện đạt 20.396 tấn, tăng 6,2% so với năm 1965. Hai năm 1967, 1968, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách do thiên tai, dịch họa gây ra, giữ vững và phát triển sản xuất, trong đó có nhiều mặt đạt kết quả tốt.

Năm 1967, các hợp tác xã Nga My và Hồng Kỳ đạt năng suất bình quân 5 tấn thóc/ha. Đảng bộ các xã Tân Đức, Lương Phú, Lương Sơn, Hương Sơn, Nhà Lộng, Thanh Ninh lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ. Năm 1968 so với năm 1965, năng suất lúa mùa bình quân toàn huyện tăng 19,7%, tổng sản lượng màu quy thóc tăng 110,16%, tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng 9,63%.

Cùng với việc lãnh đạo giữ vững và phát triển sản xuất, Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cuối năm 1966, toàn huyện có 90,5% số hợp tác xã hoàn thành cải tiến quản lý vòng I, 25 hợp tác xã ở 10 trên 18 xã hoàn thành cải tiến quản lý vòng II. Bình quân quy mô mỗi hợp tác xã trong huyện tăng từ 50 hộ (cuối năm 1965), lên 130 hộ (năm 1967). Số hợp tác xã lập được kế hoạch 3 khoán tăng từ 45% (năm 1965), lên 80% (năm 1967), (có 42% số hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm). Các hợp tác xã Xuân La, Hồng Kỳ thực hiện được tài chính công khai hằng tháng, nên đã giảm bớt được tham ô, lãng phí.

Bên cạnh việc lãnh đạo ổn định quy mô các đội sản



xuất, Đảng bộ lãnh đạo các hợp tác xã thực hiện chuyên môn hoá lao động, thành lập các đội chuyên: Chăn nuôi, trồng rau, thuỷ lợi, trồng cây-bảo vệ rừng, vận tải. Để giải phóng lao động nữ, Đảng bộ lãnh đạo các xã, hợp tác xã thành lập được gần 100 tổ giữ trẻ, giải phóng được trên 500 lao động nữ. Do các hợp tác xã quản lý lao động chặt chẽ, nên bình quân số ngày công hằng năm của mỗi xã viên trong hợp tác xã không ngừng tăng từ 180 công (năm 1966), lên 200 công (năm 1967). Năm 1967, bình quân mỗi lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp Hồng Kỳ, Dịch Sơn, Xuân La, Lương Phú, Tân Ngọc, Kim Sơn, Thanh Ninh, Thanh Bình, Hợp Thành đạt trên 250 ngày công.

Thông qua cải tiến, quản lý hợp tác xã, cơ sở vật chất kỹ thuật của tập thể hợp tác xã ngày càng tăng và đang trên đà phát triển tạo ra khả năng sản xuất tập thể ngày càng lớn mạnh, phong trào hợp tác xã đang ở khí thế đi lên vùng mạnh hơn nhiều so với những năm trước. Các hợp tác xã trong huyện đã có 295 nhà kho, 324 sân phơi, 32 bể xử lý thóc giống, 49 lò gạch, 13 lò vôi, 6 xưởng mộc, 3 xưởng rèn, 148 xe trâu, 739 xe cải tiến, 85 bình bơm thuốc trừ sâu, 19 trục lăn lúa, 250 quạt hòm, 746 cào cỏ cải tiến 64A.

Sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp ở địa phương được Đảng bộ huyện xác định giữ một vị trí rất quan trọng, vì nó tạo ra những mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo đời sống cho cán bộ

và nhân dân. Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện trong thời kỳ này chủ yếu là sản xuất các mặt hàng phục vụ nông nghiệp và đời sống (mũi cày, diệp cày, liềm, hái, dao, cào cỏ, xe cải tiến, bát, đĩa, gạch, ngói, may mặc, bánh kẹo). Năm 1967, các hợp tác xã Nông cụ Thành Công, Ngói Thăng Long sản xuất đạt 100% kế hoạch. Các hợp tác xã may mặc, gạch ngói được phát triển thêm, Xí nghiệp Gốm được mở rộng, Xí nghiệp Nước chấm được xây dựng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn huyện tăng từ 48.000 đồng (năm 1965), lên 312.000 đồng (năm 1967).

Kết quả lãnh đạo các mặt Tài chính-Thương nghiệp, Ngân hàng của Đảng bộ cũng đạt được nhiều thành tích. Chỉ tính riêng năm 1966, giá trị hàng công nghệ phẩm mua vào toàn huyện đạt 3.350.000 đồng (vượt 1% kế hoạch và tăng 20% so với năm 1965), giá trị hàng công nghệ phẩm bán ra đạt 3.550.000 đồng (đạt 100% kế hoạch và tăng 32% so với năm 1965). Các hợp tác xã mua bán đại lý: mua vào đạt 39.000 đồng (vượt 12% so với kế hoạch, tăng 15% so với năm 1965); bán ra đạt 546.000 đồng (vượt 24% so với kế hoạch và tăng 32% so với năm 1965).

Việc lãnh đạo nhân dân thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước của Đảng bộ trong những năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ cũng đạt kết quả tốt hơn so với những

năm trước. Trong 3 năm từ 1965 đến 1967, nhân dân các dân tộc trong huyện đã bán cho Nhà nước 10.389 tấn thóc, 76.528 kg thịt lợn hơi và giá trị 133.978 đồng hàng nông sản. Vụ mùa năm 1966, công tác 3 thu lương thực của huyện Phú Bình đạt 83,9% đứng thứ 5 trong số 8 huyện, thành phố nằm trên địa bàn Thái Nguyên lúc bấy giờ. Ngoài ra, trong 3 năm từ 1965 đến 1967, nhân dân Phú Bình còn bán cho Nhà nước 11.541 kg thịt gia cầm và gần 200.000 quả trứng gà, vịt. Các xã Tân Đức, Hồng Phong, Quyết Tiến, Lương Sơn, Nga My, Tân Kim, Dương Thành, Xuân Phương, Cấp Tiến là những đơn vị làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Trong điều kiện chiến tranh, sơ tán, Ngành Giáo dục Phú Bình vẫn tiếp tục phát triển. Năm học 1966-1967, toàn huyện có 33 trường phổ thông từ cấp 1 đến cấp 3, với 262 lớp học, 10.826 học sinh và 278 giáo viên; trung bình cứ 6 người dân trong huyện có 1 người đi học. Kết quả thi chuyển lớp, chuyển cấp ở các trường phổ thông đảm bảo tỷ lệ từ 64% đến 98% đạt yêu cầu trở lên, tăng từ 6% đến 13% so với năm học trước. Toàn huyện có 2.257 học viên theo học các lớp bổ túc văn hoá, (tăng 20% so với năm 1966). Các xã Tân Thành, Dương Thành, Thanh Ninh, Tân Khánh là những đơn vị dẫn đầu trong phong trào bổ túc văn hoá của huyện, xã Tân Thành đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Công tác y tế được triển khai mạnh mẽ và rộng khắp.



Hai năm 1966, 1967, Ngành Y tế huyện đã bồi dưỡng đào tạo cho các xã, hợp tác xã được 335 cán bộ y tế, tổ chức và củng cố được 186 đội cứu, tải thương, với 2.381 người tham gia, trang bị 132 dụng cụ cấp cứu và 139 túi thuốc; tổ chức tiêm phòng các loại dịch bệnh cho nhân dân được 78.000 lượt người. Bệnh xá của huyện được trang bị thêm dụng cụ y tế, bổ sung thêm cán bộ, nâng cấp thành Bệnh viện huyện với 15 giường bệnh, bước đầu đáp ứng được yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân và cứu chữa người bị nạn do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh. Với thành tích làm được 2.964 hố xí 2 ngăn, 827 nhà tắm, đào mới và sửa chữa 9.124 giếng nước, Phú Bình đã trở thành huyện dẫn đầu các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên về phong trào thi đua làm 3 công trình vệ sinh, được Bộ Y tế công nhận là huyện đầu tiên trên miền Bắc hoàn thành 3 dứt điểm.

Đảng uỷ, chi uỷ các xã Bảo Lý, Yên Thịnh, Tân Khánh, Tân Kim, Quyết Tiến, Cấp Tiến lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt công tác phòng và chữa bệnh. Đảng bộ xã Đồng Liên vừa lãnh đạo tốt công tác xây dựng 3 công trình vệ sinh (100% gia đình có hố xí 2 ngăn), vừa lãnh đạo tốt công tác cứu thương, tải thương, phục vụ chiến đấu và sản xuất, được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Nhờ Đảng bộ huyện lãnh đạo đẩy mạnh công tác phòng bệnh và chữa bệnh, nên sức khoẻ của nhân dân

các dân tộc trong huyện ngày càng được đảm bảo, tỷ lệ số người chết trong 3 năm từ 1965 đến 1967, giảm 57,8% so với 3 năm trước đó.

Công tác Văn hoá-Thông tin đã góp phần giáo dục mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện nâng cao tinh thần yêu nước, xây dựng được ý chí và quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Toàn huyện đã xây dựng được mạng lưới gồm 657 loa truyền thanh các loại, phát hành được 99.755 cuốn sách, tờ báo; tổ chức 540 buổi chiếu phim, đảm bảo bình quân mỗi người dân trong huyện được xem chiếu bóng 10 lần. Toàn huyện có 20 đội văn nghệ quần chúng, biểu diễn trên 100 lần, phục vụ trên 30.000 lượt người xem. Thông qua các hoạt động tuyên truyền thời sự, phát thanh, phát hành sách báo, kẻ khẩu hiệu, vẽ tranh cổ động, cán bộ và nhân dân trong huyện đã kịp thời nắm bắt được các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương. Các phong trào thi đua "Ba sẵn sàng" trong thanh niên, "Ba đảm đang" trong phụ nữ, "Ba giỏi" trong phụ lão, "Ba tích cực" trong thiếu niên, "Ba quyết tâm" trong dân quân, tự vệ được đẩy mạnh.

Để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng mở rộng và ác liệt, Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp, vững mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao. Năm 1967, Đảng bộ đã lãnh đạo phát triển thêm được 1.595 dân quân, tự vệ, đưa tổng quân số

dân quân, tự vệ toàn huyện lên gần 7.000 cán bộ, chiến sĩ (chiếm 11,7% so với dân số). Tỷ lệ dân quân so với dân số ở các xã Bảo Lý, Tân Thành, Hà Châu đạt trên 13,7% (cao nhất các xã trong huyện). Trong tổng số gần 7.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, có 17,9% là nữ.

Các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ đã cử 64 đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ hoặc Đảng uỷ viên sang làm cán bộ lãnh đạo, chỉ huy xã đội, trực tiếp phụ trách lực lượng dân quân. Hầu hết cán bộ chỉ huy dân quân, du kích và tự vệ từ tiểu đội đến trung đội, đại đội là cấp uỷ viên hoặc đảng viên. Từ năm 1965 đến 1967, bình quân hàng năm, trên 95% cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ được huấn luyện chính trị, trên 73% được huấn luyện quân sự. Năm 1967, toàn huyện có 5.960 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được huấn luyện quân sự, chính trị với kết quả trên 90,5% đạt yêu cầu trở lên. Các xã Thanh Ninh, Lương Sơn 100% quân số huấn luyện đạt yêu cầu (có 80% đạt khá, giỏi). Hầu hết đảng viên ở các xã Lương Phú, Tân Đức, Hà Châu, Bảo Lý, Hồng Phong trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy và tham gia dân quân, du kích.

Lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện đã xây dựng được 9 tổ trực chiến làm nhiệm vụ báo động phòng không cho nhân dân và phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp, 127 đội cứu hoả, 81 đội đào bới sập hầm, 86 đội cứu thương, tải thương, 127 túi thuốc phòng không được trang bị tương đối đầy đủ bông, băng, cáng,



nep. Cuối năm 1967, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình bố trí lại từ 9 tổ trực chiến phòng không xuống còn 4 tổ với 38 cán bộ, chiến sĩ, thay nhau thường trực chiến đấu trên các trận địa suốt ngày, đêm.

Qua chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Phú Bình đã tỏ ra rất kiên cường, dũng cảm. Chị Nguyễn Thị Hằng, nữ dân quân xã Quyết Tiến dũng cảm xông vào nơi bom rơi, đạn nổ, cứu chữa được nhiều người bị nạn; nhiều cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Trần Phú đã thường xuyên xung phong lên trận địa tiếp đạn cho bộ đội.

Hầu hết cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích hợp tác xã Yên Bình (xã Thượng Đình) thường xuyên có mặt trên trận địa phòng không của bộ đội làm nhiệm vụ tiếp đạn, cứu thương, tải thương. Dân quân, du kích xã Bảo Lý trực tiếp chiến đấu với máy bay Mỹ 11 trận.

Để đảm bảo công sự, trận địa cho Quân chủng Phòng không-Không quân đưa bộ đội tên lửa cơ động lên chiến đấu trên địa bàn huyện, đầu năm 1966, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Huyện đội Phú Bình đã huy động hàng trăm cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích các xã Bảo Lý, Tân Kim, Tân Hoà, Tân Khánh, Xuân Phương, Hồng Phong, Cáp Tiến lên xây dựng trận địa tên lửa ở xã Lương Sơn. Sau 7 ngày đêm lao động miệt mài, trong điều kiện thời tiết mưa dầm, gió bắc khắc nghiệt, cán bộ chiến sĩ dân quân, du kích Phú Bình đã xây dựng xong trận địa tên lửa ở xã Lương Sơn với tổng

khối lượng đào, đắp trên 2.000m<sup>3</sup> đất, đá. So với chỉ tiêu được giao, dân quân các xã Bảo Lý làm vượt 25m<sup>3</sup>, Lương Sơn làm vượt 15m<sup>3</sup>. Trung đội dân quân xóm Hải Ninh (xã Tân Khánh), chỉ có 22 cán bộ, chiến sĩ, đã đốt đuốc làm trong một đêm, đào đắp được 51,5m<sup>3</sup> (năng suất bình quân mỗi người đạt 2,3m<sup>3</sup>). Các cụ phụ lão xã Lương Sơn thay nhau nấu nước đem ra tận công trường xây dựng trận địa tên lửa phục vụ cán bộ, chiến sỹ dân quân, du kích.

Tuy việc xây dựng trận địa tên lửa ở xã Lương Sơn là một nhiệm vụ đột xuất, nhưng do các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong huyện làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nên cuối tháng 2/1966, bộ đội tên lửa cơ động lên Lương Sơn đã có trận địa để triển khai vũ khí, khí tài chiến đấu. Vào lúc 14 giờ 54 phút ngày 4/3/1966, từ trận địa xã Lương Sơn, bộ đội tên lửa đã bắn 1 máy bay Mỹ rơi xuống xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên địa bàn Thái Nguyên năm 1966. Chiến công bắn rơi máy bay Mỹ của bộ đội tên lửa ở trận địa Lương Sơn có sự đóng góp to lớn của Đảng bộ, quân và dân huyện Phú Bình.

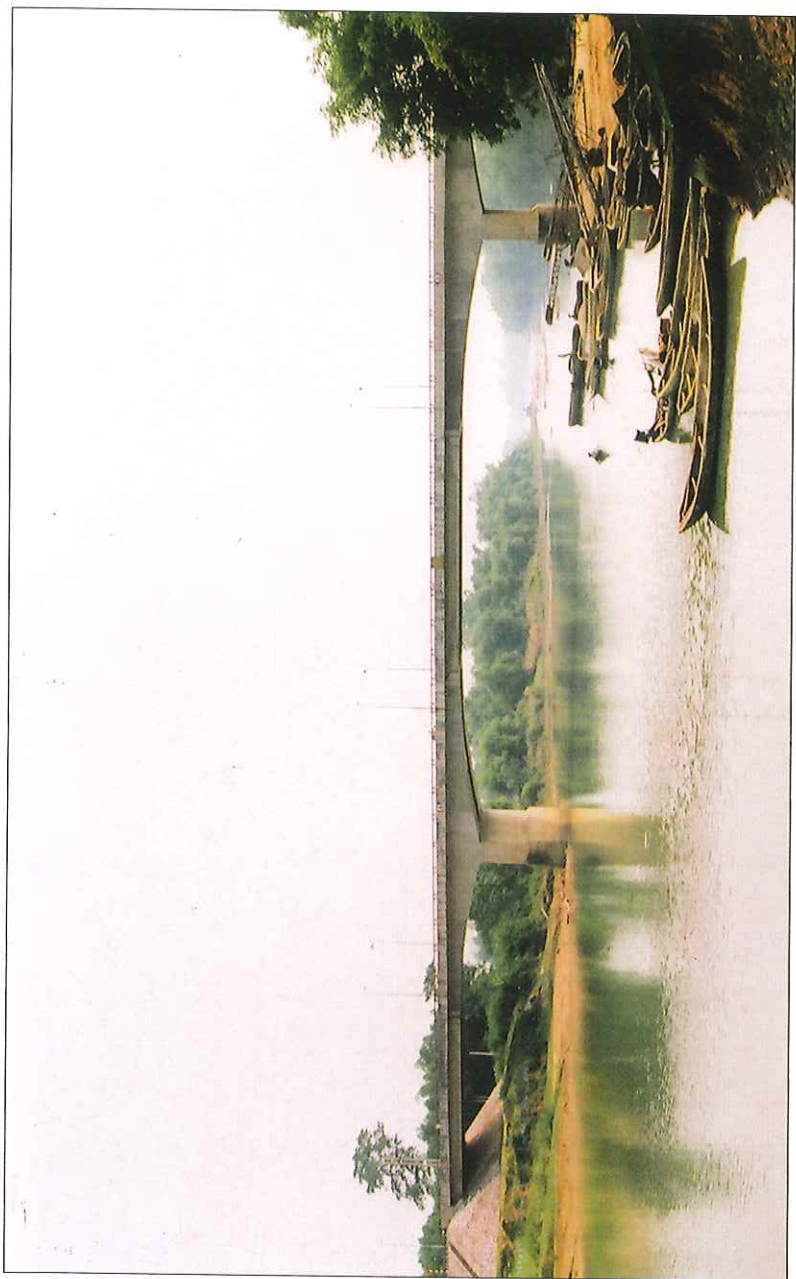
Chiều ngày 24/4/1966, 1 máy bay Mỹ bị quân và dân Hà Bắc bắn rơi xuống địa phận xã Thanh Ninh. Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình đã kịp thời huy động dân quân, tự vệ ra dập lửa, bảo vệ hiện trường và thu giữ tang vật. Ngày 6/7/1966, 6 máy bay Mỹ ném 10 quả bom phá xuống các khu vực Cầu Mây, kho gạo cầu Mây và cầu

Bảo Lý. Tại khu vực Cầu Mây, 1 quả bom do máy bay Mỹ ném xuống đã rơi trúng thân đê sông Đào, khoét thành một hố sâu, rộng 8 mét, cắt thân đê làm đôi, nước từ sông Đào tràn vào tàn phá đồng ruộng, xóm làng. Trước tình hình đó, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo huy động dân quân, tự vệ và nhân dân ra phối hợp với 2 tiểu đoàn bộ đội của Đoàn 250 - Quân khu Việt Bắc tập trung hàn khẩu, sửa chữa đê. Gần 100 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ Phú Bình và cán bộ chiến sĩ Đoàn 250 đã dùng cảm ngâm mình dưới nước nhiều giờ để làm hàng rào ngăn đất, đá đưa xuống hàn khẩu khỏi bị trôi. Nhờ có tinh thần lao động dũng cảm, quên mình của dân quân, tự vệ và nhân dân huyện Phú Bình và bộ đội Đoàn 250, đoạn đê sông Đào ở Cầu Mây đã nhanh chóng được khôi phục, chặn đứng dòng nước hung dữ vào tàn phá ruộng đồng, làng xóm.

Trong phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, từ năm 1965 đến năm 1968, lực lượng dân quân các xã Trần Phú, Thượng Đình, Hà Châu, Đồng Liên, Quyết Tiến, Bảo Lý, Lương Sơn đã lập được nhiều thành tích về mọi mặt, trở thành những đơn vị khá, giỏi, dẫn đầu huyện về công tác quân sự địa phương.

Trong công tác đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, quan triệt Nghị quyết ngày 21/8/1965 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái "đảm bảo giao thông vận tải thời chiến là một mặt trận chiến đấu, là công tác trung tâm,





**Cầu Máy.**



đột xuất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh", Huyện uỷ Phú Bình ra Nghị quyết lãnh đạo chỉ rõ "Công tác đảm bảo giao thông thời chiến là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất, thường xuyên và bất kỳ trong tình huống nào cũng phải đảm bảo thông suốt" <sup>(1)</sup>, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện quyết định thành lập Ban đảm bảo giao thông vận tải thời chiến từ huyện xuống các xã làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, huy động lực lượng và tổ chức đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn khi bị máy bay địch đánh phá.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban đảm bảo giao thông thời chiến các cấp, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú bình đã làm thêm một số đường ngầm, đường tránh, chuẩn bị tương đối đầy đủ dụng cụ, phương tiện, sẵn sàng ứng cứu, đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt.

Sau các trận máy bay Mỹ đánh phá Cầu Mây, cầu Bảo Lý, đập Thác Huống, Đảng bộ đều tập trung lãnh đạo huy động nhân lực và phương tiện ra sửa chữa một cách tích cực, nên chỉ sau từ 1 đến 2 ngày, giao thông vận tải trên địa bàn huyện đã được thông suốt.

Trong công tác bảo vệ trật tự trị an thời chiến, Công an huyện Phú Bình đã chỉ đạo 2 xã Tân Khánh và Quyết Tiến thực hiện thí điểm phong trào "Toàn dân thi đua bảo vệ trị an" do Huyện uỷ phát động đầu năm 1966; sau đó tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm để

---

(1) Báo cáo số 03 BC/HU ngày 7/3/1967 của Huyện uỷ Phú Bình.



triển khai ra toàn huyện. Kết quả: 16 trên tổng số 18 xã trong huyện (có 10 xã xung yếu) đã phát động phong trào "Toàn dân thi đua bảo vệ trật tự, trị an". Năm 1967, Công an huyện đã xử lý 18 vụ, bắt 48 tên cướp của, ăn cắp, đánh bạc, làm giấy tờ giả, đưa 9 tên ra truy tố trước pháp luật. Nhờ đó, trên địa bàn huyện tuy có "xảy ra một số vụ cờ bạc, ăn cắp vặt, nhưng không lớn và không nghiêm trọng. Đảng bộ đã lãnh đạo lực lượng công an giải quyết tốt các vụ đốt nhà ở Yên Thịnh, cờ bạc, xóc đĩa ở Phương Độ, ăn cắp vải ở Hồng Phong, tranh chấp tài sản ở Hợp tác xã Thống Nhất (Luong Sơn), góp phần củng cố và giữ vững được lòng tin cho nhân dân".<sup>(1)</sup>

Để làm tốt công tác hậu phương quân đội, Huyện ủy triệu tập Hội nghị chuyên đề và ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của các hợp tác xã phải làm tốt việc điều hoà lương thực cho thương binh, gia đình liệt sĩ và gia đình có người đi bộ đội chiến đấu ở các chiến trường B (miền Nam), C (Lào); các ngành, các cấp, các tổ chức quần chúng phải quan tâm giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình bộ đội B, C. Nhờ đó, các gia đình bộ đội, thương binh, gia đình liệt sĩ yên tâm, phấn khởi lao động sản xuất và chiến đấu, phục vụ chiến đấu; nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái động viên con, em mình lên đường đánh giặc. Trong hai năm (1965-1966), Phú Bình tuyển được 1.633 người vào bộ đội; riêng năm 1966,

(1) Báo cáo số 03 BC/HU ngày 7/3/1967 của Huyện ủy Phú Bình, tr. 16.

tuyển được 989 người vào bộ đội, vượt chỉ tiêu quân số trên giao 1,1%, là huyện dẫn đầu tỉnh về công tác tuyển quân.

Năm 1967, Đảng bộ lãnh đạo tốt đợt tuyển truyền, học tập Chỉ thị 134 của Trung ương về lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển truyền, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường trong tình hình mới. Với phong trào thi đua "Ba sẵn sàng", toàn huyện có 12.900 lá đơn xung phong tình nguyện nhập ngũ; có một số đơn được ký tên bằng máu. Có những người mẹ, người cha, người vợ, người anh, người chị đã đến tận các Đảng uỷ xã xin cho chồng, con, em mình được đi bộ đội đánh Mỹ. Tổ chức cơ sở Đảng các xã Thanh Ninh, Bảo Lý, Lương Sơn, Thượng Đình, Yên Thịnh, Hồng Phong, Tân Kim, Tân Thành, Tân Khánh lãnh đạo tốt công tác động viên tuyển quân. Tính chung trong 3 năm (1965-1967), Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo tốt 8 đợt động viên tuyển quân, huy động 2.084 con, em ưu tú vào bộ đội đánh Mỹ. Trong số đó, có nhiều người đã lập công xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở các chiến trường, được tặng thưởng các danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt ngụy"...

Sở dĩ Phú Bình có được những thành tích to lớn trên các mặt trận sản xuất và chiến đấu trong những năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ là do Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Ngay từ khi bước vào thời kỳ trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ tập

trung lãnh đạo giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt các nghị quyết 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III). Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước (17/7/1966), Huyện uỷ đã lãnh đạo tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt, học tập, quán triệt lời kêu gọi của Người trong toàn Đảng bộ, thu hút từ 90% đến 100% đảng viên ở các chi bộ, đảng bộ trực thuộc tham gia...

"Qua học tập đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nhận rõ tình hình nhiệm vụ mới; ý thức, lập trường giai cấp, quan điểm cách mạng được nâng cao; tư tưởng sợ khó, sợ hy sinh được khắc phục được một bước; tác phong quan liêu, mệnh lệnh, xa thực tế, xa quần chúng được khắc phục một phần; nhiều đảng viên, cán bộ đã tỏ ra rất hăng hái dũng cảm trên mặt trận sản xuất và chiến đấu" <sup>(1)</sup>.

Song song với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng bộ đã làm tốt công tác xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức Đảng. Các cấp uỷ trong Đảng bộ đã gắn công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng với việc thực hiện cải tiến quản lý hợp tác xã vòng I, vòng II và việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Công tác xây dựng Đảng được các cấp uỷ Đảng từ huyện xuống cơ sở quan tâm lãnh đạo kiên quyết và chặt chẽ. Trong 2 năm (1965-1966), toàn Đảng bộ kết nạp

---

(1) Báo cáo của Huyện uỷ Phú bình tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, tr.8



được 654 đảng viên mới; trong đó, đoàn viên thanh niên chiếm từ 80%. Đảng bộ chú trọng nội dung xây dựng đảng viên 4 tốt, chi bộ 4 tốt. Các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong Đảng bộ đã cụ thể hoá tiêu chuẩn đảng viên 4 tốt do Trung ương đề ra sát với tình hình, nhiệm vụ của đơn vị và địa phương mình.

Sau khi Trung ương tổ chức tổng kết công tác xây dựng chi bộ 4 tốt, Đảng bộ tập trung triển khai học tập 7 bài học kinh nghiệm xây dựng chi bộ 4 tốt của đồng chí Lê Đức Thọ (Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng). Thông qua học tập, nhận thức của đa số đảng viên trong Đảng bộ về vai trò, vị trí của công tác xây dựng đảng viên 4 tốt, chi bộ 4 tốt được nâng lên. Năm 1966, Đảng bộ có 835 đảng viên 4 tốt, 733 đảng viên khá, 433 đảng viên trung bình, 78 đảng viên yếu kém. So với năm 1965, ở nông thôn, số đảng viên 4 tốt tăng 1,9%, số đảng viên khá tăng 5,6%, số đảng viên trung bình giảm 1,5%, số đảng viên yếu kém giảm 1,6%; ở cơ quan, số đảng viên 4 tốt tăng 0,9%, số đảng viên khá giảm 12,23%, số đảng viên trung bình tăng 6,8%, số đảng viên yếu kém tăng 1%.

Trong số 106 chi bộ của toàn Đảng bộ, có 41 chi bộ đạt 4 tốt, 42 chi bộ đạt khá, 3 chi bộ kém, còn lại là trung bình. So với năm 1965, số chi bộ 4 tốt ở nông thôn tăng 4,8%, ở cơ quan giảm 5%, số chi bộ khá ở nông thôn tăng 10,3%, ở cơ quan giảm 18,7%, số chi bộ trung bình ở nông thôn giảm 18,9%, ở cơ quan giảm 18,7%.

Đánh giá về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong nhiệm kỳ lần thứ XI, báo cáo chính trị của Huyện uỷ Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII (họp từ ngày 21 đến ngày 24/4/1967) đã khẳng định "Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ được chú trọng cả 3 mặt: Giáo dục chính trị tư tưởng, kiện toàn tổ chức và cải tiến lề lối tác phong lãnh đạo. Cán bộ, đảng viên ở các đảng bộ, chi bộ Lương Phú, Hồng Kỳ, Xuân La, Hợp Thành, Thạch Sơn, Huyện Đoàn Thanh niên rất hăng hái phấn khởi thực hiện nhiệm vụ của Đảng. Các chi bộ Thanh Sơn, Nga My, Cấp Tiến, Kha Thượng... từ yếu vươn lên mạnh. Ở nhiều nơi, các đảng bộ, chi bộ đã trở thành pháo đài trên các mặt trận sản xuất và chiến đấu". Trong công tác cán bộ, Đảng bộ đã lãnh đạo đào tạo, bồi dưỡng được 67 cán bộ trung cấp, sơ cấp trồng trọt, chăn nuôi, giao thông, thuỷ lợi cho huyện và các xã, hợp tác xã; 30 công nhân cơ khí cho 15 hợp tác xã nông nghiệp; 335 y tá, hộ lý cho các xã. Ban Tuyên huấn Huyện uỷ mở được 6 lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị và năng lực lãnh đạo cho 430 đồng chí là tổ trưởng Đảng, chi uỷ viên, Ban Quản trị hợp tác xã... Huyện uỷ đã đề bạt bổ nhiệm 3 trưởng, phó phòng vào cấp uỷ huyện, 59 đồng chí vào cấp uỷ Đảng cơ sở.

Báo cáo chính trị của Huyện uỷ tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII cũng chỉ rõ: Nhận thức về công tác xây dựng Đảng, về vai trò của tổ chức chi bộ cơ sở Đảng của cán bộ các cấp từ Huyện uỷ xuống Chi uỷ còn chưa

đầy đủ. Ý thức tổ chức, kỷ luật của một số cán bộ, đảng viên còn lỏng lẻo; việc chấp hành các nghị quyết của cấp trên, của tập thể, có cấp uỷ, có cán bộ đảng viên chưa nghiêm chỉnh, "điều động không đi, đi lại bỏ về; chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và tập thể không phổ biến, không thi hành, bầu cấp uỷ không báo cáo, không cần cấp trên công nhận". Nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách không được đề cao, "tập thể đã lãnh đạo nhưng không làm hoặc làm khác đi. Nghiêm trọng hơn là có nơi, có đồng chí không tôn trọng dân chủ tập thể, cá nhân tự ý quyết định, quan liêu, độc đoán quá đáng đã dẫn tới chia rẽ, bè phái trong nội bộ".

Những thiếu sót, khuyết điểm trên đã hạn chế kết quả lãnh đạo sản xuất, chiến đấu, chấp hành chính sách, đảm bảo đời sống quần chúng, xây dựng Đảng của Đảng bộ.

Trên cơ sở đánh giá những thành tích, ưu điểm và những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ XI, Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ: "Tích cực xây dựng đảng bộ, chi bộ 4 tốt, xoá bỏ đảng bộ, chi bộ yếu kém. Trước hết phải tăng cường công tác giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên hiểu sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng, để trên cơ sở đó gương mẫu và tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện. Đồng thời ra sức phát triển đảng viên mới, hướng vào tuổi trẻ và các nhân tố tích cực trong sản xuất, chiến đấu; hướng vào các đội sản xuất của hợp tác xã không có hoặc có ít đảng viên. Tích cực kiện toàn cấp uỷ Đảng thật



vùng mạnh. Mặt khác, kiên quyết sa thải những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, làm cho chi bộ, đảng viên thực sự là hạt nhân của phong trào".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XII gồm 19 uỷ viên chính thức và 1 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Thơ được tín nhiệm tái cử làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Văn Thiện và Ngô Quang Thành được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, năm 1967, Huyện uỷ tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục, tiếp tục làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc các nghị quyết 11, 12 và các chỉ thị 136, 144 của Trung ương về tình hình nhiệm vụ mới; 7 bài học kinh nghiệm xây dựng đảng bộ, chi bộ 4 tốt của đồng chí Lê Đức Thọ. Toàn Đảng bộ có 217 đảng viên 4 tốt, 734 đảng viên khá, 480 đảng viên trung bình và 100 đảng viên kém; 3 đảng bộ tốt, 14 đảng bộ khá, 5 đảng bộ trung bình, 28 chi bộ 4 tốt, 58 chi bộ khá, 14 chi bộ trung bình, và 1 chi bộ yếu kém. Toàn Đảng bộ kết nạp được 252 đảng viên mới, vượt 2% so với chỉ tiêu Tỉnh uỷ giao, chiếm 11,45% số đảng viên mới của toàn Đảng bộ tỉnh kết nạp trong năm 1967. Trong số 252 đảng viên mới được Đảng bộ kết nạp năm 1967, có 51% nữ, 75% thanh niên, 4,8% là người dân tộc thiểu số. Đảng bộ cũng kiên quyết xử lý kỷ luật 29 đảng viên vi phạm khuyết điểm, (có 1 khiển trách, 5 cảnh cáo, 7 lưu Đảng

và 16 khai trừ ra khỏi Đảng).

Đầu năm 1968, do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 31/3/1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện bắt tay vào nhiệm vụ mới.

## **II- KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH ĐỘNG VIÊN TUYẾN QUÂN CHI VIÊN CHIẾN TRƯỜNG, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (4/1968- 12/1972).**

Tranh thủ thời gian máy bay địch tạm ngừng đánh phá, căn cứ vào "Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế-văn hoá 3 năm 1968-1970" của Tỉnh uỷ Bắc Thái, thực hiện cuộc động viên chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Huyện uỷ Phú Bình ra Nghị quyết về "Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế-văn hoá 3 năm 1968-1970" chỉ rõ: "Đẩy mạnh lãnh đạo sản xuất nông nghiệp toàn diện, cân đối, mạnh mẽ; phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương phù hợp với khả năng và đặc điểm của huyện; xây dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phù hợp với bước phát triển của cách mạng, của tỉnh, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn".

Ban Thường vụ Huyện uỷ chia địa bàn huyện thành 7

cụm và phân công các đồng chí Dương Văn Thơ (Bí thư Huyện uỷ) phụ trách cụm 3 xã Thượng Đình, Lương Sơn, Nhả Lộng; Nguyễn Văn Thiện (Phó Bí thư) phụ trách cụm 3 xã Nga My, Hà Châu, Diêm Thụy; Nguyễn Đăng Hoà (Ủy viên Thường vụ) phụ trách cụm 3 xã Đồng Liên, Bàn Đạt, Đào Xá; Dương Văn Sành (Ủy viên Thường vụ) phụ trách cụm 3 xã Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành; Nguyễn Thị Xâm (Ủy viên Thường vụ) phụ trách cụm 2 xã: Hương Sơn, Kha Sơn; Hoàng Văn Lược (Ủy viên Thường vụ) phụ trách cụm 5 xã Tân Hoà, Lương Phú, Tân Đức, Thanh Ninh, Dương Thành.

Thực hiện Nghị quyết "Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế-văn hoá 3 năm 1968-1970", Huyện uỷ ra Nghị quyết lãnh đạo công tác quý III năm 1968, nhấn mạnh phải tập trung lãnh đạo công tác thuỷ lợi, chủ động phòng chống lũ lụt và hạn hán.

Hưởng ứng chiến dịch ra quân làm thuỷ lợi, kiến thiết ruộng đồng do Ủy ban hành chính huyện phát động từ ngày 10 đến ngày 20/12/1968, Đảng bộ xã Xuân Phương phối hợp với lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn huy động mỗi ngày trung bình được từ 300 người đến 400 người ra đồng làm thuỷ lợi. Đảng bộ, chi bộ các cơ quan huyện lãnh đạo huy động trên 300 cán bộ, công nhân, viên chức lên lao động xây dựng công trình thuỷ lợi Lương Trình. Các chi bộ, đảng bộ nông thôn lãnh đạo huy động 1.200 người lên công trường đập Thác Huống, 1.300 người lên đắp đê Hà



Châu. Đảng bộ, chi bộ các xã, hợp tác xã Nga My, Úc Kỳ, Lương Sơn, Tân Khánh lãnh đạo huy động được hàng nghìn người ra đồng làm các công trình thủy lợi nhỏ ở xã, hợp tác xã. Kết quả chiến dịch ra quân làm thủy lợi, kiến thiết ruộng đồng đã góp phần quan trọng vào thành tích lãnh đạo công tác thủy lợi của Đảng bộ năm 1968: Toàn huyện hoàn thành 100% kế hoạch xây dựng các công trình thủy lợi đê Hà Châu, đập Thác Huống; 50,5% kế hoạch đào, đắp công trình thủy điện-thủy lợi Lương Trinh, đưa vào sử dụng 12 công trình thủy lợi vừa và nhỏ, xây 35 cống tưới nước, tu bổ 135 công trình hồ, đập; sửa 49 máy bơm nước, củng cố 51 đội thủy lợi, với 850 người tham gia (đạt 85% kế hoạch); bình quân mỗi lao động trong huyện tham gia 30,8 công làm thủy lợi, đào đắp được 24,4m<sup>3</sup> đất, đá, vượt kế hoạch 25%.

Phát huy vai trò xung kích trong công tác thủy lợi (đào mương, đắp đập, đắp bờ vùng, bờ thửa để giữ nước chống hạn), làm phân bón ruộng; xử lý, chọn lọc giống và áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, đoàn thanh niên các xã, hợp tác xã Úc Kỳ, Xuân Phương, Thanh Ninh huy động hàng trăm đoàn viên, thanh niên lên lao động trên các công trình thủy lợi Tân Khánh, La Muôi, Đồng Bai...

Thực hiện Di chúc của Bác Hồ, tháng 5-1970, Ban Chấp hành huyện Đoàn huy động 1.170 đoàn viên, thanh niên, với 12.235 ngày công xây dựng 3 công trình thủy

lợi Hà Châu, Lương Trình, Cầu Mây. Trong đợt giải quyết hậu quả lũ lụt (tháng 9/1970), Huyện Đoàn huy động 2.067 đoàn viên, thanh niên lên tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi Hà Châu, An Châu, Cầu Mây, làm vượt 400 công, hoàn thành trước thời hạn 7 ngày. Tổ chức Đoàn cơ sở các cơ quan Ngân hàng, Dân - Đảng, Lâm nghiệp, Giáo dục, và các trường phổ thông cấp I, II, III có nhiều thành tích huy động đoàn viên, thanh niên tham gia các công trình thủy lợi tập trung của huyện.

Nhờ sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện mà nòng cốt là Đoàn thanh niên, nên đến tháng 12/1970, toàn huyện đã đào, đắp được 400.900 m<sup>3</sup> đất, đá để xây dựng, tu bổ các công trình thủy lợi.

Trong phong trào làm phân bón ruộng, vụ xuân 1970, đoàn viên, thanh niên trong huyện đã thả được 537,03 ha bèo hoa dâu, ủ được 252,4 tấn phân. Các tổ chức cơ sở Đoàn trong huyện còn vận động đoàn viên, thanh niên rẫy cỏ, cắt cỏ độn chuồng trâu, chuồng bò, chuồng lợn, cắt phân xanh làm phân bón ruộng. Hưởng ứng phong trào "Vết lòng sông Cầu, lấy phù sa làm phân bón" do Ban Chấp hành huyện Đoàn phát động, Đoàn thanh niên xã Lương Phú huy động trên 70 đoàn viên, lao động trong 5 ngày liền, gánh được 252 m<sup>3</sup> bùn phù sa. Đoàn thanh niên xã Đào Xá huy động đoàn viên gánh trong 3 ngày được 1.196 tấn phân bùn. Tổ chức cơ sở Đoàn các xã Thượng Đình, Úc Kỳ, Lương Sơn, huy động đoàn

viên, thanh niên gánh bùn phù sa đổ ra đồng, cải tạo đồng ruộng với chỉ tiêu mỗi tổ chức cơ sở Đoàn tham gia cải tạo một cánh đồng. Kết thúc năm 1970, cán bộ, đoàn viên, thanh niên trong huyện đã làm được 53.300 tấn phân các loại, trồng được gần 3.700kg hạt giống cây điền thanh để làm phân xanh.

Vụ mùa năm 1968, tuy có thuận lợi là máy bay địch tạm ngừng đánh phá, nhưng lại gặp khó khăn gay gắt do trận lụt từ ngày 8 đến ngày 15/8/1968 gây ra, làm ngập úng hơn 1000 ha lúa và hoa màu (có khoảng 400 ha lúa bị ngập thối hoàn toàn, phải cấy lại). Trước tình hình đó, Huyện uỷ và Ủy ban hành chính huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, cấy lại được trên 90% diện tích lúa bị ngập thối và khôi phục lại được hầu hết diện tích hoa màu bị hư hỏng.

Vụ mùa năm 1969, lúa vừa cấy xong lại bị trận lụt phá hỏng, làm hơn 148,1 ha phải cấy lại; đến thời kỳ lúa đang phát triển, trên 2.222,2 ha lúa (chiếm 30% tổng diện tích) bị sâu bệnh hoành hành. Nhằm đối phó với lũ lụt và sâu bệnh để giữ vững và phát triển sản xuất nông nghiệp, Huyện uỷ kịp thời đề ra chủ trương vận động quần chúng nhân dân đẩy mạnh thực hiện 4 cao trào "Giao thông, thuỷ lợi, phân bón và trồng cây" do Tỉnh uỷ và Ủy ban hành chính tỉnh phát động; tiến hành đợt sinh hoạt chính trị mừng thọ Bác Hồ 79 tuổi và triển khai cuộc vận động đưa Điều lệ mới vào các hợp tác xã nông nghiệp.



Sau ngày Bác Hồ từ trần (2-9-1969) theo Chỉ thị của Trung ương và Tỉnh uỷ, Đảng bộ lãnh đạo quân và dân trong huyện tiến hành một đợt hành động cách mạng, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm. Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, Đảng bộ các xã Đồng Liên, Thượng Đình, Nhả Lộng, Đào Xá lãnh đạo nhân dân tát nước chống hạn liên tục cả ngày lẫn đêm. Đảng bộ các xã Úc Kỳ, Lương Phú, Tân Đức, Dương Thành, Thanh Ninh lãnh đạo các hợp tác xã huy động hàng nghìn xã viên ra đồng bắt sâu, cứu lúa...

Nhờ có sự cố gắng của Đảng bộ và nhân dân, nên năm 1969, toàn huyện gieo, cấy và trồng được 15.302,6 ha lúa và hoa màu. So với năm 1968, cả diện tích trồng hoa màu và cây công nghiệp đều tăng (ngô tăng 27,8%, đỗ các loại tăng 17,1%, lạc tăng 78%, đậu tương 13,6%...); năng suất lúa ở các xã, hợp tác xã Hồng Kỳ tăng 35kg/ha, Lương Phú tăng 54 kg/ha, diện tích cấy giống lúa mới toàn huyện tăng 20%.

Tuy nhiên, do hạn hán kéo dài, lũ lụt, sâu bệnh xảy ra liên tiếp trên diện rộng, nên so với kế hoạch năng suất lúa của năm toàn huyện chỉ đạt 78,1%; tổng sản lượng lúa cả năm chỉ đạt 70% và chỉ bằng 95,2% so với năm 1968.

Năm 1970, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân sản xuất 3 loại cây chủ yếu là; lúa, khoai lang và lạc. Tổng diện tích cây trồng toàn huyện đạt 15.968,1 ha (tăng 462,2 ha so với năm 1969); trong đó, diện tích cấy lúa

đạt 11.590,3 ha, tăng 235,2 ha so với năm 1969. Diện tích cấy các giống lúa mới có năng suất cao (nông nghiệp 8, nông nghiệp 5, bao thai lùn, sớm lai 127) đạt 86,7 ha (gấp 23,1 lần so với năm 1969). Diện tích trồng các loại cây hoa màu tăng 0,4% so với năm 1969. Kết quả thu hoạch so với năm 1969, tổng sản lượng lương thực (cả màu quy ra thóc) tăng 5,2%, riêng sản lượng lúa tăng 21,9%. Các hợp tác xã Hồng Kỳ, Hồng Hà... đạt năng suất bình quân trên 5 tấn thóc/ha; nhiều xã và hợp tác xã khác đạt năng suất trên 4 tấn thóc/ha; năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 3,35 tấn/ha. Tại Hội nghị tổng kết công tác lãnh đạo năm 1970, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã khẳng định: Năm 1970, huyện Phú Bình đã "Giành thắng lợi to lớn, tương đối toàn diện về khâu trồng trọt. Sản xuất lương thực vụ mùa... đã giành thắng lợi chưa từng có trong vòng 10 năm nay".

Đối với ngành chăn nuôi, ngay từ cuối năm 1968, đầu năm 1969, Huyện uỷ đã lãnh đạo tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết 45 của Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ Huyện uỷ đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển chăn nuôi cho từng vùng. Nhờ đó, đàn trâu đã tăng từ 9.134 con (năm 1968), lên 9.548 con (năm 1969), 10.786 con (năm 1970); đàn bò được giữ vững (năm 1967 có 2.774 con, năm 1970 có 2.680 con). Việc phòng, chống rét và dịch bệnh cho đàn gia súc ngày càng tốt hơn. Số trâu, bò bị chết đói, chết rét và dịch bệnh giảm từ 109 con (năm 1968), xuống 32 con (năm

1969) và 27 con (năm 1970). <sup>(1)</sup>. Đàn lợn tăng từ 20.817 con (năm 1969), lên 22.999 con (năm 1970).

Về sản xuất lâm nghiệp, Đảng bộ đã coi trọng lãnh đạo các hợp tác xã thành lập các đội chuyên trồng cây, gây rừng do các cụ phụ lão đảm nhiệm. Đến năm 1970, toàn huyện đã có 88,3% các hợp tác xã trong huyện có đội chuyên trồng cây. Năm 1969, nhân dân các dân tộc trong huyện đã trồng được 2.702.000 cây các loại, phủ xanh được 800,4 ha đất trống, đồi trọc. (Trong đó, có 2.421.500 cây bạch đàn, 133.600 cây ăn quả, 147.000 cây nghệ, cây tre (So với kế hoạch đã đề ra, kết quả trồng cây ăn quả vượt 6%, trồng các cây tre, nghệ, vượt 18%. So với năm 1968, số cây trồng được năm 1969 tăng hơn gấp đôi). Trong số 800,4 ha đất trống, đồi trọc được trồng cây năm 1969, có 59,64 ha rừng quốc doanh (vượt chỉ tiêu kế hoạch 19,2%); chăm sóc và tu bổ rừng được 139,48 ha (đạt 45% kế hoạch) Các xã, hợp tác xã Úc Sơn, Bắc Lý, Tân Khánh, Dương Phú, Thanh Ninh, Dương Thành là các đơn vị điển hình tiên tiến về phong trào trồng cây, gây rừng.

Năm 1970, sản xuất lâm nghiệp của Phú Bình chỉ đạt 60% so với kế hoạch và thấp hơn so với các năm trước, nguyên nhân do thời tiết không thuận hoà cho việc gieo, ươm giống cây trồng, nên thiếu cây con. Mặt khác, về mặt lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ,

---

(1) Theo báo cáo tổng kết năm 1970 của Huyện uỷ Phú Bình, tr.3



chính quyền các cấp từ huyện xuống cơ sở chưa mạnh, trồng cây, gây rừng chưa trở thành phong trào mạnh mẽ của quần chúng nhân dân. Cấp uỷ và Ban Quản trị các hợp tác xã Hà Châu, Cấp Tiến, Tây Bắc, Hồng Hà chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và củng cố các tổ, đội trồng cây. Việc chặt cây, cuốc gốc lấy củi đun còn xảy ra khá nghiêm trọng và phổ biến ở một số nơi trong huyện.

Đảng bộ thường xuyên chú trọng lãnh đạo củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Hội nghị tổng kết phong trào 10 năm xây dựng hợp tác xã (1959-1969), do Huyện uỷ Phú Bình tổ chức năm 1969 đã khẳng định: "Phong trào hợp tác xã của huyện cơ bản được giữ vững và ổn định, nhiều hợp tác xã có xu hướng đi lên và vững mạnh". Sau Hội nghị tổng kết phong trào 10 năm xây dựng hợp tác xã, Huyện uỷ chọn xã Hương Sơn làm thí điểm triển khai Điều lệ hợp tác xã mới để rút kinh nghiệm chỉ đạo ra toàn huyện. Huyện uỷ phân công đồng chí Ngô Quang Thành (Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện) và đồng chí Dương Văn Miên (Huyện uỷ viên, Trưởng phòng Hợp tác xã) trực tiếp xuống chỉ đạo Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Hương Sơn triển khai học tập và thực hiện Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp.

Năm 1969, toàn huyện có 62 hợp tác xã nông nghiệp (có 3 hợp tác xã qui mô toàn xã), với 10.135 hộ gia đình xã viên (chiếm 87% số hộ nông dân và chiếm 86% diện

tích ruộng đất trong toàn huyện), bình quân mỗi hợp tác xã có 157 hộ xã viên và từ 200 ha đến 300 ha ruộng đất; trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ các hợp tác xã đã được nâng lên một bước. Cuối năm 1969, Đảng bộ lãnh đạo kết hợp công tác xây dựng Đảng và đưa Điều lệ Hợp tác xã mới vào thực hiện ở nông thôn với việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Đầu năm 1970, Đảng bộ tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện ba cuộc vận động lớn: Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, Cuộc vận động lao động sản xuất và Cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn, do các nghị quyết 195, 196, 197 của Trung ương đề ra. Thông qua lãnh đạo triển khai thực hiện ba cuộc vận động lớn đó, đặc biệt là Cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của xã viên ở nông thôn, quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn Phú Bình đã được mở rộng cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Xã viên được tham gia phê bình cán bộ, đảng viên về cách làm ăn, về cách quản lý hợp tác xã, được bàn bạc kế hoạch sản xuất, nên rất phấn khởi, ý thức làm chủ tập thể được phát huy; trình độ quản lý hợp tác xã của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên; nhiều hợp tác xã đã xây dựng được kế hoạch sản xuất và kinh doanh tập thể; việc xây dựng cơ sở vật chất và áp dụng kĩ thuật trong hợp tác xã được tăng cường hơn. Các hợp tác xã Tân Sơn, Thượng Đình, Liên Ngọc, Phương Độ, Nam Hà, Toàn

Thắng, Đồng Lâm có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã nông nghiệp của huyện Phú Bình cũng còn không đồng đều. Trình độ quản lý hợp tác xã của một số cán bộ, đảng viên còn quá thấp; đất đai và các tài sản khác của hợp tác xã còn bị lấn chiếm; cơ sở vật chất kĩ thuật của các hợp tác xã phát triển chậm, quản lý ngành nghề trong các hợp tác xã còn yếu, ý thức làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên và quần chúng xã viên chưa cao. Phương hướng sản xuất trong một số hợp tác xã không rõ, thậm chí một số ít hợp tác xã còn không có kế hoạch sản xuất. Xã viên trong một số hợp tác xã ở các xã Nga Mi, Diềm Thụy, Tân Thành, Tân Khánh viết đơn xin ra hợp tác xã. Các hợp tác xã Đồng Quan, Đá Bạc, Bờ Tốc, Phú Cường, Yên Thịnh tồn tại chỉ là hình thức. Cuối năm 1970, toàn huyện vẫn còn tới gần 2.000 hộ nông dân làm ăn cá thể (chiếm tỷ lệ khoảng 10% số hộ nông dân trong huyện).

Sở dĩ có tình trạng trên, là do "Việc lãnh đạo, chỉ đạo, củng cố, xây dựng phong trào hợp tác xã của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện chưa cụ thể, chưa sát và không kịp thời. Mặt nổi lên là đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các hợp tác xã thiếu gương mẫu trong lao động sản xuất, chấp hành đường lối, chính sách, chế độ, nội quy của hợp tác xã; còn quan liêu, mệnh lệnh, quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên chưa được tôn trọng"<sup>(1)</sup>.

(1) Báo cáo ngày 15-2-1971 của Huyện uỷ Phú Bình.



Về lãnh đạo hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, năm 1970, toàn huyện có 22 hợp tác xã mua bán ở 22 xã, với 16.300 xã viên, chiếm khoảng 24% dân số trong huyện, (so với năm 1961, số hợp tác xã mua bán tăng 7,4 lần, số xã viên tăng gấp 5 lần). Toàn huyện có 247 quầy hàng phục vụ nhân dân tại các xã và hợp tác xã. Mức kinh doanh của các hợp tác xã mua bán đạt 2.250.000 đồng, trong đó doanh số bán hàng công nghệ phẩm đạt 70% doanh số toàn huyện. Ngoài bán ra, một số hợp tác xã mua bán còn làm tốt việc thu mua nông sản. Tuy vậy, trong các hợp tác xã mua bán việc quản lý tài vụ chưa tốt, phần lớn các hợp tác xã mua bán bị thiếu hụt vốn, thậm chí có một số hợp tác xã hết vốn kinh doanh, phải đóng cửa; việc khai thác, thu mua nông sản của các hợp tác xã mua bán còn yếu.

Các hợp tác xã tín dụng cũng có nhiều cố gắng thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch được giao. Năm 1970, các hợp tác xã tín dụng huy động tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn đạt 97% kế hoạch, dài hạn đạt 67% kế hoạch. Số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân mỗi đầu người đạt gần 14 đồng (cao nhất so với tất cả các năm trước đây). Số vốn cho vay ngắn hạn tăng từ 33.857 đồng (năm 1961), lên 404.000 đồng (năm 1970).

Sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp trong các năm 1968, 1969 gặp nhiều khó khăn. Năm 1970, các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp mới cơ bản được ổn định, sản xuất từng bước đi vào nền nếp, tổng giá

trị sản xuất tăng 15% so với năm 1969. Tuy nhiên, do công tác 3 quản trong các hợp tác xã công nghiệp, thủ công nghiệp còn nhiều yếu kém, nên nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức; tình trạng lãng phí thời gian, nguyên vật liệu khá phổ biến; việc kí kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng còn thiếu nghiêm chỉnh. Tuy là một huyện có nhiều khả năng về ngành, nghề, có nguyên liệu phong phú, nhưng sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của Phú Bình lại phát triển chậm và còn rất lúng túng.

Các ngành Tài chính, Thương nghiệp có nhiều cố gắng phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển. Ngành Thương nghiệp cung cấp cho Ngành Nông nghiệp số lượng phân hoá học tăng 18% so với năm 1969; cung cấp cho các xã, hợp tác xã 7.540 kg thóc giống lúa mới, có năng suất cao và 9.026 kg thuốc trừ sâu.

Kết quả ba thu lương thực vụ chiêm năm 1970 tăng 25% so với cùng kỳ năm 1969. Cả năm 1970, toàn huyện ba thu lương thực đạt 2885 tấn thóc. Thu mua thực phẩm, so với kế hoạch, lợn hơi đạt 41%, trâu bò đạt 98%, gà vịt đạt 14%, cá đạt 11%, riêng trứng vịt tăng 35%. Thu mua hàng nông sản tuy so với năm 1969, nhiều chỉ tiêu đạt cao hơn, nhưng so với chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp (lạc vỏ đạt 58%, đậu đỗ các loại đạt 39%, đỗ tương chỉ đạt 13%).

Đối với công tác lãnh đạo, quản lý giá cả, thị trường, cải tạo tiểu thương, thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo tốt

các đợt học tập các chỉ thị 83, 84 của Chính phủ, Đảng bộ đã giáo dục chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, nâng cao ý thức chống mắc ngoặc, đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Giá cả thị trường trên địa bàn huyện cơ bản được ổn định; giá các mặt hàng thóc, gạo, ngô, khoai, sắn... có xu hướng giảm dần, đời sống cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân được ổn định hơn.

Lãnh đạo thu, chi ngân sách trong những năm từ 1968 đến 1970 có nhiều cố gắng. Tổng thu ngân sách năm 1969 tăng 13% so với năm 1968. Năm 1970, thu quốc doanh và hợp tác xã mua bán đạt 75%, thu thuế nông nghiệp và thuế sát sinh đạt 82,44%. Tổng chi ngân sách năm 1970 so với năm 1969 tăng 11,93%.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác lưu thông, phân phối và quản lý tài chính của cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ngành từ huyện xuống cơ sở còn chưa nhạy bén và tích cực, còn coi nhẹ khâu quản lý chỉ tiêu và quản lý kế hoạch. Do đó, cả về lương thực và thực phẩm đều không đạt chỉ tiêu thu mua.

Trong công tác chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân, những ngày mùa vụ, Phòng Y tế huyện và trạm xá các xã tổ chức khám, chữa bệnh cho nhân dân ngay tại cơ sở. Riêng 2 năm 1969, 1970 số người được khám và chữa bệnh tại trạm xá các xã là 57.992 lượt. Bệnh viện huyện từng bước được xây dựng, trang bị thêm dụng cụ y tế, phương tiện kĩ thuật; số giường bệnh tăng từ 23 chiếc



(năm 1968), lên 30 chiếc (năm 1970). Hai năm 1969, 1970 số người được khám, chữa bệnh tại bệnh viện huyện lên tới 21.474 lượt, trong đó số người được trực tiếp điều trị là: 6974 lượt. Trong công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân, tuy thuốc men và phương tiện khám, chữa bệnh còn thiếu nhiều, nhưng cán bộ, nhân viên ngành Y tế đã khắc phục khó khăn, phục vụ nhân dân đạt kết quả tốt.

Công tác giáo dục có nhiều cố gắng duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Giáo dục phổ thông tiếp tục được phát triển mạnh. So với năm học 1967- 1968, năm học 1968-1969, các trường phổ thông tăng 18 lớp và 1000 học sinh (cấp I tăng 12 lớp, 650 học sinh; cấp II tăng 4 lớp, 250 học sinh; cấp III tăng 2 lớp, 100 học sinh). Toàn huyện có 387 lớp và 16.254 học sinh phổ thông.

Năm học 1969-1970, toàn huyện có 22 trường phổ thông cấp 1, với 281 lớp, 12.036 học sinh và 315 giáo viên; 11 trường phổ thông cấp 2, với 94 lớp, 4.410 học sinh và 139 giáo viên; 1 trường phổ thông cấp 3 với 15 lớp, 695 học sinh và 31 cán bộ, giáo viên.

Giáo dục bổ túc văn hoá và mẫu giáo tiếp tục phát triển. Năm học 1968-1969, toàn huyện có 73 lớp bổ túc văn hoá, 2.201 học viên; năm học 1969-1970 tăng thêm 4 lớp. Năm 1970, Phòng Giáo dục huyện tổ chức thành lập Trường Thanh niên vừa học vừa làm, gồm 1 lớp cấp 1, với 19 học sinh và 2 lớp cấp 2, với 41 học sinh. Giáo dục mẫu giáo cũng có bước phát triển mạnh. Số lớp học

và học sinh mẫu giáo tăng từ 162 lớp, 5.000 cháu (năm 1968), lên 178 lớp, 5928 cháu (năm 1969). Năm 1970 so với năm 1969, số lớp mẫu giáo tăng 10%, số học sinh tăng 15%.

Tuy nhiên, do "chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên còn yếu, cơ sở vật chất kĩ thuật đảm bảo cho việc dạy và học còn ít. Vì thiếu giáo viên, nên nhiều cháu trong độ tuổi đi học không được đến trường. Có trường lớp, thầy, cô giáo còn lợi dụng lao động của học sinh để làm cho cá nhân mình"<sup>(1)</sup>. Chất lượng giáo dục phổ thông năm học 1969-1970 so với năm học trước, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp I giảm 16%, cấp II giảm 33%, cấp III giảm 17,2%.

Một trong những thành tựu nổi bật của Đảng bộ Phú Bình trong những năm 1968-1970 là đã lãnh đạo tốt công tác động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam năm 1968, sau Tết Mậu Thân còn kéo dài thêm hai đợt nữa. Tuy có giành được thắng lợi to lớn, toàn diện, chưa có năm nào trước đó đạt tới, nhưng do "quân địch đã chuyển chiến lược, ra sức thực hiện biện pháp quét và giữ, kéo quân về phòng thủ dày đặc các tuyến thành, thị. Yếu tố bất ngờ của ta không còn nữa", nên "Sức của ta đã hao mòn và giảm sút đi nhiều, cơ sở chính trị bộc lộ và bị tan rã, căn cứ đứng

---

(1) Báo cáo tổng kết năm 1970 của Huyện uỷ Phú Bình.

chân của ta ở các vùng nông thôn lại bị bỏ lỏng"<sup>(1)</sup>, ta bị "tổn thất, mất đất, mất dân, thương vong nhiều, ảnh hưởng kéo dài nhiều đến những năm sau"<sup>(2)</sup>.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện lực lượng của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam trở nên to lớn hơn bao giờ hết. Tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành phố trên miền Bắc, do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968, Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ thị "Công tác động viên tuyển quân là công tác trọng tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định".

Năm 1968, huyện Phú Bình được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân lớn gấp 1,9 lần năm 1965, 1,24 lần năm 1966 và 2,72 lần năm 1967. Mặt khác, công tác tuyển quân năm 1968 lại có nhiều khó khăn mới. Qua các đợt tuyển quân liên tục từ năm 1965 đến năm 1967 với trên 2000 người nhập ngũ, lực lượng dự bị của huyện Phú Bình đã cạn dần. Trong khi đó, tiêu chuẩn tuyển quân năm 1968 lại đòi hỏi đối tượng chủ yếu là thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; rất hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ ba con trở lên và những người gia đình có nhiều khó khăn.

(1) Hoàng Dũng: Tết Mậu Thân bước ngoặt quyết định. Tạp chí NCLSQS số 1/1968, tr. 15, 16.

(2) Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, NXB QĐND, H. 1997, tr. 125.



Mặt khác, do chiến tranh ác liệt kéo dài, trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt trong một số thanh niên đã bắt đầu xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ, hy sinh, không muốn đi bộ đội, "... tình trạng chống lệnh, đảo ngũ, thoái thác nghĩa vụ quân sự lẻ tẻ xuất hiện ở nhiều xã" <sup>(1)</sup>.

Để khắc phục tình trạng đó, ngày 4-3-1968, Huyện uỷ Phú Bình ra Nghị quyết nhấn mạnh "Tăng cường giáo dục cho toàn Đảng, toàn dân trong huyện nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc; làm tốt công tác tuyển quân với khẩu hiệu "Gạo không thiếu một cân, quân không thiếu một người", bất kì trong hoàn cảnh nào cũng phải động viên tuyển quân đủ số lượng".

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ, Huyện Đoàn thanh niên và Ban chỉ huy Huyện đội đã nhanh chóng đề ra nội dung, kế hoạch hướng dẫn, giáo dục về tình hình nhiệm vụ mới và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, đặc biệt cho thanh niên. Phòng Văn hoá - Thông tin đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ. Các ngành Y tế, Công an phối hợp làm tốt công tác khám tuyển và xét duyệt chính trị; các ngành Lương thực, Thực phẩm, Thương nghiệp làm tốt công tác bảo đảm cơ sở vật chất cho công tác tuyển quân. Cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp làm tốt công tác hậu phương

---

(1) Nghị quyết số 10 ngày 4-3-1968 của Huyện uỷ Phú Bình.

quân đội, thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội, đặc biệt là gia đình bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường B, C... Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện (do đồng chí Nguyễn Văn Thiện, Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện làm Chủ tịch) họp bàn các biện pháp chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên.

Hưởng ứng phong trào "Ngày hội thanh niên tòng quân chống Mỹ cứu nước" do Tỉnh Đoàn phát động, Huyện Đoàn Phú Bình tổ chức ngày "Hội thanh niên tòng quân" thu hút 3.500 đoàn viên, thanh niên tham gia.

Đầu tháng 6-1968, Huyện uỷ quyết định tạm hoãn tất cả các hội nghị trong huyện để tập trung cán bộ xuống cơ sở làm công tác tuyên truyền, vận động tuyển quân. Các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Huyện uỷ trực tiếp xuống các xã nắm tình hình và lãnh đạo công tác tuyển quân. Tại các xã Hà Châu, Nga My, các đồng chí trong Đảng uỷ và Ủy ban hành chính xã phân công nhau đi xuống các hợp tác xã, các xóm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Nhờ cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục, động viên nhân dân thực hiện nghĩa vụ quân sự, nên năm 1968, Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân trên giao.

Qua 3 đợt tuyển quân năm 1968, Đảng bộ đã lãnh đạo, động viên được 1.227 người con ưu tú của quê hương vào

bộ đội đánh Mỹ, vượt chỉ tiêu trên giao 0,57%. Trong số 1.227 người con ưu tú của Phú Bình vào bộ đội đánh Mỹ năm 1968, có 16,8% là đảng viên (cao nhất tỉnh về tỉ lệ đảng viên trong số người nhập ngũ). Nếu tính từ năm 1965 đến năm 1968, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo, huy động được 5,1% dân số vào bộ đội, đứng thứ hai các huyện, thành phố trong tỉnh. Với những thành tích trên, năm 1968, huyện Phú Bình đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Giấy khen.

Năm 1969, Phú Bình tuyển được 207 người vào bộ đội, đạt 96% chỉ tiêu về quân số và 100% chỉ tiêu về chất lượng. Đảng bộ các xã Lương Sơn, Bảo Lý, Tân Đức... lãnh đạo tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nên có tới 1/3 số gia đình đảng viên ở các xã này làm đơn xin cho con được nhập ngũ.

Năm 1970, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, triển khai tốt việc khen thưởng gia đình quân nhân, xử lý nghiêm khắc các trường hợp cán bộ, đảng viên xâm phạm hạnh phúc gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường; tổ chức 3 lớp giáo dục tư tưởng và cải tạo lao động cho 64 quân nhân đảo ngũ về địa phương (có 21 người đã trở lại đơn vị, 43 người tự giác đi lao động tập trung ở các đội thủy lợi chủ lực của huyện). Năm 1970, toàn huyện tuyển được 290 người vào bộ đội, cơ bản đạt được chỉ tiêu tỉnh giao cả về số lượng và chất lượng (đợt tháng 8 năm 1970, toàn huyện giao quân vượt chỉ tiêu 3%). Bên cạnh các xã



Bảo Lý, Lương Phú, Lương Sơn điển hình tiên tiến trong công tác tuyển quân, năm 1970, Phú Bình vẫn còn một số "xã trắng" không tuyển được người nào vào bộ đội.

Trong công tác xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương: năm 1969, 100% các trung đội, tiểu đội dân quân du kích và 80% các trung đội tự vệ đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Qua kiểm tra của Huyện đội, dân quân các xã Lương Phú, Tân Thành, Tân Khánh, Bảo Lý, Hà Châu và tự vệ các cơ quan huyện đạt đơn vị giỏi toàn diện cả về xây dựng lực lượng và huấn luyện quân sự.

Năm 1970, tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số toàn huyện đạt 13%; 70% đảng viên trong Đảng bộ và 95% đoàn viên thanh niên trong huyện tham gia lực lượng dân quân, tự vệ. Trong lực lượng dân quân, tự vệ số nữ chiếm tỉ lệ 55%. Hầu hết các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ đã cử cấp ủy viên sang phụ trách lực lượng dân quân, tự vệ. Lực lượng dân quân xã Lương Phú, Trung đội dân quân xóm Xuân La (xã Xuân Phương), Trung đội tự vệ Xí nghiệp bán lẻ đã được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng.

Trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện Nghị quyết (số 08 ngày 4-3-1968) của Huyện ủy, trong những năm từ 1968 đến 1970, Đảng bộ chú trọng đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng tổ chức Đảng và đảng viên 4 tốt. Năm 1968, trong số 101 chi bộ của toàn Đảng bộ, có 24 chi bộ 4 tốt, 50 chi bộ khá, 27 chi bộ trung bình; trong số 327 tổ Đảng, có 84 tổ 4 tốt, 131 tổ khá, 89 tổ trung bình

và 23 tổ kém; trong số 2.065 đảng viên, có 697 đảng viên 4 tốt, 675 đảng viên khá, 590 đảng viên trung bình và 103 đảng viên kém; so với năm 1967, số đảng viên 4 tốt tăng 48 đồng chí, số đảng viên khá giảm 54 đồng chí, số đảng viên trung bình tăng 110 đồng chí, số đảng viên kém giảm 3 đồng chí.

Đầu năm 1969, Huyện uỷ kết hợp tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1968, với việc mở rộng đợt sinh hoạt chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" (đợt 2), cho trên 100 đồng chí là cán bộ chủ chốt trong Đảng bộ từ chi uỷ trở lên. Tiếp đó, ngày 6-5-1969, Huyện uỷ ra Nghị quyết mở đợt sinh hoạt chính trị "Học tập nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, mừng thọ Bác Hồ 79 tuổi (19/5/1890-19/5/1969)", thời gian từ ngày 10 đến ngày 30/5/1969.

Sau ngày Bác Hồ từ trần (2/9/1969), hưởng ứng lời kêu gọi của Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh "Quyết biến đau thương thành hành động cách mạng, dùng cảm tiến lên tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Người", Huyện uỷ mở đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ, quân và dân trong huyện. Đợt sinh hoạt chính trị này được triển khai sâu rộng, thu hút trên 90% cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tham gia. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, nhận thức tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên về lập trường, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng được nâng thêm một bước. Tổ chức cơ sở Đảng được

củng cố, các cấp uỷ Đảng được kiện toàn. Trong số 208 cấp uỷ viên ở 14 đảng uỷ, 39 chi uỷ hết nhiệm kì được bầu lại, có 116 đồng chí trẻ, 91 đồng chí là nữ. Kết quả bình xét, phân loại đảng viên năm 1969 toàn Đảng bộ có 693 đảng viên đạt 4 tốt (bằng 34%), 647 đảng viên đạt khá (bằng 32%), (chỉ tiêu đầu năm Huyện uỷ đề ra là 80% đảng viên đạt 4 tốt và khá). Trong số 22 đảng bộ cơ sở xã, thị trấn không có đảng bộ nào đạt 4 tốt. Trong số 24 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ có 7 chi bộ 4 tốt, 14 chi bộ khá, 3 chi bộ trung bình. Trong số 88 chi bộ trực thuộc các đảng bộ cơ sở, có 16 chi bộ 4 tốt, 33 chi bộ khá, 34 chi bộ trung bình và 5 chi bộ kém. So với năm 1968, số tổ Đảng 4 tốt giảm 42,85%, số tổ Đảng khá giảm 7,6%, số đảng viên 4 tốt giảm 4 đồng chí, số đảng viên khá giảm 28 đồng chí, số đảng viên trung bình tăng 15 đồng chí, số đảng viên kém giảm 4 đồng chí.

Trên cơ sở những thành tích đã đạt được trong công tác xây dựng Đảng những năm 1968-1969, ngày 27-1-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII được khai mạc, với sự có mặt của 138 trên tổng số 145 đại biểu được triệu tập. Sau ba ngày làm việc, Đại hội đã thảo luận đánh giá thành tích và khuyết điểm của Đảng bộ trong nhiệm kì trước, đề ra phương hướng và nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ năm 1970 và các năm tiếp theo. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIII gồm 20 uỷ viên chính thức và 3 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Dương



Văn Thor được bầu lại làm Bí thư và các đồng chí Nguyễn Văn Thiện, Ngô Quang Thành được bầu lại làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Sau đại hội Đảng bộ, Huyện uỷ Phú Bình tập trung lãnh đạo đợt học tập và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (hợp từ ngày 21-5 đến 3-6-1970) và tiếp tục triển khai Ba cuộc vận động lớn do Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra. Từ 80% đến 90% đảng viên ở đảng bộ các xã Lương Phú, Hương Sơn, Nhả Lộng, Bảo Lý, Úc Kỳ, Thượng Đình, Hà Châu, Tân Khánh... đã tham gia nghiên cứu học tập một cách nghiêm túc. Những cán bộ, đảng viên vi phạm sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng được kịp thời xử lý. Năm 1970, trong Đảng bộ đã có 56 đảng viên bị xử lý kỉ luật (có 28 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng, 7 đảng viên bị lưu Đảng, 4 đảng viên bị cách chức, 17 đảng viên bị cảnh cáo).

Đợt học tập chính trị đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong toàn Đảng bộ. Nhiều cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện tốt nghĩa vụ bán nông sản, thực phẩm cho Nhà nước; sẵn sàng động viên chồng, con lên đường nhập ngũ; tích cực lao động sản xuất với xã viên. Phong trào thi đua lao động sản xuất được đẩy mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 1971, toàn huyện cấy được 420 mẫu lúa chiêm xuân, (có 209 mẫu được cấy giống lúa xuân có năng suất cao), Hợp tác xã Hồng Kỳ có gần 100% diện tích được cấy lúa xuân. Sản lượng lúa chiêm xuân năm

1971 tăng 320 tấn so với năm 1970. So với năm 1969, diện tích khoai sọ tăng 73,2%, đỗ các loại tăng 18,3%, sắn tăng 16,9%, lạc tăng 12,2%, đàn trâu, bò tăng 490 con, đàn lợn thịt tăng 960 con.

Thông qua cuộc vận động "Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên nông thôn" kết hợp với việc đưa Điều lệ hợp tác xã mới vào hợp tác xã nông nghiệp, quyền làm chủ tập thể của xã viên trên các mặt đã được tăng cường và tôn trọng hơn. Trong sản xuất và phân phối, ở nhiều hợp tác xã, Ban Quản trị đã thực hiện dân chủ bàn bạc với xã viên xây dựng kế hoạch sản xuất, phân phối và quản lý tài sản của hợp tác xã. Sáu tháng đầu năm 1971, cán bộ, đảng viên ở các hợp tác xã đã gương mẫu, thanh toán công nợ, trả cho tập thể hơn 100.000 đồng.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo thực hiện cuộc vận động "Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lóp Hồ Chí Minh" còn có hạn chế. Tính đến tháng 6-1971, toàn Đảng bộ mới kết nạp được 24 đảng viên mới.

Nhằm tiếp tục lãnh đạo cán bộ và nhân dân thực hiện tốt Ba cuộc vận động lớn do Trung ương phát động, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (hợp từ ngày 11 đến ngày 14-5-1971) đã ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân trong huyện "Ra sức phát triển mạnh mẽ lương thực, thực phẩm, trồng cây và phát triển ngành nghề. Đảm bảo đầy đủ lương thực, thực phẩm, nông sản, lao động đóng góp nghĩa vụ đối với nhà nước,

đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đảm bảo cho cán bộ và nhân dân trong huyện đủ ăn và từng bước có tích lũy".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIV gồm 20 uỷ viên chính thức và 3 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Thor tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Bí thư và các đồng chí Ngô Quang Thành, Nguyễn Văn Thiện được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Vụ mùa năm 1971, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo nhân dân chống lụt, chống sâu bệnh, động viên nhân dân giúp nhau cấy lại hết diện tích lúa bị ngập thối, hạn chế được nhiều thiệt hại do lũ lụt gây ra, năng suất lúa bình quân mỗi ha đạt 1.436 kg; tổng sản lượng lương thực đạt 17.556 tấn.

Từ những tháng cuối năm 1971, việc quản lý đặc biệt là việc chấp hành chính sách phân phối trong các hợp tác xã không nghiêm chỉnh, dẫn tới thiếu công bằng, bất hợp lý; tài sản của các hợp tác xã ở nhiều nơi bị hư hao, mất mát; ruộng đất bị lấn chiếm bằng nhiều hình thức. Kinh tế tập thể bị co hẹp lại, kinh tế cá thể tăng lên. Số xã viên xin ra hợp tác xã ngày càng tăng, số hợp tác xã tan vỡ ngày càng nhiều. Số hộ xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp liên tục giảm từ 87% (năm 1970), xuống còn 75% (cuối năm 1971), 67,5% (8-1972). Đến tháng 9-1972, các xã Diêm Thụy, Đào Xá không còn hợp tác xã, trở thành "xã trắng". Tình hình



đó dẫn đến sản xuất không phát triển, "năng suất và tổng sản lượng lương thực tăng, giảm thất thường và cứ tụt dần xuống, đời sống nhân dân chưa vững chắc, một số khó khăn do thu nhập thấp. Thực hiện các nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ quân sự rất khó khăn, có đợt, có năm không hoàn thành"<sup>(1)</sup>.

Nguyên nhân dẫn đến tình hình trên là do "Công tác lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ thiếu thống nhất, nội bộ Ban Thường vụ Huyện uỷ không đoàn kết, do đó không làm được nhiệm vụ trung tâm đoàn kết của các cấp uỷ, tác dụng tập hợp cán bộ đoàn kết xung quanh Huyện uỷ bị hạn chế; các cấp bộ Đảng cơ sở, các cơ quan xung quanh huyện không có được chỗ dựa vững chắc, lòng tin đối với cấp uỷ giám sát.

Một số đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ nắm nội dung tinh thần Nghị quyết 195 chưa vững. Còn có những hiện tượng thiếu hương mẫu trong việc chấp hành một số chủ trương, chính sách lớn của Đảng như các vấn đề hợp tác hoá, ruộng đất, nghĩa vụ quân sự, thực phẩm... hoặc có những hiện tượng thuộc về ý thức tổ chức, tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước quần chúng nhân dân chưa cao. Thái độ, tác phong, lề lối làm việc của một số đồng chí thiếu thận trọng".<sup>(2)</sup>

---

(1), (2) Chi thị số 23 CT/BT ngày 16-10-1972 của Tỉnh uỷ Bắc Thái: "Huyện uỷ Phú Bình tổ chức kiểm điểm phê bình, tự phê bình sửa chữa khuyết điểm, khắc phục khó khăn để đưa phong trào của huyện tiến lên"

Trước tình hình đó, ngày 16-10-1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị cho Huyện uỷ Phú Bình phải "Tiến hành kiểm điểm thật sâu sắc, đề ra được phương hướng tiến lên rõ ràng cả về các mặt xây dựng Đảng, về phong trào hợp tác hoá và các mặt công tác khác, đồng thời có kế hoạch cụ thể và kiên quyết sửa chữa mọi khuyết điểm".

Chấp hành Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tháng 11-1972, Huyện uỷ Phú Bình tổ chức Hội nghị kiểm điểm. Hội nghị đã biểu thị sự nhất trí với Bản báo cáo do đồng chí Bí thư Huyện uỷ trình bày, khẳng định những thành tích, ưu điểm và nghiêm khắc phê phán những mặt yếu kém của Đảng bộ trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế- xã hội ở địa phương. Trên cơ sở đó, Hội nghị thông qua phương hướng khắc phục gồm 6 điểm chính:

- 1- Mỗi đồng chí cấp uỷ phải ra sức học tập để nắm vững đường lối, chính sách, nguyên tắc của Đảng, nắm vững tinh thần, ý nghĩa, nội dung các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên.

- 2- Triệt để thi hành chủ trương, đường lối, chính sách, nguyên tắc của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, nhất là nguyên tắc tập trung, dân chủ, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

- 3- Tăng cường đoàn kết nhất trí cao trên cơ sở đường lối, chính sách, nguyên tắc của Đảng, xuất phát từ tình đồng chí, thương yêu, giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

4- Tăng cường công tác 5 quản trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, thường xuyên chú ý về tư tưởng và hành động cách mạng và tăng cường công tác sinh hoạt, đấu tranh phê bình, tự phê bình, giúp đỡ lẫn nhau tiến bộ.

5- Mỗi cán bộ, đảng viên phải tự nguyện, tự giác cao, gương mẫu trong công tác, sinh hoạt; phê bình và tự phê bình trung thực, thật thà nghiêm khắc với mình và tận tình giúp đỡ đồng đội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

6- Đánh giá đúng đắn chất lượng đảng viên và phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Sau Hội nghị này, những mặt hạn chế, thiếu sót của Đảng bộ đã từng bước được khắc phục. Công tác hậu phương quân đội được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tốt hơn. Nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 1971, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tổ chức gặp mặt gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường B, C. Tại xã Bảo Lý, các trường phổ thông cấp I, cấp II đã ưu tiên giảm tiền học phí, giảm tiền đóng góp xây dựng trường cho con bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường; ngoài việc điều hoà lương thực theo quy định chung, các hợp tác xã trong xã còn cho một số gia đình bộ đội B, C gặp khó khăn vay thóc và huy động dân quân, xã viên đến làm nhà giúp... Bảo Lý trở thành đơn vị điển hình tiên tiến của huyện trong công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội.

Do làm tốt công tác hậu phương quân đội, nên năm



1971, nhân dân các dân tộc Phú Bình đã động viên được 377 con, em vào bộ đội và năm 1972 lại động viên tiếp được 868 người lên đường đánh Mỹ (đứng thứ 2 các huyện, thành phố trong tỉnh về số lượng nhập ngũ trong hai năm 1971,1972). Con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình lên đường nhập ngũ đã có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương. Năm 1972, sau chiến dịch Xuân - Hè của quân và dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam và liêu linh huy động lực lượng lớn không quân và hải quân gây lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt công tác phòng không, sơ tán. Các ban phòng không nhân dân, y tế phòng không từ huyện xuống các xã nhanh chóng được củng cố, kiện toàn; hệ thống hầm, hào được tu sửa và làm thêm; các khu vực trọng điểm, các khu tập trung đông người được tổ chức sơ tán triệt để. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân, dân Phú bình đã góp phần cùng quân, dân trong tỉnh và quân, dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ (từ ngày 6/4 đến ngày 31/12/1972), làm nên một "Điện Biên Phủ trên không" (từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972) ngay tại vùng trời Thủ đô Hà Nội, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (ngày 27/1/1973).

### III- GÓP PHẦN CÙNG VỚI QUÂN VÀ DÂN CẢ NƯỚC ĐỒNG SỨC CHI VIỆN MIỀN NAM ĐÁNH THẮNG HOÀN TOÀN GIẶC MỸ XÂM LƯỢC (1973-1975).

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, đế quốc Mỹ rút quân viễn chinh và quân chủ hầu về nước, quân và dân ta hoàn thành mục tiêu đánh cho Mỹ cút. Ở miền Bắc, chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ chấm dứt. Cùng với nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh nói riêng, miền Bắc nói chung, nhân dân Phú Bình được sống trong hoà bình. Ở miền Nam, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức phá hoại Hiệp định Pari, bất chấp lệnh ngừng bắn, xua quân đi thực hiện kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", nên quân dân miền Nam còn phải tiếp tục chiến đấu, thực hiện thắng lợi mục tiêu "đánh cho nguỵ nhào" theo lời dạy của Bác Hồ.

Thực hiện Chỉ thị ngày 12-3-1973 của Tỉnh uỷ Bắc Thái "Tăng cường giáo dục tình hình và nhiệm vụ mới. Không ngừng đề cao cảnh giác, hoàn thành mọi nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến" và hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng "Ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hoà bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc", Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, tiếp tục triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

Bắc Thái lần thứ nhất. Hai năm 1973-1974, Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp trong điều kiện phong trào hợp tác xã trên địa bàn huyện không ổn định, cơ sở vật chất, kĩ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế.

Quán triệt Nghị quyết 33 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái "Về xây dựng và củng cố phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp", Huyện uỷ Phú Bình ra Nghị quyết "Tăng cường củng cố, xây dựng Đảng và hợp tác xã nông nghiệp", chỉ rõ "Phải gắn việc khôi phục, củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp với việc củng cố chi bộ, giáo dục đảng viên, tích cực động viên quần chúng tham gia khôi phục, củng cố hợp tác xã".

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện cử 50 cán bộ các cơ quan ban, ngành, đoàn thể ở huyện xuống trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ các cơ sở xây dựng và củng cố hợp tác xã. Kết quả, năm 1973, toàn huyện khôi phục được 9 hợp tác xã, đưa 1.500 hộ nông dân trở lại làm ăn tập thể, xoá "xã trắng" về hợp tác xã, đưa tỉ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã từ 62,2% (năm 1972), tăng lên 70%. Toàn huyện có trên 30 hợp tác xã hoàn thành việc kiểm kê, quyết toán, được quần chúng xã viên phấn khởi, tin tưởng.

Trên cơ sở khôi phục, củng cố hợp tác xã, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã đẩy mạnh việc đưa các giống lúa mới, có năng suất cao vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất và sản lượng lương



thực của huyện không ngừng tăng lên. Số cơ sở đạt 5 tấn thóc/ha tăng từ 4 hợp tác xã (năm 1972), lên 5 hợp tác xã (năm 1973) Hợp tác xã Hồng Kỳ 3 năm liền (1972, 1973, 1974) đạt năng suất 5 tấn thóc/ha. Các hợp tác xã Nam Hà, Xuân La, Phương Độ, Định Sơn, Hoa Sơn, Lương Phú, Quyết Thắng, Cầu Thịnh là các hợp tác xã tiên tiến và khá của huyện. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện cũng tăng từ 21.937 tấn (năm 1972), lên 22.619 tấn (năm 1973), 23.756 tấn (năm 1974). Hai năm 1973-1974, Phú Bình đạt tổng sản lượng lương thực cao nhất so với các năm trước đó. Bên cạnh cây lúa, sản lượng ngô cũng tăng từ 19% lên 54%, diện tích và sản lượng khoai lang được giữ vững, diện tích trồng lạc tăng từ trên 400 ha (năm 1973), lên gần 500 ha (năm 1974). Trồng lạc đã phát triển thành phong trào rộng rãi của nhân dân trong huyện. Diện tích trồng các loại đậu, đỗ và rau xanh tăng bình quân hàng năm 10,6%. Chăn nuôi gia súc, gia cầm có bước phát triển khá. Đàn lợn tăng từ 23.970 con (năm 1973), lên 24.304 con (năm 1974). Trong đó, đàn lợn tập thể tăng từ 897 con (năm 1973), lên 953 con (năm 1974). Đàn bò năm 1974 tăng 281 con so với năm 1973. Riêng đàn trâu năm 1973 so với năm 1972 có tăng chút ít, nhưng năm 1974 so với năm 1973 lại giảm 187 con. Phong trào uôm, thả và nuôi cá được giữ và phát triển ở nhiều nơi.

Tuy nhiên, số hộ nông dân trong các hợp tác xã nông nghiệp cũng chỉ dừng lại ở tỷ lệ trên 70% (các năm 1973, 1974), vì ở các xóm Hồng Hà (xã Hà Châu), Phú Cường

(xã Đào Xá), Đá Bạc, Đông Quan, Bờ Tắc (xã Bàn Đạt) và nhiều nơi khác... chưa khôi phục được hợp tác xã. Trong các hợp tác xã đã được khôi phục và củng cố, việc quản lí các tư liệu sản xuất chủ yếu ở nhiều hợp tác xã (ruộng đất, trâu, bò) còn bị buông lỏng. Công tác quản lí, phân phối, ăn chia trong nhiều hợp tác xã chưa tốt, cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu thực hiện, cấp uỷ thiếu trách nhiệm, chưa nghiêm khắc và còn hữu khuynh trong tổ chức thực hiện, đời sống xã viên gặp khó khăn, nên lại xin ra hợp tác xã.

Hoạt động của hợp tác xã mua bán cơ bản vẫn được giữ vững, một số cơ sở có tiến bộ. Các hợp tác xã mua bán ở các xã Tân Đức, Lương Phú, Kha Sơn, Xuân Phương, Tân Thành, Úc Kỳ phát huy tốt chức năng phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, có nhiều tiến bộ so với những năm trước. Năm 1974, toàn huyện có 18.327 xã viên hợp tác xã mua bán, so với năm 1972, tăng 1.937 xã viên. Kết quả hoạt động so với kế hoạch, hàng công nghệ phẩm mua vào vượt 18,3%, bán ra vượt 7%, hàng tự doanh vượt 28,7%; so với năm 1973, doanh số mua vào, bán ra của cơ sở mua, bán huyện tăng 30.000 đồng.

Các hợp tác xã Tín dụng - Ngân hàng có nhiều cố gắng vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm. Số tiền gửi tiết kiệm bình quân mỗi đầu người trong huyện tăng từ 14,7 đồng (năm 1972), lên 15 đồng (năm 1973), và 16,9 đồng (năm 1974). Các xã Lương Sơn, Lương Phú, Xuân Phương, Kha Sơn, Nhà Lộng đạt bình quân mỗi người

gửi tiền tiết kiệm trên 20 đồng. Công tác tài chính, ngân hàng 2 năm 1973, 1974 đều vượt chỉ tiêu kế hoạch 10%.

Sản xuất thủ công nghiệp, giao thông, vận tải, thủy lợi có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về nguyên, nhiên, vật liệu, đảm bảo giữ vững và phát triển. Năm 1973, Xí nghiệp gốm sứ hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 1 tháng, được Ủy ban hành chính tỉnh tặng lẵng hoa. So với kế hoạch, tổng giá trị sản lượng sản xuất thủ công nghiệp tăng từ 82,2% (năm 1973), lên 97% (năm 1974). Giao thông vận tải được củng cố và phát triển. Toàn huyện sửa chữa và rải đá cấp phối được 24 km trên 3 tuyến đường trục: Cầu Ca- Lữ Vân, Cầu Mây- Tân Kim và Cầu Mây - Yên Thịnh; sửa chữa 13 cầu treo, đặt 181 tầm cống trên các trục đường giao thông nông thôn. Các xã Lương Phú, Nhà Lộng, Tân Hoà, Tân Khánh... huy động được 77.159 công, đào đắp 72.540 m<sup>3</sup> đất, đá và chi hơn 30.000 đồng để làm và sửa chữa đường giao thông. Giao thông vận tải phát triển đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, đời sống sinh hoạt và đi lại của nhân dân.

Trong công tác thủy lợi, hai năm 1973, 1974, toàn huyện đào, đắp được 4 hồ, đập chứa nước mới; sửa chữa, tu bổ 33 hồ, đập cũ và 34 muong, máng dẫn nước, lắp 2 máy bơm nước tự động, xây 7 kè, cống mới với khối lượng đào, đắp trên 39.180m<sup>3</sup> đất, đảm bảo nước tưới cho hơn 3.699 ha lúa vụ đông xuân.

Ngành Thương nghiệp có nhiều biện pháp khắc phục



khó khăn về phương tiện vận chuyển, đảm bảo phục vụ tốt đời sống của gần 80.000 cán bộ và nhân dân trong huyện. Các mặt hàng thiết yếu (vải, dầu đốt, muối, thuốc men...) phục vụ đời sống nhân dân và mặt hàng phân hoá học phục vụ sản xuất nông nghiệp, vẫn được đảm bảo. Số lượng phân hoá học phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 1974 so với năm 1973, đạm tăng 22,7%, lân tăng 62,9%, vôi tăng 37,4%, thuốc trừ sâu tăng 21%.

Tổng sản lượng lương thực, thực phẩm tăng, nhân dân các dân tộc Phú Bình có điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt khẩu hiệu "thóc không thiếu một cân", làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện tiền tuyến. Năm 1973, nhân dân các dân tộc Phú Bình đóng góp cho Nhà nước được 4050 tấn lương thực, tăng 7,2% so với năm 1972 và tăng 85,7% so với năm 1971. Năm 1974, toàn huyện nhập kho được 2700 tấn lương thực, đạt 74% so với kế hoạch.

Về thực phẩm, năm 1973, nhân dân Phú Bình bán cho Nhà nước được 223.736 kg thịt lợn hơi, vượt 6% so với kế hoạch, tăng 35% so với năm 1970, so với các năm 1971, 1972 tăng từ 4,6% đến 28%. Ngoài ra, năm 1973 nhân dân các dân tộc trong huyện còn bán cho Nhà nước được 47.884 kg hàng nông sản, thực phẩm.

Đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc trong huyện được ổn định, nạn đói giáp hạt cơ bản đã được xoá bỏ. Năm 1973, tổng thu ngân sách toàn

huyện đạt 858.911 đồng, vượt 6,6% kế hoạch. Tổng chi ngân sách đạt 497.076 đồng, tăng 5,8% so với năm 1972.

Năm 1974, tổng thu ngân sách vượt chỉ tiêu 6,1%, tổng chi ngân sách đạt 95,1%. Sở dĩ năm 1974, Phú Bình có được tình hình tăng thu, giảm chi là do Đảng bộ lãnh đạo công tác quản lý, phân phối tiền vốn từng bước đi vào nề nếp, xác định được đồng vốn tập trung vào khâu chủ yếu, đồng thời chủ động cân đối giữa thu và chi, hạn chế được những khoản chi không đúng mục đích.

Trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc phòng bệnh, nhất là phòng các bệnh dịch tả, cúm, đậu mùa, sởi được chú ý hơn. Năm 1973, toàn huyện có 3.281 lượt người được khám bệnh, 2.665 lượt người được điều trị khỏi bệnh; so với năm 1972, số người được khám và chữa bệnh tăng 20%.

Công tác giáo dục tuy có khó khăn về trường lớp, bàn ghế, nhưng được cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, các thầy, cô giáo cố gắng khắc phục khó khăn, phụ huynh học sinh tích cực đóng góp xây dựng, nên vẫn được giữ vững và phát triển. Năm 1974, giáo dục phổ thông toàn huyện về cấp I có 311 lớp, 12.200 học sinh; cấp II có 115 lớp, 4832 học sinh; cấp III có 16 lớp, 760 học sinh. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 169 lớp mẫu giáo, vỡ lòng, với 4.495 cháu học sinh. Năm 1974, số học sinh phổ thông chiếm tỷ lệ 24% so với dân số và tăng 1,3% so với năm 1973.

Ngành Bưu điện hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, phục vụ cấp uỷ, chính quyền các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế- văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trật tự trị an và động viên tuyển quân chi viện chiến trường.

Với tinh thần "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", Đảng bộ huyện Phú Bình đã lãnh đạo, động viên nhân dân thực hiện tốt khẩu hiệu "Quân không thiếu một người". Hai năm 1973, 1974 và 5 tháng đầu năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong huyện đã động viên được trên 1.220 con, em ưu tú của mình vào bộ đội<sup>(1)</sup>. Kết quả công tác tuyển quân năm 1973 so với năm 1971 tăng 40%, so với năm 1970 tăng 60%.

Các xã Lương Phú, Tân Đức, Hương Sơn, Thượng Đình, Bảo Lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân, chi viện chiến trường, được Quốc hội, Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba<sup>(2)</sup>.

Công tác xây dựng, củng cố, lực lượng dân quân, tự vệ được Đảng bộ quan tâm, tập trung lãnh đạo. Tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số, toàn huyện đạt 10%. Số đơn vị dân quân, tự vệ quyết thắng tăng từ 5 đơn vị (năm 1971), lên 8 đơn vị (năm 1973), trong đó lực lượng dân quân các xã Tân Đức, Lương Sơn, Lương Phú, là những đơn vị

---

(1) Năm 1973, huyện tuyển được 454 người, năm 1974 tuyển được 248 người và 5 tháng đầu năm 1975 tuyển được 519 người.

(2) Báo cáo số 17 ngày 20-4-1975 của Huyện uỷ Phú Bình, tr.8.



quyết thắng tiêu biểu. Hằng năm, từ 80% đến 92% số đơn vị dân quân tự vệ trong huyện hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự, chính trị.

Giữa lúc Đảng bộ, nhân dân và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Phú Bình đang đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế- văn hoá, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh, thì lợi dụng các sơ hở của ta trong việc quản lý kinh tế, xã hội, các bọn tội phạm hình sự, lưu manh, trộm cướp nổi lên hoạt động, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Năm 1973, một số phần tử xấu ở các xã Thanh Ninh, Diêm Thụy, Tân Thành, Tân Hoà công khai lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã; trên địa bàn huyện xảy ra 50 vụ trộm, cắp; hiện tượng "ma to, cưới lớn" kết hợp với cờ bạc xảy ra ở nhiều nơi. Nguyên nhân của tình hình trên là do "Sự phối hợp giữa các ngành pháp luật và các đoàn thể xã hội chưa chặt chẽ. bộ máy công an, tư pháp xã yếu, đội ngũ cán bộ công an từ huyện xuống các xã còn thiếu. Tuy có tới 31% cán bộ, chiến sỹ công an là đảng viên, nhưng vì nghiệp vụ kém nên phá án tỷ lệ thấp"<sup>(1)</sup>.

Trước tình hình trên, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác bảo vệ trật tự trị an. Hai năm 1973, 1974, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, Công an huyện đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 22 cán bộ trưởng, phó công an xã, 76 công an viên. Ba xã Nhà Lộng, Lương Sơn, Tân Đức

(1) Báo cáo số 17 ngày 20-4-1975 của Huyện uỷ Phú Bình, tr.8.

tổ chức Hội nghị tổng kết 13 năm công tác bảo vệ hợp tác xã đạt kết quả tốt. Ủy ban hành chính huyện tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác bảo vệ trật tự, trị an, củng cố quốc phòng, phòng chống bạo loạn. Nhờ những cố gắng đó, tình hình trật tự trị an trên địa bàn huyện từng bước được ổn định và giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong thời kỳ này tập trung vào các đợt sinh hoạt chính trị học tập, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ. Sau mỗi đợt sinh hoạt chính trị từng đảng bộ, chi bộ cơ sở, từng cán bộ, đảng viên đều liên hệ, kiểm điểm gắn với nhiệm vụ chính trị của mình. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã thấy được tình hình nhiệm vụ cách mạng mới, đánh giá đúng đắn thắng lợi, thấy được khó khăn, khuyết điểm, từ đó đã nâng cao thêm được ý thức và tinh thần trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Để nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên, Huyện uỷ cử 12 cán bộ đi học ở trường Đảng Trung ương, 20 cán bộ đi học ở trường Đảng Khu Tự trị Việt Bắc, 98 cán bộ đi học ở trường Đảng tỉnh (có 11 cán bộ huyện, 78 cán bộ cơ sở, 14 cán bộ trung cấp, 28 cán bộ sơ cấp). Trường Đảng huyện đã bồi dưỡng được trên 1.000 cán bộ, đảng viên về lí luận cơ sở, đường lối, chính sách và các chủ trương của Đảng.

Trường bổ túc văn hoá huyện bồi dưỡng văn hoá cấp 2 cho 28 cán bộ, đảng viên các cơ quan huyện. Các xã Tân

Đức, Thanh Ninh củng cố lại các lớp bổ túc văn hoá để bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong Đảng bộ có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Đa số hiểu được tình hình nhiệm vụ, nâng cao thêm được nhận thức về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, hăng hái và tích cực đấu tranh chống lại những quan điểm, tư tưởng và hành động sai trái. Nhiều người gương mẫu lao động sản xuất và tích cực vận động, động viên quần chúng vào hợp tác xã. Phong trào hợp tác xã trong huyện bước đầu được củng cố lại, hơn 1.500 hộ nông dân trở lại con đường làm ăn tập thể, sản xuất có mặt được phát triển, thực hiện các nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước có tiến bộ.

Tuy vậy, đánh giá về đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng, kết quả bình xét, phân loại năm 1974 <sup>(1)</sup> đã khẳng định chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ chưa được nâng lên; năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém trong việc tổ chức, quản lý sản xuất. Trong số đảng viên yếu kém, có một số lập trường quan điểm giai cấp chưa vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật kém, tự do tùy tiện, xâm phạm quyền làm chủ của quần chúng, quan liêu, hách dịch, tham ô lợi dụng, thoái hoá biến chất, quần chúng

(1) Khối nông thôn; đảng viên đạt 7 yêu cầu chiếm 39%, chưa đạt 7 yêu cầu chiếm 50%, yếu kém 11%; tổ Đảng đạt yêu cầu chiếm 28%, chưa đạt 48%, yếu kém 24%; chi bộ đạt yêu cầu 3%, chưa đạt 64%, yếu kém 16%. Khối cơ quan: đảng viên đạt 7 yêu cầu 38%, yếu kém 9%; chi bộ đạt yêu cầu 33%, chưa đạt 64%, yếu kém 3%.



không tín nhiệm hoặc oán trách, ảnh hưởng không tốt đến uy tín chung của Đảng. Trong khi đó việc kiểm tra, xét xử kỉ luật chưa kịp thời, chưa nghiêm minh.

Trước tình hình tỉ lệ đảng viên yếu kém trong Đảng bộ còn cao (11% đảng viên nông thôn, 9% đảng viên cơ quan), Huyện uỷ đã ra các chỉ thị, nghị quyết tăng cường lãnh đạo đấu tranh tự phê bình và động viên quần chúng góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên.

Đặc biệt, chấp hành Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, đầu năm 1973, Huyện uỷ phân công cán bộ đi cùng với đoàn cán bộ tăng cường của Tỉnh uỷ xuống trực tiếp chỉ đạo Đảng bộ xã Úc Kỳ và Chi bộ phòng Tài chính- Thương nghiệp huyện triển khai trước việc thực hiện Chỉ thị 192 để rút kinh nghiệm. Kết quả triển khai thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 ở Đảng bộ xã Úc Kỳ và Chi bộ Phòng Tài chính- Thương nghiệp huyện, có 52 đảng viên bị xử lí kỉ luật (chiếm tỉ lệ 22,5% so với tổng số đảng viên). Trong số 52 đảng viên bị xử lí kỉ luật có 6 đảng viên bị khiển trách (có 1 đảng uỷ viên và 1 chi uỷ viên), 13 đảng viên bị cảnh cáo (có 1 đảng uỷ viên và 1 chi uỷ viên), 1 đảng uỷ viên bị cách chức, 11 đảng viên bị kỉ luật lưu Đảng, 14 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng (có 1 chi uỷ viên), 7 đảng viên phải xoá tên khỏi danh sách đảng viên.

Sau đợt triển khai thí điểm ở Đảng bộ xã Úc Kỳ và Chi bộ Phòng Tài chính - Thương nghiệp, Huyện uỷ tập

trung lãnh đạo triển khai Chỉ thị 192 của Ban Bí thư ra toàn Đảng bộ. Đến giữa năm 1975, trong Đảng bộ huyện đã có 15 đảng bộ xã, 15 chi bộ cơ quan thực hiện xong Chỉ thị 192. Trong các đảng bộ, chi bộ triển hiện xong Chỉ thị 192 có 327 đảng viên bị xử lý kỉ luật, (có 41 đồng chí bị khiển trách, 99 đồng chí bị cảnh cáo, 6 đồng chí bị cách chức, 61 đồng chí bị lưu Đảng, 85 đồng chí bị khai trừ ra khỏi Đảng, 35 đồng chí bị xoá tên khỏi danh sách đảng viên. Trong số đảng viên bị thi hành kỉ luật có 28 người là đảng uỷ viên, 41 người là chi uỷ viên).

Những người bị đưa khỏi Đảng phần lớn là thoái hoá, biến chất, tham ô, hủ hoá, không chấp hành chính sách, vô trách nhiệm, quan liêu, hống hách, bỏ nhiệm vụ, để quần chúng oán ghét.

Việc lãnh đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 192 của Ban Bí thư về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng của Đảng bộ huyện Phú Bình đã được đồng đảng quần chúng hoan nghênh, đồng tình ủng hộ và có tác dụng ngăn ngừa, giáo dục đảng viên, làm cho đảng viên nâng cao được ý thức trách nhiệm trong công tác và ý thức Đảng. Đại đa số cán bộ, đảng viên bị xử lý kỉ luật đã thấy được sai lầm, khuyết điểm của mình, tích cực sửa chữa tiến bộ. Tuy nhiên, cũng còn một số ít đồng chí sinh ra tiêu cực, bất mãn, tinh thần trách nhiệm không cao.

Nhằm tiếp tục xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh, trong sạch, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của

Trung ương và Tỉnh uỷ Bắc Thái, từ ngày 22 đến ngày 26-4-1975, Đảng bộ Phú Bình tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XV. Sau khi đánh giá những thành tựu to lớn mà Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân trong huyện đạt được trong nhiệm kì lần thứ XIV (5/1971-4/1975), Đại hội đã ra Nghị quyết nghiêm khắc chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm:

1- Lãnh đạo sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi chưa toàn diện và cân đối. Diện tích, năng suất, tổng sản lượng trồng trọt tăng chậm, năm tăng, năm giảm, không vững chắc; tư tưởng bảo thủ vẫn còn nặng ở một số cơ sở, nên việc đưa giống mới và áp dụng các biện pháp kĩ thuật vào sản xuất còn yếu.

2- Lãnh đạo công tác củng cố, quản lí các hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng, thủ công nghiệp còn yếu; có nơi tổ chức Đảng cơ sở chưa lãnh đạo chặt chẽ việc quản lí hợp tác xã nông nghiệp, nên tình trạng ăn chia riêng từng đợt, phân tán ruộng đất vẫn còn tiếp diễn và kéo dài ở nhiều nơi.

3- Lãnh đạo việc chấp hành các chính sách, nhất là việc đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước còn thiếu nghiêm chỉnh, không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

4- Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể và giữ gìn trật tự trị an chưa thực sự được coi trọng, phong trào có chỗ, có nơi không mạnh, không đều, số cơ sở Đảng yếu, kém còn nhiều.

Trên cơ sở những thành tích đã đạt được và cả những



thiếu sót, khuyết điểm còn tồn tại, Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ, quân và dân trong huyện nhiệm kỳ thứ XV phải "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, ra sức củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đưa phong trào toàn huyện đi lên toàn diện, nhằm nhanh chóng đưa huyện Phú Bình có sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục và xây dựng con người mới".

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XV gồm 26 uỷ viên. Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá 15 bầu các đồng chí Nguyễn Khắc Chín làm Bí thư, Ngô Quang Thành làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Giữa lúc quân và dân Phú Bình đang ra sức thi đua triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV, với quyết tâm đóng góp, đầy đủ và kịp thời nhất sức người, sức của cho miền Nam đánh Mỹ, thì nhận được tin vui từ tiền tuyến dội về: Quân và dân ta ở miền Nam đã làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua hơn 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965-1975), Đảng bộ huyện Phú Bình đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương làm tốt nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu, đóng góp sức người, sức của chi viện chiến trường. Trong chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện đã kiên

cường phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Qua gần 40 chiến dịch động viên tuyển quân lớn nhỏ, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương động viên được 6.274 con em ưu tú của mình vào bộ đội (dẫn đầu về số lượng người nhập ngũ so với các huyện, thành phố trong tỉnh)<sup>(1)</sup>.

Hàng trăm gia đình cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện có từ 3 con trở lên đi bộ đội. Con em nhân dân các dân tộc Phú Bình vào bộ đội, đã có mặt đánh Mỹ ở khắp các chiến trường ba nước Đông Dương, nhiều người đã lập công xuất sắc được tặng thưởng các danh hiệu: "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt nguy", "Dũng sĩ diệt xe cơ giới" và nhiều Huân, Huy chương các loại. Đồng chí Phạm Thanh Ngân (người con thân yêu của nhân dân các dân tộc Phú Bình nói chung, xã Lương Phú nói riêng), là phi công lái máy bay chiến đấu phản lực Mic 21: từ năm 1966 đến năm 1968, đã trực tiếp bắn rơi 8 máy bay Mỹ và chỉ huy biên đội bắn rơi 8 máy bay Mỹ khác, được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu

(1) Số người Phú Bình nhập ngũ hàng năm:

|                  |                 |
|------------------|-----------------|
| 1965: 644 người  | 1971: 377 người |
| 1966: 989 người  | 1972: 868 người |
| 1967: 451 người  | 1973: 454 người |
| 1968: 1227 người | 1974: 248 người |
| 1969: 207 người  | 1975: 519 người |
| 1970: 290 người  |                 |

cao quý "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân". Trong số 6.274 con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình vào bộ đội đánh Mỹ, có nhiều người đã ngã xuống vì Tổ quốc, được công nhận là liệt sĩ, nhiều người đã để một phần máu, xương ở ngoài mặt trận, được công nhận là thương binh. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, mẹ Lê Thị Ong (xã Dương Thành) đã tiễn đưa 4 trong 5 người con trai của mình lên đường đánh giặc; 3 người con của mẹ đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Mẹ Dương Thị Đào (xã Thượng Đình) đã hiến dâng cả hai người con thân yêu nhất của mình cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc. Các mẹ Nguyễn Thị Thu (xã Dương Thành), Trần Thị Bốn (xã Kha Sơn), Nguyễn Thị Nhữ (xã Kha Sơn), Vũ Thị Sùng (xã Lương Phú), Nguyễn Thị So (xã Hương Sơn), Nguyễn Thị Nhất (xã Hà Châu), Dương Thị Xay (xã Bảo Lý), An Thị Hà (xã Tân Kim), Trương Thị Hồi (xã Đào Xá), Dương Thị Liên (xã Diềm Thuy), Dương Thị Quýt (xã Hương Sơn), Nguyễn Thị Đài (xã Lương Phú), Trần Thị Khuyên (xã Tân Thành), Hoàng Thị Tuế (xã Tân Kim), Nguyễn Thị Hạt (xã Nga My), Dương Thị Vừng (xã Nga My), Vũ Thị Nghéch (xã Tân Kim)... đã hiến dâng người con độc nhất của mình cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Các mẹ đã được Đảng và Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng".



Ngoài việc lãnh đạo tốt công tác động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang chi viện chiến trường, từ cuối tháng 12-1965 đến khi giặc Mĩ chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta (15-1-1973), Đảng bộ Phú Bình còn lãnh đạo động viên được hàng trăm thanh niên là con em nhân dân các dân tộc trong huyện, tuổi từ 17 đến 30, gia nhập các Đội 91, 92 Thanh niên xung phong tập trung do Tỉnh Đoàn Bắc Thái tổ chức, làm nhiệm vụ cơ động bảo đảm giao thông vận tải tại các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh và làm nhiệm vụ xây dựng công sự, trận địa, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, làm thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngay từ những ngày cuối tháng 12/1965, đầu tháng 1/1966, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo huy động được 200 cán bộ, đoàn viên, thanh niên gia nhập Đội Thanh niên xung phong 91. Trong số 4 đại đội thanh niên xung phong thuộc Đội 91 khi mới thành lập có toàn bộ 150 cán bộ, đội viên Đại đội 913 và 50 trong số 150 cán bộ, đội viên Đại đội 914 là con em nhân dân các dân tộc Phú Bình. Con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình trong các Đội Thanh niên xung phong 91, 92 luôn có mặt làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải tại các khu vực trọng điểm bị máy bay Mỹ tập trung đánh phá ác liệt nhất: Cầu Gia Bẩy, bến phà Văn Thánh, cầu Đa Phúc, cầu Mây, đường ngầm Sơn Cẩm... Hầu hết các trận địa

tên lửa ở Thịnh Đức, Kép le đều có mồ hôi, công sức của cán bộ, đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong là con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đóng góp. Đặc biệt, đêm 24/12/1972, trong số 60 cán bộ, đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong hi sinh trong khi làm nhiệm vụ giải toả hàng hoá, lương thực ở ga Lưu Xá bị máy bay B.52 của giặc Mỹ ném bom rải thảm trúng khu vực trú ẩn, có 5 cán bộ, đội viên là con em của nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình <sup>(1)</sup>.

Trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1975), Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện giữ vững và phát triển kinh tế- văn hoá- xã hội; trực tiếp phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn; làm tròn nghĩa vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, từng bước cải thiện được đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những thành tựu đó của Đảng bộ đã góp phần cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta làm nên một Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, non sông thu về một mối, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

---

(1) Đó là các liệt sĩ: Dương Thị Năm, Dương Thị Giang (quê xã Tân Đức), Dương Văn Tiến, Nguyễn Đức Thập, Dương Văn Hoạch (quê xã Lương Sơn).

Với những thành tựu đã đạt được và cả với những mất hạn chế trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965-1975), Đảng bộ Phú Bình có thêm những kinh nghiệm quý báu để tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới.



## **CHƯƠNG V**

# **LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (5/1975 - 12/1985)**

## **I- ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, CHI VIÊN PHÍA TRƯỚC, GÓP PHẦN BẢO VỆ TOÀN VỊ LÃNH THỔ CỦA TỔ QUỐC (1975 - 1980)**

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mở ra một thời kỳ phát triển mới cho cách mạng Việt Nam. Tình hình mới tạo cho đất nước ta, nhân dân ta những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng đặt ra hàng loạt vấn đề phức tạp mới đòi hỏi phải được giải quyết.

Hòa chung với niềm vui thắng lợi của nhân dân cả nước, từ tháng 5/1975, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV về sản xuất nông nghiệp, cùng với việc tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải tiến một bước quản lý kinh tế trong nông nghiệp, Đảng bộ đã lãnh đạo phát động một cao trào lao động sản xuất sâu rộng trong các hợp tác xã "Mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng" nhằm đẩy

mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương. Để đạt được mục tiêu trên, Huyện uỷ chỉ đạo: tập trung vào thâm canh cây lúa, cây lạc, phát triển đàn lợn, đàn vịt và nuôi cá để nhanh chóng tạo ra sản phẩm hàng hoá phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Về sản xuất lương thực, để bù đắp sự thiếu hụt cả về diện tích, năng suất và sản lượng của vụ đông xuân, toàn huyện đã đẩy lên phong trào thi đua sản xuất giành vụ mùa đại thắng "Mùng đất nước thống nhất". Mặc dù thời tiết không thuận lợi, đầu vụ hạn hán kéo dài. Nhưng với tinh thần nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân trong huyện, khắc phục mọi khó khăn để sản xuất, nên diện tích gieo cấy vụ mùa vẫn đạt 16.766 ha. Do chủ động đưa giống lúa mới có năng suất cao vào gieo cấy và do được đầu tư chăm sóc tốt nên năng suất vụ mùa đạt bình quân 21,78 tạ/ha. Tổng sản lượng thóc đạt 16.670 tấn. Tuy vậy, do năng suất sản lượng vụ chiêm thấp (giảm gần 750 tấn so với năm 1974) nên tổng sản lượng lúa cả năm chỉ đạt 23.817 tấn, thấp hơn so với năm trước 254 tấn.

Bước sang năm 1976, năm mở đầu kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) về nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 45, 46 của Tỉnh uỷ Bắc Thái về xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch sản xuất do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đề ra, ngay

từ đầu năm, Huyện uỷ đã họp bàn và ra Nghị quyết chuyên đề về sản xuất nông nghiệp.

Rút kinh nghiệm từ những năm trước, nhằm khắc phục tình trạng thiếu nước gieo cấy đầu vụ, thực hiện Nghị quyết số 33 của Huyện uỷ về công tác thuỷ lợi, các cấp bộ đảng, chính quyền chỉ đạo các hợp tác xã tập trung gần 25.000 ngày công tham gia xây dựng hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc và các công trình thuỷ nông trọng điểm trên địa bàn huyện. Tuy vậy hệ thống thuỷ lợi cũng chỉ đáp ứng nước tưới cho 4100 ha trên tổng số hơn 11.500 ha ruộng đất toàn huyện. Do vậy thời tiết năm 1976 tiếp tục diễn biến thất thường đã gây tác hại lớn. Vụ đông xuân rét đậm kéo dài, toàn huyện bị chết hơn 30 tấn thóc mạ; vụ mùa hạn hán lại kéo dài từ cuối tháng 6 đến ngày 2 tháng 8 (7/7 âm lịch) mới có mưa. Mặc dù huyện đã chỉ đạo tập trung mọi biện pháp, tận dụng mọi nguồn nước cho gieo cấy, nhưng gần 1/3 diện tích lúa mùa vẫn phải cấy muộn do thiếu nước. Hơn 200 ha không còn khả năng cấy lúa phải chuyển sang trồng màu. Vì vậy diện tích lúa mùa chỉ đạt 7.547 ha, bằng 98% kế hoạch. Cũng do thiếu nước nên việc chăm sóc lúa sau cấy gặp nhiều khó khăn, do đó năng suất, sản lượng lúa năm 1976 tiếp tục giảm. Tổng sản lượng lúa cả năm chỉ đạt 23.419 tấn, bằng 88,5% kế hoạch và bằng 98,8% năm 1975.

Các loại cây màu phát triển không đều. Trong khi sản lượng ngô và đỗ các loại tăng từ 6% đến 20% so với năm 1975, thì sản lượng khoai lang và sắn chỉ đạt từ 79% đến



84% so với năm trước. Riêng cây công nghiệp có chiều hướng phát triển mạnh. Năm 1976, toàn huyện trồng được trên 870 ha lạc, tăng gấp 1,43 lần so với năm 1975 và là năm Phú Bình có diện tích trồng lạc lớn nhất so với các năm trước đó. Diện tích đỗ tương trồng được 130 ha, sản lượng đạt gần 120 tấn.

Do năng suất và sản lượng lương thực giảm sút, nên phần đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước cũng gặp nhiều khó khăn. Đến 31/12/1975, toàn huyện mới nhập kho được 3.151 tấn thóc, bằng 80% chỉ tiêu kế hoạch. Cả năm 1976, toàn huyện chỉ huy động được 2.987 tấn thóc, đạt gần 75% kế hoạch trên giao.

Sản xuất lương thực của huyện liên tục giảm sút trong 2 năm 1975, 1976, một phần do điều kiện thời tiết không thuận lợi, cơ sở vật chất phục vụ gieo cấy không đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Nhưng nguyên nhân chính là do "Phong trào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong huyện còn nhiều yếu kém kéo dài" <sup>(1)</sup>. Để khắc phục tình trạng này, tháng 9 năm 1975, Huyện uỷ họp, ra Nghị quyết chuyên đề về "củng cố, khôi phục, phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp" <sup>(2)</sup>. Sau gần hai năm củng cố, khôi phục, toàn huyện đã vận động được gần 200 hộ trở lại làm ăn tập thể, củng cố được 6 hợp tác xã..., nhưng vẫn còn gần 17% số hộ nông dân làm ăn riêng lẻ <sup>(3)</sup>. Các xã Đào Xá, Diêm Thụy, Hà Châu, Bàn Đạt, Đồng Tiến,

---

(1), (2) Nghị quyết số 69 - ngày 4/9/1975 của Huyện uỷ Phú Bình.

(3) Báo cáo tổng kết năm 1976 của Huyện uỷ Phú Bình.



**Mô hình kinh tế V.A.C xã Bàn Đạt.**





Kha Sơn nhiều hợp tác xã tan vỡ đã được khôi phục nhưng công tác chỉ đạo, điều hành của Ban quản trị còn nhiều lúng túng, hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn rất thấp. Xã Nga Mi tuy đã xoá được xóm trắng (xóm không có hợp tác xã) nhưng số hộ làm ăn riêng lẻ vẫn nhiều hơn số hộ sản xuất trong các hợp tác xã.

Nhìn chung, chất lượng của các hợp tác xã không cao<sup>(1)</sup>. Số đông các hợp tác xã hoạt động chưa đúng với quy định của điều lệ hợp tác xã. Việc quản lý tư liệu sản xuất nói chung, nhất là quản lý ruộng đất còn bị buông lỏng. Tình trạng lấn chiếm ruộng đất dưới nhiều hình thức khác nhau diễn ra khá phổ biến<sup>(2)</sup>. Trình độ quản lý của Ban quản trị nhiều nơi yếu kém. Hợp tác xã không quản lý được lao động. Quyền làm chủ tập thể của xã viên chưa được tôn trọng. Việc quản lý vật tư, tiền vốn và ăn chia phân phối sản phẩm còn xảy ra nhiều tiêu cực gây bất bình trong xã viên các hợp tác xã. Nguyên nhân của tình trạng trên, trước hết là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ huyện xuống cơ sở chưa chặt chẽ. Trong đó, vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và đảng viên trong các hợp tác xã chưa được nâng lên. Việc nhận thức và thực hiện Chỉ thị 208 của Trung ương, Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất trong các hợp tác xã còn nhiều lúng túng, chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

(1) Năm 1976, toàn huyện có 6 hợp tác xã tiên tiến, 20 hợp tác xã khá, 28 hợp tác xã trung bình, 20 hợp tác xã yếu kém.

(2) Tính đến tháng 7-1976, toàn huyện đã thu hồi 505 mẫu ruộng bị lấn chiếm đưa vào quản lý, sản xuất tập thể.

Ngành Chăn nuôi có nhiều cố gắng. Đàn trâu, bò, ngựa được giữ vững, đáp ứng nhu cầu sức kéo cho sản xuất và thực phẩm cho tiêu dùng của nhân dân. Mặc dù khó khăn gay gắt về lương thực, dịch bệnh xảy ra ở một số nơi, nhưng năm 1976 đàn lợn vẫn tăng 2,1% so với năm 1975. Trong đó, đàn lợn nái tăng 14,6%, đàn lợn đực giống tăng 27%. Đàn lợn tăng chủ yếu ở khu vực chăn nuôi gia đình, đàn lợn tập thể không những không tăng mà lại còn giảm 25%. Sự hỗ trợ của Nhà nước cho chăn nuôi của nhân dân còn hạn chế. Việc đẩy mạnh chăn nuôi theo tinh thần Nghị quyết 19 của Trung ương nhằm được chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính chưa được nhận thức đầy đủ, nên chưa có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thoả đáng.

Sản xuất Lâm nghiệp cũng có nhiều cố gắng. Hằng năm hầu hết các hợp tác xã và các đoàn thể trong huyện đều tổ chức tốt Tết trồng cây. Tổng diện tích trồng cây tập trung và phân tán toàn huyện 2 năm 1975 - 1976 đạt trên 2.000 ha, các loại cây trồng chủ yếu là bạch đàn, kim phượng và xà cừ. Việc chăm sóc và khai thác nhựa thông, tùng hương hằng năm đều đạt từ 100% đến 109%.

Mặt yếu của Ngành Lâm nghiệp là công tác chăm sóc, bảo vệ rừng không tốt. Nhiều diện tích rừng trồng của lâm trường và các hợp tác xã bị chặt phá thường xuyên, có nơi nghiêm trọng, nhưng không được ngăn chặn kịp thời.

Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp nhìn chung còn nhỏ bé.

Mặc dù 2 năm 1975 - 1976 sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch, nhưng do điểm xuất phát thấp, nên tổng khối lượng hàng hoá sản xuất ra không nhiều. Cả năm 1976, ngành tiểu, thủ công nghiệp toàn huyện chỉ sản xuất được 64 tấn bánh kẹo, 44.000 quả sứ cách điện, 378.000 viên ngói máy. Các mặt hàng cơ khí phục vụ nông nghiệp hầu như không có.

Các ngành phục vụ cho sản xuất và đời sống như vật tư nông nghiệp, dược phẩm, cửa hàng bách hoá, hợp tác xã mua bán đều hoạt động tích cực đạt từ 90% đến 110% kế hoạch của ngành, nhưng do khó khăn chung của cả nước, cả tỉnh, nên vật tư, hàng hoá nhìn chung đều phát triển chậm và thiếu, chất lượng không cao, đời sống nhân dân ổn định ở mức thấp.

Mặc dù điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân vẫn được Đảng bộ quan tâm thoả đáng. Bệnh viện huyện, Khu điều trị bệnh phong và nhiều trạm y tế xã được củng cố. Việc phòng và chữa bệnh được kết hợp chặt chẽ. Với phương châm phòng và chữa bệnh tại chỗ là chủ yếu, để khắc phục tình trạng thiếu thuốc tây y, các cơ sở y tế trong huyện thường xuyên khai thác các nguồn thuốc đông, nam dược phục vụ chữa bệnh ngày càng tốt hơn.

Ngành Giáo dục phổ thông có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, thiếu thốn về trường, lớp, phương tiện giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, bảo



đảm được những điều kiện cần thiết tối thiểu cho trên 23.000 học sinh các cấp theo học. Phong trào thi đua "Hai tốt" được duy trì đều, chất lượng giáo dục được giữ vững, tỷ lệ học sinh thi chuyển lớp, chuyển cấp đạt từ 80% trở lên.

Tuy vậy, phong trào bổ túc phát triển yếu. Năm 1976, toàn huyện chỉ còn 270 học viên theo học chương trình bổ túc văn hóa cấp I và cấp II. Do nguồn kinh phí hạn chế, việc mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập và nhất là chế độ phụ cấp đối với giáo viên mẫu giáo cso nhiều khó khăn, nên toàn huyện chỉ có khoảng 10% số cháu trong độ tuổi mẫu giáo được đến lớp.

Việc xây dựng các nhà trẻ, nhóm trẻ, việc nuôi và dạy trẻ cũng có nhiều cố gắng, được đông đảo chị em phụ nữ có con nhỏ đồng tình, ủng hộ. Đến cuối năm 1976, toàn huyện đã xây dựng được 122 nhóm trẻ với tổng số 1.300 cháu (tăng 21 nhóm so với năm 1975). Tuy vậy, do điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, chế độ dinh dưỡng cho các cháu chưa đầy đủ; phương pháp nuôi dạy, việc phòng và khám, chữa bệnh cho các cháu chưa thật khoa học, nên nhìn chung sức khỏe các cháu chưa thật tốt.

Công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn yếu, chưa sâu rộng và chưa thành nền nếp thường xuyên. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá mới cũng còn nhiều khó khăn. Phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục thể thao không phát

triển. Tình trạng "ma to, cưới lớn" tuy có giảm, nhưng chưa nhiều. Các hiện tượng bói toán, cờ bạc vẫn xảy ra phổ biến, nhiều khi công khai, nhưng các địa phương chưa có biện pháp ngăn chặn tích cực.

Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang vẫn được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác động viên tuyển quân hằng năm đều bảo đảm đạt và vượt mức chỉ tiêu được giao. Năm 1976, toàn huyện đã động viên 329 thanh niên lên đường nhập ngũ. Công tác huấn luyện quân sự, chính trị cho dân quân, tự vệ hằng năm đều đạt từ 90% đến 100% về quân số; chất lượng học tập, huấn luyện cũng ngày càng tốt hơn.

Việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Những quân nhân tham gia chiến đấu ở các chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia bị mất tin tức đều được xác minh làm rõ. Các chế độ, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình quân nhân được thực hiện đầy đủ, vừa thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn", vừa là cơ sở để Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo củng cố, phát triển lực lượng vũ trang địa phương, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nhận thức sâu sắc vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và đảng viên có ý nghĩa quyết định đến kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hoá ở địa phương, trong nhiệm kỳ XV Đảng bộ đã thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư

tuồng và tổ chức. Thông qua các đợt tập chỉ thị, nghị quyết của các cấp bộ Đảng, chính quyền, trình độ nhận thức, ý thức giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng các cấp uỷ trong Đảng bộ đã tổ chức cho trên 1.500 đảng viên học xong chương trình lý luận cơ bản phần II. Các chi, đảng bộ hết nhiệm kỳ đều tổ chức đại hội, kịp thời kiện toàn cấp uỷ. Năm 1975, toàn Đảng bộ có 16/22 đảng bộ xã tổ chức đại hội. 31% số cấp uỷ viên cũ được thay thế bằng những đảng viên trẻ khoẻ nhiệt tình. Năm 1976, có 106 trên tổng số 139 chi bộ đại hội. Thông qua đại hội, các chi bộ đã lựa chọn bầu bầu vào cấp uỷ được những đảng viên có đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực và nhiệt tình công tác.

Tuy nhiên, công tác phát triển đảng viên mới, bổ sung lực lượng cho Đảng trong nhiệm kỳ XV của Đảng bộ còn rất yếu. Cả hai năm 1975, 1976, Đảng bộ mới chỉ bồi dưỡng và kết nạp được 18 đảng viên. Nhiều chi bộ, nhiều năm liền không phát triển thêm được đảng viên mới. Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhiều chi, đảng bộ chưa coi trọng, chưa đưa công tác phát triển đảng viên mới vào nền nếp. Tư tưởng thành kiến, hẹp hòi, ngại khó, sợ trách nhiệm trong công tác phát triển đảng viên mới còn khá phổ biến ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở.

Hai năm 1975, 1976, Đảng bộ tiếp tục tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân học tập Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những



người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Sau học tập, đại đa số đảng viên đã nhận thức một cách đầy đủ hơn mục đích, yêu cầu, tính chất của việc thực hiện Chỉ thị 192 là củng cố, xây dựng Đảng, làm cho Đảng trong sạch về chính trị, vững mạnh về tổ chức, đảng viên nhận rõ vai trò trách nhiệm của mình, lãnh đạo quần chúng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của địa phương. Do quán triệt tốt mục đích, yêu cầu của Chỉ thị 192, nên công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của đảng viên trong Đảng bộ từ tổ Đảng trở nên khá sôi nổi và nghiêm túc. Kết hợp việc kiểm điểm theo tinh thần Chỉ thị 192 với việc học tập, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ về củng cố, xây dựng hợp tác xã, phát triển sản xuất, đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước..., nhiều đảng viên đã nhận rõ khuyết điểm, thành khẩn nhận kỷ luật và nghiêm khắc sửa chữa tiến bộ. Các chi, đảng bộ đã phát hiện, xử lý kỷ luật 583 đảng viên có nhiều sai phạm. (Năm 1975 xử lý kỷ luật 327 đảng viên, trong đó lưu Đảng 61 trường hợp, khai trừ 85 trường hợp và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 35 trường hợp. Năm 1976, xử lý kỷ luật 266 đảng viên, trong đó lưu Đảng 38 trường hợp, khai trừ 82 trường hợp và đưa ra bằng các hình thức khác 50 trường hợp. Trong số đảng viên phải thi hành kỷ luật 2 năm 1975, 1976, có 128 cấp uỷ viên các cấp, chủ yếu do vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng.

Công tác xây dựng, củng cố, các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Đoàn Thanh niên mở rộng phong trào "Thi đua lao động xã hội chủ nghĩa". Trên 3.700 đoàn viên, thanh niên trong huyện luôn xung kích đi đầu trong lao động sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật chăm sóc lúa, phòng trừ sâu bệnh, làm thủy lợi và làm đường giao thông...

Hội Phụ nữ thường xuyên tổ chức cho hội viên học tập, nâng cao nhận thức mọi mặt, hăng hái lao động sản xuất, đi đầu trong việc thực hiện nếp sống mới, bài trừ các hủ tục lạc hậu; nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

Mặt trận Tổ quốc làm tốt chức năng vận động nhân dân đoàn kết, tích cực lao động sản xuất ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, tổ chức cho hơn 3 vạn lượt cử tri học tập và tham gia bầu Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất đạt kết quả tốt. Hội Phụ lão trồng và chăm sóc gần 100 ha cây ăn quả, cây lấy gỗ; vận động hội viên gửi tiền tiết kiệm xây dựng trường học, bệnh xá..., thiết thực góp phần cùng con cháu xây dựng quê hương.

Sau hai năm nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ lãnh đạo cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện thu được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng. Tuy vậy, tình hình vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp. Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới,

đòi hỏi các cấp bộ Đảng, và cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có sự cố gắng cao hơn nữa. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II (tháng 4/1977), Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XVI nhiệm kỳ (1977 - 1979) đã đánh giá toàn diện, sâu sắc những kết quả mà Đảng bộ đạt được, chỉ ra những yếu kém và nguyên nhân của nó.

Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới là: Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng; tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường công tác lưu thông phân phối; ra sức phát triển và mở rộng các mặt hàng xuất khẩu; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; cải tiến một bước hoạt động của hệ thống thông tin kinh tế phục vụ đắc lực cho sản xuất nông, lâm, tiểu - thủ công nghiệp. Nghị quyết Đại hội cũng chỉ rõ các mục tiêu lãnh đạo của Đảng bộ đến năm 1978 là:

- Phần đầu đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc 32.600 tấn (trong đó lúa: 24.600 tấn, màu quy thóc 8.000 tấn).
- Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp (1.000 ha dứa, 1.300 ha lạc).
- Trồng và chăm sóc 900 ha cây ăn quả, cây lấy gỗ.



- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi ở cả khu vực tập thể và gia đình, phấn đấu đưa tổng đàn lợn lên 28.000 con, đàn trâu 13.000 con, đàn bò 3.000 con.

- Tận dụng 350 ha hồ, đầm để chăn nuôi vịt và cá, cải thiện bữa ăn cho nhân dân.

Nghị quyết Đại hội xác định một số biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất là: Tăng cường thuỷ lợi, giống cây, giống con, cung ứng kịp thời các loại vật tư nông nghiệp. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, tổ chức lại sản xuất theo tinh thần Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVI gồm 28 uỷ viên. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVI bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Các đồng chí Nguyễn Khắc Chín được bầu làm Bí thư, Nguyễn Đăng Hoà được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, 3 năm 1977 - 1979, Huyện uỷ Phú Bình đã tăng cường chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền các cấp tập trung lực lượng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch xây dựng các công trình thuỷ lợi. Bên cạnh 20 đội chuyên trách thuỷ lợi (đội 202), gồm 912 đội viên thường xuyên hoạt động, hằng năm Huyện uỷ còn lãnh đạo tổ chức các chiến dịch xây dựng các công trình thuỷ lợi, thu hút với hàng ngàn người tham gia <sup>(1)</sup>, (lấy lực lượng thanh niên

---

(1) Đợt ra quân đầu năm 1977, toàn huyện có trên 6000 người tham gia xây dựng các công trình thủy lợi - Báo cáo ngày 28/2/1979 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Bình về việc Tổng kết 2 năm 1977-1978.

và dân quân làm nòng cốt), đào đắp được hàng trăm ngàn mét khối đất đá, xây dựng được hàng chục công trình thuỷ lợi lớn, nhỏ. Riêng năm 1978, toàn huyện đã huy động trên 210.000 ngày công xây dựng hệ thống kênh mương Núi Cốc cấp I và cấp II, theo kế hoạch tỉnh giao; tập trung gần 17.000 ngày công đào đắp, xây lắp hoàn chỉnh về căn bản hệ thống thuỷ nông 7 xã vùng sông Máng; đào đắp, xây lắp 16 công trình tiểu thuỷ nông ở các xã khác.

Cùng với việc lãnh đạo đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, các tuyến đường giao thông trong huyện cũng được Đảng bộ tập trung lãnh đạo tu sửa, mở rộng. Hai năm 1977, 1978, huyện đã đầu tư hàng chục ngàn ngày công làm mới và tu sửa 17 cầu, 9 tuyến đường liên xã, 96 tuyến đường liên thôn với tổng chiều dài trên 100 km. Năm 1978, Phú Bình là đơn vị lá cờ đầu trong chiến dịch làm đường giao thông phía bắc Chợ Rã do tỉnh phát động.

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, trước mỗi năm, mỗi vụ, Huyện uỷ đều có nghị quyết chuyên đề lãnh đạo cụ thể và kịp thời. Để thực hiện thắng lợi các nghị quyết chuyên đề, Huyện uỷ lãnh đạo chính quyền các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thông qua các chiến dịch làm phân bón, làm thuỷ lợi, làm vụ đông, vụ mùa... trogn mỗi chiến dịch, mỗi vụ, Huyện uỷ đều lãnh đạo tập trung cán bộ các ngành, các cơ quan, tổ chức thành các tổ xuống

các vùng, các cụm chỉ đạo, đơn đốc cơ sở sản xuất. Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các ngành, các cơ quan huyện phải lấy nhiệm vụ trung tâm của cơ sở từng thời kỳ làm nhiệm vụ lãnh đạo của mình.

Về sản xuất lúa, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo đưa các loại giống mới có năng suất cao (Bao thai lùn, Nông nghiệp 8 sớm, Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 22, Nông nghiệp 294) vào gieo cấy trên diện rộng. Cơ cấu mùa vụ được thay đổi ngày càng phù hợp hơn. Năm 1979, trong số 1.600 ha cấy lúa sớm (bằng 22% diện tích lúa vụ mùa), đã có 800 ha cấy giống lúa sớm mới có năng suất cao. Đối với cây màu, huyện chỉ đạo trồng 100% diện tích khoai lang trên đất màu thay thế khoai tây. Các chỉ tiêu kế hoạch làm thuỷ lợi, làm phân bón, cải tạo đất, cấy đúng kỹ thuật, hết diện tích và bảo đảm thời vụ được chỉ đạo chặt chẽ hơn. Thực hiện quyết tâm giành "Vụ mùa quyết thắng", năm 1979, Huyện Đoàn Thanh niên đã phát động chiến dịch làm phân bón, thu được trên 5 vạn tấn phân các loại, đưa mức phân bón cho đồng ruộng bình quân lên trên 7 tấn/ha (tăng 2 tấn/ha so với năm 1978). Huyện Hội Phụ nữ vận động hội viên cấy đúng kỹ thuật được trên 2/3 diện tích lúa vụ mùa... Tuy vậy, do thời tiết diễn biến phức tạp và khắc nghiệt, vụ xuân năm 1977 giá rét kéo dài làm nhiều loại cây trồng không phát triển được, trong đó khoảng 7% diện tích lúa chiêm (trên 200 ha) và 40% diện tích lúa xuân bị chết rét; vụ mùa năm 1977, toàn huyện có 4.200 ha trên tổng số 7.167 ha



lúa bị sâu hại, trong đó 1.100 ha, bị thiệt hại nặng. Vụ mùa năm 1978, cơn bão số 10 gây ngập lụt nghiêm trọng ở 11 xã, làm 2.100 ha lúa và hoa màu bị thiệt hại nặng, trong đó có 903 ha bị hư hại hoàn toàn. Trong khi đó, vật tư kỹ thuật cung cấp không đầy đủ và kịp thời, một lực lượng lớn lao động phải huy động đi phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới (1978 - 1979). Để mở rộng diện tích gieo trồng nâng cao sản lượng lương thực, Huyện uỷ lãnh đạo thành lập Phòng Khai hoang. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng Khai hoang, mỗi năm nhân dân khai hoang được từ 300 ha đến 500 ha đưa vào trồng màu. Song công tác khai hoang còn nặng về hình thức, chưa chú ý đến hiệu quả kinh tế; chưa kết hợp chặt chẽ giữa khai hoang mở rộng diện tích với thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng. Điển hình là mùa Xuân năm 1978, Huyện uỷ lãnh đạo huy động hàng ngàn người lên công trường khai hoang trồng sắn; trong khi đó, lúa và hoa màu ở các xã thiếu nhân công chăm sóc, nên năng xuất và sản lượng thấp, kết quả khai hoang trồng sắn không cao. Do những nguyên nhân đó cùng với những khó khăn, yếu kém trong quản lý của các hợp tác xã nông nghiệp chưa được tháo gỡ, nên sản lượng thực của huyện liên tiếp trong 3 năm 1977, 1978, 1979 đều không đạt kế hoạch <sup>(1)</sup>.

(1) Sản lượng thóc năm 1977 đạt 20.263 tấn, năm 1978 đạt 18.102 tấn, năm 1979 đạt 20.085 tấn. (Chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 16 đề ra là 24.600 tấn thóc).

Các loại cây công nghiệp xuất khẩu (huơng nhu, bạc hà) do chưa có kinh nghiệm gieo trồng, chế độ thu mua chưa phù hợp, nên sản lượng giảm sút nhanh chóng.

Ngành Chăn nuôi có nhiều cố gắng, công tác phòng bệnh cho các đàn trâu, bò, lợn được chú ý hơn. Hằng năm, Huyện đều tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc từ một đến hai đợt. Năm 1979, chỉ trong một ngày, toàn huyện đã huy động được 4.587 cán bộ, giáo viên và học sinh nhỏ thuốc phòng dịch cúm cho gần 300.000 con gia cầm. Đàn lợn của huyện đạt 24.700 con (tăng 2% so với năm 1977), trong đó có 2.380 lợn nái (tăng gần 1.000 con so với 1977). Toàn huyện có 12 cơ sở duy trì chăn nuôi lợn tập thể. Tổng đàn lợn tập thể tăng từ 580 con (năm 1977), lên 700 con (năm 1979). Tuy vậy, chăn nuôi lợn tập thể vẫn gặp nhiều khó khăn, số đầu lợn tăng nhưng hiệu quả kinh tế thấp. Một số đơn vị chăn nuôi không những không có lãi mà còn lỗ vốn, đứng trước nguy cơ phải giải thể. Đàn trâu phát triển lên 11.470 con, tăng 1.298 con so với năm 1976 và tăng 696 con so với năm 1977; đàn bò đạt gần 3000 con. Tuy nhiên, do mưa, rét kéo dài cùng với tình trạng khan hiếm thức ăn, đàn trâu, bò, nhất là đàn trâu hợp tác xã không được chăm sóc tốt, nên bị chết khá nhiều. Riêng vụ đông xuân năm 1976 - 1977, số trâu, bò chết lên tới 428 con, trong đó các xã Tân Hoà chết 70 con, Thượng Đình chết 32 con<sup>(1)</sup>. Chăn nuôi thủy sản có nhiều tiến bộ, các cơ sở ương

---

(1) Báo cáo số 85 ngày 25/2/1977 của Phòng Thống kê huyện Phú Bình.

cá giống cơ bản đáp ứng giống cá cho nhu cầu chăn thả trong huyện. Phong trào xây dựng ao cá Bác Hồ, nuôi cá tăng sản phát triển mạnh.

Do sản xuất lương thực liên tục giảm sút, nên trong 3 năm 1977 - 1979, phần đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước lên huyện gặp nhiều khó khăn. (Năm 1977 chỉ thực hiện được 2.681 tấn, đạt 74,2% kế hoạch); năm 1978 nhập kho được 2.366 tấn, đạt 49,5% kế hoạch; năm 1979 nhập kho được 2.363 tấn (đạt 51% kế hoạch). Năm 1978, trong huyện có 2 xã (Tân Kim, Tân Đức) và 8 hợp tác xã hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực; năm 1979 các xã và hợp tác xã Tân Kim, Lương Phú, Dương Thành, Tân Đức, Tân Khánh, Nam Hà, An Cầu đã hoàn thành tốt cả nghĩa vụ lương thực, và nghĩa vụ thực phẩm.

Từ 1977 đến 1979, thu mua thực phẩm của huyện đạt kết quả khá cao. Năm 1977, toàn huyện thu mua được 333 tấn nông sản thực phẩm (đạt 82% kế hoạch); năm 1978, toàn huyện có 19/21 xã hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm; tổng giá trị thu mua đạt 102,8% kế hoạch (trong đó lợn hơi thu mua được 395 tấn, đạt 98,47% kế hoạch; các loại gia cầm thu mua được trên 2 tấn). Bên cạnh đó, kết quả thu mua lạc vỏ chỉ đạt từ 29,3% đến 63% kế hoạch; đỗ các loại chỉ đạt từ 39,7% đến 60% kế hoạch.

Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục gặp khó khăn. Kết quả trồng rừng tập trung của các đội trồng rừng quốc doanh và phong trào trồng cây trong nhân dân đều thấp. Khai thác



nhựa thông và chế biến gỗ tùng dương chỉ đạt dưới 70% kế hoạch. Công tác chăm sóc, bảo vệ rừng yếu. Hạt Kiểm lâm và Trạm Lâm nghiệp huyện chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng phá rừng diễn ra phổ biến và kéo dài, nghiêm trọng nhất ở các khu vực Úc Sơn và Cầu Mây.

Ngành Tiểu thủ công nghiệp chưa tìm được hướng phát triển có hiệu quả. Năm 1978, tuy có một số chuyển biến, Phòng Tiểu thủ công nghiệp huyện được hình thành, hợp tác xã thủ công nghiệp được khôi phục và đã sản xuất được gần 1 vạn sản phẩm (dao, liềm, nạo cỏ...) phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt gia đình..., nhưng chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Sản phẩm, hàng hoá tiểu thủ công của huyện mỗi năm một giảm. Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện xuống cơ sở thiếu chặt chẽ. Nguyên, vật liệu (than, củi, sắt thép...) đảm bảo cho hoạt động sản xuất của các ngành nghề thường xuyên thiếu hụt; công tác quản lý vật tư, thiết bị và một số chính sách về giá cả chưa hợp lý..., thu nhập của xã viên thấp và không ổn định, nên không thu hút được lao động có tay nghề cao, sản xuất không phát triển được.

Do Đảng bộ thường xuyên lãnh đạo củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, nên trong 3 năm (1977 - 1979), phong trào hợp tác xã các huyện giữ vững và ổn định về số lượng. Toàn huyện đã vận động thêm được trên 1.000 hộ nông dân vào làm ăn tập thể, đưa tổng số hộ sản xuất



**Trường THPT Phú Bình.**





tập thể lên 12.450 hộ, bằng 84,4% số hộ nông dân trong toàn huyện. Các hợp tác xã Nam Hà (xã Hà Châu), Lương Phú, Dương Thành phát triển vững chắc, đời sống nhân dân được cải thiện. Một số hợp tác xã yếu kém trước đây có chuyển biến tiến bộ trong công tác quản lý lao động, sản xuất, vật tư nông nghiệp, làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, tuyển quân, xây dựng phòng tuyến phục vụ chiến đấu...

Bên cạnh những thành tựu nói trên, phong trào hợp tác xã phát triển không vững chắc. Trong khi vận động được trên 1.000 hộ vào hợp tác xã thì cũng có khoảng trên 500 hộ trong các hợp tác xã xin ra làm ăn riêng lẻ. Công tác quản lý tư liệu sản xuất ở một số hợp tác xã còn lỏng lẻo: máy móc, công cụ sản xuất, để mất mát, hư hỏng khá nhiều; hiện tượng làm dối, làm ẩu, làm chỉ cốt được nhiều công điểm mà không chú ý đến chất lượng lao động, hiệu quả kinh tế diễn ra khá phổ biến. Một số hợp tác xã chỉ đạo ăn chia, phân phối không đúng chính sách, tình trạng giấu sản lượng, tham ô tập thể, móc ngoặc, mưu lợi cá nhân vẫn diễn ra ở nhiều nơi, gây bất bình trong nhân dân.

Tuy sản xuất gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động văn hoá - xã hội, nhưng công tác giáo dục vẫn được các cấp bộ Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong huyện quan tâm đầu tư phát triển. Năm học 1977 - 1978, toàn huyện có 24.047 học sinh từ mẫu giáo đến cấp III, bình quân 3,2 người dân có 1 người đi học. Năm học 1978 - 1979, số học sinh tăng

5% so với năm học trước. Năm 1979, huyện đã phát động phong trào toàn dân xây dựng trường sở đạt kết quả cao, căn bản đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, dụng cụ học tập phục vụ cho giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Phong trào thi đua "Hai tốt" (dạy tốt, học tốt) tiếp tục được duy trì. Phương châm giáo dục "Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội" được chú trọng hơn. Các thầy, cô giáo thường xuyên được bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cải cách giáo dục... Chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ rệt. Năm học 1978 - 1979, toàn huyện đã chọn được 6 học sinh dự thi học sinh giỏi môn toán cấp quốc gia. Phong trào thể dục, thể thao rèn luyện thể chất cho học sinh được chú trọng. Ngành Giáo dục là một trong những đơn vị dẫn đầu Đại hội Thể dục - Thể thao toàn huyện (tổ chức năm 1979). Huởng ứng phong trào tập bơi, tổ chức hội thi bơi trong học sinh do Trung ương Đoàn và Tổng cục Thể dục - Thể thao phát động, 3 xã Tân Khánh, Đào Xá, Tân Đức đạt kết quả cao, được nhận cờ thưởng của Hội đồng Thể dục - Thể thao tỉnh.

Phong trào Bồ túc văn hoá tiếp tục được duy trì. Toàn huyện tổ chức được 66 lớp bồ túc văn hoá từ cấp I đến cấp III, thu hút 586 học viên theo học. Các xã Bàn Đạt, Tân Khánh, Tân Đức, Tân Hoà, Thanh Ninh, Lương Phú có phong trào Bồ túc văn hoá khá. Hai xã Bàn Đạt và Tân Khánh mở được 5 lớp xoá mù chữ cho 45 học viên

dân tộc Tày và Sán Diu.

Bên cạnh những thành tích và ưu điểm, một số cấp uỷ cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục. Cơ sở vật chất của nhà trường còn nghèo nàn; lớp học, nhà ở của giáo viên xiêu vẹo, dột nát; việc kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa được quan tâm thường xuyên, chưa có hiệu quả cao. Do điều kiện giảng dạy và đời sống khó khăn, một số thầy, cô giáo nẩy sinh tiêu cực, vi phạm phẩm chất, đạo đức của người giáo viên, tác phong thiếu lành mạnh..., ảnh hưởng xấu đến nhiệm vụ và kết quả giáo dục.

Hoạt động của Ngành Văn hoá - Thông tin thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác tuyên truyền, cổ động đã tập trung vào các chiến dịch làm thuỷ lợi, làm vụ đông, vụ mùa, đắp đê chống lụt, xây dựng tuyến phòng thủ chiến đấu... Các đội chiếu bóng, văn nghệ, hiệu sách nhân dân và các tổ thông tin cơ sở hằng năm đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tuy nhiên, công tác xây dựng "Nếp sống văn hoá", "Gia đình văn hoá" mới dừng lại ở việc vận động ăn ở vệ sinh; hiện tượng "ma to, cưới lớn", cúng lễ, bói toán, mê tín dị đoan không những không giảm mà còn có chiều hướng tăng lên.

Công tác Y tế có nhiều tiến bộ rõ rệt. Toàn huyện đã hoàn thành dứt điểm cuộc vận động xây dựng 3 công trình vệ sinh, được Hội đồng Chính phủ tặng Bằng khen. Công tác sinh đẻ có kế hoạch được phát động sâu rộng



trong nhân dân, mỗi năm vận động được trên dưới một ngàn phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai. Cuộc vận động chữa bệnh bằng thuốc nam được đông đảo nhân dân hưởng ứng, bước đầu thu được kết quả tốt. 20/21 trạm xá xã được xây dựng (nhà cấp 4) khang trang, sạch sẽ, có cán bộ y tế thường trực khám, chữa bệnh cho nhân dân. Mạng lưới y tế ở các hợp tác xã được củng cố, các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng đều đạt kết quả cao. Trên địa bàn huyện không xảy ra các dịch bệnh lớn.

Khó khăn lớn nhất của Ngành Y tế huyện trong thời kỳ này là thiếu thuốc chữa bệnh. Mặc dù cán bộ công nhân viên Cửa hàng Dược luôn tích cực, chủ động khai thác nguồn hàng cung ứng thuốc cho nhu cầu của nhân dân, nhưng cũng chỉ đáp ứng được một phần. Do cơ sở vật chất khám, chữa bệnh, điều kiện ăn ở quá thiếu thốn, chi phí công điểm, chính sách đãi ngộ chưa thoả đáng, nên một số cán bộ y tế ở tuyến xã chưa nhiệt tình tận tâm với nghề.

Trong công tác chăm sóc, bảo vệ bà mẹ - trẻ em, năm 1978, huyện đã mở được hai lớp huấn luyện kỹ thuật nuôi dạy trẻ cho 130 chị em phụ nữ các ngành, các xã theo học. Năm 1979, toàn huyện xây dựng được 186 nhóm trẻ (tăng 53 nhóm so với năm 1977) chăm sóc, nuôi dưỡng trên 4.000 cháu. Các xã, hợp tác xã đã bước đầu chú ý đến việc mua sắm thêm cơ sở vật chất phục vụ nuôi, dạy trẻ. Tuy vậy, trên địa bàn huyện vẫn còn 6 xã chưa xây dựng được cơ sở nuôi dạy trẻ; cơ sở vật chất phục vụ nuôi dạy trẻ nhìn chung còn quá thiếu thốn; một

số nhóm trẻ vẫn phải ở nhà kho của hợp tác xã hoặc ở nhờ nhà dân. Cán bộ nuôi dạy trẻ vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn; có hợp tác xã còn phân công các bà, các cô bị tàn tật hoặc hết sức lao động ra làm nhiệm vụ giữ trẻ, ảnh hưởng lớn đến chất lượng nuôi, dạy các cháu.

Từ giữa năm 1978 tình hình an ninh chính trị trên dọc tuyến biên giới Việt - Trung nói chung, trên địa bàn huyện nói riêng diễn ra ngày càng phức tạp. Tại những nơi có đông đồng bào người Hoa sinh sống lan truyền dư luận: chiến tranh giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ nổ ra, người Hoa ở Việt Nam sẽ bị thiệt hại... Một số phần tử xấu trong cộng đồng người Hoa đã tuyên truyền, lừa gạt, xúi giục, cưỡng ép người Hoa rời khỏi Việt Nam về nước. Hoang mang, lo sợ trước sự lừa gạt, ép buộc của kẻ xấu, 11 hộ gia đình đồng bào người Hoa sinh sống trên địa bàn huyện Phú Bình bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn kéo nhau về Trung Quốc.

Trước tình hình trên, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Bình đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Huyện uỷ cùng với các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc... tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền để đồng bào người Hoa nhận rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, hiểu rõ đường lối chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Được tuyên truyền, giải thích kịp thời, 173 hộ đồng bào người Hoa ở Phú Bình đã yên tâm ở lại làm ăn sinh sống.

Thực hiện chủ trương xây dựng, củng cố và phát triển

lực lượng vũ trang địa phương vùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu, đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch trên địa bàn và chi viện cho phía trước, cơ quan quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban lãnh đạo, chỉ đạo mỗi xã xây dựng được từ 1 đại đội đến 1 tiểu đoàn dân quân chiến đấu tại chỗ, từ 1 đến 2 đại đội dân quân cơ động chiến đấu. Các đơn vị nói trên thường xuyên được huấn luyện kĩ, chiến thuật theo các phương án tác chiến đã đề ra, sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ quê hương. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quân sự địa phương, thực hiện Nghị quyết ngày 5/8/1978 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đến hết tháng 9/1978, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện Phú Bình và Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã trong huyện được thành lập, bảo đảm đúng thành phần do (đồng chí Bí thư cấp uỷ Đảng trực tiếp làm Chính trị viên phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị, đồng chí Chỉ huy trưởng quân sự cùng cấp làm Chỉ huy trưởng).

Trước tình hình địch trên biên giới phía Bắc tăng cường các hoạt động xâm lấn lãnh thổ nước ta, thực hiện nhiệm vụ tỉnh giao, chỉ trong vòng 20 ngày cuối tháng 9/1978, nhân dân trong huyện đã vót được 12 vạn cây chông tre giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chuyển lên cho quân và dân các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn rào biên giới.

Từ cuối năm 1978 đến đầu năm 1979, tình hình chiến sự trên biên giới phía Bắc ngày càng phức tạp. Quân địch



thường xuyên tăng cường các hoạt động xâm lấn biên giới, xung đột vũ trang giữa ta và địch ngày càng nhiều và trầm trọng hơn. Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Bộ Tư lệnh Quân khu I, đầu tháng 1 năm 1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh quyết định chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu và tăng cường chuẩn bị các điều kiện phục vụ chiến đấu thắng lợi.

Ngày 17/2/1979, quân địch đồng loạt mở cuộc tấn công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu I, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh chỉ thị cho mỗi huyện, thành chuẩn bị một tiểu đoàn dân quân, tự vệ sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước. Thực hiện chỉ thị của tỉnh, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang trong huyện vào sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đợi lệnh lên đường làm nhiệm vụ. Cuối tháng 2/1979, huyện Phú Bình đã bàn giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh lực lượng dân quân, du kích của huyện gồm 1 đại đội bộ binh, 1 trung đội thông tin, 1 tiểu đội trinh sát (133 đồng chí) để cùng với lực lượng dân quân, du kích các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên thành lập Tiểu đoàn dân quân, du kích 736 đưa lên chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở Mặt trận Biên giới. Tiếp theo, huyện lại thành lập 1 tiểu đoàn dân quân, tự vệ đưa lên làm nhiệm vụ xây dựng phòng tuyến phục vụ chiến đấu

ở phía trước; thành lập khung 1 tiểu đoàn dân quân cơ động (dự bị) sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Ngày 16/4/1979, Ban Thường vụ Huyện uỷ họp, quyết định phát động chiến dịch: "Toàn dân tham gia xây dựng tuyến phòng thủ" theo phương án tác chiến đã được phê duyệt. Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập Ban chỉ đạo chiến dịch do đồng chí Nguyễn Văn Nhạc - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Trưởng ban; đồng chí Trần Thi, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện và đồng chí Nguyễn Văn Chè, Trưởng Công an huyện làm Phó ban; đồng chí Hoàng Bàng, Chính trị viên Huyện đội làm Chính trị viên. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện, Ban chỉ đạo chiến dịch đã huy động gần 6.000 cán bộ, công nhân viên các cơ quan, xí nghiệp, xã viên các hợp tác xã, giáo viên, học sinh cấp III trong vòng 8 ngày (từ 22 đến 30/4/1979), đã đào đắp hàng chục ngàn mét khối đất, đá, xây dựng được 8 trận địa chiến đấu, hàng ngàn mét giao thông hào trên trục Quốc lộ 19 (đoạn từ thành phố Thái Nguyên xuống đến xã Hà Châu) và trục lộ Sông Máng (đoạn từ Thác Hướng xuống Nhà Nam - Bắc Giang), tạo thành thế trận liên hoàn bảo vệ quê hương. Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự phục vụ chiến đấu và chiến đấu, công tác hậu phương quân đội cũng được các cấp, các ngành thực hiện tốt. Ban chỉ huy quân sự huyện kết hợp chặt chẽ với Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ... tổ chức tốt các hoạt

động thăm hỏi, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ; cấp phát đầy đủ và kịp thời các chế độ trợ cấp; tuyển dụng sắp xếp việc làm cho con em các gia đình chính sách.

Công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức được Đảng bộ quan tâm. Trong công tác chính trị, tư tưởng, Đảng bộ đã lãnh đạo tổ chức tốt việc học tập các nghị quyết 2, 3, 4, 5, 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ trong Đảng ra ngoài quần chúng. Sau mỗi đợt học tập, mỗi cấp uỷ cũng như mỗi cán bộ, đảng viên đều tự kiểm điểm đánh giá ưu, khuyết điểm của mình, đề ra phương hướng hoạt động; Huyện uỷ đều có nhận định, đánh giá khó khăn, thuận lợi, ưu điểm và tồn tại của Đảng bộ, trên cơ sở đó ban hành các chỉ thị, nghị quyết xây dựng kế hoạch chỉ đạo sát với yêu cầu của đời sống xã hội.

Huyện uỷ xây dựng kế hoạch kiện toàn, củng cố nhằm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng. Trên cơ sở kết quả phân loại tổ chức Đảng ở khu vực nông thôn năm 1977<sup>(1)</sup>, Huyện uỷ thành lập 21 đoàn công tác, huy động 192 cán bộ (trong đó có 43 cán bộ tăng cường của tỉnh) xuống 21 xã chỉ đạo phong trào xây dựng, củng cố tổ chức Đảng.

Sau 11 tháng chỉ đạo của các đoàn công tác, các đảng bộ xếp loại yếu đã có những chuyển biến tích cực. Đảng bộ xã Đồng Liên đã lãnh đạo các hợp tác xã căn bản

(1) Kết quả phân loại tổ chức sơ sở Đảng khu vực nông thôn năm 1977 có 7 đảng bộ khá, 7 đảng bộ trung bình và 7 đảng bộ yếu.



hoàn thành các chỉ tiêu về lương thực, thực phẩm, tuyển quân; các đoàn thể quần chúng được củng cố; 4/6 chi bộ được kiện toàn. Đảng bộ xã Đào Xá lãnh đạo xoá được "xóm trắng" về hợp tác xã, đưa tỷ lệ số hộ nông dân trong hợp tác xã tăng từ 50% lên 80%; các chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, tuyển quân cũng đạt khá. Đảng bộ các xã Diêm Thuy, Nga My, Tân Thành... có nhiều chuyển biến tốt. Qua phân loại đảng viên năm 1979, số đảng viên yếu kém giảm từ 24% (năm 1978), xuống còn 22% (năm 1979).

Công tác phát triển đảng viên mới có nhiều tiến bộ. Thông qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên, các cấp uỷ Đảng đã lựa chọn những đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Nếu như cả năm 1977, toàn Đảng bộ chỉ phát triển được 2 đảng viên mới, thì 2 năm 1978, 1979, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 62 đồng chí.

Hầu hết các đảng uỷ, chi uỷ ở cơ sở đều được kiện toàn và đi vào hoạt động có nề nếp hơn. Trong sinh hoạt Đảng đã bảo đảm được yêu cầu về nội dung và chất lượng. Phần lớn các chi bộ giữ vững tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên; thực hiện đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và chủ trương của Đảng bộ địa phương.

Đối với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong 2 năm 1978, 1979, toàn Huyện đã cử được trên 30 cán bộ đi học

chương trình trung cấp lý luận, chuyên môn nghiệp vụ và bổ túc văn hoá.

Để giữ nghiêm kỷ luật và nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng, thông qua các đợt học tập, phân loại tổ chức Đảng và đảng viên, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ từng bước được sàng lọc. Thực hiện Nghị quyết 05 và Chỉ thị 02 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ đã xử lý gần 700 đảng viên yếu kém, trong đó gần 400 người không còn đủ tư cách đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XVI cũng còn những khuyết điểm, tồn tại:

- Công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước mới làm tốt ở bề rộng, chưa đi vào chiều sâu. Một số lớn các chỉ thị, nghị quyết của các cấp uỷ Đảng, chính quyền mới được phổ biến đến đảng viên, còn quần chúng nhân dân chưa được học tập. Một số đảng viên yếu kém, trình độ giác ngộ chính trị thấp, lại trốn tránh học tập, nhưng các cấp uỷ Đảng vẫn chưa có biện pháp giáo dục, xử lý.

- Chất lượng đảng viên nhìn chung thấp, một bộ phận không nhỏ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên chưa được phát huy; đấu tranh phê bình và tự phê bình ở nhiều nơi còn rất yếu; các hiện tượng tiêu cực, chia rẽ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ, móc ngoặc, tham ô, vi phạm chính sách, vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng

không được đấu tranh phê phán và xử lý kịp thời. Công tác phát triển đảng viên quá yếu, việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không đáp ứng được yêu cầu. Do thiếu một đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản, có năng lực để lãnh đạo, điều hành, nên nhiều chi bộ, đảng bộ vẫn ở trong tình trạng yếu kém.

Đối với công tác củng cố, xây dựng chính quyền, các cấp uỷ Đảng chỉ đạo chặt chẽ các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp. Đại biểu Hội đồng nhân dân và Uỷ viên Uỷ ban nhân dân các cấp huyện, xã, thị trấn thường xuyên được bồi dưỡng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, do đó hoạt động ngày càng tốt hơn.

Đối với các đoàn thể quần chúng, thông qua các đợt sinh hoạt chính trị và kiện toàn về tổ chức, Đoàn Thanh niên đã làm tốt công tác động viên thanh niên hưởng ứng phong trào thi đua "Ba xung kích làm chủ tập thể", "Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"... Các tổ chức cơ sở Đoàn đã thành lập được hàng trăm đội "Thanh niên xung kích", thu hút hàng ngàn đoàn viên, thanh niên tham gia, làm trụ cột trong các chiến dịch làm phân bón, thuỷ lợi, làm đường giao thông, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ.

Hội Phụ nữ có nhiều chuyển biến trong công tác chính trị tư tưởng. Các cấp Hội luôn chú trọng tổ chức cho hội viên được học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Trung ương Hội và Tỉnh Hội; đồng thời tổ chức tốt



phong trào thi đua "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Các chi hội đảm nhận với hợp tác xã việc cấy đúng kỹ thuật, chăm sóc lúa tăng sản, đẩy mạnh chăn nuôi, kết hợp với các ngành đi sâu chỉ đạo việc xây dựng gia đình văn hoá mới, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan.

Mặt trận Tổ quốc các cấp từ huyện xuống các xã làm tốt công tác động viên cổ vũ các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tích cực sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới...

Để đánh giá đúng những ưu, khuyết điểm, đồng thời xác định nội dung, phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn tiếp theo, từ ngày 15 đến ngày 19/1/1980, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII được tổ chức. Với tinh thần trách nhiệm của người đảng viên trước yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, các đại biểu đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào Báo cáo chính trị của Huyện uỷ khoá XVI trình bày tại Đại hội.

Đại hội xác định: Trong những năm trước mắt cũng như lâu dài, vấn đề lương thực vẫn là nhiệm vụ cấp bách mang tính chiến lược. Do đó, nhiệm vụ của huyện là giải quyết cho được nhu cầu lương thực trên địa bàn và hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Đại hội đề ra mục tiêu tiêu phấn đấu đạt sản lượng lương thực quy thóc năm 1980 là 28.000 tấn; năm 1981 là 30.000 tấn, trong

đó tỷ trọng màu từ 20% đến 25%.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ XVII, gồm 27 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết<sup>(1)</sup>. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVII đã bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Các đồng chí Nguyễn Khắc Chín được bầu giữ chức Bí thư, Đặng Quốc Tiến được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Tuy Đại hội đã ra Nghị quyết xác định đúng nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ là lãnh đạo phát triển kinh tế, đề ra nhiều biện pháp tích cực để đẩy mạnh sản xuất, nhưng trên thực tế tình hình phát triển nông nghiệp nói chung, phát triển cây lương thực nói riêng trên địa bàn huyện vẫn hết sức khó khăn. Sản lượng lương thực năm 1980 không những không tăng, mà lại giảm gần 200 tấn so với năm 1979. Nguyên nhân của tình trạng trên, ngoài yếu tố thời tiết không thuận lợi, vật tư phân bón thiếu, chủ yếu vẫn là do công tác quản lý, điều hành sản xuất trong các hợp tác xã còn nhiều bất cập. Năm 1980, toàn huyện chỉ có 30% số hợp tác xã xếp loại khá, 40% trung bình và 30% yếu, kém. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh quá thấp, 2 trên tổng số 5 hợp tác xã quy mô toàn xã đã phải chia nhỏ về quy mô thôn, 2 hợp tác xã quy mô thôn bị tan vỡ. Rải rác ở các hợp tác xã vẫn có một số gia đình xã viên xin ra làm ăn riêng lẻ. Nhiều xã viên trong các hợp tác xã bỏ sản xuất tập thể, đi làm việc khác hoặc đi buôn bán để tăng thu nhập cho gia đình. Do thiếu lao động, nên

(1) Xin đọc phần phụ lục.

các hợp tác xã Xuân Phương, Nhà Lộng, Úc Kỳ, Tân Khánh phải bỏ hoang, không cấy được một sải diện tích. Đời sống nhân dân tiếp tục gặp nhiều khó khăn, mức ăn bình quân mỗi người trong huyện chỉ vào khoảng 14 kg thóc một tháng. Toàn huyện có khoảng 30% số hộ gia đình thiếu đói<sup>(1)</sup>.

Sự yếu kém kéo dài trong các hợp tác xã cho thấy mô hình quản lý, chỉ đạo sản xuất đã không còn phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Để thúc đẩy sản xuất phát triển đòi hỏi có sự thay đổi căn bản, trước hết về công tác quản lý.

## **II- LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1981 - 1985)**

Trước những khó khăn, yếu kém trong chỉ đạo phát triển kinh tế nói chung, kinh tế nông nghiệp nói riêng, sau một thời gian nghiên cứu hình thức "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động" trong nông nghiệp ở một số địa phương, ngày 21/10/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22 ghi nhận những ưu điểm của khoán sản phẩm và cho phép các địa phương làm thử hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa. Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12/1980) đã quyết định "mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp". Để thực

(1) Báo cáo số 24 ngày 8/12/1980 của Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Bình.



hiện chủ trương trên, kịp thời phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục các nhược điểm, uốn nắn những sai sót, lệch lạc trong công tác khoán, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100 "Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp". Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng không những là bước đột phá, khởi đầu sự đổi mới tư duy kinh tế trong nông nghiệp của Đảng ta, mà còn là bước khởi đầu giải phóng sức sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân chủ động gieo trồng, chăm bón và thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hướng dẫn số 05 của Bộ Nông nghiệp, trên cơ sở tình hình thực tế ở địa phương, Tỉnh uỷ Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 03, chỉ đạo các địa phương thực hiện phương thức khoán. Thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ, ngày 24/3/1981, Huyện uỷ Phú Bình ra Nghị quyết số 31 "Thực hiện khoán sản phẩm cho nhóm lao động, người lao động đối với cây lúa và các cây hoa màu khác". Tiếp đó, Uỷ ban nhân dân huyện ban hành Hướng dẫn số 03 chỉ đạo các xã "Thực hiện khoán sản phẩm cây lúa đến nhóm lao động và người lao động".

Trước đó, khi chưa có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trên địa bàn huyện đã có nhiều hợp tác xã "phá sào", tìm tòi phương thức quản lý, làm ăn mới. Nhiều hợp tác xã trích một phần ruộng đất cho xã

viên mượn để gieo cấy thu hoạch rồi nộp phần trăm sản phẩm cho hợp tác xã. Quỹ đất dành cho chăn nuôi (từ 10% đến 15% tổng diện tích đất ruộng) được phân tán cho xã viên canh tác dưới hình thức khoán hộ. Ở một số hợp tác xã sản xuất vụ đông có nhiều khó khăn đã cho xã viên mượn ruộng gieo cấy<sup>(1)</sup>.

Thực hiện Chỉ thị 100, đến ngày 10/7/1981, toàn huyện đã có 73 trên tổng số 74 hợp tác xã tổ chức khoán sản phẩm cây lúa đến nhóm và người lao động.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thực sự phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế trên địa bàn huyện, được nông dân đón nhận một cách hồ hởi. Tuy còn nhiều khó khăn, lúng túng và hiệu quả sản xuất chưa thật cao, nhưng qua 3 năm thực hiện phương thức quản lý mới, sản xuất nông nghiệp ở Phú Bình đã có những tiến bộ rõ rệt và tương đối toàn diện. Để thuận tiện cho công tác quản lý, điều hành sản xuất theo Chỉ thị 100, một số hợp tác xã hợp nhất đã được chia thành nhiều hợp tác xã nhỏ<sup>(2)</sup>. Xã viên trong các hợp tác xã hăng say lao động, tận dụng đất đai, đầu tư thêm vốn, nhân công, phân bón cho sản xuất, do đó năng suất cây trồng, vật nuôi, năng suất lao động ngày càng tăng, tiết kiệm được

(1) Nghị quyết số 29 ngày 5/4/1980 của Huyện ủy Phú Bình về tăng cường củng cố và đẩy mạnh sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp.

(2) Theo báo cáo số 2 ngày 15/6/1983 của Ban Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái: Hợp tác xã hợp nhất toàn xã Đào Xá được chia thành 4 hợp tác xã nhỏ, Hợp tác xã hợp nhất toàn xã Kha Sơn được chia thành 2 hợp tác xã nhỏ...

chi phí trên một đơn vị sản phẩm, hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện tăng nhanh từ 24.336 tấn (năm 1981), lên 30.524 tấn (năm 1983). Năm 1983, sản lượng lương thực vượt 13,69% so với kế hoạch); trong đó, sản lượng thóc tăng 6.670 tấn (33,1%). Ngành chăn nuôi phát triển khá, đàn lợn năm 1983 tăng gần 7.000 con so với năm 1981; đàn trâu, bò được giữ vững. Lợi ích Nhà nước không ngừng tăng lên. Lượng thóc nhập kho tăng từ 2.922 tấn (năm 1981), lên 5.000 tấn (năm 1983). So với năm 1981, năm 1983 số lượng lợn hơi bán cho Nhà nước tăng 58%, lạc vỏ tăng 3 lần. Đời sống nhân dân nói chung, xã viên hợp tác xã nông nghiệp nói riêng được cải thiện rõ rệt. Bình quân lương thực đầu người tăng từ 206 kg (năm 1980), lên 270 kg (năm 1983). Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho phát triển nông nghiệp không ngừng được tăng cường. Đến năm 1983, toàn huyện đã căn bản hoàn thành việc xây dựng hệ thống kênh mương Núi Cốc cấp II, cấp III, chủ động nước tưới cho 1.200 ha ruộng cấy 2 vụ lúa. Cũng trong thời gian này, huyện còn tập trung xây dựng thêm được 11 đập nước vừa và nhỏ, bảo đảm nước tưới cho 240 ha lúa và hoa màu ở vùng bán sơn địa.

Hệ thống đường giao thông liên xóm, liên xã thường xuyên được tu sửa, mở rộng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại và phát triển sản xuất của nhân dân.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được đào tạo và bổ sung thêm. Trình độ thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ



thuật vào sản xuất của nông dân ngày càng cao. Đó là những yếu tố thuận lợi cho phát triển nông nghiệp của huyện những năm sau này.

Ngành Lâm nghiệp vẫn đứng trước nhiều khó khăn, lúng túng. Phong trào trồng cây, gây rừng đạt kết quả thấp. Cả 3 năm 1981, 1982, 1983, toàn huyện mới trồng được gần 400 ha rừng, trong đó lâm trường quốc doanh trồng gần 300 ha. Gần 4.000 ha diện tích đồi trọc chưa được quy hoạch cụ thể, nên việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã và gia đình xã viên còn chậm. Tình trạng chặt phá các rừng thông, bạch đàn của các hợp tác xã vẫn diễn ra nhiều nơi.

Ngành Tiểu thủ công nghiệp vẫn chưa tìm được hướng đi phù hợp. Từ 10 hợp tác xã thủ công năm 1976, đến năm 1983, chỉ còn 3 hợp tác xã. Sản lượng hàng hoá liên tục giảm sút. Một số mặt hàng (gốm, sứ) trước đây tự sản xuất được, thì nay phải nhập từ bên ngoài.

Công tác lưu thông phân phối tuy có nhiều cố gắng, nhưng do vật tư, hàng hoá khan hiếm nên chưa đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Ngành Giáo dục tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành. Tổng số học sinh phổ thông các cấp năm học 1982 - 1983 trong toàn huyện lên tới 26.976 em, tăng gần 3.000 em so với năm học 1977 - 1978. Trong đó, học sinh tiểu học và trung học cơ sở có 25.476 em, phổ thông trung học có 1.500 em. Chất lượng dạy và học tiếp tục được giữ vững. Riêng hệ mẫu giáo, nhà trẻ,

do quá khó khăn về trường lớp và điều kiện nuôi dạy các cháu, nên số cháu trong độ tuổi được đến lớp chỉ bằng 50% so với năm 1979.

Công tác y tế tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Việc phòng và chữa bệnh cho nhân dân, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em, xây dựng, củng cố các công trình vệ sinh gia đình (nhà tắm, giếng nước, nhà vệ sinh), được duy trì thường xuyên. Phong trào trồng, chế biến và sử dụng thuốc nam chữa bệnh trên địa bàn huyện tiếp tục được phát huy, đạt hiệu quả cao, được đánh giá là đơn vị dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh.

Công tác thông tin tuyên truyền không ngừng được nâng cao. Sách, báo, phim ảnh cùng các ấn phẩm văn hoá khác được phát hành ngày càng rộng rãi, tạo điều kiện cho nhân dân các dân tộc trong huyện học tập, thưởng thức, nâng cao đời sống tinh thần.

Tuy công tác quân sự địa phương, các cấp uỷ Đảng luôn luôn quan tâm lãnh đạo việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ về đường lối chiến tranh nhân dân và nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Công tác động viên tuyển quân hằng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Các tuyến phòng thủ, cụm chiến đấu được củng cố. Lực lượng dân quân, tự vệ thường xuyên được luyện tập kỹ, chiến thuật theo các phương án tác

chiến phòng thủ; sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu khi chiến sự xảy ra.

Thực hiện Chỉ thị 92 của Bộ Chính trị, lực lượng Công an nhân dân được củng cố và đóng vai trò nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hiện tượng tiêu cực, các vụ trộm cắp tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Cùng với việc tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn này được Đảng bộ coi trọng. Thông qua các kỳ đại hội, các cấp bộ Đảng đều tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo của mình, đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình, nhằm không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của từng đảng viên và tổ chức Đảng.

Thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, gắn với công tác phát triển Đảng theo tinh thần Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 29 của Tỉnh ủy, Huyện ủy ra Nghị quyết số 45 về công tác xây dựng Đảng, nhấn mạnh: Công tác phát triển Đảng được coi là nhiệm vụ trung tâm, là một cuộc vận động chính trị lớn trong toàn Đảng bộ, là dịp để các chi, đảng bộ đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình từ trong Đảng ra ngoài quần chúng. Làm tốt công tác phát triển đảng viên để củng cố Đảng, sàng lọc đội ngũ đảng viên đưa những người không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng,



nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Gắn công tác phát triển đảng viên và củng cố tổ chức Đảng với quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Lấy kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của các chi bộ, đảng bộ làm thước đo, đánh giá chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên.

Trải qua 6 đợt phát triển đảng viên (từ 3/2/1980 đến tháng 12/1982), toàn Đảng bộ đã có 2.572 trên tổng số 2.602 đảng viên được phát triển Đảng. Trong 3 năm tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên để tăng cường đội ngũ của Đảng (1981 - 1983), toàn Đảng bộ kết nạp được 135 đảng viên mới (có 95% còn trong độ tuổi thanh niên). Công tác kiểm tra kỷ luật Đảng tiếp tục được duy trì và ngày càng đi vào nền nếp, góp phần phát huy tính tích cực, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực, nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng. Trong Đảng bộ đã có 296 đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng bị xử lý kỷ luật, trong đó có 39 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng, 149 đảng viên bị xóa tên khỏi danh sách đảng viên.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng và củng cố chính quyền, tháng 10/1981, Đảng bộ lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện và xã đạt kết quả tốt. Thông qua bầu cử, cơ quan quản lý Nhà nước 2 cấp huyện và xã được kiện toàn theo hướng trẻ hoá và nâng cao trình độ kiến thức quản lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Nhận rõ vai trò to lớn của các tầng lớp nhân dân trong tiến trình phát triển của đất nước, Đảng bộ thường xuyên chú trọng củng cố và lãnh đạo các tổ chức quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, đoàn viên, thanh niên sôi nổi tham gia phong trào 3 xung kích làm chủ tập thể. Hàng vạn lượt đoàn viên, thanh niên đi đầu trong lao động sản xuất, xây dựng các công trình thủy lợi, làm đường giao thông, làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Với phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", đông đảo chị em phụ nữ Phú Bình không chỉ hăng hái lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc, mà còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, thực hiện nam, nữ bình đẳng.

Hội nông dân tập thể ngày càng được củng cố, tập hợp hội viên, phát huy tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của giai cấp nông dân trong các hợp tác xã, tích cực chủ động, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lao động, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu về phát triển kinh tế, đặc biệt là chỉ tiêu về lương thực, thực phẩm.

Mặt trận Tổ quốc tiếp tục làm tốt chức năng tập hợp quần chúng, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, góp phần quan trọng động viên các tầng lớp nhân dân chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ quê hương.

Ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ

XVII, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc Phú Bình đã đạt được những thành tựu quan trọng. Nhờ đổi mới phương thức quản lý theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã có những tiến bộ rõ rệt. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng tăng nhanh, nhất là diện tích cây vụ đông. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất ngày càng rộng rãi, điển hình là việc đưa diện tích cấy lúa xuân có năng suất cao tăng từ 950 ha (năm 1980), lên 3200 ha (năm 1982). Năm 1982, diện tích cấy lúa xuân chiếm 78,04% tổng diện tích cấy lúa chiêm xuân. Cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất ngày càng được tăng cường. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó cũng còn những khó khăn, yếu kém cần nhanh chóng khắc phục. Đó là tình trạng khoán trắng cho xã viên trong các hợp tác xã, việc thu nộp sản phẩm gặp nhiều khó khăn, việc ăn chia, phân phối sản phẩm trong các hợp tác xã còn nhiều bất hợp lý, công tác lưu thông phân phối chưa bảo đảm sự công bằng, hiện tượng tiêu cực còn xảy ra ở nhiều nơi, gây bất bình trong nhân dân.

Để phát huy những ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, tìm hướng đi phù hợp thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (họp từ ngày 26 đến ngày 29/12/1982) với tham dự của 166 đại biểu chính



thức, 8 đại biểu dự khuyết đã nghiên cứu, thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến vào Báo cáo chính trị, đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XVII và phương hướng, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XVIII (1983 - 1985). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVIII gồm 31 uỷ viên. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Các đồng chí Nguyễn Đăng Hoà được bầu giữ chức Bí thư và Hồ Đình Điều được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ. Sau Đại hội, Đảng bộ đẩy mạnh lãnh đạo thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, từng bước tháo gỡ khó khăn, sửa chữa những sai sót trong quá trình giao khoán, nên sản xuất nông nghiệp của huyện tiếp tục thu được nhiều thắng lợi lớn. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thường xuyên vật lộn với những khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp, mỗi năm hàng trăm héc ta mạ và lúa chiêm xuân chết vì rét đậm kéo dài, phải cấy lại nhiều lần; trên dưới 70% diện tích lúa bị sâu bệnh phá hoại; từ 500 ha đến 1.000 ha lúa, màu bị ngập nước do úng lụt, để bảo đảm sản lượng lương thực không ngừng tăng lên. Năm 1985, tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 35.662 tấn (có 30.559 tấn thóc và 5103 tấn màu quy thóc). So với năm 1982 (năm đạt sản lượng lương thực cao), năm 1983 sản lượng lương thực tăng 16,6%, trong đó sản lượng màu quy thóc tăng 25,5%.

Trong các loại cây công nghiệp, cây lạc là một trong 3 cây thế mạnh của huyện được phát triển với tốc độ

nhANH. Năm 1985, tổng sản lượng lạc toàn huyện đạt 1.130 tấn, tăng 13% so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra, tăng gần 63% so với năm 1982. Cùng trong năm 1985, huyện đã chỉ đạo trồng thử nghiệm thành công 35 ha đỗ tương hè thu trên đất ruộng 2 vụ lúa, mở ra khả năng xen canh, tăng vụ trên hàng ngàn ha đất 2 vụ lúa.

Về chăn nuôi, do không được đầu tư chăm sóc tốt, lại gặp rét đậm kéo dài, nên đầu năm 1984, trên 1.000 con trâu, bò của huyện bị chết rét <sup>(1)</sup>. Mặc dù huyện đã tìm nhiều biện pháp huy động vốn trong nhân dân, cùng với Nhà nước cho xã viên hợp tác xã vay vốn mua thêm trâu, bò, giải quyết sức kéo cho sản xuất, nhưng đến cuối năm 1985, đàn trâu vẫn giảm gần 1.000 con so với năm 1982. Sản xuất lương thực phát triển, nên đàn lợn tăng nhanh. Đến tháng 10/1985, tổng đàn lợn lên tới 35.800 con, vượt 4% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Trọng lượng lợn xuất chuồng đạt từ 65 kg đến 70 kg một con (bình quân mỗi con tăng từ 15 kg đến 20 kg so với 1983).

Do trồng trọt và chăn nuôi phát triển, nên kết quả thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm của nhân dân đối với Nhà nước mỗi năm một tăng. Năm 1985, nhân dân toàn huyện làm nghĩa vụ lương thực đạt 4.436 tấn thóc, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra

---

(1) Báo cáo kiểm điểm công tác năm 1984 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Bình.

836 tấn, tăng 23,3% so với năm 1982; thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đạt 410 tấn thịt lợn hơi, vượt 2% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII và vượt 24% so với năm 1982.

Trong sản xuất lâm nghiệp, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, cuối năm 1985, toàn huyện đã cơ bản hoàn thành việc giao 4.100 ha đất đồi, núi trọc cho tập thể và các hộ gia đình xã viên quản lý, kinh doanh. Trong 3 năm (1983 - 1985), nhân dân trong huyện đã trồng mới được 200 ha cây thông, hơn 1 triệu cây phân tán. Nhiều đồi cây bạch đàn tái sinh được chăm sóc tốt, gần 100 ha cây thông đang cho thu hoạch mỗi năm trên 20 tấn nhựa. Tuy hiệu quả kinh tế chưa cao, nhưng việc giao đất, giao rừng đã mở ra một hướng đi đúng, bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, trước hết về công tác bảo vệ rừng.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp bước đầu có chuyển biến. Năm 1985, tổng giá trị sản phẩm hàng hoá do ngành tiểu - thủ công nghiệp sản xuất đạt trên 10 triệu đồng, gấp 2 lần chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Trong nhiệm kỳ này, Đảng bộ đã lãnh đạo xây dựng và đưa vào hoạt động cơ sở sản xuất thức ăn gia súc tổng hợp công suất 3.000 tấn/năm; khôi phục 2 lò vôi công suất 3.000 tấn/năm; sản xuất thành công các mặt hàng dầu lạc, nước chấm. Tuy sản lượng chưa lớn, nhưng đây là tiền đề cho bước phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm của huyện trong những năm sau này. Sản xuất vật liệu xây dựng được Đảng bộ chú trọng lãnh đạo, mỗi



năm sản xuất trên 2 triệu viên ngói máy, 10 triệu viên gạch chỉ, đáp ứng nhu cầu xây dựng của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn. Điểm yếu của nền kinh tế huyện Phú Bình là cơ sở vật chất kỹ thuật còn hết sức nghèo nàn, cơ cấu kinh tế phát triển không cân đối. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức và chưa có những chủ trương, biện pháp tích cực để khuyến khích 2 ngành Lâm nghiệp và Thủ công nghiệp phát triển. Đến năm 1985, trong cơ cấu kinh tế của huyện, tỷ trọng kinh tế Lâm nghiệp mới chiếm 0,28%, Tiểu thủ công nghiệp mới chiếm 4,2%. Sản xuất Nông nghiệp vẫn mang nặng tính độc canh cây lúa. Các loại rau, màu lương thực và cây công nghiệp ngăn ngày chưa được coi trọng. Tỷ lệ màu lương thực mới chiếm 18%. Trong các loại cây công nghiệp, chỉ có cây lạc phát triển khá, các cây đỗ tương, thuốc lá đều phát triển chậm, thậm chí có vụ giảm sút. Năng suất lúa còn thấp, chưa năm nào vượt qua mức 60 tạ/ha hai vụ. Tuy vụ đông đã trở thành vụ sản xuất chính để giải quyết vấn đề lương thực của huyện, nhưng hiệu quả kinh tế nói chung còn thấp, sản phẩm hàng hoá chưa nhiều. Huyện vẫn chưa có tích lũy về kinh tế và dự trữ về lương thực.

Trên mặt trận lưu thông phân phối, năm 1985, doanh số mua vào của thương nghiệp quốc doanh đạt gần 20 triệu đồng, tăng 30% so với năm 1982; doanh số bán ra đạt gần 19 triệu đồng, tăng 17% so với năm trước, đáp ứng cơ bản nhu cầu hàng hoá tiêu dùng tối thiểu (dầu thấp, muối ăn, vải mặc) cho nhân dân. Cùng với tăng

cường lực lượng thương nghiệp quốc doanh, công tác cải tạo, quản lý thị trường cũng có nhiều cố gắng. Huyện đã sắp xếp và lập lại trật tự 11 chợ ở địa bàn nông thôn. Công tác kiểm kê, kiểm soát, thu thuế công thương được tăng cường, nhất là sau khi có Nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hàng nghìn vụ buôn bán, vận chuyển hàng hoá trái phép đã được xử lý, hạn chế được nhiều hiện tượng tiêu cực, ổn định giá cả thị trường. Tuy vậy, cũng như nhiều địa phương khác, do chưa nhận thức được vai trò, vị trí của thương nghiệp ngoài quốc doanh, nên huyện chưa có những cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho 165 hộ buôn bán cá thể hoạt động, trong khi mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán không đáp ứng được yêu cầu thị trường.

Với cả 3 nguồn vốn (Trung ương, Tỉnh, Huyện), trong 3 năm 1983 - 1985, huyện đã đầu tư gần 10 triệu đồng xây dựng và đưa vào sử dụng đường điện cao thế 6 KV, Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc công suất 3.000 tấn/năm, Trạm thủy điện Lũ Yên cung cấp nước tưới cho gần 100 ha ruộng, Bến xe khách Úc Sơn, Nhà mẫu giáo, cải tạo và mở rộng bệnh viện, tu sửa một số tuyến đường liên xã.

Sự nghiệp giáo dục phát triển cân đối cả 3 ngành học (mẫu giáo, phổ thông và bổ túc văn hoá). Được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, trong 3 năm 1983 - 1985, Phú Bình đã đầu tư xây dựng mới 41 phòng học, giải quyết dứt điểm tình trạng học 3 ca. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, số lượng học sinh lên lớp đạt bình quân 89%. Liên tục trong 2 năm học 1983 -

1984 và 1984 - 1985, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở đạt 100%.

Nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục có những tiến bộ, bình quân cứ 1.000 người dân trong huyện có 1 giường bệnh. Toàn huyện có 737 cán bộ y tế có trình độ chuyên môn khá, Bệnh viện huyện được nâng cấp, chất lượng khám và điều trị cho bệnh nhân ngày càng tốt hơn; phong trào 3 công trình vệ sinh phòng bệnh được chú trọng; những ổ dịch bệnh được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

Trước những âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Phú Bình luôn luôn đoàn kết, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch trên địa bàn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Tuy có những diễn biến phức tạp, nhưng Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, không để xảy ra những biến động lớn và nghiêm trọng về phạm pháp hình sự. Trong 3 năm, toàn huyện đã tổ chức 2 đợt học tập Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị sâu rộng trong quần chúng; tổ chức đấu tranh, xử lý 1.470 tội phạm hình sự, tập trung truy quét những ổ nhóm lưu manh, trộm cắp chuyên nghiệp; tiến hành tổng điều tra hộ tịch, hộ khẩu, quản lý chặt chẽ các đối tượng có tiền án, tiền sự... Nhờ đó, số lượng các vụ phạm pháp giảm đi rõ rệt.

Công tác gọi thanh niên nhập ngũ đều hoàn thành nhanh gọn, bảo đảm chất lượng; trong 3 năm (1983 - 1985), toàn huyện đã huy động 1.816 thanh niên lên



đường nhập ngũ, làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Năm 1985, thực hiện cuộc diễn tập quân sự Z85, chỉ trong 36 giờ, huyện đã huy động 2.000 quân dự nhiệm tham gia huấn luyện sẵn sàng chiến đấu đạt kết quả tốt.

Công tác hậu phương quân đội tiếp tục được quan tâm. Việc thăm hỏi, tặng quà, giúp đỡ các gia đình chính sách được duy trì đều. Nhân dịp tết cổ truyền của dân tộc, hưởng ứng phong trào "Vi điểm tựa tiền tiêu", nhân dân các dân tộc Phú Bình đã quyên góp, gửi tặng nhiều quà bánh động viên cán bộ, chiến sĩ trên tuyến đầu biên cương Tổ quốc.

Được giáo dục, rèn luyện trong thực tiễn công tác, lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ không ngừng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Công tác giáo dục lý luận chính trị được coi trọng. Trong 3 năm, Đảng bộ đã tổ chức cho 1.358 đảng viên cơ sở học tập chương trình lý luận sơ cấp; cử 41 cán bộ, đảng viên đi đào tạo bồi dưỡng lý luận và chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường do Tỉnh và Trung ương mở. Đến năm 1985, toàn Đảng bộ có 3.149 đảng viên, trong đó qua bình xét cuối năm có 97% đảng viên đủ tư cách... Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng thường xuyên được chú trọng. Năm 1985, trong Đảng bộ có 84,8% số chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và khá; không còn tổ chức cơ sở Đảng kém, nát. Đảng bộ huyện được Tỉnh uỷ đề nghị Trung ương công nhận Đảng bộ vững mạnh; 11/21 đảng bộ xã được Tỉnh

ủy công nhận và tặng cờ "Đảng bộ vững mạnh 2 năm 1984 - 1985".

Trong 3 năm từ 1983 đến 1985, Đảng bộ đã xử lý 84 đảng viên vi phạm kỷ luật, trong đó 14 trường hợp khai trừ ra khỏi Đảng và 16 trường hợp lưu Đảng.

Hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền trong huyện được tăng cường. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện đã có nhiều cố gắng, thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất thu mua giao nộp sản phẩm, xây dựng cơ sở vật chất, chăm lo đời sống nhân dân...

Vai trò của các đoàn thể quần chúng và Mặt trận Tổ quốc tiếp tục được phát huy, đóng góp ngày càng có hiệu quả vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Mười năm lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội sau chiến tranh (1975 - 1985), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, kiên trì phấn đấu, vượt qua những khó khăn gay gắt, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc đấu tranh vệ quốc vào công cuộc dựng xây đất nước và đã giành được những kết quả to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Đảng bộ cũng rút ra được những kinh nghiệm quý, những bài học thành công và chưa thành công trong quá trình lãnh đạo cách mạng ở giai đoạn này, làm cơ sở để Đảng bộ và nhân dân Phú Bình bước vào chặng đường mới.



**Đập hồ Trại Gao - công trình thủy lợi, du lịch sinh thái.**





## CHƯƠNG VI

# LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN (1986 - 2005)

## I- LÃNH ĐẠO TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI VỀ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985), tiếp thu và vận dụng đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV vào điều kiện cụ thể của địa phương, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc "Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp", Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện giành được những kết quả nhất định trong phát triển kinh tế, nổi bật là kinh tế nông nghiệp. Đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nông dân được cải thiện, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Tuy vậy, Phú Bình vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn về kinh tế do sản xuất không ổn định, vật tư thiết bị thiếu;

giá cả thị trường tăng nhanh do tiền lương thực tế ngày càng giảm sút, nên đời sống công nhân viên chức, lực lượng vũ trang tiếp tục khó khăn. Năng lực lãnh đạo và hiệu lực quản lý của một số cấp uỷ Đảng và chính quyền, trong đó có cả Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện còn bộc lộ một số mặt yếu kém. Đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ tuy đông về số lượng, nhưng còn nhiều yếu kém về chất lượng. Tính tiền phong, gương mẫu, ý thức học tập, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút, ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín và kết quả lãnh đạo của Đảng bộ. Trong hoàn cảnh đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX được tổ chức từ ngày 20 đến ngày 23/9/1986, đã làm việc khẩn trương, nghiêm túc với ý thức trách nhiệm cao, thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến xác đáng vào Báo cáo chính trị của Đại hội; đánh giá đúng những thành tựu, chỉ rõ những thiếu sót khuyết điểm của nhiệm kỳ XVIII. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khoá XIX với 41 uỷ viên, Ban Thường vụ Huyện uỷ có 11 đồng chí. Đồng chí Hồ Đình Điều được bầu làm Bí thư, đồng chí Đồng Huy Xuyên (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình của địa phương và thực hiện tốt 3 chương trình kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đại hội ra nghị quyết xác định "Tập trung mọi cố gắng của toàn Đảng, toàn dân trong huyện, khai thác tiềm năng đất đai, lao động



và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, tạo ra khối lượng hàng hoá lớn về lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu. Phát triển lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tự sản xuất một phần hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân".

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V, trong nhiệm kỳ XIX (9/1986 - 3/1989), Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc Phú Bình đẩy mạnh công cuộc đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất. Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo những vấn đề then chốt có tính chiến lược tạo ra tiền đề cho phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Trước hết về vấn đề lương thực, huyện đã chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng; mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa vào sản xuất thử nghiệm một số giống lúa có năng suất cao, chịu hạn và kháng bệnh tốt như V15, CK39, Ô môn 80... Các giống ngô TSB2, MSB49 được đưa nhanh vào gieo trồng đại trà (từ 225 ha năm 1986 lên 1.300 ha năm 1988); nhờ đó, đã tạo ra sự thay đổi sâu sắc trong nông nghiệp. Sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng dần hàng năm. Năm 1987, sản lượng lương thực đạt 39.167 tấn, năm 1988 đạt 40.121 tấn, tăng 4.500 tấn so với năm 1985, trong đó sản lượng thóc đạt 32.600, tăng 2.000 tấn so với năm 1985. Sản lượng màu quy thóc

tăng nhanh, so với mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra, năm 1987 vượt 1.600 tấn, năm 1988 vượt 2.600 tấn. Sản lượng màu quy thóc năm 1988 đạt gần gấp 2 lần năm 1985).

Ngành chăn nuôi cũng phát triển khá, tính đến cuối năm 1988, đàn trâu, bò có trên 16.600 con. (đạt 101% chỉ tiêu và tăng 23% so với nhiệm kỳ trước), đàn lợn có 39.000 con, tăng 3,8% so với năm 1986; sản lượng lợn xuất chuồng đạt 1.700 tấn (đạt 107% kế hoạch).

Mục tiêu sản xuất hàng tiêu dùng được các cấp, các ngành quan tâm nhiều hơn. Trang thiết bị của các cơ sở tiểu thủ công nghiệp được tăng cường, sản xuất đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, bước đầu có tích lũy và nộp ngân sách. Đáng chú ý trong giai đoạn này là các cơ sở tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh được đầu tư phát triển khá hơn. Mặt hàng chủ yếu vẫn là vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi, cát, sỏi) gốm sứ và nông cụ. Tuy nhiên, tốc độ sản xuất vẫn chậm, không đều và chưa vững chắc.

Trước những khó khăn gay gắt về vật tư, tiền vốn, giá cả tăng vọt, Huyện uỷ tăng cường lãnh đạo công tác lưu thông phân phối. Các ngành, các cấp đã có sự phối, kết hợp hoạt động, bám sát nhiệm vụ chính trị, bám sát mục tiêu, đổi mới cách nghĩ, cách làm, cách quản lý... mang lại hiệu quả rõ rệt. Các ngành trong khối kinh tế từng bước xoá bỏ bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, năng động, sáng tạo khai thác nguồn hàng phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu thiết yếu

của đời sống nhân dân, cán bộ, công nhân viên; giải quyết kịp thời các chế độ lương, trợ cấp xã hội, góp phần tích cực ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trong gần 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ XIX, được sự hỗ trợ của tỉnh, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo nhân dân nỗ lực khai thác và tập trung các nguồn vốn, vật tư kỹ thuật, đầu tư 500 triệu đồng xây dựng lưới điện 35KV và 10 KV, xây dựng hồ chứa nước Tân Khánh, một số trạm bơm vừa và nhỏ; sửa chữa và làm mới một số cầu giao thông, phòng học, phòng khám đa khoa... Nhìn chung các công trình trên đã được đưa vào sử dụng, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Thực hiện đổi mới một bước cơ chế quản lý trong nông - lâm nghiệp những năm 1981 - 1985, nông dân Phú Bình phấn khởi đón nhận Chỉ thị 100 (13/1/1981) của Ban Bí thư, bỏ vốn xây dựng, mua sắm trâu, bò, nông cụ, tận dụng đất đai, ao, hồ phát triển sản xuất. Tuy vậy, Chỉ thị 100 cũng còn có những mặt hạn chế, cơ chế quản lý trong hợp tác xã còn nhiều bất hợp lý. Bộ máy quản lý còn cồng kềnh, kém hiệu lực. Sản xuất tăng chậm, trong khi các quỹ đóng góp trong hợp tác xã ngày càng lớn. Bình quân lương thực theo đầu người giảm sút. Nạn đói trong các kì giáp hạt xảy ra ở một số nơi.

Trước tình hình trên, đầu tháng 1/1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết 05 nhằm đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lý trong nông nghiệp trên



địa bàn tỉnh. Tháng 4/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10 "Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" (gọi tắt là Khoán 10).

Hưởng ứng và vận dụng sáng tạo tinh thần Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Huyện ủy Phú Bình kịp thời đề ra nhiều chủ trương mới, nhằm động viên mạnh mẽ sức sản xuất trong nông nghiệp. Người nông dân được hoàn toàn chủ động đối với cây trồng, vật nuôi, tích cực đầu tư thâm canh tăng năng suất lao động. Tiềm năng đất đai, tiến bộ khoa học kỹ thuật, vật tư, nguồn vốn được khai thác, phát huy có hiệu quả. Nhịp độ sản xuất phát triển, đời sống nông dân được ổn định, có mặt được cải thiện, những tiêu cực trong quản lý kinh tế được hạn chế một phần.

Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện Nghị quyết 10, một số khó khăn, vướng mắc xuất hiện. Tuy không nặng nề và gay gắt như một số huyện phía bắc, nhưng hiện tượng tranh chấp ruộng đất cũng diễn ra ở một số nơi và ngày càng có chiều hướng phức tạp<sup>(1)</sup>. Sản xuất phát triển chậm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, ảnh hưởng không tốt đến việc huy động lương thực. Năm 1988, toàn huyện chỉ huy động được 3.939 tấn thóc, đạt 77,2% kế hoạch; riêng thuế nông nghiệp được 2.126 tấn thóc, đạt 85,8% kế hoạch<sup>(2)</sup>.

(1) Báo cáo của Huyện ủy Phú Bình về công tác bảo vệ nội bộ Đảng năm 1988, ngày 10/12/1988, tr. 2

(2) Báo cáo của UBND huyện về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội năm 1988 và nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 1989.

Tình hình trên là một trong những nguyên nhân làm cho Ngành Giáo dục huyện Phú Bình bị sa sút, số học sinh bỏ học ngày một tăng. Năm học 1988 - 1989, toàn huyện có 1.500 học sinh trên tổng số 24.939 học sinh phổ thông bỏ học. Chất lượng học tập trong các trường phổ thông trên địa bàn cũng giảm sút. Số học sinh lên lớp bình quân hằng năm đạt 78,6%, đỗ tốt nghiệp đạt 73%.

Nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Năm 1988, theo chủ trương của Huyện uỷ, Phú Bình đã thành lập 1 phòng khám đa khoa cho các xã phía nam. Bệnh viện huyện lập thêm bộ phận tiêm phòng đại, đồng thời hoàn thành xây dựng Nhà khám đa khoa và đưa vào sử dụng từ quý I/1989. Mạng lưới y tế cơ sở được tăng cường, thực hiện tốt nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Các hoạt động thông tin, văn hoá, thể dục, thể thao ngày càng bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá mới. Bên cạnh đó, những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan; tình trạng ăn uống tốn kém, lãng phí trong các dịp lễ, tết, hiếu, hỷ có chiều hướng phát triển; các cấp uỷ Đảng và chính quyền chưa có các biện pháp giáo dục, ngăn chặn kiên quyết và kịp thời.

Tình hình an ninh chính trị cơ bản được ổn định. Việc điều tra, xét xử, giải quyết đơn, thư khiếu tố tích cực hơn, góp phần ngăn chặn những hành vi tiêu cực trong lĩnh

vực kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, những hiện tượng tiêu cực xã hội chưa giảm, tình trạng tranh chấp đất đai, các tai, tệ nạn xã hội, tội phạm kinh tế... có nơi, có lúc xảy ra nghiêm trọng.

Công tác quân sự địa phương luôn được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm, sâu sát. Hằng năm, huyện Phú Bình đều thực hiện nhanh gọn chỉ tiêu tuyển quân. Trong 3 năm (1986 - 1988), toàn huyện đã có 1.548 thanh niên lên đường nhập ngũ. Công tác hậu phương quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại chỗ đạt kết quả tốt.

Thực hiện Chỉ thị 03 của Ban Bí thư, các chỉ thị, hướng dẫn của tỉnh, Huyện uỷ đã lãnh đạo tốt công tác bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện và xã (năm 1987), bảo đảm thực sự dân chủ, đúng pháp luật.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các cấp chính quyền từ huyện xuống xã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị, tập trung nỗ lực chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, tháo gỡ những khó khăn, tìm hướng đi mới cho sản xuất, kinh doanh. Uỷ ban nhân dân huyện chỉ đạo sát sao việc thu ngân sách, thu hồi công nợ, xây dựng cơ bản... Tuy nhiên, do năng lực của đội ngũ cán bộ không đều, một số nơi hoạt động yếu, phong trào sa sút, nhiều mục tiêu kinh tế, xã hội không hoàn thành.

Hoạt động của các đoàn thể quần chúng nhìn chung đã



bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, giữ vững vai trò nòng cốt trong các cuộc vận động thi đua lao động sản xuất, tiếp thu và vận dụng khoa học kĩ thuật vào đồng ruộng, tích cực xây dựng chính quyền, vận động thanh niên nhập ngũ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, tuyên truyền giáo dục tăng cường đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đoàn kết quân dân, xây dựng nếp sống văn hoá mới, góp phần tích cực tháo gỡ khó khăn về đời sống, phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác cán bộ có nhiều đổi mới và được coi là yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Do đó, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể đều được kiện toàn. Việc đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ luôn luôn bảo đảm tính kế thừa và phát triển.

Thực hiện cuộc vận động "Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội", cùng với quá trình củng cố, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, công tác kiểm tra ngăn chặn và xử lý đảng viên vi phạm điều lệ Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được tăng cường. Trong 3 năm, Đảng bộ đã thi hành kỉ luật 106 đảng viên, trong đó 25 trường hợp bị khai trừ, 30 trường hợp khác phải xoá tên khỏi danh sách đảng viên. Việc giữ nghiêm kỷ luật Đảng đã có tác dụng thúc đẩy phong trào, nâng cao uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với quần chúng.

Mặc dù có nhiều tiến bộ, nhưng những chuyển biến về

tư tưởng của cán bộ, đảng viên chưa mạnh và không đồng đều. Chất lượng sinh hoạt của các tổ chức cơ sở đảng chưa cao, nặng về hình thức, năng lực lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên có chiều hướng giảm sút. Trong hai năm 1986 - 1987, số cơ sở Đảng vững mạnh và khá bị giảm sút; ngược lại, số cơ sở Đảng yếu kém lại tăng lên <sup>(1)</sup>. Vào thời gian này, toàn Đảng bộ có trên 3.500 đảng viên, trong đó 75% số đảng viên giữ vùng vị trí chiến đấu. Nhưng do hạn chế về năng lực, trình độ và kiến thức quản lý kinh tế - xã hội nên việc tiếp thu và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới gặp nhiều khó khăn <sup>(2)</sup>.

Nhằm tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, đánh giá ưu, khuyết điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm, nhận định những vấn đề mới nảy sinh để xác định phương hướng và nhiệm vụ lãnh đạo trong thời gian trước mắt, từ ngày

| (1) Đảng bộ | Năm 1986 | Năm 1987 |
|-------------|----------|----------|
| Vùng mạnh   | 7        | 7        |
| Khá         | 13       | 8        |
| Yếu         | 1        | 6        |

(2) Tính đến cuối năm 1988, toàn Đảng bộ có 3.574 đảng viên, trong đó:

- Trình độ văn hóa từ lớp 1 đến lớp 5 là 986 đồng chí; từ lớp 6 đến lớp 9 là 1.837 đồng chí; từ lớp 10 đến lớp 12 là 756 đồng chí.

- Trong 178 đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ lần thứ XX:

+ Trình độ văn hóa: Tiểu học 5 đồng chí; THCS 111 đồng chí; THPT 61 đồng chí.

+ Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 52, sơ cấp 36; chưa qua trường lớp 90 đồng chí.

+ Trình độ chuyên môn kỹ thuật: Sơ cấp 4, Trung cấp 26, Cao đẳng 8, Đại học 12, không có chuyên môn nghiệp vụ 128.

9 đến ngày 11/3/1989, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX được tổ chức. 178 đại biểu đại diện cho trên 3.500 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã về dự Đại hội.

Với tinh thần thực sự đổi mới, khẩn trương, nghiêm túc, công khai và dân chủ, Đại hội đã thẳng thắn chỉ ra những thành tích cũng như những yếu kém, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ XIX. Đại hội cũng tham gia đóng góp nhiều ý kiến xác đáng vào phương hướng, nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu kinh tế, xã hội của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XX; bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 35 uỷ viên chính thức, 1 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ có 9 đồng chí. Đồng chí Hồ Đình Điều được bầu làm Bí thư, các đồng chí Đồng Huy Xuyên, Dương Huy Bách được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Tiếp tục thực hiện 3 chương trình kinh tế do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, Đại hội xác định quyết tâm "giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm đủ ăn và có tích lũy; đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, tăng cường mở rộng hàng xuất khẩu để ổn định và từng bước nâng cao, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện".

Việc triển khai thực hiện những mục tiêu trên diễn ra trong điều kiện phải đối đầu với hàng loạt khó khăn gay gắt, nổi lên là tình trạng thiếu vốn, thiếu vật tư. Năng lực điều hành của các cơ quan chuyên môn, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, nhưng chưa đồng bộ.



Thời tiết tiếp tục diễn biến thất thường. Năm 1990, cả hạn hán lẫn lụt úng gây thiệt hại lớn cho hai vụ lúa. Năm 1991, thời tiết âm u kéo dài, thiếu nắng, lúa không trổ được, vụ chiêm xuân gần như mất trắng. Sâu bệnh phát triển nhiều, nhưng diện tích được phòng trừ ít, dẫn đến kết quả sản xuất lương thực tiếp tục giảm sút. Năm 1989, tổng sản lượng lương thực đạt 45.000 tấn; năm 1990, đạt 38.000 tấn; năm 1991, đạt 34.200 tấn, trong đó sản lượng thóc cũng giảm dần từ 36.417 tấn năm 1989, xuống 28.968 tấn năm 1990. Bình quân lương thực đầu người giảm từ 402 kg năm 1989, xuống 342 kg năm 1990.

Một trong những nguyên nhân quan trọng tác động xấu đến kết quả sản xuất lương thực của huyện là do công tác quản lý trong các hợp tác xã tiếp tục nảy sinh nhiều phức tạp và ngày càng bức xúc, nhưng chưa được tháo gỡ. Số hợp tác xã toàn xã, hợp tác xã tiên tiến có chi, đảng bộ vững mạnh, chính quyền vững vàng, Ban Quản trị vẫn giữ được vai trò lãnh đạo, quản lý (như Lương Phú, Thanh Ninh và Vạn Già (thuộc xã Bảo Lý), chỉ chiếm một tỷ lệ thấp, đại đa số các hợp tác xã còn lại điều hành sản xuất theo kiểu khoán trắng. Tình trạng tranh chấp "đòi ruộng ông cha" (ruộng của gia đình, dòng họ đưa vào hợp tác xã trước đây) có chiều hướng gia tăng trên toàn huyện, điển hình là ở các xã Kha Sơn, Tân Hoà, Tân Thành, Hương Sơn, Hà Châu... Ở những nơi này, vai trò lãnh đạo của chi uỷ, chi bộ bị buông lỏng, một số đảng viên có hiểu biết pháp luật, nhưng vẫn cố tình làm sai; có

chi bộ còn ra nghị quyết thực hiện khoán trái với tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo sản xuất của tỉnh, của huyện. Tình trạng tranh chấp đất đai đã dẫn đến một số diện tích ruộng bỏ hoang, sản xuất đình trệ.

Nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu vẫn là lạc, nhưng do thị trường xuất khẩu (Liên xô và Đông Âu) gặp nhiều khó khăn, cơ chế thu mua và giá cả không phù hợp, nên cả diện tích, năng suất và sản lượng lạc của huyện đều giảm. Năm 1990, đạt 1.200 tấn, năm 1991 đạt 1.000 tấn lạc vỏ, bằng 60% chỉ tiêu.

Tuy sản xuất lương thực gặp khó khăn, nhưng ngành chăn nuôi vẫn giữ được nhịp độ phát triển, có mặt tăng khá. Năm 1991, đàn trâu, bò có 20.000 con, tăng 3.400 con so với năm 1988; đàn lợn có 42.000 con.

Được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, kết hợp với chính sách kinh tế của chương trình trồng rừng "PAM", Phú Bình thực hiện có kết quả kế hoạch trồng rừng; giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần giải quyết một phần khó khăn về lương thực trong nhân dân. Trong 3 năm, toàn huyện đã trồng được 2.980 ha rừng. Kế hoạch khai thác lâm sản bước đầu có kết quả. Trong 2 năm (1990-1991), toàn huyện đã khai thác, xuất khẩu trên 3.500 m<sup>3</sup> gỗ, đạt giá trị 1 tỷ đồng; đồng thời cung cấp hàng ngàn m<sup>3</sup> củi cho nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

Tốc độ phát triển tiểu thủ công nghiệp vẫn rất chậm, kĩ

thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu của địa phương. Các cơ sở gạch, ngói, gốm sứ vẫn bế tắc trong sản xuất, kinh doanh; sản xuất cơ khí không phát triển. Giá trị hàng hoá tiêu thủ công nghiệp chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng giá trị nền kinh tế của huyện.

Từ khi chuyển đổi cơ chế từ bao cấp sang hạch toán kinh doanh, các đơn vị quốc doanh gặp khó khăn, sản xuất ngày càng giảm sút. Các cơ sở tư nhân có chiều hướng phát triển khá hơn, nhưng lại gặp khó khăn về vốn, nên không mở rộng được sản xuất. Lĩnh vực lưu thông phân phối cũng gặp rất nhiều khó khăn về nguồn thu do các đơn vị quốc doanh làm ăn kém hiệu quả, chi tiêu nộp ngân sách đạt tỷ lệ thấp. Công tác quản lý thị trường mặc dù được thường xuyên quan tâm chỉ đạo tận thu, nhưng do năng lực sản xuất kinh doanh thấp, nên kết quả cũng rất hạn chế. Tổng thu ngân sách trên địa bàn hàng năm chỉ đạt trên dưới 45% nhu cầu chi, số còn lại dựa vào nguồn hỗ trợ của tỉnh; do đó, các hoạt động thu, chi, phân phối của huyện thường thiếu và chậm.

Hoạt động xây dựng cơ bản trong giai đoạn này phát triển chậm do thiếu vốn. Thực hiện phương châm tận dụng, khai thác mọi tiềm năng hiện có của huyện là lực lượng cán bộ kỹ thuật, công lao động nghĩa vụ của nhân dân, vật liệu tại chỗ..., trong hơn hai năm (1989 - 1991), toàn huyện đã xây dựng mới 9 cầu, với tổng chiều dài 122 mét; sửa chữa, gia cố các cầu treo bảo đảm cho nhân dân



đi lại an toàn; phát động chiến dịch toàn dân sửa chữa, mở rộng giao thông liên xã, liên xóm, đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn cơ bản vẫn được giữ vững, nhưng do khó khăn về kinh tế, nên một số ngành, một số lĩnh vực không đáp ứng được chỉ tiêu kế hoạch. Khó khăn lớn nhất của Ngành Y tế là cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh, đặc biệt là thuốc tây thiếu nghiêm trọng. Mặc dù đã đẩy mạnh tuyên truyền, nhưng cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch vẫn đạt kết quả thấp. Tỷ lệ sinh hàng năm vẫn ở mức trên 2%. Trong khi tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua bảo đảm chất lượng dạy và học trong nhà trường, Ngành Giáo dục vẫn chưa tìm được giải pháp hữu hiệu ngăn chặn tình trạng học sinh phổ thông bỏ học. Chỉ tính riêng năm học 1989 - 1990 và 3 tháng đầu năm học 1990 - 1991, số học sinh cấp I bỏ học đã lên tới 2.570 em. Học sinh bỏ học không chỉ ảnh hưởng xấu đến chủ trương nâng cao dân trí, mà còn là gánh nặng cho công tác thanh toán nạn mù chữ trên địa bàn huyện vốn đã rất khó khăn.

Mặc dù điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, nhưng công tác quân sự địa phương vẫn có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng năm, huyện đều hoàn thành nhanh gọn chỉ tiêu tuyển quân. Trong 3 năm 1989 - 1991, toàn huyện đã động viên 1.003 thanh niên nhập ngũ. Công tác hậu phương quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương sẵn sàng chiến đấu được quan tâm đúng mức,

bảo đảm yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn này có nhiều diễn biến phức tạp. Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo phát động quần chúng kết hợp với cơ quan công an kịp thời phát hiện, ngăn chặn những âm mưu và hành động phá hoại khối đoàn kết toàn dân của các thế lực thù địch. Tuy vậy, ở một số nơi, kỷ cương, luật pháp chưa được coi trọng, một bộ phận cán bộ, chiến sĩ công an chưa công tâm, chưa thực sự là nòng cốt trong việc phòng, chống tội phạm. Số vụ phạm pháp hình sự tăng, song việc điều tra xử lý kém hiệu quả. Các loại tệ nạn xã hội khác, tình trạng tranh chấp lấn chiếm đất đai, vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế có lúc, có nơi xảy ra nghiêm trọng, nhưng không được giải quyết dứt điểm và kịp thời, gây nhiều bức xúc trong xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX về công tác xây dựng Đảng, để tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương, Huyện uỷ đã tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 5,6,7,8 của Ban Chấp hành Trung ương; Chỉ thị số 28, 31 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ "Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, bộ máy quản lý Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội", tạo được sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với

nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn.

Cùng với công tác tư tưởng, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể thường xuyên được củng cố, kiện toàn về tổ chức. Thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế, sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp năm 1989, khối chính quyền huyện đã sắp xếp lại tổ chức, giảm từ 21 phòng gồm 119 cán bộ, xuống còn 13 phòng, với 82 biên chế. Khối Dân - Đảng huyện giảm từ 69 xuống 59 biên chế, ở cấp xã giảm từ 21 chức danh xuống 14 chức danh. Cùng với việc đề bạt, điều động 32 cán bộ cấp Trưởng, Phó phòng, thành lập một số đơn vị mới (Phòng Thương nghiệp, Chi nhánh kho bạc, Chi cục thuế), Huyện uỷ cũng chỉ đạo giải thể 2 đơn vị làm ăn thua lỗ là Ban Quản lý hợp tác xã mua bán huyện và Công ty dịch vụ chăn nuôi; sáp nhập Công ty giống cây trồng vào Công ty dịch vụ nông nghiệp. Theo đó, tổ chức Đảng ở các đơn vị nói trên cũng được điều chuyển phù hợp với sinh hoạt và yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn. Đến hết quý III năm 1991, Đảng bộ huyện có 60 đơn vị trực thuộc Huyện uỷ, trong đó có 22 Đảng bộ xã, thị trấn, 38 chi bộ cơ quan. Có thể nói, đây là một đợt tinh giảm, sắp xếp lớn về tổ chức nhằm tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước trên địa bàn huyện.

Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, chấp hành chính sách tiếp tục được đẩy mạnh. 73 đảng viên vi phạm các quy định về kinh tế, về phẩm chất đạo đức... đã được xử lý, trong đó 27 trường hợp phải khai trừ



ra khỏi Đảng.

Những việc làm trên đã có tác dụng tích cực nâng cao ý thức, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, năng lực điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, sự chuyển biến nhìn chung chưa vững chắc và không đồng đều. Trước những diễn biến bất lợi ở các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, không ít đảng viên hoang mang, dao động, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu. Số đảng viên và cơ sở Đảng đặt trong sạch vững mạnh tiếp tục giảm, số yếu kém tăng lên <sup>(1)</sup>. Sau đợt củng cố, bộ máy quản lý Nhà nước của huyện có chuyển biến, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được kịp thời thể chế hoá thành các chỉ tiêu, pháp lệnh và các quy định sát với thực tế địa phương, có tác dụng thúc đẩy sản xuất. Tuy nhiên những chuyển biến trên chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện trên địa bàn huyện.

Các đoàn thể quần chúng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng nhìn chung còn bị động, chưa tạo được những chuyển đổi rõ nét.

Nhìn một cách tổng quát, qua 2 năm 6 tháng thực hiện Nghị quyết Đại hội XX trong điều kiện tình hình chính trị quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp; tình hình kinh tế đất nước ta còn nhiều khó khăn gay gắt, cơ chế chính

---

(1) Kết quả phân loại 2 năm 1989-1990 (Báo cáo chính trị của BCH huyện Đảng bộ tại Đại hội Đại biểu lần thứ XXI):

- Đối với đảng viên:

+ Năm 1989 - Tổng số đảng viên dự phân loại 3.609 trong đó loại I có 1%; loại II có 15%; loại III có 84%.

sách chưa ổn định, tiêu cực xã hội còn nhiều, nền sản xuất chủ yếu là nông nghiệp lại thường xuyên bị thiên tai tàn phá, đời sống xã hội còn nhiều khó khăn thì việc giữ vững được sản xuất, ổn định được tình hình xã hội trên địa bàn, bảo đảm được đời sống nhân dân là một cố gắng lớn của toàn Đảng bộ./.

## **II- LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XXI:**

Chấp hành các chỉ thị số 59 của Trung ương Đảng, số 65 của Ban Bí thư và các chỉ thị, hướng dẫn của Tỉnh uỷ, từ ngày 28 đến ngày 31/10/1991, Đảng bộ Phú Bình tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XXI. Đại hội diễn ra trong tình hình thế giới, trong nước có nhiều khó khăn, phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đang đi đến sụp đổ, các thế lực thù địch quốc tế đẩy mạnh thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ", ra sức tuyên truyền kích động "đa nguyên", "đa đảng", nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Công cuộc đổi mới đất nước của nhân dân ta tuy đạt được những thành tựu quan trọng, nhưng mới chỉ là bước đầu. Nền kinh tế có chiều hướng phát triển, nhưng còn chậm. Lạm phát đã được đẩy lùi, nhưng tỉ lệ còn cao... Tại Phú Bình, kinh tế còn mang nặng tính chất tự cung, tự cấp, độc canh cây lúa và chưa chuyển mạnh sang nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần. Đời sống của một bộ phận nhân dân trong huyện còn gặp khó khăn, lao động trong nông thôn trên địa bàn huyện còn

dôi thừa chưa được giải quyết; sản xuất tiêu, thủ công nghiệp chưa phát huy được tác dụng. Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ còn bộc lộ nhiều điểm yếu; một bộ phận nhân dân trong huyện còn chưa tôn trọng kỷ cương, phép nước...

Trong bối cảnh đó, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (họp từ ngày 26 đến ngày 29/9/1991), Đại hội Đảng bộ huyện đã xác định mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ 5 năm (1991 - 1995) là "Giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân". Để thực hiện mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra các nhiệm vụ cụ thể và những giải pháp chủ yếu nhằm ổn định và phát triển sản xuất: "Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phấn đấu hình thành bằng được cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, thực hiện các chính sách xã hội, nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền và vai trò của các đoàn thể quần chúng nhân dân các cấp từ huyện xuống cơ sở". Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XXI gồm 33 uỷ viên. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 11 đồng chí, đồng chí Đồng Huy Xuyên được bầu làm Bí thư, các đồng chí Dương Huy Bách làm Phó Bí thư, Ngô Đại Xuân làm Uỷ viên Ban Thường vụ, Thường trực Huyện uỷ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI,



trong hai ngày 4 và 5 tháng 3/1992, Huyện uỷ họp Hội nghị (mở rộng), ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ "Phải triển khai tốt các đợt sinh hoạt chính trị, học tập các văn kiện của Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trong học tập các đơn vị phải liên hệ để xây dựng chương trình hành động cách mạng và tiến hành kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng"<sup>(1)</sup>.

Về kế hoạch thực hiện Quyết định 427 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết Hội nghị Huyện uỷ (mở rộng) nhấn mạnh quan điểm "Dù có đổi mới, nhưng hợp tác xã nông nghiệp vẫn phải được giữ vững, sản xuất phải phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân không ngừng được nâng lên"<sup>(2)</sup>. Hội nghị phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách cụm, các đồng chí Huyện uỷ viên phụ trách xã, các đồng chí Bí thư, Chủ tịch các xã phải lãnh đạo, chỉ đạo cụm mình, xã mình làm tốt công tác đổi mới hợp tác xã theo đúng tinh thần Quyết định 427 của Uỷ ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Uỷ ban nhân dân huyện.

Thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 "Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt", xuất phát từ đặc điểm của một huyện có nền kinh tế thuần nông, sản xuất nông nghiệp chưa thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa, tính tự cung, tự cấp kéo dài, năng suất lúa và hoa màu hằng

(1), (2) Thông báo số 21/TB-HU ngày 6/3/1992 của Huyện uỷ Phú Bình, trang 2.

năm tuy có tăng nhưng chậm, tổng sản lượng lương thực chưa tương xứng với tiềm năng về đất đai và lao động của huyện; trải qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (từ 5/4/1988) "Về đổi mới quản lí kinh tế nông nghiệp", sức sản xuất ở các cơ sở của Phú Bình từng bước được giải phóng, tiềm năng lao động được phát huy, nông dân thực sự gắn bó với đồng ruộng, yên tâm với mảnh ruộng được khoán, trình độ thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu được nâng lên, nhiều giống lúa và hoa màu mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất, tổng sản lượng lương thực ngày một tăng, chăn nuôi phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, 70% nông dân có điện thắp sáng, đời sống tinh thần có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, hộ gia đình nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, sự điều hành của Ban Quản trị trong các hợp tác xã nông nghiệp về các mặt quản lí, sản xuất, phân phối sản phẩm dưới thời bao cấp không còn phù hợp, nên phần lớn Ban Quản trị trong số 97 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện không có nội dung hoạt động và điều hành, mặc dù bộ máy đã được giảm 2/3 so với trước.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Huyện uỷ (mở rộng), các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt đợt giáo dục, tuyên truyền, quán triệt nội dung Quyết định 427 của Uỷ ban nhân dân tỉnh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Ban

Quản trị các hợp tác xã trong huyện từng bước chuyển nội dung hoạt động từ quản lý điều hành sản xuất sang cơ chế cung cấp dịch vụ đầu vào (giống, nước, phân bón...) và đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Trước tình hình tranh chấp đất đai diễn ra trên diện rộng ở các xã Kha Sơn, Bàn Đạt, Hà Châu, Nhã Lộng, Đào Xá từ những năm 1990 - 1991, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, duyệt cấp bìa đỏ, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho 10.520 hộ nông dân trên tổng số 24.708 hộ nông dân trong toàn huyện.

Đầu năm 1992, trước tình hình rét đậm kéo dài, lúa chiêm, xuân bị chết nhiều hoặc không phát triển được, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã cử cán bộ các cơ quan huyện xuống cơ sở trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân tăng cường làm cỏ, bón phân, thâm canh tăng năng suất lúa và đẩy mạnh trồng cây hoa màu. Công ty Vật tư Nông nghiệp huyện trực tiếp đưa phân bón, thuốc trừ sâu xuống phục vụ tại các điểm dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân thâm canh lúa và hoa màu. Ngân hàng phát triển nông nghiệp huyện đẩy mạnh việc cho nông dân vay vốn để phát triển sản xuất. Tuy nhiên, do rét đậm kéo dài, lúa chiêm xuân bị chết nhiều và phát triển kém, sâu hại lúa lại diễn ra trên diện rộng, nên cả năng suất và sản lượng chỉ đạt 24 % kế hoạch.

Để bù vào sản lượng lúa chiêm xuân bị giảm sút nghiêm trọng, Huyện uỷ ra nghị quyết lãnh đạo sản xuất

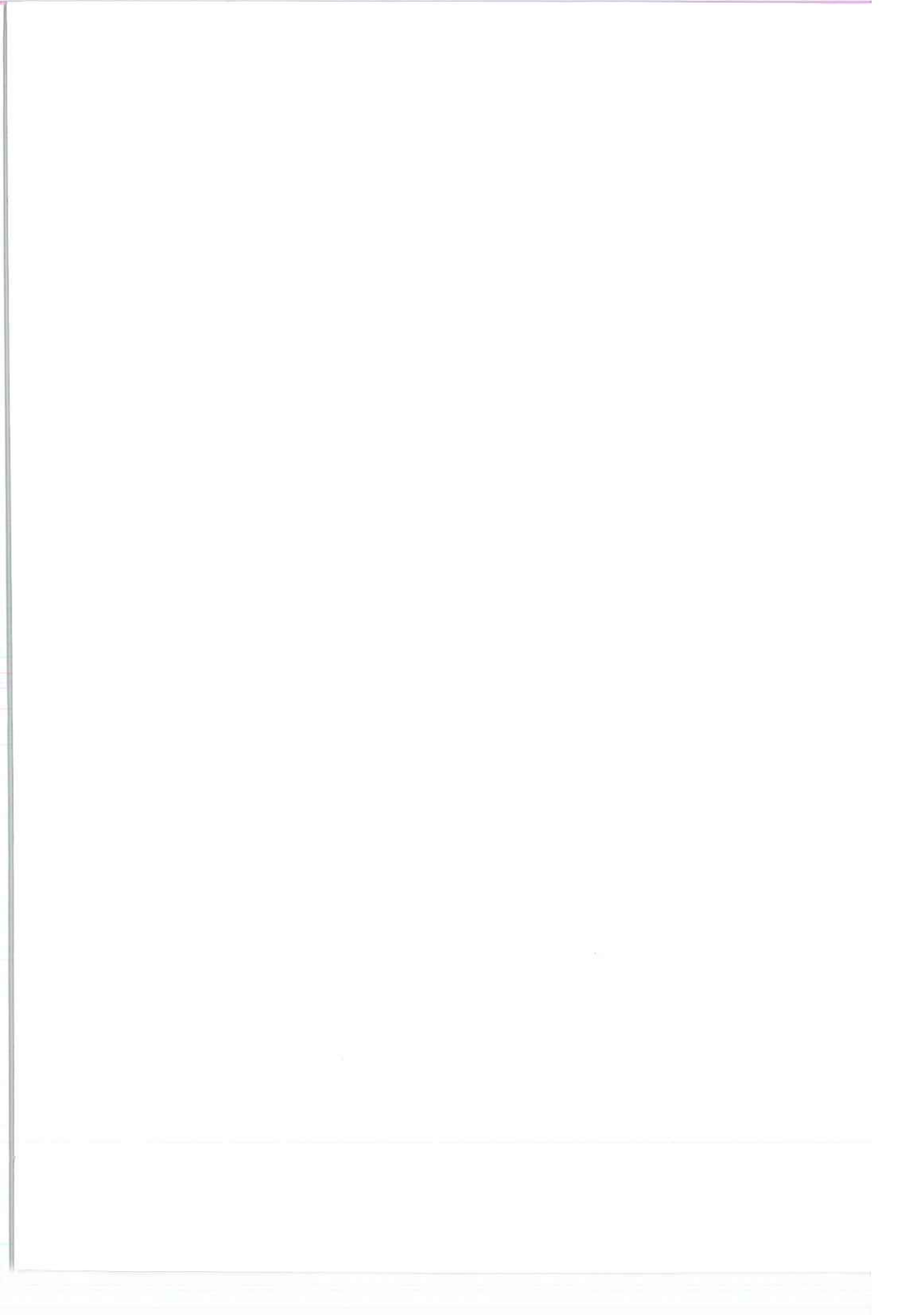


lượng thực vụ mùa, chỉ rõ nhiệm vụ của các ngành, các cấp phải chuẩn bị đầy đủ giống, vật tư, thuốc trừ sâu, nước tưới tiêu, hướng dẫn qui trình kĩ thuật, đảm bảo cho cơ sở cấy hết diện tích và chăm bón lúa. Đội ngũ cán bộ khuyến nông tăng cường hoạt động, thông báo kịp thời tình hình và hướng dẫn nhân dân cách phòng trừ sâu hại lúa. Vụ mùa năm 1992, sản lượng thóc toàn huyện đạt gần 26.000 tấn, sản lượng màu quy thóc đạt hơn 9.000 tấn, tổng sản lượng lương thực qui thóc cả năm đạt 39.018 tấn, bằng 82% kế hoạch và vượt hơn 3.970 tấn so với năm 1991.

Từ năm 1993, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân mạnh dạn tiếp thu và đưa các tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất, mở rộng diện tích cấy các giống lúa mới có năng suất cao, nên sản xuất lương thực của huyện liên tiếp giành được thắng lợi toàn diện. Vụ chiêm xuân năm 1993 đạt được kết quả cao nhất so với tất cả các năm trước: Toàn huyện cấy được 4.243 ha, năng suất bình quân đạt 36,46 tạ thóc/ha (tăng 11,1% so với kế hoạch), sản lượng thóc đạt 15.469 tấn; ngô xuân trồng được 228 ha, năng suất đạt 13,1 tạ/ha, sản lượng đạt 300 tấn (tăng 56,2% so với năm 1992); sản lượng khoai lang xuân đạt 1.378 tấn; sản lượng màu quy thóc đạt 6.375 tấn; sản lượng lương thực qui thóc đạt 21.884 tấn (tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 1992). Sản lượng các loại cây công nghiệp ngắn ngày cũng tăng hơn trước: Lạc đạt 1.183 tấn (tăng 17,7% so với kế hoạch và tăng 79,2% so với



**Cảnh đồng lúa xã Lương Phú.**





cùng kì năm 1992), đỗ tương đạt 223 tấn (tăng 62,7% so với cùng kì năm 1992)... Tính chung trong năm 1993, tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn huyện đạt 48.500 tấn (tăng 9.482 tấn so với năm 1992 và tăng 1% so với kế hoạch).

Sang năm 1994, tổng sản lượng lương thực qui thóc cả năm toàn huyện tăng 500 tấn so với năm 1993 và tăng 8% so với kế hoạch; trong đó, sản lượng thóc đạt 40.000 tấn, sản lượng màu 9.000 tấn<sup>(1)</sup>. Năm 1995, tổng sản lượng lương thực toàn huyện tăng 4,7% so với kế hoạch. Bình quân lương thực đầu người trên địa bàn huyện tăng từ 324 kg (năm 1992), lên 390 kg (năm 1993), 414 kg (năm 1994). Năm 1995, bình quân lương thực đầu người trong huyện đạt 407 kg (giảm 7 kg so với năm 1994).

Điểm nổi bật trong lãnh đạo sản xuất của Đảng bộ Phú Bình trong thời kỳ này là đã tập trung lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu, đưa các giống lúa bao thai, tám thơm, nếp hoa vàng có năng suất cao, chất lượng gạo ngon vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ (đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính trong năm và tăng cường sản xuất vụ hè thu); hệ số sử dụng ruộng đất bình quân toàn huyện tăng từ 2,20 lần (năm 1992), lên 2,25 lần (năm 1993, năm 1994) và 2,28 lần (năm 1995).

---

(1): Theo báo cáo số 09 ngày 1/10/1994 của UBND huyện. Còn theo văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XII: Sản lượng màu qui thóc năm 1992 đạt 9.400 tấn, năm 1993 đạt 9.540 tấn, năm 1994 đạt 10.501 tấn, năm 1995 đạt 11.400 tấn.

Cây lạc là cây thế mạnh của huyện Phú Bình, được Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện coi trọng nên sản lượng không ngừng tăng: từ gần 720 tấn (năm 1992), lên 1.260 tấn (năm 1993), 1.142 tấn (năm 1994) và 6 tháng đầu năm 1995 đạt 1.412 tấn, bằng 94% kế hoạch cả năm.

Với quyết tâm đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính, trong 5 năm 1991 - 1995, Đảng bộ lãnh đạo Ngành Chăn nuôi trên địa bàn huyện phát triển khá và từng bước vươn lên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập quốc dân. Đàn trâu, bò năm 1992 đạt 22.020 con (vượt 12% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI đề ra), năm 1993 đạt 21.651 con (vượt 7%), năm 1994 đạt 21.853 con (đạt 98%). Đàn lợn tăng từ 42.044 con (năm 1991), lên 45.328 con (năm 1992, vượt 8% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI đề ra), 49.177 con (năm 1993, vượt 13%), 51.433 con (năm 1994, vượt 1,6%). Năm 1995, đàn lợn đạt 52.170 con, trong đó trọng lượng lợn hơi xuất chuồng đạt 3.100 tấn, tăng 16,8% so với năm 1994. Tuy giá lợn trên thị trường không ổn định, nhưng đàn lợn nái của huyện vẫn phát triển mạnh, tạo được nguồn lợn giống cung cấp cho thị trường tương đối dồi dào.

Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu giống bằng phương thức lai Sin hoá đàn bò, phát triển mạnh đàn lợn nái hướng nạc, chăn nuôi gia cầm theo phương pháp công nghiệp, mở mang hình thức nuôi cá

ruộng, cá lồng. Công tác tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được chú ý.

Việc chăm sóc và bảo vệ rừng có nhiều chuyển biến tích cực. Sau khi hoàn thành Dự án PAM, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ trồng cây lấy gỗ sang trồng cây ăn quả. Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện uỷ, trong hai năm 1993, 1994, toàn huyện đã trồng được 10 vạn cây ăn quả các loại, với diện tích gồm 134 ha cây vải thiều, 12 ha cây cam, quýt, 10 ha cây na, 17 ha cây mơ, và 250 ha cây ăn quả các loại khác. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp, Hội làm vườn huyện đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân trồng cây ăn quả, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và mở ra cho huyện một hướng phát triển kinh tế mới.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện cũng từng bước phát triển, hàng năm giải quyết việc làm thường xuyên cho một số lao động và tận dụng được lao động nông nhàn, góp phần vào sự phát triển kinh tế trên địa bàn. Số lao động tiểu, thủ công nghiệp tăng từ 1.468 người (năm 1991), lên 1.678 người (năm 1992), 2.201 người (năm 1993), 2.300 người (năm 1994) và 2.450 người (năm 1995). Giá trị hàng hóa tiểu thủ công nghiệp của huyện cũng tăng từ 2,5 tỉ đồng (năm 1991), lên 2,9 tỉ đồng (năm 1992), 3,9 tỉ đồng (năm 1993), 5 tỉ đồng (năm 1994) và 6 tỉ đồng (năm 1995).

Trong xây dựng cơ bản, Đảng bộ lãnh đạo khai thác



các nguồn vốn; vật tư, kĩ thuật, hoàn thành việc xây dựng các công trình trọng điểm: Chợ Úc Sơn, Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện, Khoa Sản và Khoa Nội Bệnh viện huyện, Trụ sở Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và trụ sở một số xã, một số cơ quan (Toà án, Viện Kiểm sát...). Công tác giao thông cơ bản hoàn thành được các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra. Hai năm 1992 - 1993 và 4 tháng đầu năm 1994, Phú Bình đã hoàn thành xây dựng tuyến đường Úc Sơn - Tân Thành - Hợp Tiến dài 15.400 mét, thi công xong đoạn đường nhựa qua trung tâm thị trấn Úc Sơn; phối hợp với tỉnh đưa cầu treo Cầu Mây vào sử dụng đạt hiệu quả tốt, chấm dứt tình trạng ùn tắc giao thông ở khu vực này; mở rộng và nâng cấp 21.500 mét các tuyến đường Núi Căng - Phổ Yên, Úc Sơn - Lữ Vân, Cầu Ca - Dương Thành, Cầu Mây - Tân Kim.

Công tác thu, chi ngân sách có nhiều cố gắng và những năm cuối của nhiệm kỳ XXI đạt kết quả tốt. Tổng thu ngân sách tăng từ 1.556 triệu đồng (năm 1992), lên 3.660 triệu đồng (năm 1993). Năm 1994, tổng thu ngân sách toàn huyện đạt 2.800 triệu đồng; 6 tháng đầu năm 1995, đạt trên 2.031 triệu đồng, vượt 35,7% so với cùng kỳ năm trước.

Những kết quả trên các lĩnh vực sản xuất, tài chính đã góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của huyện, từ 9,95% (năm 1992), lên 10% (năm 1993) và 11% (năm 1994 và năm 1995).

Ngành Giáo dục trong những năm 90 phát triển khá

nhANH. Trong 3 năm (1993 - 1995), toàn huyện đã huy động được 3 tỉ đồng (có 60% do nhân dân đóng góp), xây dựng được 4.155 m<sup>2</sup> lớp học, nhà ở giáo viên và văn phòng nhà trường, sửa chữa 164 phòng học; đóng 1.830 bộ bàn ghế học sinh và 155 bộ bàn, ghế giáo viên; mua sắm được nhiều đồ dùng, thiết bị dạy học; căn bản chấm dứt được tình trạng học 3 ca kéo dài. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp bậc tiểu học tăng từ 93,6% (năm 1992), lên 97,5% (năm 1994); trung học cơ sở từ 93,7% (năm 1992), lên 98,1% (năm 1994)... Tuy nhiên, chất lượng giáo dục "chưa thực chất, giáo viên giỏi và học sinh giỏi còn ít, ngành học mầm non chưa phát triển mạnh." <sup>(1)</sup>

Mạng lưới y tế cơ sở được xây dựng và củng cố; dịch vụ khám, chữa bệnh được mở rộng và các chương trình quốc gia về phòng chống sốt rét, bấu cổ và tiêm chủng mở rộng được thực hiện tốt. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên toàn huyện giảm từ 1,8% (năm 1993), xuống 1,7% (năm 1994). Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao vừa phát triển bề rộng, vừa đi vào chiều sâu, ngày càng trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong huyện. Qui ước về nếp sống văn hoá mới được cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống cơ sở quan tâm lãnh đạo và tổ

---

(1) Năm học 1993 - 1994, tỉ lệ học sinh giỏi bậc tiểu học và trung học cơ sở toàn huyện đạt 38,2%; toàn huyện chỉ có 9 học sinh giỏi cấp tỉnh, 28 giáo viên giỏi cấp tỉnh và huyện.

chức triển khai thực hiện.

Công tác lao động, thương binh xã hội được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Dự án 327 về xây dựng vùng kinh tế mới đã được Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tốt, với giá trị kinh phí đầu tư 8,76 tỉ đồng. Trong thời gian này, Phú Bình đã xây dựng 30 dự án giải quyết việc làm, 2 dự án xoá đói giảm nghèo với tổng số vốn đầu tư trên 1 tỉ đồng <sup>(1)</sup>, góp phần giải quyết và tạo việc làm cho một số người lao động ở nông thôn. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện xuống cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng được 6 nghĩa trang liệt sĩ, 1 đài tưởng niệm liệt sĩ của huyện, làm nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa... trị giá 700 triệu đồng.

Trong những năm 1991 - 1995, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn huyện về cơ bản được giữ vững và ổn định. Công tác quân sự địa phương có nhiều tiến bộ. Toàn huyện động viên được 2.217 thanh niên vào bộ đội (đạt 100% chỉ tiêu trên giao), tiếp nhận hơn 1.670 quân nhân phục viên, xuất ngũ về địa phương, đăng ký, quản lý chặt chẽ 11.614 quân dự bị động viên; tổ chức tốt các đợt diễn tập phòng, chống "diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ" theo các phương án A và A2 của huyện và xã.

(1): Các dự án chính: 327, Nuôi cá lồng, Chăn nuôi lợn xuất khẩu, Trồng cây ăn quả, Sản xuất gạch - đồ gỗ, Bò lai Sin, Sản xuất lúa cao sản, Trồng rừng PAM, Ứng dụng tiến bộ KHKT, Nuôi đặc sản, Sản xuất gạch ngói, Quản lý dân số, Chống suy dinh dưỡng, Phát triển dân số - kinh tế, Chống xuống cấp ngành giáo dục, Đầu tư các trung tâm y tế khu vực.



Ngành Công an điều tra làm rõ và xử lý 528 trên tổng số 592 vụ vi phạm pháp luật, thu nộp ngân sách Nhà nước 500 triệu đồng. Ngành Tòa án xét xử 574 vụ (có 113 vụ hình sự, voi 198 bị cáo), bảo đảm đúng người, đúng tội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các đương sự, thu trên 500 triệu đồng của những người vi phạm tin dụng trả lại cho người gửi.

Tuy nhiên, "sự phối hợp giải quyết công việc giữa huyện và cơ sở, giữa các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án có lúc chưa chặt chẽ và không kịp thời. Phương pháp giải quyết công việc của cơ quan điều tra còn ít mang tính giáo dục, nặng về xử phạt hành chính, có vụ khi ra quyết định xử lý còn thiếu thận trọng, gây nên hậu quả xấu"<sup>(1)</sup>. Trong công tác xây dựng bộ máy chính quyền các cấp, Huyện uỷ Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị định 46 của Chính phủ về việc sắp xếp bộ máy cán bộ xã, thị trấn; lãnh đạo tốt việc giải thể ba cơ sở sản xuất (Xí nghiệp Công nghiệp, Xí nghiệp Vật liệu xây dựng, Trại sản xuất Tân Khánh) do làm ăn thua lỗ kéo dài; bàn giao các cơ quan Công ty Ngoại thương, Công ty Vật tư Nông nghiệp, Cửa hàng Dược phẩm, Ban Quản lý thị trường về tỉnh quản lý theo hệ thống ngành dọc.

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp (ngày 20/11/1994) thắng lợi, Hội đồng nhân dân huyện đã họp

---

(1): Báo cáo chính trị của Huyện uỷ Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 22, trang 16.

và bầu Ủy ban nhân dân huyện gồm 11 đồng chí. Đa số các đồng chí trong Ủy ban nhân dân huyện là Huyện ủy viên.

Thực hiện Nghị định 109 và Quyết định 111 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Đảng bộ lãnh đạo chặt chẽ việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giảm biên chế của các cơ quan Nhà nước cấp huyện. Các cơ quan giúp việc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện giảm từ 14 phòng, ban xuống còn 8 phòng ban; bộ máy cán bộ giảm từ 93 người xuống còn 57 người, thuận lợi cho công tác quản lý. Tuy nhiên, do tính chất công việc và trình độ quản lý, có lúc công việc còn chùng chéo hoặc ít được chú ý. Sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện và một số phòng, ban trong việc tuyên truyền, thực hiện Chỉ thị 77 của Hội đồng Bộ trưởng, kiểm tra sử dụng đất đai, Dự án di dân, xử lý tín dụng đạt kết quả chưa cao. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư có lúc chưa được quan tâm thỏa đáng. Bố trí cán bộ chuyên môn ở các ngành Tiểu, thủ công nghiệp, Thương nghiệp, Quản lý ruộng đất chưa đáp ứng được nhiệm vụ" <sup>(1)</sup>.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng nhân dân trong thời kỳ này có nhiều tiến bộ. Mặt trận Tổ quốc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, tập hợp được sức mạnh đoàn kết dân tộc, tôn giáo, tích cực tham gia xây dựng chính quyền và động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm.

---

(1): Báo cáo số 09 ngày 1/10/1994 của UBND huyện Phú Bình

Hội Cựu chiến binh hoạt động có nền nếp, đoàn kết và vận động được các hội viên phát huy truyền thống tốt đẹp của Bộ đội cụ Hồ trong việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Huyện Đoàn thanh niên tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, thanh niên xung kích thực hiện các phong trào Dân số Kế hoạch hoá gia đình, Sản xuất - kinh doanh giỏi, áp dụng khoa học kỹ thuật và giống mới, Làm đường giao thông nông thôn và thuỷ lợi, Trồng cây ăn quả, Đền ơn đáp nghĩa.

Hội Nông dân tích cực tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất lương thực, thực phẩm, làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, triển khai kỹ thuật làm vườn đến đông đảo nhân dân. Hội Phụ nữ quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện 5 chương trình của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tích cực tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng chỉ đạo "Xây dựng Đảng là then chốt" do Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khoá VII) đề ra, Đảng bộ Phú Bình quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong công tác chính trị tư tưởng, Đảng bộ thường xuyên lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đầu năm 1992, Đảng bộ lãnh đạo tốt việc tổ chức



các đợt học tập, nghiên cứu quán triệt các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI trong cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân.

Sáu tháng đầu năm 1993, Đảng bộ tập trung lãnh đạo triển khai bước I thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khoá VII) "Về đổi mới và chỉnh đốn Đảng", quán triệt cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ những nội dung cơ bản về mục tiêu, yêu cầu, phương châm và phương pháp tiến hành. Sáu tháng cuối năm 1993, Đảng bộ triển khai bước II thực hiện Nghị quyết trên. Ban Thường vụ Huyện uỷ phân công các đồng chí Ngô Quang Khải (Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo) trực tiếp chỉ đạo Đảng bộ xã Tân Hoà; Dương Văn Toàn (Ủy viên Ban Thường vụ - Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra) trực tiếp chỉ đạo Chi bộ Ngân hàng; Dương Văn Lê (Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức) trực tiếp chỉ đạo Chi bộ Phòng Giáo dục triển khai thí điểm để rút kinh nghiệm lãnh đạo trong toàn Đảng bộ.

Cùng với việc triển khai bước 2 thực hiện Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương lần thứ 3, Đảng bộ tổ chức 2 đợt kiểm tra đảng viên (đợt 1, từ tháng 5/1993, kiểm tra đảng viên chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng; đợt 2, từ tháng 11/1993, kiểm tra đảng viên chấp hành Pháp lệnh Thuế Nông nghiệp). Trong số 2.538 đảng viên trong Đảng bộ được kiểm tra, có 2.289 đảng viên chấp

hành tốt, 69 đảng viên có vi phạm, còn lại là đảng viên trung bình.

Thông qua bước 2 thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 và công tác kiểm tra Đảng, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật đưa 69 đảng viên ra khỏi Đảng bằng hình thức xóa tên, khai trừ 7 đảng viên ra khỏi Đảng, cảnh cáo 5 đảng viên và khiển trách 3 đảng viên. Việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức Đảng trong Đảng bộ. Trong số 3.553 đảng viên của toàn Đảng bộ được phân loại năm 1993, có 2.626 đảng viên loại I (bằng 73,3%), 776 đảng viên loại II (bằng 21,54%), 117 đảng viên loại III (bằng 3,29%), 34 đảng viên loại IV (bằng 0,97%). Trong số 22 tổ chức cơ sở Đảng thuộc khối xã, thị trấn, có 9 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh (chiếm tỉ lệ 40,9%, tăng 13,9% so với năm 1992), 13 cơ sở đạt khá. Trong số 32 tổ chức cơ sở Đảng khối cơ quan, có 20 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh (chiếm tỉ lệ 62,4%), 10 đơn vị đạt khá (bằng 31,2%), 2 đơn vị trung bình (bằng 6,4%).

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3, từ ngày 3 đến ngày 4/5/1994, Đảng bộ Phú Bình tổ chức Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ nhằm kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1991 - 1995 (khoá XXI) và quyết

định phương hướng mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong nửa nhiệm kỳ còn lại. Tham dự Hội nghị có 94 đại biểu đại diện cho trên 3.700 đảng viên ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Đặng Quốc Tiến, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị.

Hội nghị thông qua Nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nửa nhiệm kỳ còn lại, nêu rõ phải tiếp tục phấn đấu "ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân". Đảng bộ cần tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện 6 chương trình tổng quát: "Đồng - Đường - Trường - Trạm - Điện và phát triển mô hình Vườn - Ao - Chuồng (VAC)". Đối với công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Hội nghị xác định phải làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thấu suốt đến đảng viên và quần chúng; xây dựng đội ngũ đảng viên đông về số lượng, mạnh về chất lượng, thực hiện đấu tranh tự phê bình, phê bình trong Đảng nghiêm túc; thường xuyên kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hoá, biến chất, vi phạm kỉ luật Đảng và những đảng viên không tha thiết đứng trong hàng ngũ của Đảng; đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới.

Sau Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, Ban Tuyên giáo



Huyện uỷ chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thời sự, giáo dục chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Thời gian tuyên truyền thời sự từ 160 buổi (năm 1992), tăng lên 192 buổi (năm 1993), 188 buổi (năm 1994), 197 buổi (năm 1995). Số lượng người được nghe tuyên truyền thời sự, chính trị cũng tăng từ 11.250 lượt người (năm 1992 - 1993), lên 11.590 lượt người (năm 1994), và 11.870 lượt người (năm 1995). Tỷ lệ đảng viên được học tập, nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng năm 1994 đạt 86% (tăng 5% so với năm 1992 và tăng 2% so với năm 1993), năm 1995 đạt 85%. Số lượng quần chúng được tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cũng tăng từ 3.600 lượt người (năm 1992), lên 4.800 lượt người (năm 1993), 5.070 lượt người (năm 1994) và 5.410 lượt người (năm 1995).

Quán triệt Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3, các chi bộ, đảng bộ cơ sở nhận thức đầy đủ hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên mới. Các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ đã mở các hội nghị chuyên đề bàn về công tác phát triển Đảng, xây dựng chỉ tiêu, phân công cấp uỷ, đảng viên theo dõi, giúp đỡ quần chúng phấn đấu vào Đảng. Nhờ đó, công tác phát triển đảng viên mới của Đảng bộ đảm bảo tốt các yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Năm 1994, Đảng bộ huyện mở 2 lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng cho 243 quần chúng ưu tú. Số lượng đảng viên mới được kết nạp tăng từ 31 đồng chí (năm 1992), lên 52 đồng chí

(năm 1993), 81 đồng chí (năm 1994) và 111 đồng chí (năm 1995).

Công tác kiểm tra Đảng ngày càng đi vào nề nếp. Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ và Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ cơ sở xây dựng được qui chế làm việc chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng của các tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ. Trong 5 năm (1991 - 1995), Đảng bộ kiểm tra được 9.059 lượt đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp), phát hiện được 208 đảng viên có vi phạm, chủ yếu là vi phạm thực hiện Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp. Đa số các đảng viên có vi phạm đã kiểm điểm sâu sắc, có đảng viên phải xử lý kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng. Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ và Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ cơ sở kiểm tra, phát hiện 33 cấp uỷ có vi phạm, chủ yếu là vi phạm Điều lệ Đảng, buông lỏng lãnh đạo Nhà nước trong công tác thu, chi ngân sách. Kiểm tra thu nộp đảng phí ở 18 cấp uỷ, có 6 cấp uỷ thực hiện chưa tốt, thanh quyết toán với trên không kịp thời. Thông qua công tác Kiểm tra Đảng, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 96 đảng viên, (có 34 đảng viên phải khai trừ ra khỏi Đảng, 5 đảng viên bị cách chức, 33 đảng viên bị cảnh cáo, 24 đảng viên bị khiển trách). Ngoài ra, trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Đảng bộ đã cho ra khỏi Đảng 69 đảng viên bằng hình thức xoá tên; xét cho gần 300 đảng viên nghỉ sinh hoạt Đảng do tuổi cao, sức yếu.

Số đảng bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh ngày càng

tăng: từ 6 đơn vị, bằng 27% tổng số đơn vị (năm 1992), tăng lên 9 đơn vị, bằng 40% (năm 1993), 11 đơn vị, bằng 50% (năm 1994) và 13 đơn vị, bằng 58% (năm 1995). Năm 1992, có 23 chi bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh (bằng 71%), năm 1993 có 19 chi bộ (bằng 59 %), năm 1994 có 23 chi bộ (bằng 71%) và năm 1995 tăng lên 25 chi bộ (78%). Trong số 3.626 đảng viên của Đảng bộ được phân loại, có 2.829 đảng viên loại 1 (bằng 78% số đảng viên được phân loại, giảm 3,2% so với năm 1993), 683 đảng viên loại 2 (bằng 18,8%, giảm 2,74% so với năm 1993), 85 đảng viên loại 3 (bằng 2,3%), 29 đảng viên loại 4 (bằng 0,8%).

Những thành tích và tiến bộ trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong 5 năm 1991 - 1995 là rất quan trọng, nó đã tạo ra thế và lực mới để Đảng bộ bước vào lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 1996 - 2000.

### **III- LÃNH ĐẠO ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, CÙNG CỐ GIỮ VÙNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH.**

Nhằm đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, từ ngày 25 đến ngày 27/1/1996, Đảng bộ huyện Phú Bình họp Đại hội đại



biểu lần thứ XXII với sự có mặt của 175 đại biểu đại diện cho gần 4.000 đảng viên sinh hoạt ở 54 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XXI, đồng chí Dương Văn Lương, Bí thư Huyện uỷ<sup>(1)</sup>, đọc Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Đại hội thảo luận, thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm của Huyện uỷ, đồng thời ra Nghị quyết chỉ rõ mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ 5 năm (1996 - 2000) là "phải tập trung mọi nỗ lực, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển toàn diện và đồng bộ, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, an ninh quốc phòng, đưa huyện ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000".

Đại hội xác định cơ cấu kinh tế của huyện trong nhiệm kỳ 1996-2000 là Nông - Lâm nghiệp và Dịch vụ; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng

---

(1): Đồng chí Dương Văn Lương được Tỉnh uỷ điều về làm Phó Bí thư Huyện uỷ Phú Bình từ tháng 3/1994, đến tháng 8/1994 được cử làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Đồng Huy Xuyên nghỉ hưu. Tháng 5/1995, đồng chí Phạm Bình Nguyên được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ, đồng chí Ngô Quang Khải được phân công làm Phó Chủ tịch UBND huyện.

hoá; khai thác mọi tiềm năng thiên nhiên, sức lao động; ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; xây dựng Đảng bộ ngày càng phát triển về số lượng và nâng cao về chất lượng; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, củng cố, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1996 - 2000 gồm 33 uỷ viên <sup>(1)</sup>. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí do các đồng chí Dương Văn Lương làm Bí thư, Phạm Bình Nguyên làm Phó Bí thư Thường trực và Dương Vương Thủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Phó Bí thư.

Bước vào lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Bình có thêm một số thuận lợi

(1) Trong số 33 Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII, có 30 đồng chí là nam (bằng 91%), 3 đồng chí nữ (bằng 9%), 2 đồng chí là người dân tộc ít người (bằng 6%), 8 đồng chí thuộc khối Đảng (bằng 24,2%), 14 đồng chí thuộc khối quản lý Nhà nước và cơ cấu ngành (bằng 42,4%), 3 đồng chí thuộc khối Đoàn thể (bằng 9%), 8 đồng chí thuộc khối xã, thị trấn (bằng 24,2%). Về trình độ văn hoá: 5 đồng chí tốt nghiệp THCS, 28 đồng chí tốt nghiệp THPT. Về trình độ chuyên môn: 6 đồng chí tốt nghiệp trung cấp, 14 đồng chí tốt nghiệp đại học, cao đẳng, 22 đồng chí có trình độ trung cấp chính trị, 7 đồng chí có trình độ đại học và cao cấp chính trị, tuổi đời bình quân là 45.

ơ bản là: Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chính sách đầu tư phát triển kinh tế; những tiềm năng thế mạnh về đất đai, nhân lực của huyện đang từng bước được khai thác; cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện có ý thức tiếp thu tiến bộ khoa học kĩ thuật đưa vào sản xuất; an ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững.

Bên cạnh đó, Đảng bộ và nhân dân Phú Bình cũng gặp không ít khó khăn thách thức do những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, do thời tiết, khí hậu (rét đậm, nắng nóng, lũ lụt, hạn hán có lúc kéo dài...) gây ra, ảnh hưởng không tốt đến đời sống tinh thần và sản xuất công tác của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Mặt khác, khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, từ ngày 1/1/1997, sau khi tỉnh Thái Nguyên được tái lập, Đảng bộ Phú Bình trở thành đầu mối trực thuộc Tỉnh uỷ Thái Nguyên. Trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cũng có những biến đổi về nhân sự. Tháng 2/1998, đồng chí Phạm Bình Nguyên được Tỉnh uỷ chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Dương Văn Lương đi nhận công tác khác; đồng chí Ngô Quang Khải (Ủy viên Ban Thường vụ - Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ. Năm 2000, đồng chí Lê Quang Đức, Tỉnh uỷ viên, được Tỉnh uỷ phân công về làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Phạm



Bình Nguyên nghỉ hưu. Sự thay đổi về nhân sự chủ chốt trong Huyện uỷ cũng có những tác động đến quá trình lãnh đạo của Đảng bộ.

Xuất phát từ đặc điểm của một huyện miền núi và trung du, dân số nông nghiệp và nông thôn chiếm tỉ lệ cao (98,74% dân số) <sup>(1)</sup>, kinh tế nông nghiệp chiếm tỉ trọng 70% trong cơ cấu kinh tế của huyện <sup>(2)</sup>, trong 5 năm 1996 - 2000, Đảng bộ Phú Bình tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, trọng tâm là phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Đảng bộ chú trọng lãnh đạo thực hiện 5 chương trình lớn: Lương thực; Trồng cây ăn quả; củng cố, nâng cấp và phát triển thuỷ lợi; Vật nuôi, thuỷ sản; Chuyển đổi và thành lập hợp tác xã mới theo luật.

Đầu năm 1996, do thời tiết rét đậm và hạn hán kéo dài làm chậm thời vụ gieo, cấy lúa xuân và làm cho trên 2.000 ha lúa chiêm, xuân bị chết phải cấy lại, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã kịp thời ra Chỉ thị số 02 lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân khắc phục hậu quả. Ủy ban nhân dân huyện cử cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xuống cơ sở trực tiếp chỉ đạo, động viên nhân dân cấy lại hết diện tích lúa bị chết. Ban Vật tư Nông nghiệp đưa phân bón về tận cơ sở cung cấp cho nông dân chăm bón 2.000 ha lúa phải cấy lại. Nông dân đã nỗ lực

(1) Số liệu năm 2002 - Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1998 - 2002.

(2) Số liệu năm 1995

khắc phục mọi khó khăn cấy lại hết diện tích lúa bị chết và tích cực thâm canh tăng năng suất lúa chiêm xuân. Nhờ đó, tuy diện tích lúa chiêm xuân năm 1996 bị giảm 4,7% so với kế hoạch và giảm hơn 130 ha so với vụ chiêm xuân năm trước, nhưng năng xuất tăng 2,6% so với kế hoạch và tăng 382 kg thóc một ha so với vụ chiêm xuân năm trước, sản lượng lúa đạt hơn 15.053 tấn (tăng trên 133 tấn so với kế hoạch và tăng 1.226,5 tấn so với vụ chiêm xuân năm 1995).

Để đảm bảo chủ động tưới, tiêu nước trong sản xuất nông nghiệp, trong 5 năm (1996 - 2000), nhân dân toàn huyện đã sửa chữa và nâng cấp được 32 công trình thủy lợi, sửa chữa 5 hạng mục thuộc các hồ, đập trung thủy nông; sửa chữa, nâng cấp 7 trạm bơm điện, lắp đặt thêm 16 trạm bơm điện; xây dựng xong 2 hồ chứa nước (ở 2 xã Bàn Đạt và Tân Thành), 24 km kênh mương kiên cố, với tổng kinh phí đầu tư 8,6 tỉ đồng, (có 5,8 tỉ đồng do Nhà nước hỗ trợ và 2,8 tỉ đồng do nhân dân trong huyện đóng góp). Công tác thủy lợi có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp.

Diện tích trồng cây lương thực của huyện từ 15.100 ha, (năm 1998) tăng lên 15.239 ha (năm 2000)<sup>(1)</sup>. Tổng sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi năm trong thời kỳ 1996 - 2000 là 5,01%. Năm 1998, tổng sản lượng lương thực qui thóc toàn huyện đạt 49.475 tấn, năm 2000

---

(1): Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1998 - 2002, trang 43.

tăng lên 56.711 tấn. Tổng sản lượng lương thực qui thóc tính bình quân theo đầu người toàn huyện tăng từ 364 kg (năm 1996) lên 416 kg (năm 2000).

Trong sản xuất cây lương thực, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo tăng diện tích và sản lượng lúa. Diện tích gieo trồng lúa tăng từ 12.952 ha (năm 1998), lên 13.502 ha (năm 1999) và 13.528 ha (năm 2000); sản lượng lúa tăng từ 43.399 tấn (năm 1998), lên 50.334 tấn (năm 1999) và 52.085 tấn (năm 2000).

Sở dĩ sản lượng lúa của huyện Phú Bình trong những năm này ổn định và có sự tăng trưởng khá là do Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo đưa cây lúa hè thu vào gieo cấy trên diện rộng, tạo nên cơ cấu 4 mùa vụ trong năm (vụ lúa chiêm xuân, vụ lúa hè thu, vụ lúa mùa và cây màu vụ đông), đưa hệ số sử dụng ruộng đất tăng từ 2,5 lần (năm 1996), lên 2,67 lần (năm 2000). Đây là một trong những thành công lớn của Đảng bộ Phú Bình trong thời kì này. Đảng bộ Phú Bình là Đảng bộ huyện đầu tiên trong tỉnh lãnh đạo đưa cây lúa hè thu vào gieo cấy trên diện rộng.

Diện tích và sản lượng các loại cây thực phẩm được duy trì và phát triển, phát huy tiềm năng vốn có của huyện, tăng thêm thu nhập cho nhân dân trong điều kiện mới của cơ chế thị trường. So với các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh, năm 2000, huyện Phú Bình có sản lượng rau, đậu đứng thứ 4 (sau các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên)...



Chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản được giữ vững và phát triển khá toàn diện. Đàn trâu tăng trưởng đều, từ 14.974 con (năm 1996), lên 15.088 con (năm 1997), 15.202 con (năm 1998), 15.430 con (năm 1999). Năm 2000, do có dịch lở mồm, long móng xuất hiện ở 20 trên tổng số 22 xã của huyện, làm cho 1.303 con trâu, bò mắc bệnh. Tuy được Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phòng chống, nhưng một số trâu bò vẫn bị chết, nên tổng đàn trâu của huyện giảm xuống còn 14.738 con. Đàn bò tăng trưởng chậm, từ 6.985 con (năm 1996), lên 7.350 con (năm 1998) và 7.866 con (năm 2000). Đàn lợn tăng trưởng khá, từ 80.900 con (năm 1998), lên 82.727 con (năm 2000)<sup>(1)</sup>. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng từ 5.260 tấn (năm 1998), lên 5.730 tấn (năm 2000). Đàn lợn nái của huyện phát triển mạnh từ 10.461 con (năm 1996), lên 12.337 con (năm 1999), đảm bảo cung cấp đủ lợn giống cho nhân dân trên địa bàn và các vùng lân cận.

Diện tích và qui mô nuôi trồng thủy sản cũng không ngừng được mở rộng; đặc biệt, phong trào nuôi cá ruộng phát triển mạnh và cho hiệu quả kinh tế cao. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng từ 137 ha (năm 1998), lên 249 ha (năm 2000); sản lượng thủy sản cũng tăng từ

---

(1) Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1998 - 2002, trang 78.

223 tấn (năm 1998), lên 285 tấn (năm 2000). Mạng lưới dịch vụ và chăn nuôi thú y phát triển rộng khắp, góp phần thúc đẩy và đảm bảo cho chăn nuôi phát triển có hiệu quả. Cuối năm 1999, đầu năm 2000, các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, Ngành Chăn nuôi - Thú y hoạt động tích cực, kịp thời chặn đứng và cơ bản dập tắt được bệnh lở mồm, long móng ở đàn gia súc.

Việc trồng mới, chăm sóc và bảo vệ rừng được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Đến năm 2000, toàn huyện có 4.923 ha rừng. Việc quản lý, khai thác rừng được thực hiện theo đúng qui định. Giá trị sản xuất Ngành Lâm nghiệp của huyện tăng từ 1.380 triệu đồng (năm 1996), lên 3.950 triệu đồng (năm 1999). Tuy nhiên, độ che phủ rừng trên địa bàn huyện mới đạt tỉ lệ 26,83%.

Thực hiện chương trình trồng cây ăn quả đã được Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII thông qua, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế vườn, đồi, chuyển cơ cấu từ trồng cây lấy gỗ sang trồng cây ăn quả. Diện tích trồng cây ăn quả của huyện tăng nhanh từ 580 ha (năm 1996), lên 1.119 ha (năm 2000) <sup>(1)</sup>; trong đó, diện tích và sản lượng nhãn, vải tăng từ 581 ha, 220 tấn (năm 1998), lên 607 ha, 350 tấn (năm 2000). Chỉ tính riêng năm 1999, toàn huyện đã trồng mới 300 ha cây ăn quả. Diện tích cây ăn quả của xã Tân Khánh đạt 253 ha

(1) Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2002.

(chiếm 22,6% diện tích trồng cây ăn quả toàn huyện). Đến cuối năm 2000, toàn huyện đã có hàng trăm hộ phát triển kinh tế đồi rừng, vườn rừng, thu nhập bình quân mỗi hộ từ 10 triệu đến 20 triệu đồng một năm. Nhiều mô hình trang trại đã xuất hiện. Công tác quản lý đất đai đã đi vào nền nếp; việc giao đất, giao rừng cho các hộ tập thể và cá nhân quản lý được Đảng bộ tích cực lãnh đạo thực hiện.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ của Phú Bình được Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII xác định là một ngành sản xuất quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện đã có những bước phát triển mới cả về qui mô và hiệu quả kinh tế; tốc độ tăng trưởng năm 1996 so với năm 1995 tăng 10,36%, năm 1997 so với năm 1996 tăng 6,83%; giá trị sản xuất năm 1997 (theo thời giá so sánh năm 1994), toàn huyện đạt 9 tỉ 924 triệu đồng. Năm 1999, số lao động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong toàn huyện có 1.712 người.

Năm 2000, toàn huyện có 1.001 cơ sở sản xuất công nghiệp. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp (theo thời giá so sánh năm 1994) đạt 10 tỉ 969 triệu đồng, đứng thứ 8 trong tổng số 9 huyện, thành, thị trong tỉnh. Các sản phẩm gạch, ngói Nga My, đồ gỗ Hợp tác xã xẻ - mộc Tân Khánh... đạt chất lượng cao, được thi



trường chấp nhận.

So với 5 năm trước, trong 5 năm (1996 - 2000), cơ sở vật chất kỹ thuật của Ngành Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp được tăng cường hơn, máy móc, thiết bị ngày một cải tiến, chuyển dần từ thủ công sang bán cơ khí, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng cho xã hội. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện còn phát triển chậm, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế, chưa tương xứng với tiềm năng.

Được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, việc xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn được đẩy mạnh. Trong những năm 1996 -2000, việc sửa chữa và nâng cấp Quốc lộ 37 đi qua địa bàn huyện đã cơ bản hoàn thành, cầu Mây bằng xi măng, cốt thép được thi công, mở ra cho huyện những triển vọng mới về phát triển kinh tế - xã hội; 613,9 km đường giao thông nông thôn, 16 cầu các loại cũng được sửa chữa và nâng cấp. Ngoài ra, huyện còn thi công 6 tuyến đường bằng nguồn vốn WB, làm thí điểm gần 10 km đường nhựa và bê tông. Từ cuối tháng 12/1998, Phú Bình đã có đường cho ô tô đến được trung tâm 100% các xã, thị trấn trên địa bàn. Tuy nhiên, "hệ thống giao thông thuộc huyện và xã quản lý chất lượng còn thấp, hầu hết là đường đất và cấp phối, lầy lội trong mùa mưa, bụi bặm trong mùa khô. Mặt đường xấu, nhất

là mặt đường các tuyến liên thôn, liên xã ở 7 xã miền núi của huyện, ảnh hưởng không tốt đến năng lực vận tải" <sup>(1)</sup>.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo sử dụng có hiệu quả tốt nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và tích cực huy động nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Các công trình y tế từ huyện xuống cơ sở đều được xây dựng cơ bản và từng bước đầu tư thêm trang thiết bị, đảm bảo việc khám chữa bệnh cho nhân dân ngày một tốt hơn. 100% xã, thị trấn với 95% số hộ gia đình đã được sử dụng điện lưới quốc gia, phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Toàn huyện có 46 chương trình, dự án với số vốn trên 131 tỉ đồng, đầu tư vào các lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp, Giao thông - Xây dựng, Y tế, Giáo dục, Thuỷ lợi, Tiểu, thủ công nghiệp, và Điện. Mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn huyện từng bước mở rộng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII "Cần đổi mới và tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã sao cho thích ứng với cơ chế thị trường và nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần", từ năm 1998 đến năm 2000, Đảng bộ lãnh đạo thành lập được 4 hợp tác xã mới theo

---

(1) Quy hoạch tổng thể huyện Phú Bình, trang 20.

Luật Hợp tác xã <sup>(1)</sup>. Trong số 4 hợp tác xã mới được thành lập, Hợp tác xã xây dựng số 1 Phú Bình hoạt động tương đối có hiệu quả tốt.

Thực hiện nhiệm vụ chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài", Đảng bộ tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học. Năm học 1996 - 1997, toàn huyện có 180 lớp mẫu giáo, với 3.427 cháu; 62 trường phổ thông các cấp từ tiểu học đến phổ thông trung học, với 917 lớp và 33.239 học sinh. Năm 2000, toàn huyện đã có 9 trường trung học cơ sở có phòng học là nhà xây kiên cố cao tầng, khang trang, sạch đẹp. Trường Trung học phổ thông huyện cũng đưa vào sử dụng 1 nhà xây kiên cố 3 tầng làm phòng học và 1 nhà xây kiên cố đạt tiêu chuẩn nhà cấp 3 cho Ban Giám hiệu làm việc. Cuối năm 2000, căn cứ vào thực tế 100% các phòng học, lớp học trên địa bàn huyện đã được ngói hóa, Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định sử dụng 800 triệu đồng tỉnh cho vay xoá phòng học tạm để đầu tư xây dựng phòng học nhà cao tầng cho 2 xã Bàn Đạt và Đồng Liên. Năm học 1999 - 2000, 100% các xã, thị trấn trong huyện đã có đủ mạng lưới trường, lớp các ngành học, cấp học từ tiểu học đến trung học cơ sở; 95% số xã có ngành học mầm non.

---

(1) Gồm 2 hợp tác xã sử dụng nước ở xã Tân Đức, 1 hợp tác xã chế biến lâm sản ở xã Tân Khánh và Hợp tác xã xây dựng số 1 Phú Bình.



Toàn huyện có 66 trường, 935 lớp và 31.512 học sinh phổ thông (tăng 4 trường, 24 lớp so với năm học 1996 - 1997).

Chất lượng giáo dục trong các trường học cũng được nâng lên. Kết quả năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, tỉ lệ duy trì sĩ số học sinh tiểu học đạt 99,6% (tăng 0,6% so với năm học trước), trung học cơ sở đạt 98,3% (tăng 0,7% so với năm học trước). Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng so với năm học trước ở bậc tiểu học tăng 1,1%, bậc trung học cơ sở tăng 2,1%. Năm học 1999 - 2000, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp tiểu học đạt 99,3%, trung học cơ sở đạt 93,9%, trung học phổ thông đạt 84%. Toàn huyện có 11 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 78 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 213 học sinh giỏi cấp tỉnh (có 166 học sinh tiểu học.) So với năm học trước, số học sinh tiểu học đạt học sinh giỏi cấp tỉnh tăng 117 em). Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ngày càng tăng.

Hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao có những bước tiến mới. Việc xây dựng các công trình phục vụ cho sinh hoạt văn hoá từ huyện xuống cơ sở bắt đầu được chú ý. Đài phát thanh huyện, công suất 150 W, phủ sóng 100% xã, thị trấn trong huyện được xây dựng xong và đưa vào sử dụng. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 4 trạm truyền thanh ở các xã Hà Châu, Thanh Ninh, Lương Phú và Đào Xá. Nhiều xã, thị trấn đã dành diện

tích đất để xây dựng các công trình văn hoá và phúc lợi công cộng. Các đảng bộ, chi bộ xã, thôn, xóm đã lãnh đạo nhân dân phát huy nội lực, xây dựng được 201 nhà văn hoá làm nơi hội họp, học tập, biểu diễn văn nghệ, góp phần nâng cao trình độ dân trí của các tầng lớp dân cư trên địa bàn. Phòng Văn hoá huyện xây dựng được 5 thư viện, gồm 1 thư viện ở trung tâm huyện với trên 5.000 đầu sách và 4 thư viện cấp xã. Các Làng Văn hoá được xây dựng; trong đó, Làng Văn hoá Quán (xã Thanh Ninh) và Làng Văn hoá xóm Chiềng (xã Lương Phú) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là Làng Văn hóa cấp tỉnh. Năm 1999, toàn huyện có 3.250 gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hoá.

Phong trào thể dục thể thao có nhiều chuyển biến. Đến năm 2000, trên địa bàn huyện đã xây dựng được 152 sân cầu lông, 23 sân bóng chuyền, 31 sân bóng đá. Đoàn vận động viên thể dục, thể thao của huyện đi tham gia thi đấu 3 giải khu vực và toàn quốc, đạt 3 huy chương đồng.

Sự nghiệp y tế và chăm lo sức khỏe cộng đồng cũng đạt nhiều kết quả. Xây dựng, củng cố mạng lưới y tế cơ sở là chương trình y tế quốc gia số 1 để thực hiện các chương trình y tế khác đã được các cấp bộ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 2000, toàn huyện có 25 cơ sở y tế (có 3 phòng khám đa khoa khu vực và 22 trạm y tế xã, thị trấn) với tổng số 181 cán bộ, nhân viên y tế (trong đó có 16 bác sĩ, 1 dược sĩ cao cấp, 32 y sĩ, 3 dược sĩ trung cấp).

Trên địa bàn huyện còn có mạng lưới y tế tư nhân đông đảo, bao gồm các cán bộ, nhân viên y tế trong và ngoài quân đội nghỉ hưu. 100% các trạm y tế xã, thị trấn đã được sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới, đảm bảo khang trang. Bệnh viện huyện được củng cố, xây dựng mới gồm 4 nhà 2 tầng, 1 nhà cấp 4, với hệ thống điện, nước, quạt mát về mùa hè, cửa kính che ấm về mùa đông, công trình vệ sinh khép kín. Bệnh viện đã tổ chức được một phòng khám đa khoa có đủ các chuyên khoa. Từ những năm 1997, 1998, Trung tâm y tế huyện cùng với 13/22 trạm y tế xã được trang bị thêm các thiết bị, phương tiện khám, chữa bệnh. Chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân ở cả tuyến y tế trên địa bàn huyện được nâng lên.

Công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình có mạng lưới cộng tác viên ở cơ sở lên tới gần 300 người. Năm 1999, toàn huyện có 16.200 trên tổng số 24.028 cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện kế hoạch hóa gia đình (đạt tỉ lệ 67,4%); tỉ lệ cặp vợ chồng sinh con thứ 3 còn 13%, giảm đáng kể so với trước. Công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em có nhiều chuyển biến tốt. Hội Chữ thập đỏ phát triển rộng khắp và có nhiều hoạt động thiết thực, công tác từ thiện nhân đạo được đẩy mạnh đã giúp đỡ nhiều gia đình, nhiều người vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Trước tình hình các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động chống lại công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước



của nhân dân ta, việc lãnh đạo củng cố an ninh - quốc phòng vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn trở thành một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và thường xuyên của Đảng bộ. Các cấp bộ Đảng và chính quyền trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, khiếu nại về tranh chấp đất đai, tranh chấp tài sản, nên tình hình nội bộ nhân dân cơ bản ổn định. Công tác phòng ngừa tội phạm, điều tra, khám phá án có nhiều tiến bộ, góp phần hạn chế tình hình phạm pháp hình sự và các tệ nạn xã hội. Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở, xây dựng và củng cố lực lượng công an trong sạch, vững mạnh, kịp thời truy bắt bọn tội phạm và đấu tranh ngăn chặn tệ nạn xã hội trên địa bàn.

Các ngành trong khối Nội chính có nhiều cố gắng và có sự phối hợp chặt chẽ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Hoạt động của các tổ An ninh nhân dân, Thanh tra nhân dân và Thanh tra Nhà nước giải quyết tốt những vụ việc thắc mắc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, góp phần bảo đảm đoàn kết thôn xóm, giữ gìn trật tự trị an xã hội. Việc phổ biến giáo dục pháp luật có chuyển biến tốt. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn luôn được giữ vững và ổn định, góp phần phục vụ có hiệu quả việc lãnh đạo thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đề ra.

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, chống "diễn biến hoà bình" của địch trên địa bàn, từ ngày 14/7/2000, Đảng bộ lãnh đạo tổ chức tốt đợt nghiên cứu, học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khoá VIII) cho hơn 100 cán bộ chủ chốt các đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Đảng bộ đề ra chương trình hành động "Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát hiện và xử lý kịp thời mọi cán bộ, đảng viên thoái hoá biến chất".

Trong công tác quốc phòng - quân sự địa phương, Đảng uỷ Quân sự huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng. Cơ quan quân sự huyện, được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, hằng năm đảm bảo tốt nội dung và thời gian huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng dân quân, tự vệ có số lượng hợp lý; mỗi xã, thị trấn xây dựng được một trung đội dân quân, có tổ chức và quản lý chặt chẽ, huấn luyện tốt, sẵn sàng cơ động chiến đấu và phối hợp với lực lượng an ninh đảm bảo giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ vùng chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện thường xuyên tổ chức các cuộc diễn tập phòng thủ khu vực, chống biểu tình, gây rối, bạo loạn theo các phương án tác chiến đã đề ra.

Trong công tác tuyển quân, các cơ quan chức năng đã làm tốt việc sơ tuyển, khám tuyển, xét duyệt, đưa tiễn

thanh niên lên đường nhập ngũ. Trong 5 năm (1996 - 2000), toàn huyện tuyển được 1.034 thanh niên vào bộ đội, hoàn thành 100% các chỉ tiêu trên giao cả về số lượng và chất lượng <sup>(1)</sup>. Ngày giao quân đã thực sự trở thành Ngày Hội lên đường bảo vệ Tổ quốc của con, em nhân dân các dân tộc trong huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII và quán triệt quan điểm "phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt" do Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (lần 2) đề ra, Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức. Nhờ đó, sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện được nâng lên, thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo các phong trào cách mạng của quần chúng trong huyện. Đảng bộ lãnh đạo xây dựng, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên có năng lực tốt; các ngành thành viên trong khối tư tưởng phối, kết hợp chặt chẽ trong công tác giáo dục, tuyên truyền; tổ chức tốt các đợt học tập, triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII và các Nghị quyết lần thứ 2, 3, 4, 5, 6 (lần 1, 2) và 7 của Ban Chấp hành Trung

---

(1) Số lượng tuyển quân các năm 1996: 277 người, 1997: 225 người, 1998 - 1999 mỗi năm 180 người, năm 2000: 172 người.



ương (khoá VIII), v.v... Thông qua đó, nhận thức về chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên rõ rệt, từng bước đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, Đảng bộ đã cử nhiều cán bộ đi học các lớp đại học, trung cấp lý luận chính trị, mở nhiều lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo và nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ cơ sở. Chỉ tính riêng năm 2000, huyện đã mở 2 lớp bồi dưỡng kiến thức cho 239 đại biểu Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn về Những quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền; Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa do dân và vì dân; Pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa; Tổ chức và hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

Qui chế hoạt động của các cấp uỷ trong Đảng bộ thường xuyên được sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế và được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm cho guồng máy tổ chức hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả. Chế độ sinh hoạt Đảng được duy trì tốt hơn. Huyện uỷ và Ban Thường vụ Huyện uỷ luôn tôn trọng nguyên tắc tập trung, dân chủ "Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách". Các Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Huyện uỷ đều được phân công nhiệm vụ cụ thể và đều tuân thủ nghiêm túc qui chế hoạt động đã đề ra, xác định rõ trách nhiệm trong quan hệ công tác giữa cấp uỷ và chính quyền, thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà

nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ".

Công tác thi đua trong Đảng được Đảng bộ duy trì thường xuyên và ngày càng đi vào nền nếp. Các chỉ tiêu thi đua cụ thể, rõ ràng, có tác dụng tốt trong việc kích thích các cơ sở tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Việc bình xét, phân loại chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên được Đảng bộ lãnh đạo thực hiện nghiêm túc và có nền nếp. Số chi, đảng bộ cơ sở trong Đảng bộ đạt vững mạnh, trong sạch tăng từ 87,5% (các năm 1996, 1997), lên 94,64% (năm 1998) và 96,6% (năm 2000). Tính bình quân trong 5 năm, có 80% số chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ và 75,69% số chi bộ nông thôn trong các đảng bộ xã, thị trấn đạt vững mạnh trong sạch. Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách mức I trong toàn Đảng bộ huyện năm 1997 đạt 89,35% (tăng 5,36% so với năm 1996). Năm 1999, toàn Đảng bộ có 3.994 đảng viên đủ tư cách mức I (đạt tỷ lệ 89,79%), 414 đảng viên đủ tư cách mức II (chiếm tỷ lệ 9,3%), số đảng viên mức III và IV chiếm 0,91%.

Công tác phát triển đảng viên mới được Đảng bộ chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Năm 1999, Huyện uỷ mở 3 lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng cho 418 quần chúng ưu tú. Trong 5 năm (1996 - 2000), Đảng bộ kết nạp được 713 đảng viên...

Công tác kiểm tra Đảng được duy trì thường xuyên. Trong toàn Đảng bộ đã có 3.216 đảng viên được kiểm tra (đạt 84,6% so với tổng số đảng viên và đạt 94,58% so

với kế hoạch). Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ kiểm tra việc chấp hành chế độ sinh hoạt Đảng được 29 đơn vị, vượt 141,66% so với kế hoạch. Qua kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ phát hiện 5 đơn vị thực hiện chế độ sinh hoạt Đảng không đúng qui định của Điều lệ Đảng, chưa chấp hành qui chế làm việc của cấp uỷ, buông lỏng quản lí Nhà nước trong công tác thu chi ngân sách và thực hiện pháp luật (có 1 Ban chi uỷ phải xử lý kỷ luật khiển trách vì ra nghị quyết trái với chính sách của tỉnh). Năm 1996, Đảng bộ thi hành kỷ luật khai trừ khỏi Đảng 6 đảng viên, cảnh cáo 3 đảng viên. Số đảng viên bị thi hành kỷ luật so với tổng số đảng viên của Đảng bộ chiếm 0,23%. Trong số 9 đảng viên bị xử lý kỷ luật, có 7 đồng chí vi phạm pháp luật và quản lý kinh tế, 2 đảng viên vi phạm phẩm chất đạo đức. "Việc xử lý kỷ luật đảng viên của Đảng bộ kịp thời, đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc thi hành kỷ luật của Đảng. Điều đó khẳng định trong Đảng bộ tình hình đảng viên chấp hành kỷ luật cơ bản tốt, giữ vững và phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên" <sup>(1)</sup>.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, ngày 25/3/1999, Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn Đảng bộ quán triệt các nội

---

(1) Báo cáo ngày 25/11/1996 của Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ.



dung, văn bản hướng dẫn của Trung ương và Tỉnh uỷ. Tiếp theo, ngày 7/4/1999, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Kế hoạch số 15 KH - HD chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ trực thuộc tổ chức hội nghị quán triệt nội dung các văn bản của Trung ương, Tỉnh uỷ, Huyện uỷ liên quan tới Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ rõ mục đích, yêu cầu của cuộc vận động là nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí lãnh đạo của các tổ chức Đảng, của từng đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Thông qua tự phê bình và phê bình trong cuộc vận động này, từng cấp uỷ, tổ chức Đảng từ huyện xuống cơ sở, từng cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ thấy được ưu điểm, khuyết điểm, đề ra được nội dung, biện pháp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục và sửa chữa khuyết điểm kịp thời, nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng cấp uỷ và các chi, đảng bộ, củng cố mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với nhân dân, củng cố được lòng tin của nhân dân đối với Đảng nói chung, với Đảng bộ nói riêng.

Đảng bộ xã Hương Sơn và Chi bộ Chi cục Thuế được chọn làm điểm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn Đảng bộ. Từ ngày 25 đến ngày 27/5/2000, Ban Thường vụ Huyện uỷ họp Hội nghị kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Do làm tốt

khâu chuẩn bị và đề cao được tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, nên Hội nghị tự phê bình và phê bình của Ban Thường vụ Huyện uỷ được Tỉnh uỷ đánh giá đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Hội nghị kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể và cá nhân các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ đã phân tích và làm rõ nhiều vấn đề, chỉ ra các khuyết điểm lớn còn tồn tại trên các mặt công tác. Tập thể và từng đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ đã thẳng thắn, nghiêm túc nhận khuyết điểm và đề ra nhiều biện pháp sửa chữa.

Tiếp theo, Ban Thường vụ Huyện uỷ thành lập các tổ công tác, phân công các Uỷ viên Ban Thường vụ và Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ theo dõi, chỉ đạo từng cấp uỷ chi bộ, đảng bộ trực thuộc tổ chức kiểm điểm đảm bảo khách quan, nghiêm túc. Đến ngày 30/6/2000, 100% số chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ, 100% các chi bộ (dưới Đảng bộ cơ sở) đã tiến hành xong việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), trong Đảng bộ đã có 16 đảng viên bị xử lý kỷ luật (có 6 đảng viên bị khai trừ, 1 đảng viên bị cách chức, 8 đảng viên bị cảnh cáo, 1 đảng viên bị khiển trách), đưa số đảng viên bị xử lý kỷ luật 5 năm (1996 - 2000) trong toàn Đảng bộ lên 73 người (có 26 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng, 4 đảng viên bị cách chức, 33 đảng viên bị cảnh cáo, 10 đảng viên bị khiển trách). Việc xử lý kỷ luật đảng viên của Đảng bộ thực hiện đúng phương châm "Công minh,

chính xác, kịp thời" và đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc, không có trường hợp đảng viên nào bị xử lý oan, sai.

Đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ đã đạt được các mục đích và yêu cầu đề ra. Tuy nhiên, "việc triển khai học tập Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở một số tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ còn chậm, chất lượng chưa cao... Việc viết kiểm điểm của một số cấp uỷ và một số cán bộ, đảng viên chưa sâu, chưa nêu hết những vấn đề cần kiểm điểm. Có bản kiểm điểm của cấp uỷ còn nặng về phê phán, thiếu tính chất xây dựng. Ngược lại, có bản kiểm điểm chỉ nêu kết quả, thành tích, không bám vào hướng dẫn. Việc lấy ý kiến đóng góp của cơ sở, của hội nghị cán bộ lão thành cách mạng và nơi cư trú đối với những cán bộ thuộc diện Huyện uỷ quản lý làm còn chậm, có nơi còn mang tính hình thức, chưa phản ánh được thực chất của vấn đề..."<sup>(1)</sup>.

Sau đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tháng 7/2000, Huyện uỷ Phú Bình mở Hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn Đảng bộ để quán triệt Chỉ thị số 54 (22/5/2000) của Bộ Chính trị và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kế hoạch tiến hành đại hội Đảng các cấp. Huyện uỷ chọn 3 đảng bộ khối xã (Tân Khánh, Nhà Lộng, Hương Sơn) và 15 chi bộ khối cơ quan chỉ đạo tổ chức đại hội

(1) Báo cáo đánh giá kết quả cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Huyện uỷ Phú Bình, trang 34.



để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, đến giữa tháng 10/2000, tất cả các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ đã hoàn thành tốt việc tổ chức đại hội theo Chỉ thị 54 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 31 của Tỉnh uỷ và các kế hoạch, hướng dẫn của Huyện uỷ.

Từ ngày 7 đến ngày 9/11/2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XXIII được tổ chức. 179 đại biểu chính thức đại diện cho gần 4.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã tham dự Đại hội. Đồng chí Lương Đức Tỉnh (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh) và các đồng chí Trưởng ban Tuyên giáo, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ đã về dự và chỉ đạo Đại hội. Tham dự Đại hội còn có một số đồng chí lão thành cách mạng, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh. Đại hội tập trung trí tuệ, thảo luận thông qua Báo cáo chính trị của Huyện uỷ, đánh giá sát thực, đúng mức thành tích, ưu điểm, đồng thời chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ còn tồn tại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ XXII.

Đánh giá hoạt động của chính quyền các cấp, Đại hội khẳng định: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền các cấp trong huyện luôn được củng cố và có những đổi mới. Hội đồng nhân dân huyện đã cụ thể hoá những chủ trương của Đảng bộ thành những mục tiêu, kế hoạch và biện pháp quản lý để tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Uỷ ban nhân dân các cấp đã làm tốt công tác quản lý và điều hành, tổ chức thực



**Tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình khóa XXIII (2000-2005).**  
(Ảnh chụp tháng 9-2005)





hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đảng bộ đề ra kết quả năm sau cao hơn năm trước, hoàn thành khá xuất sắc nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ chế quản lý hiện nay.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể quần chúng luôn bám sát Nghị quyết của Đảng bộ, thực hiện tốt chức năng tuyên truyền, vận động, giáo dục, đoàn kết đoàn viên, hội viên; phối hợp thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào do Đảng và chính quyền phát động; tích cực củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động; giúp nhau đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống; tham gia quản lý xã hội, đóng góp tích cực vào công tác xây dựng Đảng và chính quyền.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm (2000-2005) "Phát huy truyền thống đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, khai thác triệt để nội lực, đồng thời tích cực tranh thủ sự đầu tư, giúp đỡ của Tỉnh và Trung ương. Tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Tăng nhanh tỷ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ, đảm bảo ổn định về lương thực, thực phẩm, củng cố vững chắc an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đưa huyện chúng ta phát triển với tốc độ cao hơn".

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XXIII là Đại hội của sự tiếp tục đổi mới, dân chủ, đoàn kết, thể hiện tinh thần trách nhiệm của Đảng bộ trước

nhân dân các dân tộc trong huyện trong thời điểm chuẩn bị bước sang thiên niên kỉ mới. Đại hội là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XXIII gồm: 33 đồng chí. Các đồng chí Lê Quang Dục được bầu làm Bí thư, Ngô Quang Khải được bầu làm Phó Bí thư Thường trực và Nguyễn Quang Hùng (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Phát huy truyền thống đwong vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Phú Bình ra sức thi đua thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra.

### **III- LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ XXIII**

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, ngày 12/1/2001, Huyện uỷ Phú Bình đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng năm 2001 là: "...Phải tổ chức quán triệt Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII cho tất cả các chi bộ, đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Tăng cường tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình thời sự và nhiệm vụ chính trị của

địa phương đến đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân... Các cấp uỷ Đảng phải tổ chức thực hiện tốt các quy chế đã đề ra, duy trì sinh hoạt Đảng theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Tập trung kiện toàn bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể quần chúng nhân dân sau đại hội đảng bộ các cơ sở. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới theo hướng tăng nhanh về số lượng, đảm bảo chất lượng. Tăng cường đào tạo cán bộ trẻ để tạo nguồn kế cận. Việc phân loại chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng phải đảm bảo tiêu chuẩn, khách quan và chính xác. Tiếp tục thực hiện bước 3 cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp" <sup>(1)</sup>.

Theo phương hướng trên, từ năm 2001, các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ đã thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, không ngừng nâng cao nhận thức chính trị và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Toàn Đảng bộ đã bồi dưỡng kết nạp được 180 đảng viên mới, vượt 20% so với chỉ tiêu của Huyện uỷ đề ra và tăng 28 đồng chí so với số đảng viên mới của Đảng bộ kết nạp năm 2000.

(1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) từ ngày 25/1 đến ngày 2/2/1999, đã ra Nghị quyết "Về Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay", quyết định tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình. Cuộc vận động này được Đảng bộ triển khai thực hiện từ tháng 5/1999.



Năm 2002, toàn Đảng bộ đã có 100% các tổ chức cơ sở Đảng tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, kết luận Hội nghị Trung ương 4, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (Khoa IX). Các cấp uỷ Đảng, các ban, ngành chức năng đã lãnh đạo, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nội dung các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XXIII. Sau Hội nghị tổng kết công tác tổ chức và cán bộ, ngày 27/6/2002, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 14 NQ-HU "Đẩy mạnh công tác tổ chức và cán bộ đến năm 2005". Tiếp theo, ngày 27/9/2002, Huyện uỷ họp ra Nghị quyết chuyên đề "Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới".

Năm 2003, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan và đơn vị thực hiện tốt các nghị quyết chuyên đề<sup>(1)</sup>. Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ huyện xuống cơ sở, Huyện uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm bồi dưỡng

---

(1) Nghị quyết số 11, ngày 2/1/2002, về phương hướng, nhiệm vụ năm 2002; Nghị quyết 12, ngày 3/1/2002, về phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã huyện Phú Bình giai đoạn 2002 - 2005; Nghị quyết số 13, ngày 3/1/2002, về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ huyện Phú Bình giai đoạn 2002 - 2005; Nghị quyết số 15, ngày 27/6/2002, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ với việc phòng chống tội phạm ma tuý và tệ nạn xã hội trên địa bàn.

chính trị huyện mở 5 lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cấp uỷ cho 395 học viên là cán bộ từ chi uỷ viên đến đảng uỷ viên đảng bộ cơ sở; 5 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn thể cho 621 học viên là cán bộ các đoàn thể quần chúng nhân dân. Ban Thường vụ Huyện uỷ lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành chức năng tổ chức tốt việc thành lập và kiện toàn Ban đại diện người cao tuổi, Hội khuyến học; lãnh đạo, chỉ đạo Đại hội Liên đoàn Lao động huyện, Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp từ xã, thị trấn đến huyện đạt được kết quả cao; lãnh đạo tốt việc sáp nhập xã Hương Sơn và thị trấn Úc Sơn thành thị trấn Hương Sơn theo Nghị định của Chính phủ.

Thực hiện Kế hoạch số 29 - KH/HU ngày 13/1/2003 của Ban Thường vụ Huyện uỷ về công tác kiểm tra Đảng, Uỷ ban Kiểm tra Huyện uỷ đã tổ chức kiểm tra các đảng bộ xã, thị trấn về công tác lãnh đạo, chỉ đạo các mặt thu, chi tài chính, thi hành kỷ luật đối với các tổ chức Đảng và đảng viên, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh, mương.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Huyện uỷ phối hợp với Thanh tra Nhà nước huyện tiến hành kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý thu, chi ngân sách của Đảng bộ và chính quyền 2 xã Diêm Thụy và Tân Khánh. Qua kiểm tra, Uỷ ban Kiểm tra Huyện uỷ đã có kết luận và đề nghị Ban Thường vụ Huyện uỷ giải quyết, xử lý kịp thời. Ngoài ra, trong năm 2003, Uỷ ban Kiểm tra Huyện uỷ và Uỷ ban Kiểm tra các cấp uỷ Đảng cơ sở đã tiếp nhận và

xem xét, giải quyết đơn, thư tố cáo của đảng viên.

Thông qua việc tăng cường công tác kiểm tra, Đảng bộ đã hạn chế được nhiều tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ được giữ vững. Năm 2003, 55 trên tổng số 56 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ tham gia bình xét, phân loại (1 cơ sở không phân loại vì chưa đủ thời gian), có 49 chi, đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh (chiếm tỷ lệ 87,5%, vượt 7,5% so với chỉ tiêu đề ra). Trong tổng số 4.212 đảng viên được phân loại, có 1.862 đảng viên (bằng 44,2%) hoàn thành tốt nhiệm vụ (loại I), 2.283 đảng viên (bằng 54,2%) hoàn thành nhiệm vụ (loại II), 67 đảng viên (bằng 1,6%) vi phạm tư cách, không hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 6/2003, đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ có sự thay đổi. Đồng chí Lê Quang Dục (Tỉnh uỷ viên- Bí thư Huyện uỷ) được Tỉnh uỷ phân công làm Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; tháng 7/2003, đồng chí Ngô Quang Khải (Phó Bí thư Thường trực) được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII bầu làm Bí thư Huyện uỷ. Tháng 3/2004, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra quyết định bổ nhiệm đồng chí Trần Dương Thịnh (Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh - Xã hội) về làm Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ<sup>(1)</sup>. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện khoá XVII

---

(1) Từ 1/8/2005, đồng chí Trần Dương Thịnh được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định điều động về làm Phó Giám đốc Sở Nội vụ.



(25/4/2004), Huyện uỷ bầu đồng chí Nguyễn Văn Mùi (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Để kiện toàn bộ máy lãnh đạo, năm 2004, Đảng bộ đã bầu bổ sung 3 đồng chí Huyện uỷ viên và 2 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện uỷ <sup>(1)</sup>. Được Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức, Huyện uỷ, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện uỷ luôn giữ vững vai trò lãnh đạo. Năm 2004, Huyện uỷ đã ra 2 nghị quyết và 12 kế hoạch lãnh đạo cán bộ, nhân dân trong huyện và Đảng uỷ thị trấn Hương Sơn xây dựng chương trình phát triển kinh tế, xã hội từ năm 2004 đến năm 2010 và những năm tiếp theo. Ban Thường vụ Huyện uỷ đã ban hành 60 thông báo, 5 chỉ thị, 570 quyết định và 190 công văn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Đảng bộ. Trong công tác tổ chức cán bộ, Huyện uỷ đã từng bước cụ thể hoá Kết luận 248 của Tỉnh uỷ và Nghị quyết số 14 - NQ/HU của Huyện uỷ về công tác tổ chức cán bộ, tuyển được 44 cán bộ vào làm việc hợp đồng tại các ban xây dựng Đảng, các phòng quản lý Nhà nước và Uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn; thành lập Chi bộ Trạm Khuyến nông, Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện, tách 1 chi bộ trực thuộc Huyện uỷ (Chi bộ Phòng Văn hoá - Thông Tin - Thể thao) và 13 chi bộ trực thuộc đảng bộ các xã, thị trấn. Đặc biệt,

---

(1) Đồng chí Vũ Đức Đài (Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ) và đồng chí Lê Huy Tuấn, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện.

Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo cán bộ và nhân dân tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp trong hai ngày 25/4 và 9/5/2004 đạt kết quả cao. Riêng cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện khoá XVII đã thu hút được 99,75% cử tri đi bỏ phiếu, bầu được 36 đại biểu.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân huyện đã thực hiện tốt chức năng của cơ quan quyền lực trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương. Trong các kì họp, Hội đồng nhân dân huyện đã đảm bảo được các tính chất nhân dân, tập trung và phát huy được trí tuệ của các đại biểu.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ về công tác phát triển Đảng, năm 2004, Đảng bộ đã kết nạp được thêm 226 đảng viên mới (vượt 26% so với chỉ tiêu, kế hoạch đề ra), nâng số đảng viên trong Đảng bộ lên 4.938 đồng chí. Công tác đổi thẻ đảng viên được Đảng bộ triển khai kịp thời, đúng qui định theo Chỉ thị số 29 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hướng dẫn của Tỉnh uỷ. Toàn Đảng bộ đã có 100% (58/58) các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ, 4.000 đảng viên đủ điều kiện được đổi thẻ và phát thẻ Đảng.

Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên được Đảng bộ coi trọng. Năm 2004, Đảng bộ đã cử 1 cán bộ đi học lớp lý luận chính trị cao cấp, 29 cán bộ đi học lớp quản lý Nhà nước; mở 2 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho 97 học viên hệ trung cấp và 90 học

viên hệ sơ cấp; 2 lớp bồi dưỡng cho 370 đối tượng kết nạp Đảng, 2 lớp bồi dưỡng cho 245 đảng viên mới, 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng cho 60 đồng chí. Sáu tháng đầu năm 2005, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã mở 3 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác mặt trận, 2 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 528 lượt học viên.

Thông qua học tập lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chất lượng mọi mặt của đội ngũ cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trên địa bàn huyện. Kết quả bình xét, phân loại tổ chức Đảng và đảng viên năm 2004: toàn Đảng bộ có 52/58 chi bộ, đảng bộ cơ sở (chiếm tỷ lệ 89,6%) đạt trong sạch vững mạnh, trong đó có 29 chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Trong số 4.418 đảng viên được phân loại, có 2.168 đảng viên (bằng 49,07%) hoàn thành tốt nhiệm vụ, 6 đảng viên (1,2%) vi phạm tư cách, không hoàn thành nhiệm vụ. Các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra từng bước đạt được nhiều kết quả tốt.

Xuất phát từ đặc điểm của một huyện có 98,74% số dân sống bằng nghề nông, Đảng bộ tập trung lãnh đạo sản xuất nông nghiệp. Năm 2001, mặc dù liên tiếp gặp thiên tai, nhưng do các cấp uỷ Đảng và chính quyền có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục kịp thời,



nên sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn đạt kết quả khá. Sản lượng lương thực qui thóc cả năm đạt 58.075 tấn (tăng 1.364 tấn so với năm 2000 và chiếm 18,35% tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn tỉnh). Sản lượng lương thực quy thóc tính bình quân theo đầu người toàn huyện đạt 424 kg (cao nhất các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh). Sản lượng lạc đạt 1.972 tấn (tăng 765 tấn so với năm 2000). Diện tích trồng cây ăn quả đạt 1.362 ha, (tăng 643 ha so với năm 1999). Đàn trâu, bò đạt 22.594 con, đàn lợn đạt trên 88.000 con <sup>(1)</sup>.

Từ năm 2002 đến giữa năm 2005, sản xuất nông nghiệp của huyện được giữ vững và phát triển. Tổng sản lượng lương thực qui thóc (cây có hạt) năm 2002 đạt 66.381 tấn, tăng 2.228 tấn so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra cho năm 2005. Năm 2004, tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 66.277 tấn (tăng 1737 tấn so với năm 2003). Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng liên tục tăng từ 6.648 tấn (năm 2002), lên 6.981 tấn (năm 2003) và 7.483 tấn (năm 2004), vượt 1.813 tấn so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra cho năm 2005. Diện tích trồng cây ăn quả tuy không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhưng cũng không ngừng tăng từ 1362 ha (năm 2001), lên 1840 ha (năm 2004).<sup>(2)</sup>

Chăn nuôi tiếp tục được giữ vững và phát triển. Năm 2004, đàn trâu toàn huyện có 11.990 con, đàn bò có

(1) Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2002.

(2) Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2004, trang 63.

14.606 (vượt 21,7 % kế hoạch, tăng 38,56% so với năm 2003); đàn lợn có 102.811 con (vượt 7,9% kế hoạch, tăng 8,6% so với năm 2003), tổng sản lượng thịt hơi (cả trâu, bò, lợn) đạt 9.918 tấn (tăng 0,6% so với năm 2003).

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về phát triển kinh tế hợp tác xã, cuối năm 2004, toàn huyện đã xây dựng được 30 hợp tác xã, 6 tổ hợp tác và 5 doanh nghiệp nhỏ. Các hợp tác xã Xây dựng số I huyện Phú Bình, Tiểu, thủ công nghiệp và xây dựng xã Dương Thành tiếp tục ổn định và hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh đó, vẫn còn một số hợp tác xã làm ăn kém hiệu quả, đóng góp cho ngân sách địa phương không đáng kể.

Nhằm nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng, Đảng bộ đã lãnh đạo huy động được gần 1 tỷ đồng đầu tư xây dựng các công trình tưới, tiêu nước cho các xã miền núi. Hệ thống kênh mương nội đồng thường xuyên được nạo vét, tu bổ. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thí điểm triển khai xây dựng mô hình cánh đồng 50 triệu đồng/ha tại 5 ha ruộng thuộc xã Nhà Lộng và 15 ha ruộng thuộc xã Tân Đức, bước đầu đã có hiệu quả.

Sáu tháng đầu năm 2005, sản xuất nông nghiệp của huyện gặp khó khăn do rét đậm và khô hạn kéo dài ở một số xã; giá vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng và dừng lại ở mức cao; dịch cúm gia cầm tuy đã được dập tắt kịp thời từ khi mới xuất hiện năm 2004, nhưng vẫn còn nhiều tiềm ẩn.

Trước tình hình đó, các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Huyện uỷ đã dành nhiều thời gian trực tiếp xuống các xã để nắm tình hình, lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất nông nghiệp. Vào những ngày rét đậm, hạn hán kéo dài, hầu hết các đồng chí Thường trực Huyện uỷ, Thường trực Uỷ ban nhân dân huyện đều đi xuống các xã kiểm tra, chỉ đạo sản xuất. Nhờ đó, vụ chiêm xuân năm 2005, toàn huyện gieo cấy được 5.065 ha (vượt 1,1% kế hoạch, tăng 0,93% so với cùng kỳ năm 2004); trồng được 313,8 ha ngô, 465 ha đậu tương, 1.240 ha lạc, 52 ha cây ăn quả (vượt 4% so với kế hoạch) và 255 ha rừng nguyên liệu; tổng sản lượng lương thực (cây có hạt) vụ chiêm xuân năm 2005 toàn huyện đạt 30.953 tấn.

Kết quả lãnh đạo chuyển đổi cây trồng trên đất ruộng của Đảng bộ trong những năm từ 2001 đến 2005 đạt khá. Diện tích gieo cấy lúa ổn định 13.000 ha (trong đó có 6.000 ha cấy lúa cao sản), năng suất lúa bình quân tăng từ 39,4 tạ/ha (năm 2001), lên 45 tạ/ha (năm 2004). Diện tích trồng ngô tăng từ 1.463 ha (năm 2001), lên 2.055 ha (năm 2003); sản lượng ngô tăng từ 4.357 tấn (năm 2001), lên 9.418 tấn (năm 2004). Diện tích trồng đậu tương tăng từ 425 ha (năm 2001), lên 750 ha (năm 2004). Kinh tế vườn đồi phát triển. Diện tích trồng cây bạch đàn giống mới và cây keo lai, tạo vùng nguyên liệu cho Nhà máy ván dăm Lưu Xá từ năm 2002 đến hết tháng 9/2004 đạt 646,2 ha.



Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu giống, vật nuôi; phát triển đàn gia súc, gia cầm (trong đó chú trọng phát triển đàn bò thịt và đàn lợn hướng nạc); khuyến khích phát triển mô hình gia đình chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Tháng 6/2005, trên địa bàn huyện có 1.714 hộ gia đình chăn nuôi tập trung qui mô từ 1.000 con gia súc, gia cầm trở lên. Công tác thú y, phòng trừ dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được các cấp bộ Đảng, chính quyền trong huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nên dịch bệnh đã được khống chế. Sáu tháng đầu năm 2005, huyện đã tổ chức tiêm phòng được 298.637 liều vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm ở 100% xã và thị trấn trong huyện (tăng 200% so với 6 tháng đầu năm 2004).

Trong chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, đàn bò và đàn lợn có xu hướng tăng mạnh. Đàn bò tăng liên tục từ 9.699 con (năm 2001), lên 14.604 con (năm 2004). Đàn lợn cũng liên tục tăng từ 88.808 con (năm 2001), lên 102.811 con (năm 2004)...<sup>(1)</sup>

Cùng với lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ coi trọng lãnh đạo sản xuất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Hai năm 2003, 2004, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 13 ngày 3/1/2002 của Huyện ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ giai đoạn 2002 - 2005.

(1) Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2004, trang 67.

Năm 2003, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp toàn huyện đạt 17 tỉ 847 triệu đồng, vượt 4,98% so với kế hoạch, và tăng 3,97% so với năm 2002. Năm 2004, toàn huyện có 1.758 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thuộc 13 ngành nghề khác nhau, thu hút được 3.040 lao động. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm xong qui hoạch 3 cụm công nghiệp nhỏ tại 2 xã Kha Sơn, Diềm Thụy và thị trấn Hương Sơn, với diện tích 26 ha để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 6 tháng đầu năm 2005 toàn huyện ước đạt 7 tỉ 127 triệu đồng (tăng 6,2 % so với 6 tháng đầu năm 2004).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản của Đảng bộ trong 5 năm (2001 - 2005) còn nhiều hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng. Trong cơ cấu kinh tế của huyện, tỉ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tuy hàng năm đều tăng từ 7,46% (năm 2001), lên 8,4% (năm 2002), 8,73% (năm 2003), 10,8% (năm 2004) và 10,48% (6 tháng đầu năm 2005), nhưng so với các ngành nông, lâm nghiệp và dịch vụ thì vẫn chiếm tỉ trọng nhỏ và có mức độ tăng trưởng thấp nhất (khoảng 0,8%/ năm). Trong cơ cấu kinh tế của huyện, ngành dịch vụ đang có chiều hướng tăng trưởng khá (bình quân mỗi năm tăng 1,13%, năm 2004 chiếm tỉ lệ 20,13%).

Giao thông nông thôn được Đảng bộ quan tâm đầu tư lãnh đạo. Ngày 15/11/2004, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Chỉ thị số 11-CT/HU về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giao thông nông thôn trên địa bàn".

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ, những tháng cuối quý 4/2004 và quý I/2005, các cấp uỷ Đảng cơ sở trong toàn Đảng bộ đã lãnh đạo huy động 154.868 công lao động, đào đắp 57.869 m<sup>3</sup> đất, đá, tu bổ, sửa chữa được 170 km đường giao thông nông thôn, giá trị thành tiền đạt 929 triệu đồng. Việc quản lí, tu bổ, sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn thường xuyên được cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện quan tâm lãnh đạo.

Trong công tác xây dựng cơ bản, 6 tháng đầu năm 2005, Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng mới các trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Hà Châu, Phòng Tài chính - Kế hoạch, hội trường Uỷ ban nhân dân xã Diêm Thụy, thị trấn Hương Sơn, bãi rác thải thị trấn Hương Sơn... Uỷ ban nhân dân huyện và các ngành chức năng khai thác các nguồn vốn đầu tư, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành cấp trên để lập qui hoạch lưới điện trên địa bàn huyện giai đoạn 2006 - 2010; thực hiện dự án bán điện đến từng hộ dân ở một số xã; cải tạo hệ thống lưới điện ở 4 xã Đồng Liên, Bảo Lý, Nhã Lộng và Thượng Đình.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục được Đảng bộ lãnh đạo, đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn



quốc gia ở các bậc học. Đến cuối năm 2004, toàn huyện đã có Trường mầm non xã Xuân Phương và trường tiểu học các xã Kha Sơn, Dương Thành, Nhà Lộng, Úc Kỳ, Lương Phú, Diềm Thuy, Hương Sơn, Thượng Đình, Tân Đức, Bảo Lý và Trường Trung học cơ sở xã Tân Kim đạt chuẩn quốc gia. Toàn huyện đã xây dựng được 204 phòng học kiên cố (trong đó các trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non có 144 phòng, các trường trung học phổ thông có 60 phòng). Tháng 10/2003, Phú Bình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Kết quả năm học 2003 - 2004, tỉ lệ học sinh lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp ở các bậc học phổ thông đều đạt và vượt chỉ tiêu. Năm học 2004 - 2005, số học sinh đến trường ở bậc học mầm non vượt chỉ tiêu 3,58%, bậc tiểu học vượt 1% so với năm học trước.

Công tác y tế chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh cho nhân dân cũng có những chuyển biến tích cực. Năm 2004, các cơ sở y tế trong huyện đã khám và chữa bệnh được trên 53.370 lượt người, tăng 7 % so với kế hoạch và vượt khoảng 4.000 lượt người so với năm 2003. Thực hiện Nghị quyết số 24 NQ/HU của Huyện uỷ khoá XXIII về "Tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân", Ngành Y tế huyện đã tăng cường cho mỗi trạm y tế xã từ 1 đến 2 bác sĩ, 100% các xóm có cán bộ y tế thôn, bản. Trạm y tế các xã Kha Sơn, Đồng Liên, Bảo Lý, Lương Phú đã được củng cố, xây dựng và tăng

cường cơ sở vật chất, thiết bị khám và chữa bệnh, phấn đấu để Ngành Y tế công nhận đạt chuẩn quốc gia vào cuối năm 2005.

Công tác phòng, chống tệ nạn ma túy và tệ nạn xã hội trên địa bàn theo Nghị quyết số 15 - NQ/HU của Huyện uỷ đạt được những kết quả nhất định. Năm 2004, các cơ quan, ban ngành chức năng của huyện đã tổ chức được 281 buổi tuyên truyền phòng, chống các tệ nạn xã hội cho 65.000 lượt người nghe. Tuy nhiên, đến cuối năm 2004, toàn huyện vẫn còn 498 người nghiện ma túy.

Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trong những năm 2001 - 2005 đã đi vào chiều sâu và đem lại nhiều hiệu quả thiết thực. Đến cuối năm 2004, toàn huyện đã có 308 trên tổng số 315 xóm đăng kí xây dựng Khu dân cư tiên tiến và Làng xóm văn hoá cấp tỉnh, 53 xóm được công nhận là Làng văn hoá cấp huyện; 83 cơ quan được công nhận là Cơ quan văn hoá. Toàn huyện xây dựng được 272 Nhà văn hoá ở các xóm, phố. Ý thức xây dựng nếp sống văn hoá mới và thực hành tiết kiệm trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Trước tình hình các thế lực thù địch quốc tế và trong nước tăng cường các hoạt động chống phá sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng bộ Phú Bình đã thường xuyên chăm lo lãnh đạo xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân ngày

càng vững mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên được củng cố, kiện toàn tổ chức, có số lượng hợp lý và chất lượng ngày càng được nâng cao. Từ năm 2003, thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ lực lượng dự bị động viên", các cấp uỷ Đảng cơ sở đã đưa hầu hết các đồng chí Bí thư Đảng uỷ sang trực tiếp làm Chính trị viên cơ quan quân sự xã, thị trấn, hoặc Ban chỉ huy tự vệ cơ quan, đơn vị. Các cấp uỷ Đảng từ huyện xuống cơ sở đã nắm chắc và lãnh đạo lực lượng vũ trang địa phương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần làm tốt công tác phòng chống "diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ", giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Để không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng- quân sự địa phương, từ năm 2001 Đảng bộ huyện lãnh đạo tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở. Năm 2002, Đảng bộ lãnh đạo mở được 3 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 286 cán bộ là cấp uỷ viên cơ sở và bí thư chi bộ (đạt tỷ lệ 95% cấp uỷ viên cơ sở và bí thư chi bộ được tập huấn bồi dưỡng kiến thức quốc phòng). Sáu tháng đầu năm 2005, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã tổ chức 2 lớp bồi dưỡng kiến



thức quốc phòng cho 208 đồng chí là trưởng xóm và bí thư chi bộ.

Được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2003, cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đã thực hiện tốt cuộc diễn tập phòng thủ khu vực 2003. Năm 2004, Đảng bộ lãnh đạo các cơ sở triển khai thắng lợi cuộc diễn tập phòng thủ tác chiến, trị an.

Hàng năm, lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện và các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Trong các đợt tuyển quân, Phú Bình luôn đạt 100% các chỉ tiêu cả về số lượng và chất lượng. Công tác nắm nguồn, quản lý và huấn luyện quân dự bị động viên được các cấp ủy trong Đảng bộ lãnh đạo chặt chẽ. Năm 2004, huyện Phú Bình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên 2.170 cán bộ, chiến sĩ quân dự bị động viên giao cho các đơn vị huấn luyện.

Lực lượng Công an huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Ngày 07/10/2002, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Chỉ thị số 06 về việc "Phòng, chống thâm nhập của tà đạo chân không tại huyện". Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy, lực lượng Công an huyện đã có nhiều cố gắng tuyên truyền, vận động và tổ

chức nhân dân chống lại sự thâm nhập của tà đạo này. Đến cuối tháng 12/2002, sự thâm nhập của tà đạo này căn bản đã được ngăn chặn và chấm dứt hoạt động trên địa bàn. Năm 2003, Huyện uỷ đã lãnh đạo lực lượng Công an tăng cường mở nhiều đợt cao điểm tấn công, truy quét các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan đơn vị thực hiện tốt cuộc diễn tập phòng thủ khu vực kết hợp với việc giải quyết các vấn đề bức xúc trên địa bàn (tháo dỡ lều, quán xây dựng trái phép lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, truy quét các tệ nạn ma tuý, mại dâm...). Các hoạt động truyền đạo, nhập cảnh trái phép, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan và các đối tượng hình sự được quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ. Công tác bảo vệ Đảng và bảo vệ chính quyền được triển khai thực hiện tốt. Nhờ đó, nhiều vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn được kịp thời ngăn chặn, an ninh chính trị được giữ vững, không có vụ việc phạm pháp hình sự lớn hoặc phức tạp xảy ra. Số vụ vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn huyện giảm từ 128 vụ (năm 2003), xuống 121 vụ (năm 2004); số đối tượng nghiện ma tuý giảm từ 530 người (năm 2003), xuống còn 498 người (năm 2004). Sáu tháng đầu năm 2005, số vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn huyện so với sáu tháng đầu năm 2004 giảm 12 vụ.

Ngành Nội chính đã thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, xét xử và giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố

cáo trên địa bàn, thường xuyên duy trì việc tiếp dân, không để các vụ việc tồn đọng kéo dài, vượt cấp; công tác điều tra, khởi tố, xét xử các vụ án theo đúng qui định của pháp luật, đảm bảo đúng người, đúng tội không có trường hợp oan sai. Năm 2004, Ngành Nội chính đã thụ lý được 65 vụ án, với 86 bị can.

Thực hiện Chỉ thị 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 13 của Chính phủ về "Đảm bảo trật tự an toàn giao thông", Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo ngăn chặn và giảm dần được tai nạn giao thông trên địa bàn; ý thức chấp hành luật, lệ giao thông của quần chúng nhân dân và các đối tượng tham gia giao thông đã có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2004, số vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn huyện giảm được 37% so với năm 2003.

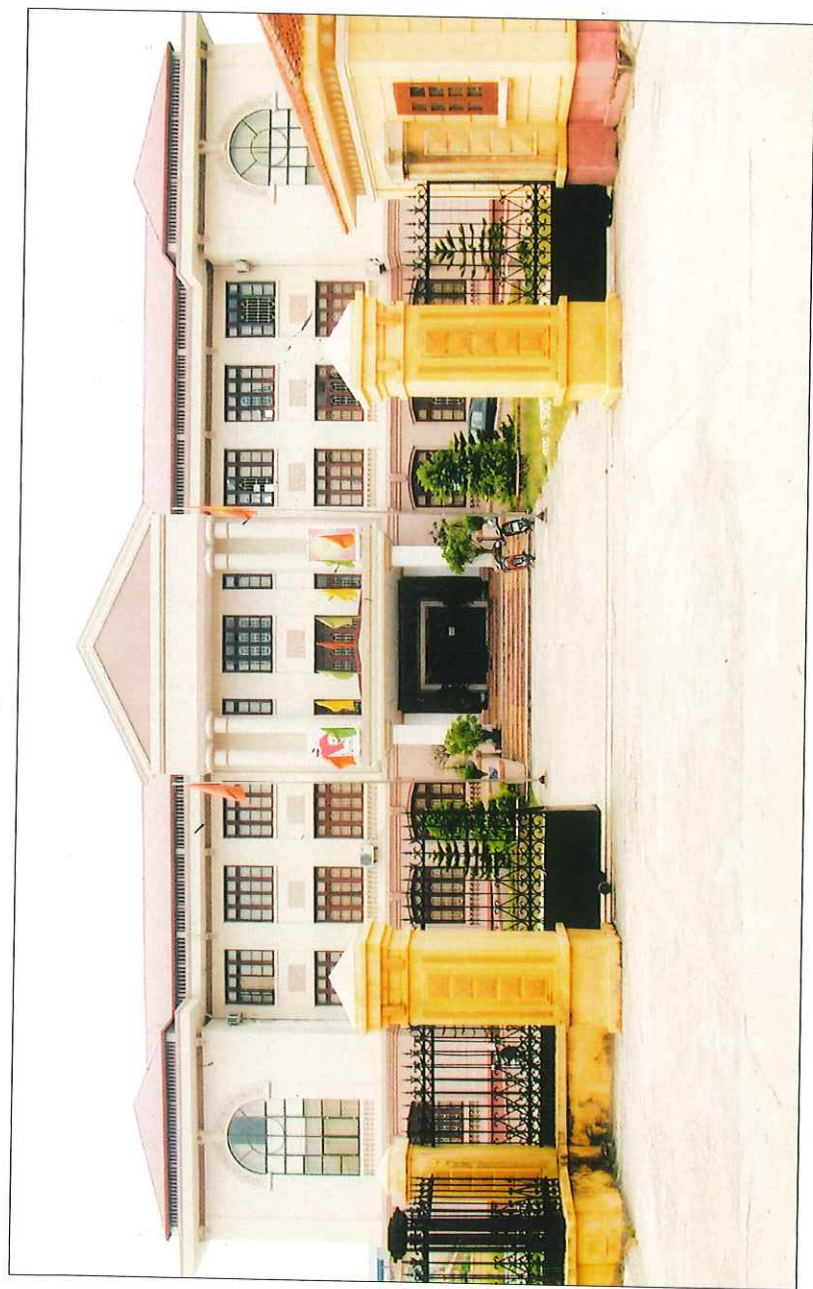
Công tác lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể nhân dân của các cấp bộ Đảng từ huyện xuống cơ sở được duy trì chặt chẽ, thường xuyên. Hội đồng nhân dân các cấp đã tăng cường tiếp xúc, gặp gỡ, đối thoại với cử tri. Hoạt động của các đoàn thể, quần chúng nhân dân thường xuyên diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên và quần chúng tham gia. Các cuộc Hội thi "Thôn nữ duyên dáng" của Hội Phụ nữ huyện, "Nghị thức Đội và chỉ huy Đội giỏi" của Phòng Giáo dục huyện phối hợp với Huyện Đoàn Thanh niên và phong trào thi đua "Thực hiện các dự án trồng rừng nguyên liệu, cải tạo vườn tạp và chăn nuôi bò" của Huyện Đoàn Thanh niên đã thu



được nhiều kết quả thiết thực.

Trải qua gần 20 năm lãnh đạo cán bộ và nhân dân các dân tộc thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước của Đảng trên địa bàn huyện (1986 - 2005), Đảng bộ Phú Bình đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh, đáp ứng được tốt các nhu cầu về lương thực, thực phẩm của cán bộ và nhân dân; sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp cũng có nhiều chuyển biến đi lên, tỷ lệ các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ và xây dựng cơ bản trong cơ cấu kinh tế của huyện đều tăng dần qua từng năm; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được giữ vững và ổn định; đời sống của cán bộ và nhân dân trong huyện từng bước được cải thiện; số hộ đói, nghèo từ 20% trong những năm cuối của thập kỷ 90 (thế kỷ XX) giảm xuống còn 15,66% (năm 2001) và đến năm 2004 chỉ còn 6,99%. Trong huyện không còn hộ đói; thu nhập bình quân tính theo đầu người toàn huyện năm 2004 đã vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra cho năm 2005 là 4,3%.

Bên cạnh những thành tựu trên, công tác lãnh đạo của Đảng bộ cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm: "Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm so với yêu cầu đặt ra. Trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thu hút đầu tư, khai thác nguồn lực từ đất còn thiếu các giải pháp mang tính chiến lược và



**Trụ sở Huyện ủy Phú Bình.**





đột phá. Việc chuyển dịch cơ cấu trong nội ngành nông nghiệp và nâng cao giá trị sản xuất trên một số đơn vị diện tích đất canh tác còn chậm và chưa đạt yêu cầu; hiệu lực quản lý Nhà nước ở một số ngành, một số lĩnh vực còn chưa cao; có lúc, có nơi còn buông lỏng quản lý sử dụng đất đai, xây dựng cơ bản, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Các tệ nạn buôn bán, sử dụng chất ma túy, cờ bạc, số đề, tai nạn giao thông chưa giảm..."<sup>(1)</sup>.

Các ưu điểm, khuyết điểm của Đảng bộ trong gần 20 năm lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng ta được Đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ phân tích, đánh giá đúng mức. Trên cơ sở đó, đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở đã xác định phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp hữu hiệu để tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước của Đảng trên địa bàn, quyết tâm phấn đấu xây dựng Phú Bình trở thành huyện giàu về kinh tế, vững về quốc phòng và an ninh; cán bộ và nhân dân trong huyện có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

---

1) Báo cáo số 130 - BC/HU ngày 27/6/2005 của BCH Đảng bộ huyện Phú Bình.

## KẾT LUẬN

**B**a phần tư thế kỷ đã trôi qua kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, Đảng bộ huyện Phú Bình, mà tổ chức cơ sở đầu tiên là Chi bộ Kha Sơn Hạ thành lập tháng 7/1943, đã lần lượt trải qua các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ, xây dựng - bảo vệ Tổ quốc và đổi mới. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù khó khăn, gian khổ, gay go, phức tạp đến mấy, Đảng bộ vẫn giữ vững và nêu cao vai trò tiên phong, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện làm cách mạng, đưa phong trào của huyện tiến lên, lập được nhiều thành tựu to lớn.

Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930-1945), cơ sở Đảng và tổ chức yêu nước của huyện Phú Bình còn rất mỏng. Tháng 7 năm 1943, toàn huyện mới chỉ có một chi bộ Đảng với 3 đảng viên và một số ít tổ chức đoàn thể Cứu quốc ở các làng xã, trong khi kẻ thù lại có rất nhiều thủ đoạn tàn bạo, xảo quyệt hòng phá vỡ phong trào cách mạng. Sóng gió nhất là 6 tháng cuối năm 1944, kẻ địch liên tiếp tổ chức nhiều đợt khủng bố, với nhiều

đòn quyết liệt, ác hiểm, nhưng chúng đã không thể dập tắt được phong trào cách mạng của nhân dân Phú Bình. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt để bảo vệ An toàn khu II (ATK II) và phát triển phong trào cách mạng địa phương, hàng chục đảng viên và quần chúng cách mạng ở Phú Bình bị kẻ địch bắt bớ, tù đầy đã giữ vững ý chí chiến đấu kiên cường, bất khuất, một lòng, một dạ trung thành với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Đảng. Lớp lớp cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng ở Phú Bình trong gian khó, hiểm nguy, vẫn sát son với Đảng, tận tụy công tác, kiên định niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Dựa trên sức mạnh tinh thần đó, được sự quan tâm lãnh đạo sát sao của Ban cán sự ATK II, của Xứ uỷ Bắc Kỳ và Ban Thường vụ Trung ương Đảng, phong trào cách mạng Phú Bình đã vượt qua được mọi sóng gió, hiểm nghèo. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), phong trào cách mạng Phú Bình đã phát triển một bước nhảy vọt, trở thành cao trào cách mạng sôi động, trong đó nổi bật nhất là các cuộc khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở các làng, xã.

Không chỉ nỗ lực phấn đấu xây dựng phong trào cách mạng ở địa phương, cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng Phú Bình còn góp phần trực tiếp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, nuôi giấu và bảo vệ an toàn các cơ quan và các cán bộ cao cấp của Trung ương đảng và Xứ uỷ hoạt động trên địa bàn. Trong



những năm 1943, 1944, đặc biệt trong cao trào kháng Nhật cứu nước, các tổ chức cơ sở Đảng ở Phú Bình đã lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Ban cán sự ATK II, Xứ uỷ Bắc Kỳ và Trung ương Đảng giao cho.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), Đảng bộ lãnh đạo quân, dân Phú Bình trực tiếp cầm súng chiến đấu, góp phần đánh bại một cánh quân của địch trong chiến dịch "Hải Cẩu" tiến công lên thị xã Thái Nguyên (tháng 10/1950). Đảng bộ lãnh đạo quân, dân Phú Bình đối phó có hiệu quả với các cuộc ném bom, bắn phá bằng máy bay và các âm mưu, hành động phá hoại nhiều mặt của kẻ địch. Phú Bình là một địa bàn có vị trí trọng yếu của tỉnh Thái Nguyên, nằm ở vị trí giáp ranh giữa vùng tự do của ta và vùng địch tạm chiếm, án ngữ cửa ngõ phía đông nam của trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ Phú Bình là lãnh đạo quân và dân trong huyện xây dựng địa phương vững mạnh, bảo vệ vùng chắc cửa ngõ phía đông nam của Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ Phú Bình đã gặp rất nhiều khó khăn thử thách: Bộ máy chính quyền nhân dân từ huyện xuống các xã mới được xây dựng, chưa kịp củng cố, chưa có kinh nghiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt

Minh tuy tập hợp được đông đảo hội viên, nhưng chưa có thời gian để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cốt cán nên chưa phát huy hết khả năng của mình. Trong khi đó, kẻ địch luôn luôn tìm cách chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Nhiệm vụ của Đảng bộ là lãnh đạo nhân dân các dân tộc Phú Bình vừa đấu tranh chống địch trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, vừa tích cực xây dựng thực lực cách mạng về mọi mặt nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến, kiến quốc. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong huyện từng bước thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng, phát triển chế độ dân chủ, lãnh đạo chính quyền tịch thu hàng ngàn héc-ta ruộng đất của các chủ đồn điền người Pháp, người Việt chia cho nông dân tá điền, giảm tô, giảm tức, trợ giúp vốn cho nông dân sản xuất.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Bình rất tự hào đã có những đóng góp to lớn, đưa cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đi đến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Đóng góp to lớn và thành tích vẻ vang của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình trong thời kỳ chống Pháp đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, phong tặng danh hiệu cao quý "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" cho 9 tập thể.

Sau hòa bình lập lại (tháng 7/1954), cuộc cải cách ruộng đất ở Phú Bình tuy có những sai lầm, khuyết

điểm, nhưng đã xóa bỏ giai cấp địa chủ phong kiến, giải phóng giai cấp nông dân. Ước mơ ngàn đời "người cày có ruộng" của người nông dân Phú Bình đã trở thành hiện thực.

Công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy có những sai lầm, khuyết điểm khó tránh khỏi do hạn chế về điều kiện lịch sử, về nhận thức và chỉ đạo thực tiễn, song trải qua 21 năm (1954-1975) lao động sáng tạo, trong điều kiện phải trực tiếp đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ và chi viện chiến trường, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Phú Bình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Trong 21 năm vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống Mỹ cứu nước, Phú Bình đã xây dựng được một trường cấp III, các xã đều có trường cấp II và cấp I. Bệnh xá của huyện được tăng cường thêm cán bộ y tế, được trang bị thêm phương tiện khám, chữa bệnh, thuốc men; nâng cấp thành một bệnh viện đa khoa với 100 giường bệnh; hầu hết các xã đã có trạm y tế. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, con em trong độ tuổi đi học đã được đến trường; nhân dân lúc ốm đau đã được chữa bệnh. Cơ sở vật chất và tiềm lực quốc phòng được tăng cường, đáp ứng tốt yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong những năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Phú Bình đã dành cho đồng bào,



chiến sĩ miền Nam tình cảm thiêng liêng, cao quý. Hàng chục phong trào thi đua vì miền Nam ruột thịt đã diễn ra liên tục và rộng khắp trên địa bàn huyện. Các phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt", "Thanh niên ba sẵn sàng", "Phụ nữ ba đảm đang", "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" đã thu hút động viên mọi tầng lớp nhân dân trong huyện tham gia. Hàng trăm gia đình có từ 2 đến 3 con tòng quân; hàng ngàn người nhập ngũ đã lập công xuất sắc, được tặng thưởng các danh hiệu cao quý. Tiêu biểu là đồng chí Phạm Thanh Ngân, được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (năm 1969), được phong quân hàm Thượng tướng, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII và tham gia Bộ Chính trị khoá VIII.

Trong những năm trực tiếp đánh Mỹ, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Phú Bình đóng góp cho chiến trường hơn hai vạn tấn lương thực, thực phẩm; đã huy động tối đa khả năng nhân, tài, vật lực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện bắt tay vào việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, làm thất bại âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, góp phần tích cực cùng

quân dân cả nước bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo. Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ đó trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động phức tạp, thường xuyên tác động đến tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng trong huyện.

Trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân trong huyện động viên được gần 20.000 con em lên đường đánh giặc (riêng 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ có 11.816 người nhập ngũ. Trong số đó có 1340 người đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường, được công nhận là liệt sĩ và 813 người để lại một phần xương, máu ở ngoài mặt trận được công nhận là thương binh. Toàn huyện có 125 gia đình có công với nước, 36 lão thành cách mạng, 69 cán bộ hoạt động tiền khởi nghĩa, 24 bà mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", 9 tập thể và 2 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu cao quý "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân". Ngoài ra, cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện còn được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 15.339 Huân, Huy chương các loại.

Phát huy truyền thống anh hùng, bằng trí tuệ và sức lao động sáng tạo của mình, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện vượt qua mọi thách thức, khó khăn, làm nên nhiều thành tựu mới.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ đã lãnh đạo nông dân phát triển thuỷ lợi, mạnh dạn đưa giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất, triển khai thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đạt kết quả cao. Từ năm 1991, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân làm tốt việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, củng cố và đổi mới mô hình hợp tác xã nông nghiệp; hướng vào sản xuất các nông phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao và phát triển ngành nghề. Nhờ đó, giá trị sản lượng trên một đơn vị diện tích ngày một tăng (năng suất lúa trung bình từ 39,4 tạ/ha năm 2001, tăng lên 45 tạ/ha năm 2004).

Từ năm 1995 về trước, cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Phú Bình còn rất nghèo nàn, đến năm 2004, toàn huyện đã có 1.974 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút 3.350 lao động. Cơ cấu kinh tế của huyện có bước chuyển dịch tích cực. Nếu năm 2001, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp là 76,94%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 7,46% và dịch vụ là 15,61%, thì đến năm 2004, tỷ trọng kinh tế nông nghiệp giảm xuống 69,34%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng lên 10,48 và dịch vụ chiếm 20,13%. So với các huyện, thành, thị khác trong tỉnh, cơ cấu kinh tế của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Phú Bình



thấp, nhưng với một huyện thuần nông như Phú Bình thì đây là thành tựu rất đáng trân trọng và ghi nhận.

Hoạt động thương mại, dịch vụ của Phú Bình phát triển tương đối nhanh, thị trường ngày càng sôi động, hàng hoá phong phú, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Bộ mặt kinh tế của Phú Bình những năm gần đây có nhiều khởi sắc, tiến bộ. Từ nền kinh tế nông nghiệp thuần túy, mang nặng tính chất tự cấp, tự túc, theo cơ chế tập trung, bao cấp, nay đã chuyển đổi thành kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 6,9%/năm; số hộ nghèo từ 18% (năm 1991), đã giảm xuống còn 6,67% (năm 2005).

Trên lĩnh vực văn hoá, xã hội, Đảng bộ coi trọng xây dựng phát triển hệ thống giáo dục. Cách đây 60 năm về trước, cả huyện chỉ có 2 trường tiểu học không toàn cấp với gần 40 học sinh, 95% số dân trong huyện mù chữ. Ngày nay (2005), toàn huyện có 44 trường phổ thông từ bậc tiểu học đến bậc phổ thông trung học với 28.953 học sinh và 1368 giáo viên; 19 trên tổng số 21 xã, thị trấn trong huyện hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đảng bộ lãnh đạo xây dựng môi trường văn hoá, lành mạnh, xây dựng con người mới, nếp sống mới, thông qua cuộc vận động "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư", giữ gìn thuần phong mỹ tục trong giao tiếp, ứng xử và sinh hoạt cộng đồng. Năm 2003, toàn huyện



Đại biểu dự Hội thảo "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình giai đoạn 1930-2005"





có 23.296 hộ trên tổng số 30.600 hộ đăng ký phần đầu đạt danh hiệu "Gia đình văn hoá", 267 xóm trên tổng số 315 xóm đăng ký đạt danh hiệu "Xóm văn hoá".

Các chương trình y tế quốc gia đều được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo; chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân từng bước được nâng lên, xã hội hoá y tế được đẩy mạnh; hoạt động y tế thôn bản chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân được coi trọng; Ngành Y tế huyện đã chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các ổ dịch. Năm 2005, toàn huyện có 25 cơ sở y tế (trong đó có một bệnh viện đa khoa 100 giường bệnh, 3 phòng khám khu vực và 21 trạm y tế xã, thị trấn với 125 giường bệnh). Đội ngũ cán bộ y tế của huyện lên tới trên 200 người.

Tất cả những thành tựu trên đây bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân:

Trước hết, Đảng bộ đã biết vận dụng những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng vào thực tiễn xã hội ở địa phương. Những thắng lợi đã giành được trong mấy chục năm qua cho thấy: Đảng bộ, trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ đã phát huy tinh thần tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương; có nội dung kế hoạch, biện pháp cụ thể biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực, đem lại niềm tin cho nhân dân.

Thứ hai, Ban Chấp hành Đảng bộ đã thường xuyên lấy

công tác xây dựng Đảng làm gốc, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ trên cơ sở đấu tranh phê bình và tự phê bình. Trong công tác phát triển Đảng, Đảng bộ nắm vững phương châm lấy chất lượng làm chính, thường xuyên chú trọng nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất cách mạng và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên; Đảng bộ coi trọng và đã thành công trong công tác bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người theo đạo Thiên chúa. Trong những năm tháng gian khổ, phần lớn những đồng chí này đã có mặt ở những nơi khó khăn nhất, gánh vác những công việc nặng nề, phức tạp nhất.

Thứ ba, thành quả trong mấy chục năm xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ huyện còn là kết quả của những cố gắng và sự đổi mới của chính quyền từ huyện xuống các xã, thị trấn trong quản lý, điều hành, thể chế hoá các nghị quyết của cấp ủy; có các biện pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh từng năm và từng thời kỳ.

Thứ tư, Đảng bộ và Ban Chấp hành Đảng bộ thường xuyên coi trọng nâng cao vị thế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng. Ngay thời kỳ còn hoạt động bí mật, trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ xác định nhiệm vụ nòng cốt trong công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng là giáo dục

lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, xây dựng và phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết dân tộc, lương giáo, củng cố khối đoàn kết toàn dân, vận động nhân dân, nhất là nhân dân các dân tộc thiểu số ở các xã vùng đông bắc huyện giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, không để kẻ xấu lợi dụng.

Nguyên nhân dẫn tới những thành tựu trên đây cũng chính là những bài học kinh nghiệm của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương

Nhìn lại một chặng đường đầy gian khổ, hy sinh, bên cạnh những thành tích vẻ vang, Đảng bộ cũng còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Kinh tế phát triển chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của huyện. Phú Bình vẫn là một huyện thuần nông, sản xuất còn phân tán, canh tác còn lạc hậu, chưa tạo được nhiều nông sản chất lượng cao. Vai trò chủ đạo kinh tế Nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ còn mờ nhạt. Hoạt động của các hợp tác xã còn lúng túng. Kinh tế trang trại, kinh tế hộ phát triển chưa đủ mạnh; đưa công nghiệp vào nông thôn, xây dựng làng nghề chưa được tập trung đúng mức.

Hệ thống hạ tầng kĩ thuật (giao thông, thủy lợi, điện lưới quốc gia) chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống trường học, bệnh viện, các trung tâm văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân.



Hệ thống chính trị tuy đã có những chuyển biến tích cực, nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ. Công tác xây dựng Đảng còn những hạn chế, yếu kém. Vai trò hạt nhân lãnh đạo của một số chi, đảng bộ cơ sở còn mờ nhạt. Hiệu lực quản lí, điều hành của chính quyền ở nhiều cơ sở còn hạn chế; cải cách hành chính còn chậm, v.v...

75 năm (1930 - 2005), chỉ là một khoảng thời gian rất ngắn ngủi so với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhưng dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ Phú Bình đã lãnh đạo nhân dân trong huyện góp phần làm nên những trang sử hào hùng của dân tộc, ghi đậm những sự biến đổi sâu sắc trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương.

Những thành quả đã đạt được, cùng với những bài học kinh nghiệm được tích lũy trong chặng đường đã đi qua, chính là tiền đề vững chắc giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình tiếp tục phấn đấu vươn lên giành nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

## **PHẦN PHỤ LỤC**

### **DANH SÁCH**

# **CÁC TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU "ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN" VÀ PHONG TẶNG, TRUY TẶNG DANH HIỆU "BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG"**

## **A- ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN:**

### **I- Tập thể (Danh hiệu Anh hùng LLVTND thời kỳ kháng chiến chống Pháp):**

1- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện  
Phú Bình.

2- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương  
Phú, huyện Phú Bình.

3- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Kha  
Sơn, huyện Phú Bình.

4- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn

Hương Sơn, huyện Phú Bình.

5- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hoà, huyện Phú Bình.

6- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

7- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

8- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình.

9- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

## **II- Cá nhân:**

1- Phạm Thanh Ngân, sinh năm 1939, được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVTND ngày 18/6/1969.

2- Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiền, sinh năm 1961, được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVTND ngày 22/7/1998.



## B- BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG:

| Số TT | Họ và tên            | Quê quán       | Số con hy sinh             |
|-------|----------------------|----------------|----------------------------|
| 1     | Trần Thị Nguyên      | Xã Tân Kim     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 2     | Dương Thị Thịnh      | Xã Xuân Phương | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 3     | Nguyễn Thị Kinh      | Xã Tân Hoà     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 4     | Lê Thị Ong           | Xã Dương Thành | Có 3 con là liệt sỹ        |
| 5     | Dương Thị Đào        | Xã Thượng Đình | Có cả 2 con là liệt sỹ     |
| 6     | Nguyễn Thị Thu       | Xã Dương Thành | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 7     | Trần Thị Bốn         | Xã Kha Sơn     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 8     | Nguyễn Thị Nhữ       | Xã Kha Sơn     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 9     | Vũ Thị Sủng          | Xã Lương Phú   | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 10    | Nguyễn Thị Nhất      | Xã Hà Châu     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 11    | Dương Thị Xay        | Xã Úc Kỳ       | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 12    | An Thị Hà            | Xã Tân Kim     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 13    | Dương Thị Liễn       | Xã Diềm Thuy   | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 14    | Nguyễn Thị So        | Xã Hương Sơn   | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 15    | Dương Thị Quýt       | Xã Bảo Lý      | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 16    | Nguyễn Thị Đài       | Xã Lương Phú   | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 17    | Trần Thị Khuyên      | Xã Đào Xá      | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 18    | Hoàng Thị Tuế        | Xã Xuân Phương | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 19    | Phạm Thị Hải         | Xã Lương Phú   | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 20    | Phạm Thị Ề (tức Đào) | Xã Tân Kim     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 21    | Vũ Thị Cẩn           | Xã Thanh Ninh  | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 22    | Vũ Thị Nghéch        | Xã Tân Kim     | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 23    | Dương Thị Vững       | Xã Nga My      | Có con độc nhất là liệt sỹ |
| 24    | Nguyễn Thị Hát       | Xã Nga My      | Có con độc nhất là liệt sỹ |

## DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY PHÚ BÌNH QUA CÁC THỜI KỲ



**1- Đồng chí Nguyễn Bình Sơn,**  
(bí danh là Tống), năm sinh 1923, quê  
xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái  
Nguyên; tham gia hoạt động cách  
mạng từ ngày 10/1/1940; đảng viên  
Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng  
7/1943.

Từ tháng 1/1940 đến tháng 3/1945  
làm Bí thư Đoàn Thanh niên Cứu quốc;  
từ 7/1945 - 4/1947 làm Bí thư Huyện ủy Phú Bình; từ  
tháng 8/1947 đến tháng 8/1948 là Phó Bí thư Trung đoàn  
ủy, phái viên chính trị D53 - F72; từ tháng 10/1949 - đến  
tháng 4/1951 là cán bộ Ban Đảng vụ Khu ủy Khu Tự trị  
Việt Bắc, Ủy viên Ban Đảng vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên;  
từ tháng 3/1952 đến tháng 11/1952 là cán bộ chỉ đạo  
riêng của Tỉnh ủy Thái Nguyên; từ tháng 11/1972 đến  
tháng 8/1976 là Phó Ban Nông nghiệp Khu ủy Khu Tự  
trị Việt Bắc; nghỉ hưu từ tháng 4/1976; đồng chí đã được

khen thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng 3, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Độc lập hạng 3, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

## 2- Đồng chí Lê Phương



(tên khai sinh là Nguyễn Bá Đề), sinh năm 1921; quê xóm Soi, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 9/1939; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3/1944.

Cuối 1944 là Bí thư Chi bộ xã Kha Sơn Hạ; đầu năm 1945 là Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng xã Kha Sơn Hạ; từ tháng 6/1946 làm Trưởng Ban cán sự Đảng huyện Phú Lương; từ giữa năm 1947 là Bí thư Huyện ủy (Chủ tịch Ủy ban kháng chiến); từ tháng 2/1948 làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phú Bình; cuối 1948 làm Phó Bí thư Liên chi II, Khu ủy Liên khu I; cuối năm 1949 làm Trưởng Ban Tuyên huấn tỉnh Hải Ninh; năm 1950 làm Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên; từ năm 1953 đến năm 1954 phụ trách dân công đi phục vụ chiến dịch Tây Bắc; từ năm 1955 đến năm 1968 công tác tại Văn phòng Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc, Khu Tự trị Việt Bắc; từ năm 1968 công tác tại Trường Đại học Nông nghiệp; từ năm 1974 làm Ủy viên Thường trực UBMT Tổ quốc Khu Tự trị Việt Bắc; từ năm 1976 về công tác tại MTTQ tỉnh Bắc Thái; cuối năm 1979 nghỉ



hưu. Đồng chí đã được khen thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.



### 3- Đồng chí Trần Lê Nhân

(1913-1991) - tên khai sinh Ngô Hữu Tuyết; quê làng Trung Liệt, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; tham gia cách mạng từ năm 1937; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8/1941.

Từ đầu năm 1946 là Bí thư Huyện uỷ các huyện Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành (tỉnh Bắc Ninh); từ tháng 7/1946 là Tỉnh uỷ viên Tỉnh uỷ Bắc Ninh phụ trách các huyện Thuận Thành, Lương Tài; tháng 2/1948 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; đầu năm 1949 lên Ban căn cứ địa Trung ương; tháng 8/1949 là Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên, phụ trách dân vận; từ 1951 là Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch UBHC tỉnh Thái Nguyên, Thường trực Tỉnh uỷ, Trưởng ban Kinh tế - Tài chính Đảng; tháng 2/1954 công tác tại Văn phòng Khu uỷ; từ năm 1956 là Uỷ viên Thường trực các cơ quan Dân chính Đảng Khu Tự trị Việt Bắc; từ năm 1958 là Phó ban Tổ chức Khu uỷ; từ năm 1965 là Khu uỷ viên, Trưởng ban Tổ chức Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc; từ tháng 8/1971 là Khu uỷ viên, Phó Chủ tịch UBHC Khu Tự trị Việt Bắc; từ tháng 4/1976 là Tỉnh uỷ viên, Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái; từ tháng 5/1978 nghỉ hưu.

**4- Đồng chí Nguyễn Văn Thạch:** Bí thư Huyện uỷ Phú Bình từ đầu năm 1949 đến đầu năm 1950.



### 5- Đồng chí Nguyễn Thế Đạt

(Tên khai sinh là Nguyễn Văn Thuộc, bí danh là Công), sinh ngày 2/9/1926 tại xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 1 năm 1940; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 19/12/1944.

Từ tháng 7/1945 đến tháng 10/1945 là Ủy viên Ban cán sự huyện, Ủy viên Huyện uỷ lâm thời huyện Phú Bình; tham gia quân đội từ tháng 11/1945 đến tháng 8/1946; từ tháng 7/1947 Huyện uỷ viên, Chính trị viên Huyện đội Phú Bình; từ tháng 4/1950 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 6/1952 Tỉnh uỷ viên, Bí thư BCH Nông hội tỉnh; từ năm 1960 là phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ tỉnh Bắc Thái; Đại biểu quốc hội khoá II, khoá III). Đồng chí đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Độc lập hạng nhì.



### **6- Đồng chí Ngô văn Hoạt**

(1910 - 1991), tên khai sinh Ngô Văn Đán, quê thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, tham gia cách mạng từ năm 1935, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 1/6/1938.

Cuối năm 1945 là Bí thư Huyện uỷ các huyện Yên Dũng, Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang); tháng 9/1947 là cán bộ thi đua Liên khu Việt Bắc; cuối năm 1951 là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 4/1952 đến tháng 7/1956 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 7/1956 là Trưởng ty Công - Thương tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1960 là Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh uỷ Thái Nguyên; từ năm 1966 nghỉ hưu.



### **7- Đồng chí Nguyễn Khánh Hàm,**

(tên khai sinh Nguyễn Minh Kha, Bí danh: Tiến), sinh ngày 16/2/1917, quê xóm Mai Sơn, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 10 năm 1940, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 16/12/1943.

Từ tháng 12/1946 là cán bộ kiểm tra của Tỉnh uỷ Thái Nguyên; từ tháng 2/1948 phụ trách



công tác Tuyên huấn Huyện uỷ Vô Nhai; từ tháng 3/1949 phụ trách công tác Tuyên huấn và Ban củng cố xã của huyện Đồng Hỷ; từ tháng 4/1950 là Uỷ viên Uỷ Ban kháng chiến - Hành chính huyện Phú Bình; từ tháng 6/1953 là Đội trưởng và Chánh án Toà án nhân dân đặc biệt của Trung ương; từ tháng 12/1956 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 9/1959 là Bí thư Đảng uỷ Dân chính Đảng tỉnh Thái Nguyên; nghỉ hưu từ 2/1971; đã được tặng thưởng: Bằng Tổ quốc ghi công do Bắc bộ phủ tặng, Bằng có công với nước, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 1 Huân chương Độc lập hạng Ba.



**8- Đồng chí Nguyễn Đình Thăng** (1915-1981) quê xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1939; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1944.

Năm 1945 là cán bộ Tổng khởi nghĩa; từ năm 1946 là Bí thư Nông dân Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1947 là Chủ nhiệm Việt Minh huyện Phú Bình; từ năm 1955 là Trưởng ty Nông Lâm tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 8/1959 là Bí thư Huyện uỷ, kiêm Chủ tịch Uỷ ban Hành chính huyện Phú Bình; từ năm 1961 là Viện phó Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1963 nghỉ hưu; đã được khen thưởng: 1 Bằng gia đình có công với nước, 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì.



**9- Đồng chí Nguyễn Xuân Nhã**, sinh ngày 13/3/1924; quê phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 3/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 6/1/1948.

Từ tháng 3/1945 là cán bộ công đoàn tự vệ chiến đấu Nhà máy giấy Đáp Cầu; từ năm 1947 là Chánh văn phòng Tỉnh đội dân quân Bắc Giang; từ tháng 8/1950 là Phó Văn phòng Tỉnh uỷ Sơn La; từ tháng 1/1952 là Chánh Văn phòng- Bí thư Chi bộ Văn phòng Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 10/1956 là Huyện uỷ viên Thường trực Huyện uỷ; từ tháng 11/1958 là Thường vụ Huyện uỷ phụ trách Tuyên huấn, Tổ chức; từ tháng 4/1960 là Phó Bí thư Huyện uỷ; từ tháng 11/1960 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 4/1963 là Phó ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Thái; từ tháng 2/1972 là Bí thư Đảng uỷ, Trưởng ty Văn hoá - Thông tin tỉnh Bắc Thái; từ tháng 9/1977 là Hiệu trưởng Trường hành chính tỉnh Bắc Thái; đã được tặng thưởng: Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất.



### **10- Đồng chí Dương Văn Thọ,**

quê xã Hương Sơn, trú quán: thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3 năm 1943; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 25/6/1946.

Từ tháng 3 năm 1943 là Chủ nhiệm Việt minh, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến, Phó Bí thư, Bí thư Chi bộ xã Phương Sơn (nay là xã Xuân Phương); từ năm 1956 là Huyện uỷ viên, Phó Bí thư Huyện uỷ, Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ Đồng Hỷ; từ tháng 4/1963 là Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 11 năm 1975 là Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái đã được khen thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 1 Huân chương Độc lập hạng ba.



### **11- Đồng chí Nguyễn Khắc Chín,**

sinh năm 1926, quê xã Hương Mạc, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; trú quán: xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 7 năm 1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 12/7/1948; từ tháng 7/1945 là tự vệ chiến đấu, tiểu đội trưởng du kích xã Nhà Lộng, huyện

Phú Bình; từ tháng 7/1949 là cán bộ Ban giao thông hoá



tốc của Trung ương tại khu ATK Việt Bắc; từ năm 1953 là Bí thư Chi bộ xã Úc Kỳ; từ tháng 10/1953 là cán bộ Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Bình; từ tháng 11/1955 là cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên, Tỉnh ủy Bắc Thái; từ tháng 10/1970 là Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Thái; từ tháng 5/1975 là Bí thư Huyện ủy Phú Bình; từ năm 1983 nghỉ hưu; đã được khen thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huy hiệu 40 năm và 50 năm tuổi Đảng.



**12- Đồng chí Nguyễn Đăng Hoà,** sinh năm 1939, quê thôn Hương Triện, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh; trú quán xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ ngày 24/4/1954; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 27/3/1961.

Từ năm 1963 là Bí thư huyện Đoàn Phú Bình; từ tháng 4/1967 là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; từ tháng 4/1975 là Phó Bí thư Huyện ủy; từ tháng 12 năm 1982 là Bí thư Huyện ủy Phú Bình; từ tháng 3/1986 là Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái; từ tháng 11/1990 nghỉ hưu; đã được khen thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huy chương vì thế hệ trẻ, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



### 13- Đồng chí Hồ Đình Điều,

sinh năm 1936; quê xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 4/1953; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 2/1964.

Từ tháng 11/1974 là cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh uỷ; từ tháng 6/1979 là Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 12/1982 là Phó Bí thư Thường trực; từ tháng 3/1986 là Quyền Bí thư Huyện uỷ và từ tháng 9/1986 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 11/1991 nghỉ hưu; đã được khen thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng ba.



### 14 -Đồng chí Đồng Huy Xuyên,

sinh năm 1938, quê xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trú quán xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 12 năm 1953; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 13/12/1964.

Từ tháng 7/1977 là Trưởng ban Tổ chức Huyện uỷ; từ tháng 12/1979 là Trưởng ban Tuyên giáo; từ tháng 12/1983 là Phó Chủ tịch UBND huyện; từ tháng 9/1986 là Chủ tịch UBND

huyện Phú Bình; từ tháng 1/1990 là Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch HĐND Huyện; từ tháng 10/1991 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 7/ 1995 nghỉ hưu; đã được khen thưởng: 1 Huân Chương Kháng chiến hạng nhì.



**15- Đồng chí Dương Văn Lương** (7/10/1950 - 29/8/2005), quê xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 14/3/1972.

Nhập ngũ: 6/8/1969 - xuất ngũ 6/8/1973; từ tháng 9/1973 đến tháng 12/1974 là Bí thư chi đoàn, Phó Bí thư Đoàn xã Úc Kỳ; từ tháng 1/1975 là công nhân Trại chăn nuôi Tân Kim, Phú Bình; từ tháng 9/1975 là Phó Bí thư, Bí thư Huyện Đoàn Phú Bình; từ tháng 8/1983 là Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh đoàn Bắc Thái; từ tháng 8/1991 là Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ; từ tháng 10/1994 là Phó Bí thư, Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch HĐND huyện Phú Bình; từ tháng 3/1998 là Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 1/2001 là Uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Tỉnh uỷ; từ tháng 7/2004 là Uỷ viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên.





**16- Đồng chí Phạm Bình Nguyên,** sinh năm 1944, quê xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; trú quán: xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ ngày 25/2/1964; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 12/6/1964.

Từ ngày 25/2/1964 là chiến sĩ Công an vũ trang nhân dân thuộc Trung đoàn 600; từ tháng 6/1973 là cán bộ Văn phòng Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc; từ tháng 4/1976 là cán bộ Phòng Tổ chức - Lao động - Thương binh - Xã hội huyện Phú Bình; từ tháng 9/1976 là học viên Trường Nguyễn Ái Quốc 6 (Thanh Xuân, Hà Nội); từ tháng 10/1978 là Trưởng phòng Thương nghiệp huyện; từ tháng 4/1983 là Giám đốc Công ty Thương nghiệp huyện; từ tháng 5/1986 là Trưởng ban Kế hoạch huyện; từ tháng 11/1987 là Trưởng phòng Lao động - Thương binh - Xã hội huyện Phú Bình; từ tháng 1/1989 là Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ; từ tháng 12/1991 là Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện; từ tháng 6/1995 là Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ; từ tháng 2/1998 là Bí thư Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 9/2000 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì; 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba.



### 17- Đồng chí Lê Quang Dục,

sinh năm 1955, quê xã Tiên Hiệp, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; trú quán phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ ngày 09/01/1972; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 21/10/1977; từ 01/7/1977 là Phó Bí thư chuyên trách Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Xưởng Động lực, Công ty Gang thép Thái Nguyên; từ tháng 3/1982 là Phó Bí thư, Quyền Bí thư, Bí thư Thành Đoàn Thái Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ khối Dân; từ tháng 7/1989 là Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh đoàn Bắc Thái; từ tháng 4/1996 là Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Thái; từ tháng 10/1996 là Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Tổng biên tập Báo Bắc Thái, Báo Thái Nguyên; từ tháng 8/2000 là Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện Phú Bình; từ ngày 01/7/2003 là Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.



**18- Đồng chí Ngô Quang Khải,**

sinh năm 1950, quê xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ ngày 19/4/1968; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 30/6/1972; từ 19/4/1968 là bộ đội tham gia chiến đấu tại chiến trường miền Nam; từ tháng 3/1975 là cán bộ

Ban Tuyên giáo Thành uỷ Thái Nguyên; từ tháng 11/1981 là cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Phú Bình; từ tháng 4/1984 là học viên Trường Tuyên giáo Trung ương (Phân viên Báo chí Tuyên truyền); từ tháng 9/1987 là Phó ban Tuyên giáo Huyện uỷ; từ tháng 10/1991 là Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ; từ tháng 5/1995 là Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện; từ tháng 8/1998 là Thường vụ Thường trực Huyện uỷ; từ tháng 3/1999 là Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch HĐND huyện; từ tháng 9/2003 là Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; đã được khen thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba.



# 18. Đảng chi bộ Quận Quỳ Châu

Đến năm 1930, quê xã Lương Sơn huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên được gọi là Lương Sơn, thuộc tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 1945, theo sự cách mạng ngày 19/4/1945, Đảng viên Đảng Công sản Việt Nam tại ngày 30/6/1972, từ 19/4/1948 là cơ sở tham gia chiến đấu tại chiến trường miền Nam từ tháng 3/1975 là căn cứ



Ban Tuyên giáo Thành ủy Thái Nguyên; từ tháng 1/1981 là căn cứ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Phú Bình; từ tháng 4/1984 là học viên Trường Tuyên giáo Trung ương (Phân viện Báo chí Tuyên truyền); từ tháng 9/1987 là Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy; từ tháng 10/1991 là Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy; từ tháng 5/1995 là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; từ tháng 8/1998 là Trưởng vụ Thương mại Huyện ủy; từ tháng 3/1999 là Phó Bí thư Trưởng trực, Chủ tịch HĐND huyện; từ tháng 9/2003 là Bí thư Huyện ủy. Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; đã được khen thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba.

## DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN

### **Khoá I: Từ năm 1945-1946 gồm 09 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Bình Sơn - Bí thư
2. Đ/c Nông Văn Hoả
3. Đ/c Nguyễn Thế Đạt
4. Đ/c Nguyễn Đình An
5. Đ/c Nguyễn Hữu Tài
6. Đ/c Nguyễn Xuân Mỹ
7. Đ/c Nguyễn Đức Xương
8. Đ/c Nguyễn Đình Thăng
9. Đ/c Nguyễn Tâm

### **Khoá II: từ tháng 08/1946 đến năm 1948 gồm 09 đồng chí:**

1. Đ/c Lê Phương- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Đình Thăng- Thường vụ, Chủ nhiệm Việt Minh
3. Đ/c Tô Thái Thặng- Thường vụ, Chủ tịch huyện
4. Đ/c Nguyễn Thế Đạt- từ tháng 5/1947 là Chính trị viên Huyện đội
5. Đ/c Vũ Sỹ Quyết - Trưởng Ban tổ chức
6. Đ/c Nguyễn Hữu Tài - từ tháng 5/1947 là Huyện đội trưởng
7. Đ/c Dương Văn Tâm
8. Đ/c Hoàng Vũ- Bí thư xã Tân Hoà
9. Đ/c Chu Khánh Hoè- Bí thư xã Tân Thành

**Khoá III từ năm 1948 đến năm 1949 gồm 09 đồng chí:**

1. Đ/c Trần Lê Nhân - Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Thế Đạt - Phó Bí thư phụ trách tổ chức, kiêm Chủ nhiệm Việt Minh.
3. Đ/c Nguyễn Đình Thăng- Thường vụ
4. Đ/c Tô Thái Thặng- Thường vụ, Chủ tịch huyện
5. Đ/c Nguyễn Hữu Tài- Huyện đội trưởng
6. Đ/c Nguyễn Việt Hồng (bí danh Nguyễn Đình Tụng)- Thư ký UB huyện
7. Đ/c Đào Minh Thư- Bí thư xã Tân Đức
8. Đ/c Nguyễn Tiến Cúc- Bí thư xã Kha Sơn
9. Đ/c Lê Quảng (quê Tiên Sơn- Hà Bắc)- phụ trách Tuyên huấn

**Khoá IV từ năm 1949 đến năm 1950 gồm 09 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Văn Thạch- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Thế Đạt- Phó Bí thư phụ trách Tổ chức
3. Đ/c Ngô Tuấn Tùng
4. Đ/c Tô Thái Thặng- Chủ tịch huyện
5. Đ/c Nguyễn Đình Thăng- Chủ nhiệm Việt Minh
6. Đ/c Nguyễn Hữu Tài- Huyện đội trưởng
7. Đ/c Tạ Quang Tin- Huyện đội phó
8. Đ/c Trần Lê Minh- Phụ trách xã
9. Đ/c Lê Hồng Tâm- Phụ trách Tuyên huấn

**Khoá V từ năm 1950 đến năm 1951 gồm 16 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Thế Đạt- Bí thư, Chủ tịch huyện



2. Đ/c Đặng Dũng- Phó Bí thư phụ trách Tổ chức
3. Đ/c Lê Đức- Thường vụ, Chủ nhiệm Việt Minh
4. Đ/c Tô Thái Thặng (cuối năm 1950 chuyển đi)
5. Đ/c Lê Đình Thu- Phụ trách Công an
6. Đ/c Dương Văn Thơ- Bí thư La Đình
7. Đ/c Hoàng Vũ- Bí thư Tân Hoà
8. Đ/c Lê Đình (bí danh Trịnh Đình Cửu)- Cán bộ TW tăng cường
9. Đ/c Lê Sỹ Ký- Phụ trách Văn phòng
10. Đ/c Dương Văn Thoa- Phụ trách Thanh niên
11. Đ/c Khiếu Minh Tông- Phụ trách Tuyên huấn
12. Đ/c Nguyễn Văn Thụ- phụ trách Đồng Liên
13. Đ/c Phạm Tân Minh- Huyện đội trưởng
14. Đ/c Hồ Thị Minh (bí danh Chị Ba)- Phụ trách Thượng Đình
15. Đ/c Nguyễn Thị Phong- Phụ trách Phụ nữ
16. Đ/c Trần Lê Minh- Phụ trách xã

**Khoá VI từ năm 1951 đến năm 1953 gồm 13 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Thế Đạt- Bí thư, kiêm Chủ tịch
2. Đ/c Phạm Tân Minh- TV, Huyện đội trưởng
3. Đ/c Lê Đức- TV, Chủ nhiệm Việt Minh
4. Đ/c Hồ Thị Minh- phụ trách xã Thượng Đình
5. Đ/c Nguyễn Văn Thụ- Bí thư xã Đồng Liên
6. Đ/c Khiếu Minh Tông- Phụ trách Tuyên huấn
7. Đ/c Dương Văn Thoa- Phụ trách Thanh niên
8. Đ/c Nguyễn Tâm- Phụ trách Nhà Lộng
9. Đ/c Trần Lê Minh- Phụ trách Tuyên Huấn

10. Đ/c Đào Minh Thu- Bí thư Tân Đức
11. Đ/c Nguyễn Bốn (bí danh Nguyễn Đình Tụng)- Thư ký UB
12. Đ/c Nguyễn Văn Thiệu- Phụ trách Công an huyện
13. Đ/c Nguyễn Thị Phong- Phụ trách Phụ nữ  
(từ tháng 4/1952 đồng chí Ngô Văn Hoạt về thay đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Bí thư, kiêm Chủ tịch huyện, đồng chí Đạt chuyển lên tỉnh)

**Khoá VII từ năm 1953 đến năm 1958 gồm 06 đồng chí:**

1. Đ/c Ngô Văn Hoạt- Bí thư
  2. Đ/c Dương Văn Tuyết- Chủ tịch
  3. Đ/c Nguyễn Văn Thiệu- Công an
  4. Đ/c Nguyễn Văn Thu- Đồng liên (Bí thư Đảng uỷ)
  5. Đ/c Mạc Thị Sáu- Chủ tịch Phụ nữ huyện
  6. Đ/c Lê Sỹ Ký- Chánh án
- Tại hội nghị toàn thể đảng viên trong Đảng bộ họp ngày 26/12/1958 bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 6 đồng chí:

1. Đ/c Nguyễn Khánh Hàm- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Đình Thăng- Chủ tịch
3. Đ/c Lê Sỹ Ký
4. Đ/c Trịnh Văn Thu (Phổ Yên)
5. Đ/c Dương Văn Ngò
6. Đ/c Nguyễn Văn Ô (Lương Phú)

**Khoá VIII từ năm 1960 đến tháng 2/1962 gồm 05 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Đình Thăng - Bí thư

2. Đ/c Nguyễn Đình Ninh- Phó Bí thư

3. Đ/c Nguyễn Văn Bộ- Chủ tịch

4. Đ/c Dương Văn Ngò

5. Đ/c Dương Văn Sứ

**Khoá IX từ tháng 2/1962 đến năm 1963 gồm 19 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Xuân Nhâ- Bí thư

2. Đ/c Nguyễn Văn Bộ- Phó Bí thư, Chủ tịch huyện

3. Đ/c Nguyễn Đình Ninh- Phó Bí thư

4. Đ/c Nguyễn Văn Lương- Phó chủ tịch

5. Đ/c Nhân

6. Đ/c Hoàng Văn Lược

7. Đ/c Nguyễn Thị Sâm- Chủ tịch Hội phụ nữ

8. Đ/c Nguyễn Văn Ngò

9. Đ/c Dương Đình Thư

10. Đ/c Nguyễn Văn Bồng

11. Đ/c Phạm Đồng Lạc

12. Đ/c Lê Duy Đôi- Phụ trách Tuyên huấn

13. Đ/c Nguyễn Văn Kha- Tổ chức Huyện uỷ

14. Đ/c Dương Văn Tiến- Phụ trách Mặt trận

15. Đ/c Nguyễn Văn Sứ

16. Đ/c Dương Anh Đệ- Huyện đội trưởng

17. Đ/c Dương Văn Phụng- Viện kiểm sát

18. Đ/c Ngô Quang Thành

19. Đ/c Nguyễn Đình Thông- tăng cường phụ trách xã

**Khoá X từ năm 1963 đến năm 1965 gồm 21 đồng chí:**

1. Đ/c Dương Văn Thơ- Bí thư



2. Đ/c Nguyễn Văn Bộ- Phó Bí thư
3. Đ/c Dương Đình Ninh- Phó Bí thư
4. Đ/c Nguyễn Văn Lượng- Thường vụ
5. Đ/c Nguyễn Văn Sửu- Thường vụ
6. Đ/c Hoàng Văn Lược- Thường vụ
7. Đ/c Dương Đình Thu- Thường vụ
8. Đ/c Phùng Văn Kha
9. Đ/c Nguyễn Tân Tiến
10. Đ/c Nguyễn Văn Ngò
11. Đ/c Nguyễn Thị Sâm
12. Đ/c Dương Văn Tắc
13. Đ/c Nguyễn Văn Bằng
14. Đ/c Dương Anh Đệ
15. Đ/c Dương Văn Miên
16. Đ/c Tạ Quang Tin
17. Đ/c Phạm Đồng Lạc
18. Đ/c Ngô Quang Tô
19. Đ/c Dương Văn Vượng
20. Đ/c Dương Văn Hoàn (dự khuyết)
21. Đ/c Nguyễn Thị Thêm (dự khuyết)

**Khoá XI từ năm 1965 đến năm 1967 gồm 20 đồng chí:**

**Đại hội ngày 02/01/1965**

1. Đ/c Dương Văn Thơ- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Văn Lượng- Phó bí thư
3. Đ/c Nguyễn Văn Thiện (Sứ)- TV
4. Đ/c Nguyễn Đình Ninh- TV
5. Đ/c Hoàng Văn Lược- TV

6. Đ/c Phùng Văn Kha- TV
7. Đ/c Ngô Quang Thành- TV
8. Đ/c Nguyễn Tân Tiến
9. Đ/c Dương Văn Sành
10. Đ/c Nguyễn Văn Bồng
11. Đ/c Nguyễn Đồng lạc
12. Đ/c Nguyễn Văn Tắc *Đường*
13. Đ/c Dương Viết Đệ
14. Đ/c Nguyễn Thị Sâm
15. Đ/c Phù Huy Cẩn
16. Đ/c Ngô Quang Tô
17. Đ/c Dương Văn Hoàn
18. Đ/c Dương Văn Miên
19. Đ/c Nguyễn Văn Vượng
20. Đ/c Đinh Thanh Vắn (dự khuyết)

**Khoá XII: từ tháng 4/1967 đến năm 1970 (Đại hội ngày 24/4/1967) bầu được 20 đồng chí trong đó có 01 dự khuyết.**

1. Đ/c Dương Văn Thơ- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Văn Thiện (Sứ)- Phó Bí thư
3. Đ/c Ngô Quang Thành- Phó Bí thư
4. Đ/c Nguyễn Thị Sâm- thường vụ
5. Đ/c Hoàng Văn Lược - Thường vụ
6. Đ/c Dương Văn Sành- Thường vụ
7. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- Thường vụ
8. Đ/c Đặng Tuấn Ngân
9. Đ/c Tạ Văn Tứ

10. Đ/c Dương Thị Tài
11. Đ/c Nguyễn Đức Chính
12. Đ/c Ngô Đại Xuân
13. Đ/c Đào Văn Bạo
14. Đ/c Nguyễn Văn Lạc
15. Đ/c Dương Văn Miên
16. Đ/c Nguyễn Xuân Nghi
17. Đ/c Nguyễn Trung Đình
18. Đ/c Nguyễn Thị Xuân
19. Đ/c Nguyễn Văn Tạ
20. Đ/c Nguyễn Văn Phiến (Dự khuyết)

**Khoá XIII từ tháng 1/1970 đến tháng 05 năm 1971  
gồm 23 đồng chí**

1. Đ/c Dương Văn Thơ- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Văn Thiện (Sứ) - Phó Bí thư
3. Đ/c Ngô Quang Thành- Phó Bí thư
4. Đ/c Nguyễn Thị Sâm- TV
5. Đ/c Hoàng Văn Lược- TV
6. Đ/c Dương Văn Sành- TV
7. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- TV
8. Đ/c Đặng Tuấn Ngân
9. Đ/c Tà Văn Tứ
10. Đ/c Dương Thị Tài
11. Đ/c Nguyễn Đức Chính
12. Đ/c Ngô Đại Xuân
13. Đ/c Đào Văn Bạo
14. Đ/c Nguyễn Văn Lạc



15. Đ/c Dương Văn Miên
16. Đ/c Nguyễn Xuân Nghi
17. Đ/c Nguyễn Trung Đình
18. Đ/c Nguyễn Trọng Hiệp
19. Đ/c Dương Thị Khảm
20. Đ/c Nguyễn Viết Hùng
21. Đ/c Nguyễn Xuân Thanh
22. Đ/c Trần Văn Bài
23. Đ/c Dương Văn Tắc

**Khoá XIV từ tháng 05/1971 đến tháng 4 năm 1975  
gồm 23 đồng chí:**

1. Đ/c Dương Văn Tho- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Văn Sứ- Phó Bí thư
3. Đ/c Ngô Quang Thành- Phó Bí thư
4. Đ/c Dương Văn Sành- TV
5. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- TV
6. Đ/c Hoàng Văn Lược- TV
7. Đ/c Nguyễn Trung Đình- TV
8. Đ/c Đào Văn Bạo
9. Đ/c Nguyễn Ngọc Diện
10. Đ/c Nguyễn Thị Sâm
11. Đ/c Dương Thị Tài
12. Đ/c Ngô Đại Xuân
13. Đ/c Nguyễn Trọng Hiệp
14. Đ/c Dương Văn Tắc
15. Đ/c Tạ Văn Tứ
16. Đ/c Dương Văn Miên

17. Đ/c Vũ Viết Hùng
18. Đ/c Nguyễn Đức Chính
19. Đ/c Nguyễn Thị Lộc
20. Đ/c Nguyễn Xuân Nghi
21. Đ/c Dương Thị Khảm (Dự khuyết)
22. Đ/c Dương Văn Bút (Dự khuyết)
23. Đ/c Dương Văn Tiến (Dự khuyết)

**Khoá XV từ tháng 4/1975 đến tháng 11 năm 1977  
gồm 27 đồng chí (Đại hội từ 22-26/04/1975)**

1. Đ/c Nguyễn Khắc Chín - Bí thư
2. Đ/c Ngô Quang Thành- Phó Bí thư
3. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- Phó Bí thư
4. Đ/c Nguyễn Trung Đình- TV
5. Đ/c Dương Văn Sành- TV
6. Đ/c Nguyễn Xuân Thanh- TV
7. Đ/c Dương Văn Mai- TV
8. Đ/c Nguyễn Văn Nhạc- TV
9. Đ/c Dương Văn Bằng- TV
10. Đ/c Đào Văn Bạo
11. Đ/c Nguyễn Trọng Hiệp
12. Đ/c Nguyễn Thị Lộc
13. Đ/c Vi Quang Lạng
14. Đ/c Nguyễn Văn Lạc
15. Đ/c Dương Văn Miên
16. Đ/c Tạ Văn Tứ
17. Đ/c Dương Thị Tài
18. Đ/c Dương Văn Tiến

19. Đ/c Trần Trung
20. Đ/c Đặng Quốc Tiến
21. Đ/c Ngô Đại Xuân
22. Đ/c Nguyễn Thị Sâm
23. Đ/c Nguyễn Văn Chè
24. Đ/c Dương Văn Thảo
25. Đ/c Dương Văn Hoàn
26. Đ/c Nguyễn Hồng Vi
27. Đ/c Dương Thị Sang

**Khoá XVI từ tháng 11/1977 đến tháng 1/1980  
gồm 27 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Khắc Chín- Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- Phó Bí thư, Chủ tịch
3. Đ/c Dương Băng- TV
4. Đ/c Đặng Quốc Tiến- TV
5. Đ/c Đồng Huy Xuyên- TV
6. Đ/c Dương Hữu Hồng- TV
7. Đ/c Nguyễn Văn Chỉ- TV
8. Đ/c Hồ Đình Điều- TV
9. Đ/c Dương Văn Tiến- TV
10. Đ/c Nguyễn Hồng Vi
11. Đ/c Dương Văn Thảo
12. Đ/c Dương Văn Đức
13. Đ/c Nguyễn Văn Chè
14. Đ/c Nguyễn Thị Lộc
15. Đ/c Vi Quang Lạng



16. Đ/c Nguyễn Văn Đồ
17. Đ/c Ngô Đại Xuân
18. Đ/c Trần Trung
19. Đ/c Nguyễn Văn Nhạc
20. Đ/c Dương Văn Lương
21. Đ/c Nguyễn Tất Lan
22. Đ/c Hà Thị Dung
23. Đ/c Nguyễn Trọng Hiệp
24. Đ/c Dương Văn Bông
25. Đ/c Dương Thị Khảm
26. Đ/c Dương Văn Quyền
27. Đ/c Dương Văn Thuận (dự khuyết)

**Khoá XVII từ tháng 1 năm 1980 đến tháng 12 năm 1982 gồm 31 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Khắc Chín- Bí thư
2. Đ/c Đặng Quốc Tiến- Phó Bí thư
3. Đ/c Dương Bằng- Thường vụ
4. Đ/c Hồ Đình Điều- TV
5. Đ/c Dương Hữu Hồng- TV
6. Đ/c Dương Văn Tiến- TV
7. Đ/c Nguyễn Văn Chỉ- TV
8. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- TV
9. Đ/c Đồng Huy Xuyên- TV
10. Đ/c Nguyễn Văn Chè- (sau bổ sung TV)
11. Đ/c Nguyễn Văn Đồ
12. Đ/c Vi Quang Lạng

13. Đ/c Đào Duy Sơn
14. Đ/c Dương Văn Quyền
15. Đ/c Nguyễn Hồng Vi
16. Đ/c Dương Thị Khảm
17. Đ/c Nguyễn Trọng Hiệp
18. Đ/c Nguyễn Phong Vinh
19. Đ/c Trần Thị Thái
20. Đ/c Ngô Đại Xuân
21. Đ/c Dương Văn Bông
22. Đ/c Nguyễn Tất Lan
23. Đ/c Nguyễn Văn Hồi
24. Đ/c Dương Văn Đức
25. Đ/c Nguyễn Văn Thắng
26. Đ/c Phạm Bình Nguyên
27. Đ/c Dương Văn Thảo
28. Đ/c Nguyễn Xuân Nghi
29. Đ/c Dương Văn Lương
30. Đ/c Nguyễn Thanh Cường (dự khuyết)
31. Đ/c Trần Trung (dự khuyết)

**Khoá XVIII từ tháng 12 năm 1982 đến tháng 9 năm 1986 gồm 31 đồng chí:**

1. Đ/c Nguyễn Đăng Hoà- Bí thư
2. Đ/c Hồ Đình Điều- Phó Bí thư
3. Đ/c Đặng Quốc Tiến- Phó Bí thư, Chủ tịch
4. Đ/c Dương Bằng- TV
5. Đ/c Dương Hữu Hồng- TV

6. Đ/c Đồng Huy Xuyên- TV
7. Đ/c Ngô Đại Xuân- TV
8. Đ/c Nguyễn Thanh Cường- TV
9. Đ/c Nguyễn Văn Chè- TV
10. Đ/c Nguyễn Văn Đồ
11. Đ/c Nguyễn Văn Hồi
12. Đ/c Phạm Bình Nguyên
13. Đ/c Nguyễn Trọng Hiệp
14. Đ/c Dương Văn Thảo
15. Đ/c Trần Thị Thái
16. Đ/c Nguyễn Phong Vinh
17. Đ/c Dương Văn Bông
18. Đ/c Dương Văn Lương
19. Đ/c Dương Văn Lê
20. Đ/c Lê Duy Thường
21. Đ/c Trần Trung
22. Đ/c Dương Văn Quyền
23. Đ/c Dương Văn Đức
24. Đ/c Nguyễn Văn Thắng
25. Đ/c Dương Văn Toàn
26. Đ/c Hoàng Ngọc Liên
27. Đ/c Nguyễn Quang Hùng
28. Đ/c Dương Văn Giáp
29. Nguyễn Xuân Lộc
30. Đ/c Dương Thị Phúc
31. Đ/c Nguyễn Xuân Nghi

**Khoá XIX từ tháng 9/1986 đến tháng 3 năm 1989**



**gồm 39 đồng chí:**

1. Đ/c Hồ Đình Điều- Bí thư
2. Đ/c Đồng Huy Xuyên- Phó Bí thư, Chủ tịch
3. Đ/c Dương Huy Bách- TV
4. Đ/c Ngô Đại Xuân- TV
5. Đ/c Dương Văn Toàn- TV
6. Đ/c Nguyễn Văn Đỗ- TV
7. Đ/c Lê Đạm- TV
8. Đ/c Nguyễn Văn Chung- TV
9. Đ/c Dương Bằng- TV
10. Đ/c Nguyễn Xuân Lộc- TV
11. Đ/c Bùi Tiến Nhờ- TV
12. Đ/c Nguyễn Quang Hùng
13. Đ/c Hoàng Anh Học
14. Đ/c Nguyễn Văn Huấn
15. Đ/c Nguyễn Văn Hồi
16. Đ/c Phạm Thị Hoa
17. Đ/c Đào Duy Kiên
18. Đ/c Trần Văn Lương
19. Đ/c Hoàng Ngọc Liên
20. Đ/c Dương Văn Lê
21. Đ/c Dương Bình Minh
22. Đ/c Phạm Bình Nguyên
23. Đ/c Đào Văn Núi
24. Đ/c Dương Văn Nghi
25. Đ/c Dương Thị Nhị
26. Đ/c Dương Thị Phúc

27. Đ/c Dương Văn Quyền
28. Đ/c Đào Ngọc Thảo
29. Đ/c Trần Thị Thái
30. Đ/c Nguyễn Văn Vụ
31. Đ/c Đàm Thế Ứng
32. Đ/c Nguyễn Ngọc Bích
33. Đ/c Lê Duy Hồi
34. Đ/c Nguyễn Trọng Khởi
35. Đ/c Dương Văn Lục
36. Đ/c Hoàng Ngọc Lâm
37. Đ/c Nguyễn Văn Xứ
38. Đ/c Nguyễn Tiến Thiện
39. Đ/c Dương Thị Thiệu

**Khoá XX từ tháng 3/1989 đến tháng 10 năm 1991  
gồm 36 đồng chí:**

1. Đ/c Hồ Đình Điều- Bí thư
2. Đ/c Đồng Huy Xuyên- Phó Bí thư, Chủ tịch
3. Đ/c Dương Huy Bách- Phó Bí thư
4. Đ/c Ngô Đại Xuân- TV, Thường trực
5. Đ/c Nguyễn Xuân Lộc- TV
6. Đ/c Nguyễn Văn Chung- TV
7. Đ/c Dương Văn Lê- TV
8. Đ/c Phạm Bình Nguyên- TV
9. Đ/c Nguyễn Quang Hùng- TV
10. Đ/c Nguyễn Ngọc Bích
11. Đ/c Trần Thị Thái
12. Đ/c Hoàng Anh Học

13. Đ/c Trần Văn Lượng
14. Đ/c Đào Ngọc Thảo
15. Đ/c Nguyễn Tiến Thiện
16. Đ/c Nguyễn Thị Thiệu
17. Đ/c Nguyễn Trọng Khôi
18. Đ/c Lê Duy Hồi
19. Đ/c Hoàng Ngọc Liên
20. Đ/c Đào Văn Núi
21. Đ/c Dương Văn Lục
22. Đ/c Nguyễn Văn Vụ
23. Đ/c Dương Bình Minh
24. Đ/c Nguyễn Văn Huấn
25. Đ/c Dương Văn Nghi
26. Đ/c Dương Văn Toàn
27. Đ/c Dương Thị Phúc
28. Đ/c Dương Thị Nhị
29. Đ/c Đào Duy Kiên
30. Đ/c Dương Quốc Thành
31. Đ/c Nguyễn Đăng Tám
32. Đ/c Dương Văn Thắng
33. Đ/c Đặng Khắc Liệu
34. Đ/c Nguyễn Xuân Sách
35. Đ/c Nguyễn Văn Sợi
36. Đ/c Nguyễn Văn Phong

**Khoá XXI từ tháng 10 năm 1991 đến tháng 1 năm 1996 gồm 39 đồng chí:**

1. Đ/c Đồng Huy Xuyên- Bí thư



2. Đ/c Dương Huy Bách- Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
3. Đ/c Ngô Đại Xuân- TV, Thường trực
4. Đ/c Dương Văn Lê- TV
5. Đ/c Dương Văn Toàn- TV
6. Đ/c Ngô Quang Khải- TV
7. Đ/c Nguyễn Quang Hùng- TV
8. Đ/c Phạm Bình Nguyên- TV
9. Đ/c Dương Vương Thử- TV
10. Đ/c Nguyễn Xuân Lộc- TV
11. Đ/c Nguyễn Văn Chung- TV
12. Đ/c Nguyễn Xuân Hoà
13. Đ/c Hoàng Anh Học
14. Đ/c Đỗ Thị Miến
15. Đ/c Nguyễn Đăng Tám
16. Đ/c Nguyễn Kim Môn
17. Đ/c Nguyễn Văn Hậu
18. Đ/c Nguyễn Văn Mùi
19. Đ/c Lê Duy Hồi
20. Đ/c Bùi Tiến Nhờ
21. Đ/c Nguyễn Văn Vụ
22. Đ/c Đào Văn Núi
23. Đ/c Dương Văn Lục
24. Đ/c Dương Bình Minh
25. Đ/c Nguyễn Văn Huấn
26. Đ/c Đào Duy Kiên
27. Đ/c Vũ Duy Kính

28. Đ/c Dương Minh Soán
29. Đ/c Nguyễn Văn Vinh
30. Đ/c Dương Thị Nhị
31. Đ/c Đặng Thị Lan
32. Đ/c Nguyễn Xuân Sách
33. Đ/c Chu Quý Vinh
34. Đ/c Nguyễn Trọng Khôi (bổ sung)
35. Đ/c Nguyễn Chí Đính (bổ sung)
36. Đ/c Đào Đặng Dung
37. Đ/c Vũ Hữu Nghiên
38. Đ/c Nguyễn Phong Phú
39. Đ/c Dương Văn Lương (bổ sung)

**Khoá XXII từ tháng 1 năm 1996  
đến tháng 11 năm 2000 gồm 33 đồng chí:**

1. Đ/c Dương Văn Lương- Bí thư
2. Đ/c Phạm Bình Nguyên- Phó Bí thư Thường trực
3. Đ/c Dương Vương Thử- Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện
4. Đ/c Nguyễn Quang Hùng- TV
5. Đ/c Ngô Quang Khải- TV
6. Đ/c Dương Văn Toàn- TV
7. Đ/c Lê Duy Hồi- TV
8. Đ/c Nguyễn Phong Phú- TV
9. Đ/c Lê Xuân Hoàn- TV
10. Đ/c Dương Viết Dũng

11. Đ/c Phạm Quyết
12. Đ/c Lý Chấn Dĩnh
13. Đ/c Nguyễn Trọng Khôi
14. Đ/c Trần Văn Luận
15. Đ/c Nguyễn Văn Huấn
16. Đ/c Đỗ Thị Miến
17. Đ/c Đào Đăng Dung
18. Đ/c Vũ Duy Kính
19. Đ/c Nguyễn Thị Kiến
20. Đ/c Chu Quý Vinh
21. Đ/c Nguyễn Văn Vinh
22. Đ/c Nguyễn Văn Hào
23. Đ/c Nguyễn Kim Môn
24. Đ/c Nguyễn Văn Tuấn
25. Đ/c Nguyễn Đăng Tám
26. Đ/c Nguyễn Văn Mùi
27. Đ/c Nguyễn Thị Ngo
28. Đ/c Tạ Quốc Ân
29. Đ/c Đào Văn Núi
30. Đ/c Nguyễn Xuân Hoà
31. Đ/c Bùi Tiến Nhò
32. Đ/c Dương Đình Sơn
33. Đ/c Phạm Xuân Canh



(Ghi chú: Từ năm 1998 đ/c Dương Văn Lương chuyển lên Tỉnh uỷ; đ/c Nguyễn Bình Nguyên làm Bí thư; đến năm 2000 đồng chí Nguyễn Bình Nguyên nghỉ hưu, đồng chí Lê Quang Dục làm Bí thư)

**Khoá XXIII từ tháng 11 năm 2000 đến năm 2005  
gồm 31 đồng chí:**

1. Đ/c Lê Quang Dục- Bí thư
2. Đ/c Ngô Quang Khải- Phó Bí thư (Bí thư từ tháng 09/2003)
3. Đ/c Trần Dương Thịnh- TV, Phó Bí thư (bổ sung tháng 03/2004, chuyển lên tỉnh từ tháng 08 năm 2005)
4. Đ/c Nguyễn Quang Hùng- Phó Bí thư, Chủ tịch (nghỉ hưu tháng 12/2003)
5. Đ/c Nguyễn Văn Mùi- TV, quyền Chủ tịch từ 01/2004; từ tháng 05/2004, Phó Bí thư, Chủ tịch.
6. Đ/c Lê Duy Hồi- TV
7. Đ/c Nguyễn Văn Tuấn- TV
8. Đ/c Nguyễn Phong Phú- TV (chuyển lên Tỉnh năm 2004)
9. Đ/c Lê Xuân Hoàn- TV
10. Đ/c Vũ Đức Đài- TV (bầu bổ sung năm 2004)
11. Đ/c Lê Huy Tuấn- TV (bầu bổ sung năm 2003)
12. Đ/c Nguyễn Văn Hào
13. Đ/c Nguyễn Đăng Tám

14. Đ/c Đào Văn Núi
  15. Đ/c Hoàng Thanh Giao (bầu bổ sung năm 2004)
  16. Đ/c Nguyễn Kim Môn
  17. Đ/c Hồ Việt Giang
  18. Đ/c Dương Văn Lục
  19. Đ/c Đinh Hồng Thanh
  20. Đ/c Đỗ Thị Miến
  21. Đ/c Hoàng Thị Hoàn
  22. Đ/c Đào Văn Bích
  23. Đ/c Nguyễn Văn Gia
  24. Đ/c Nguyễn Tuấn Phương (bầu bổ sung năm 2004)
  25. Đ/c Nguyễn Đăng Thiện
  26. Đ/c Ngô Thi
  27. Đ/c Đồng Song Hào
  28. Đ/c Vũ Duy Kính
  29. Đ/c Thái Quang Hải
  30. Đ/c Vũ Khắc Thuận
  31. Đ/c Trần Đình Cường
  32. Đ/c Nguyễn Thị Ngo
  33. Đ/c Nguyễn Thị Kiến
  34. Đ/c Lý Trấn Dĩnh
- (Đại hội bầu 31 uỷ viên, do chuyển chuyển bầu bổ sung 03 uỷ viên, tổng số các đồng chí tham gia Ban chấp hành là 34 uỷ viên).*

## DANH MỤC DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐƯỢC XẾP HẠNG

| Số<br>TT | Tên di tích di tích lịch sử                                                                                                                                                                     | Số Quyết định,<br>thời gian            |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1        | Di tích lịch sử: Cụm di tích Kha Sơn<br>(Chùa Mai Sơn, rừng Rác, nhà ông<br>Cao Nhật, địa điểm rừng Mẩn, đình<br>Kha Sơn Hạ, chùa làng Ca, đình Kha Sơn<br>Thượng), xã Kha Sơn, huyện Phú Bình. | Số 985-QĐ/VH<br>ngày 7/5/1997          |
| 2        | Di tích lịch sử: Chùa Phú Mỹ, xã<br>Lương Phú, huyện Phú Bình.                                                                                                                                  | Số 1718/QĐ-UB<br>ngày 22/7/2004        |
| 3        | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Đình Phương Độ, xã Xuân Phương,<br>huyện Phú Bình.                                                                                                           | Số 774- QĐ/BT<br>ngày 21/6/1993        |
| 4        | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Đình Hộ Lệnh, xã DiềmThuy,<br>huyện Phú Bình.                                                                                                                | Số 04/200-QĐ/BVHTT<br>ngày 19/1/2001   |
| 5        | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Đình Xuân La, xã Xuân Phương,<br>huyện Phú Bình.                                                                                                             | Số 53/2001/QĐ-BVHTT<br>ngày 28/12/2001 |
| 6        | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Chùa úc Kỳ, xã úc Kỳ, huyện Phú Bình.                                                                                                                        | Số 98/2004/QĐ-BVHTT<br>ngày 15/12/2004 |
| 7        | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Chùa Ha, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình.                                                                                                                        | Số 98/2004/QĐ-BVHTT<br>ngày 15/12/2004 |



# ĐANH MỤC DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐƯỢC XẾP HANG

| ST | Tên di tích di lịch sử                                                                                                                                                                      | Số Quyết định<br>thời gian             |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1  | Di tích lịch sử:古墓 di tích Khas Sơn<br>(Chùa Mãn Sơn, vùng Bắc, tỉnh Bắc)<br>Cao Ngai, địa điểm rừng Mãn, tỉnh<br>Khas Sơn Hát, tỉnh tỉnh Khas Sơn<br>Thị trấn xã Khas Sơn, huyện Phú Bình. | Số 987-QĐ-VH<br>ngày 25/11/1987        |
| 2  | Di tích lịch sử: Chùa Phú Mỹ, xã<br>Lương Phú, huyện Phú Bình.                                                                                                                              | Số 1718-QĐ-UB<br>ngày 22/12/2004       |
| 3  | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Đình Phương Độ, xã Xuân Phương,<br>huyện Phú Bình.                                                                                                       | Số 774-QĐ-BT<br>ngày 21/01/1983        |
| 4  | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Đình Hồ Lệnh, xã Giản Thủy,<br>huyện Phú Bình.                                                                                                           | Số 041200-QĐ-BVHTT<br>ngày 13/11/2001  |
| 5  | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Đình Xuân La, xã Xuân Phương,<br>huyện Phú Bình.                                                                                                         | Số 8812001-QĐ-BVHTT<br>ngày 28/12/2001 |
| 6  | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Chùa Đức Kỳ, xã Đức Kỳ, huyện Phú Bình.                                                                                                                  | Số 9812000-QĐ-BVHTT<br>ngày 12/12/2004 |
| 7  | Di tích kiến trúc - nghệ thuật:<br>Chùa Hát, xã Nhà Lợn, huyện Phú Bình.                                                                                                                    | Số 9812004-QĐ-BVHTT<br>ngày 12/12/2004 |

## DÍNH CHÍNH

Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1930-2005)

(Do sơ suất nhà xuất bản cuốn sách xin đính chính như sau)

|                                  |                                            |
|----------------------------------|--------------------------------------------|
| Trang 21, dòng 11 từ dưới lên    | chê bỏ sung lực lượng                      |
| Sửa lại là                       | đề bỏ sung lực lượng                       |
| Trang 25, dòng 13 từ trên xuống  | vía vậy                                    |
| Sửa lại là                       | vì vậy                                     |
| Trang 53, dòng 6 từ dưới lên     | ...xã Dương Thành                          |
| Sửa lại là                       | ...xã Dương Thành                          |
| Trang 83 dòng 7 từ trên xuống    | đồng chí cho Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư |
| Sửa lại là                       | đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư     |
| Trang 89, dòng 10 từ trên xuống  | Huyện đội bộ dân quân đã                   |
| Sửa lại là                       | Huyện đội đã                               |
| Trang 99, dòng 2 từ dưới lên     | đang tời vụ gieo                           |
| Sửa lại là                       | đang thời vụ gieo                          |
| Trang 110, dòng 13 từ trên xuống | Trước tình trên                            |
| Sửa lại là                       | Trước tình hình trên                       |
| Trang 191, dòng 8 từ trên xuống  | trận đại tên lửa                           |
| Sửa lại là                       | trận địa tên lửa                           |
| Trang 227, dòng 7 từ dưới lên    | thiếu hương mẫu                            |
| Sửa lại là                       | thiếu gương mẫu                            |
| Trang 256, dòng 12 từ trên xuống | được chăn nuôi                             |
| Sửa lại là                       | đưa chăn nuôi                              |
| Trang 258, dòng 10 từ trên xuống | mẫu giáo cso nhiều                         |
| Sửa lại là                       | mẫu giáo còn nhiều                         |

|                                        |             |                                  |
|----------------------------------------|-------------|----------------------------------|
| Trang 260, dòng 12 từ trên xuống       | Sửa lại là  | đã lựa chọn bầu bầu vào          |
|                                        | Sửa lại là  | đã lựa chọn bầu bầu vào          |
| Trang 273, dòng 10 từ trên xuống       | Sửa lại là  | thiếu tác phong lãnh mạn         |
|                                        | Sửa lại là  | thiếu tác phong lãnh mạnh        |
| Trang 298, dòng 8 từ trên xuống        | Sửa lại là  | ngành lâm nghiệp                 |
|                                        | Sửa lại là  | ngành công nghiệp                |
| Dòng 10 từ trên xuống                  | Sửa lại là: | kinh tế lâm nghiệp               |
|                                        | Sửa lại là: | kinh tế công nghiệp              |
| Trang 345, dòng 3 từ dưới lên          | Sửa lại là  | Ban vật tư                       |
|                                        | Sửa lại là  | Trạm vật tư                      |
| Trang 359, dòng 8 từ trên xuống        | Sửa lại là  | “phát triển kinh tế là trọng tâm |
|                                        | Sửa lại là  | “phát triển kinh tế là trung tâm |
| Trang 389 dòng 4 từ dưới lên           | Sửa lại là  | của Đảng rèn địa bàn             |
|                                        | Sửa lại là  | của Đảng trên địa bàn            |
| Trang 441, dòng 3,4 từ trên xuống      | Sửa lại là: | đ/c Nguyễn Bình Nguyên           |
|                                        | Sửa lại là: | đ/c Phạm Bình Nguyên             |
| Trang 442, dòng 1 từ dưới lên          | Sửa lại là  | là 34 uỷ viên                    |
|                                        | Sửa lại là  | là 35 uỷ viên                    |
| -dòng 2 từ dưới lên                    | Sửa lại là  | 03 uỷ viên                       |
|                                        | Sửa lại là  | 04 uỷ viên                       |
| Trang 439 bổ xung: đ/c Dương Viết Dũng |             | là Huyện uỷ viên khoá XXI        |
| Trang 442 bổ xung: Đ/c Trần Văn Luận   |             | là Huyện uỷ viên khoá XXIII      |



# MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                      | Trang |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| - Lời giới thiệu                                                                                                                                                                     | 1     |
| - <b>Chương I:</b> Quê hương và con người Phú Bình trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc                                                                                   | 5     |
| - <b>Chương II:</b> Đảng bộ Phú Bình lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (9/1945 - 7/1954)                                            | 62    |
| - <b>Chương III:</b> Lãnh đạo khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - văn hoá (1954 - 1965)                                                                                       | 113   |
| - <b>Chương IV:</b> Lãnh đạo giữ vững và phát triển kinh tế-xã hội, phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện chiến trường (11/1965-5/1975) | 173   |
| - <b>Chương V:</b> Lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (5/1975 - 12/1985)                                                                          | 251   |
| - <b>Chương VI:</b> Lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn huyện (1986 - 2005)                                                    | 303   |
| - <b>Kết luận</b>                                                                                                                                                                    | 390   |
| <b>Phần phụ lục:</b>                                                                                                                                                                 |       |
| - Danh sách các tập thể và cá nhân được tuyên dương danh hiệu "Anh hùng LLVT nhân dân" và phong tặng, truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt nam Anh hùng"                                  | 403   |
| - A- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân:                                                                                                                                           | 403   |
| - B- Bà mẹ Việt Nam Anh hùng:                                                                                                                                                        | 405   |
| - Danh sách các đồng chí Bí thư Huyện uỷ Phú Bình qua các thời kỳ                                                                                                                    | 406   |
| - Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện                                                                                                                                              | 421   |
| - Danh mục di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng                                                                                                                     | 443   |

# MỤC LỤC

Trang

|    |                                                                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------|
| 1  | - Lời giới thiệu                                                        |
| 2  | - Chương I: Quốc hương và căn nguyên Páu Bính trong lịch sử dựng        |
| 3  | nước và gia nước của dân tộc                                            |
| 4  | - Chương II: Dạng bộ Páu Bính lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong       |
| 5  | huyện kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)            |
| 6  | - Chương III: Lãnh đạo thực hiện công tác văn hóa và phân công lãnh đạo |
| 7  | văn hóa (1954 - 1965)                                                   |
| 8  | - Chương IV: Lãnh đạo giữ vững và phát triển kinh tế xã hội,            |
| 9  | phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của           |
| 10 | địch Mĩ, chỉ viện chiến trường (1/1965 - 5/1975)                        |
| 11 | - Chương V: Lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây              |
| 12 | dựng và bảo vệ Tổ quốc (5/1975 - 12/1985)                               |
| 13 | - Chương VI: Lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp          |
| 14 | hóa hiện đại hóa đất nước trực tiếp địa phương (1986 - 2005)            |
| 15 | - Kết luận                                                              |
| 16 | Phụ lục                                                                 |
| 17 | - Danh sách các tập thể và cá nhân được tuyên dương danh hiệu           |
| 18 | "Anh hùng LLVT nhân dân" và phong trào, quy tập danh hiệu               |
| 19 | "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"                                               |
| 20 | - A - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân                              |
| 21 | - B - Bà mẹ Việt Nam Anh hùng                                           |
| 22 | - Danh sách các đồng chí Bt tỉnh Huyện ủy Páu Bính qua các thời kỳ      |
| 23 | - Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện                                 |
| 24 | - Danh mục di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng        |

In 1.200 cuốn khổ, 14,5x20,5cm tại Nhà in Báo Thái Nguyên.  
Giấy phép xuất bản số 21/GPXBVH do Sở Văn hóa - Thông tin  
Thái Nguyên cấp ngày 27 tháng 9 năm 2005.